NĂM THỨ TƯ • SỐ 36 • THÁNG TƯ 1992

THẾ KỶ 21

CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

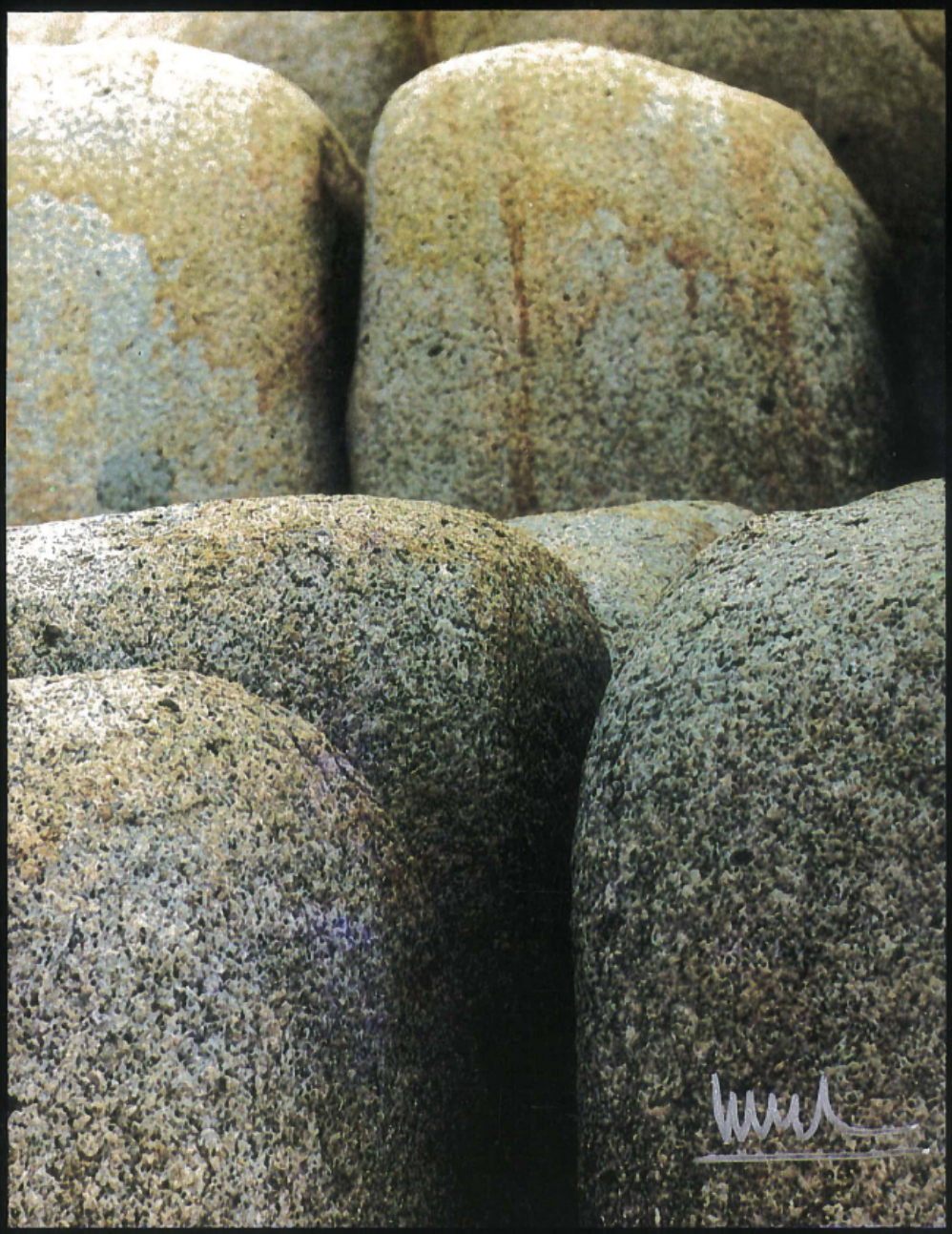

LITTLE SAIGON
SUPERMARKET
小西貢超級市場

9822 BOLSA AVE. • WESTMINSTER, CA 92683 • TEL: (714) 531-7272

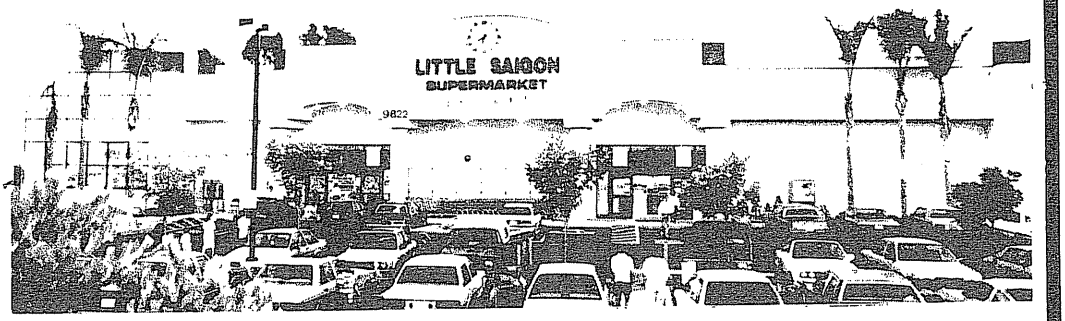

CHỢ LITTLE SAIGON CÓ 10 CÁI NHẤT

CHỢ CHÚNG TÔI CÓ NHẬN
THẺ TÍN DỤNG ĐỂ TRẢ TIỀN HÀNG

- Chợ lớn NHẤT
- Hàng nhiều NHẤT
- Thịt, cá, rau tươi NHẤT
- Đủ loại hàng thực dụng NHẤT
- Giá cả các loại hàng hạ NHẤT
- Đã có tặng phẩm nhiều NHẤT
- Tiếp đãi ân cần NHẤT
- Địa điểm thuận lợi NHẤT
- Bãi đậu xe an toàn NHẤT
- Và đã được mọi người ưa thích NHẤT

Mua tận gốc, bán tận ngọn! Quý vị được mua hàng với giá hạ nhất!
Chỉ có tại chợ LITTLE SAIGON!!!

design Ngọc Phu

VANCO INC.
DBA DELTA FOOD CO.
IMPORT & PACKAGING OIL
14942 MORAN ST. - WESTMINSTER, CA 92683
TEL. (714) 898-7544 - FAX (714) 891-3536

- ☐ Hãng chúng tôi chuyên môn vô chai và thùng đủ loại dầu ăn nguyên chất
- ☐ Nhập cảng trực tiếp các loại gạo, nếp, bún, bánh tráng và đồ khô thượng hạng.
- ☐ Chuyên bán sĩ, và cung cấp thẳng đến các nhà hàng.
- ☐ Đặc biệt có bán đủ loại gia vị, túi nylon, và các đồ đựng "to go" như dĩa giấy, ly, muỗng, nĩa, đũa v.v...

MỞ CỬA HÀNG NGÀY:
Từ 7:30 AM đến 4:00 PM

Quý vị có cơ sở sản xuất thực phẩm, xin mời đến:
DELTA FOOD CO. Quý vị sẽ vừa ý

ONE STOP TRAVEL

9211 Bolsa Ave., Suite 123, Westminster, CA 92683 (Trong khu Chợ 99)

Phone: (714) 373-8373 **Fax: 373-8377**

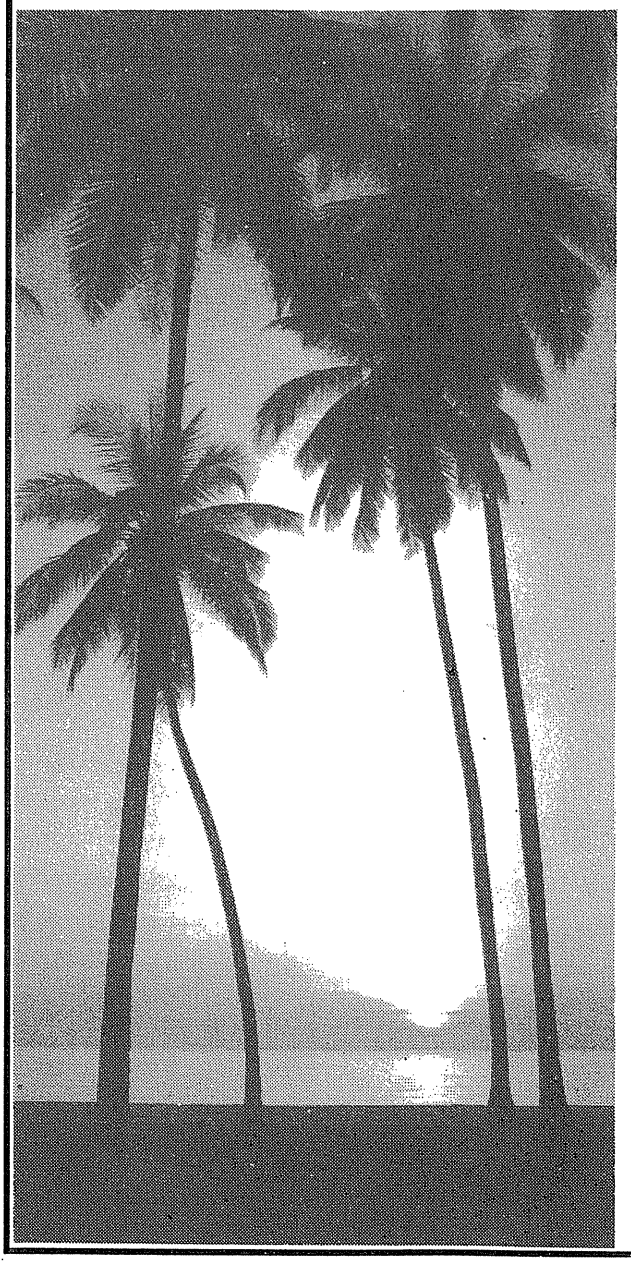

- **Bán vé máy bay quốc nội, quốc ngoại.**
- **Làm Visa xuất nhập cảnh, passport, Re-Entry Permit.**
- **Thuê khách sạn, xe du lịch.**
- **Tổ chức Tours**
- **Du lịch Việt Nam và tất cả các dịch vụ Việt Nam.**
- **Bảo đảm đi và về đúng hẹn.**

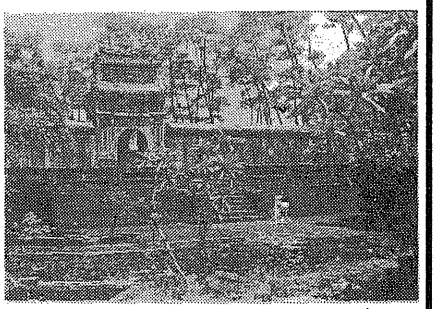

- **Chúng tôi cần nhiều đại lý các tiểu bang cho tất cả các dịch vụ về Việt Nam và agent bán vé máy bay.**
- **Chúng tôi là đại diện chính thức cho những hãng Hàng không Quốc tế.**

malaysia AIRLINES
ENCHANTMENT WHEREVER YOU FLY

Philippine Airlines

Thai
Thai Airways International Limited

QUÝ VỊ ĐỘC GIẢ KHẮP THẾ GIỚI CÓ THỂ MUA TẠP CHÍ THẾ KỶ 21 TẠI CÁC TIỆM SÁCH DƯỚI ĐÂY:

Tại PHÁP:
* Mme Lê Tất Luyện
15 Place Souham
75013 Paris - France
* Nam Á
44, Ave. D'Ivry
Paris
75013 France

Tại TÂY ĐỨC:
* Lê Vũ
Flattichstr. 55
7140 Ludwigsburg
Hoheneck W. Germany

Tại BỈ
* Đông Sơn Center
1369 Chée De Wavre
B. 1160 Bruxelles
Belgium

Tại CANADA:
* Nhà sách Trung Việt
6520 Darlington - Montreal
Qué H3S2J3
Canada
Tel. (514) 341-1740

* Vietnam Bookstore
415 Spadina Ave.
Toronto - Ont - M5T2G6
Canada
Tel. (416) 595-5199

* Âu Cơ
10767 Street
Edmonton - T5H2M2
Canada
Tel. (403) 428-7154

* Kim Sơn
265 E. Hasting
Vancouver B.C.
V6R1P2 Canada
Tel. (604) 689-5188

* Quê Hương Publishing
15 Rochdale Ave.
Toronto
M6E1W9 Canada

Tại ÚC:
* Tòa soạn báo Việt Luận
P.O. Box 415
Villawood, NSW 2163
Australia

* Văn Lang Publishing
1st Floor. 34 Old Town
Plaza Bankstown
NSW 2200 Australia

* Vietnam Lang & Cul. Pub.
PO Box 133 Pascoe Vale
South Vic. 3044 - Australia

* Saigon Bookshop
17 Penny Arcade
Cabramatta N.S.W 2166
Australia
Tel. 727-2609

* Mỹ Hóa
3710 Springvale Rd.
Vic. 3171
Tel. (03) 548-2216

Tại NHẬT BẢN:
* Mekong Center
F140 Tokyo - To,
Shinagawaku
Yashio, 5-12-69-115
Japan

* Thằng Bờm
1 Shinowada 262
Ichodanchi 72-918
Yamatoshi Kanagawaken
Japan

Tại HOA KỲ:
Minnesota:
* Saigon Bookstore
2950 4th Ave. S.
Minneapolis MN 55408
Tel. (612) 722-4360

Washington State:
* Nam Phương
1032 S. Jackson St. #B
Seattle, WA 98104
Tel. (206) 324-6364

Pennsylvania
* Kim Sơn
900 South 8th St.
Phila., PA 19147

Virginia:
* Nhà sách Alpha
6771 Wilson Blvd.
Falls Church, VA 22044
Tel. (703) 536-4008

* Nhà sách Thế Hệ
6763 Wilson Blvd. #9
Falls Church, VA 22044
Tel. (703) 532-7890

Florida:
* Tiến Hưng
1108-1112 E. Colonial Dr.
Orlando, FL 32803
Tel. (305) 841-5677

* Đông Phương
3638 Hendenson Blvd.
Tampa, FL 33609
Tel. (813) 874-0526

New York:
* Tú Quỳnh
128 Hester St.
New York, NY 10002

Massachusetts:
* Thăng Long
201 Adams St.
Dorchester, MA 02122

Louisiana:
* Về Nguồn
1717 Caal St. Suite 12
New Orleans, LA 70112

* Tiểu Nha Trang
3709 G. West Bank
Expressharvey, LA 70058
Tel. (504) 340-4626

Missouri:
* Saigon Center
424 Locus
Kansas, MO 64106
Tel. (816) 421-6838

Texas:
* Mỹ Linh
3512 Walnut
Garland, TX 75042
Tel. (214) 276-9852

* Liên Hương
8610 Lamar Blvd.
Austin, TX 78753

* Pacific Oriental Market
6617 Aiport Blvd.
Austin, TX 78753

* Ngày Nay
8200 Wilcrest #5
Houston, TX 77072
Tel. (713) 568-6400

* Tinh Hoa Bookstore
2800 Travis #5
Houston, TX 77006
* Duyên Hải
2200 Jefferson St. #5
Houston, TX 77003
Tel. (713) 224-6615

* Tân Sơn Nhất Express
301 A S.Capitol Ave. #8
San Jose, CA 95127

* Thiên Nga
2929 A Milan St.
Houston, TX 77006
Tel. (713) 520-8013

* Văn Hóa
2117 K Chenevert
Houston, TX 77003
Tel. (713) 650-1770

California:
* Thư Quán
Asian Pacific Plaza
6511 N. Inglewood Ave. #7
Stockton, CA 95207

* Mây Hồng
115 N. Fourth St. #105
San Jose, CA 95112
Tel. (408) 971-9808

* Văn Uyển
496 S. 2nd St.
San Jose, CA 95113

* Nhà sách Toàn Thư
79 S. 3rd
San Jose, CA 95113
Tel: (408) 292-2788

* Hồng Bàng
1692 Tully Rd #16
San Jose, CA 95129
Tel. (408) 270-0865

* Tự Do
818 Tully Rd. #158 A
San Jose, CA 95112

* Thanh Thúy Bookstore
535 Eddy St.
San Francisco, CA 94109
Tel. (415) 775-6568

* Cửu Long
528 W. Alpine
Los Angeles, CA 90012
Tel. (213) 620-9650

Little Saigon:
* Tự Lực
14138 Brookhurst St.
Garden Grove, CA 92543
Tel. (714) 531-5290

* Tú Quỳnh
9581 Bolsa Ave.
Westminster, CA 92683
Tel. (714) 531-4284

* Quê Mẹ
2339 W. First St.
Santa Ana, CA 92703
Tel. (714) 543-3069

* Văn Khoa
9200 Bolsa Ave., Ste 123
Westminster, CA 92683
Tel. (714) 892-0801

Các nhà sách muốn nhận bán Tạp chí Thế Kỷ 21, hoa hồng cao, xin vui lòng liên lạc với Nhà Xuất Bản NGƯỜI VIỆT
14891 Moran St.
Westminster, CA 92683
Điện thoại (714) 892-9414

WEDDING VIDEO PRODUCTION

Creators of Exciting

WEDDING TELEPRODUCTIONS

for the couple with discerning tastes

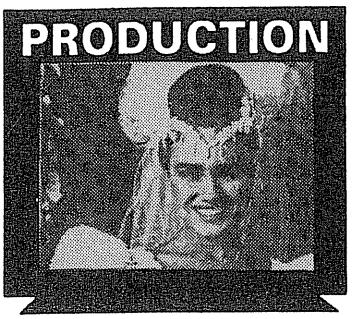

CALL US ! Our twelve years of Professional Video experience will ensure... the safe capture of all the exciting sights and sounds of your precious Wedding Day... Assuredly, unfailingly...

VIDEOLAB L.C, Inc. 1-(800) 383-1162

* We speak English, Spanish, Cantonese and Mandarin

Video **Học Anh Ngữ**

3 bộ Anh ngữ đàm thoại được sắp đặt khéo léo từ trình độ Sơ đẳng lên Trung cấp đến Cao cấp với phương pháp thính thị hiệu quả nhất. Các bộ học rất hoàn hảo, tinh vi : gồm có 12 giờ dạy học và 6 cuốn sách.

Bạn Hãy SO SÁNH kỹ trước khi mua	VIDEOLAB	Công ty ABC	Coông ty XYZ
Cách Phát Âm Tiếng Mỹ Hay Nhất do Giáo sư Ngữ Học Viện Đại Học Trình Bày	Có	không có	không có
Có giải thích bằng tiếng Việt trong băng video cho cuốn 1 trình độ sơ đẳng	Có	không có	không có
Phim trong băng sống động, không phải hình chụp các động tác sẽ giúp bài học dễ thuộc và lôi cuốn hơn. Giúp trí nhớ và không buồn, chúng tôi không dung cảnh bất động	Có	Có	không có
Tổng số giờ dạy trong băng khoảng	12	6	8
Giá khoảng	tư 69	↓ 300	↓ 400

VIDEOLAB LANGUAGE CENTER INC.

LOOK LISTEN TALK™

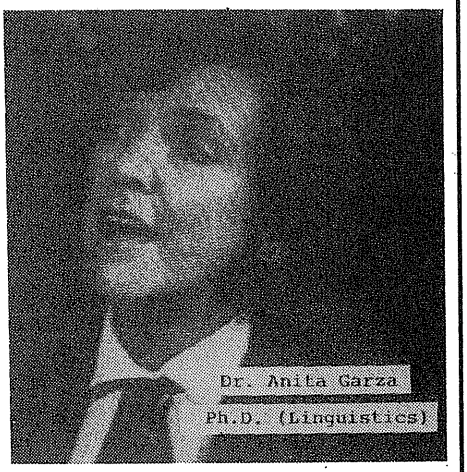

- Free Video bộ phát âm Mỹ nếu gọi và mua ngay
- Dễ học * Hiệu quả nhanh chóng
- Chúng tôi có gửi UPS đi khắp nơi

Điện thoại miễn phí

1-(800) 383-1162

TẠP CHÍ
THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

14891 Moran St.
Westminster, CA 92683
USA
ĐT: (714) 892-9414
Fax: (714) 894-1381

Chủ nhiệm:
Lê Đình Điểu

Chủ bút:
Vương Hữu Bột

Tổng thư ký
Nguyễn Xuân Hoàng

Giám đốc trị sự
Tâm Quyên

• *Giá báo dài hạn:* Bulk Rate trong nước Mỹ: 6 số US$15; 12 số US$28; 24 số $US54. First class trong nước Mỹ 6 số US$22; 12 số US$42; 24 số US$82. Canada: 6 số US$23; 12 số US$44; 24 số US$86. Các nơi khác: *Âu Châu:* 6 số US$32; 12 số US$62; 24 số US$122; *Á Úc, Phi:* 6 số US$37; 12 số US$72; 24 số US$142. Gửi phiếu hoặc thư đặt mua báo về 14891 Moran St., Westminster, CA 92683. ĐT: (714) 892-9414 FAX (714) 894-1381. *Quảng cáo:* Liên lạc địa chỉ nêu trên. THẾ KỶ 21 xuất bản và phát hành bởi Công Ty Người Việt (Nguoi Viet Inc.) 14891 Moran St., Westminster CA 92683. Cước phí bulk rate trong nước Mỹ trả tại Santa Ana, California. In tại nhà in riêng Los Angeles, California. *Bài vở:* Gửi cho THẾ KỶ 21 xin viết trên một mặt giấy; các nhãn danh/địa danh xin viết bằng chữ in hoa. Nếu gửi cho nhiều báo xin ghi chú trong bài, để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng không trả lại bản thảo. Tòa soạn dành quyền cắt bỏ hay thay đổi một số chữ, nếu cần. *Tiền nhuận bút:* Tùy theo thỏa thuận giữa tòa báo và tác giả. Bài của cộng tác viên và thân hữu đăng trên THẾ KỶ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của tờ báo. Trích đăng bài của THẾ KỶ 21 phải có sự đồng ý của tòa báo và đề rõ xuất xứ.

ISSN 1056-4640

THƯ TÒA SOẠN

Nhiều trang trong số báo này dành cho các bài viết liên quan đến "vụ Dương Thu Hương" và cuốn Tiểu Thuyết Vô Đề.

Giữa năm 1991, cuốn "Tiểu Thuyết Vô Đề" (TTVĐ), của bà được nhà xuất bản Văn Nghệ ở Mỹ in. Cuốn sách vừa ra đã gây tranh cãi. Nhà văn Thụy Khuê viết "Tựa" cho TTVĐ, cho rằng "Dương Thu Hương là một hiện tượng hiếm có, một viên ngọc trong đám sình lầy đang ô nhiễm quê hương". Nhà văn Cao Xuân Huy, tác giả Hồi ký chiến tranh "Tháng Ba Gãy Súng", qua bài "Đôi Điều Không Ổn" (Thế Kỷ 21, số tháng Chín, 1991, tr.72) cho rằng: "Dương Thu Hương đã viết những điều không thật về Quân đội miền Nam". Tòa soạn TK 21 lại nhận thấy đây là một cuốn tiểu thuyết được dựng một cách gượng ép và có lẽ không nên cố tình gán ghép, hoặc "bắt ép" nhà văn nữ 44 tuổi phải gánh vác một lúc cả hai nhiệm vụ nặng nề: "vai trò người công dân trước một xã hội băng hoại, tan rã, và vai trò người nghệ sĩ".

Cuộc tranh cãi còn đang sôi nổi, thì vào cuối năm 1991, nổ ra vụ "kiện" ở Paris: Một nhà xuất bản Pháp (nhà Des Femmes) được sự ủy quyền của Dương Thu Hương, kiện báo Quê Mẹ vì báo này... sẽ in TTVĐ (dưới tựa khác là "Khải Hoàn Môn"). Des Femmes không kiện nhà xuất bản Văn Nghệ dù nhà này đã in TTVĐ.

Theo báo Phụ Nữ Diễn Đàn (Hoa Kỳ), thì Dương Thu Hương ký tới bảy giấy ủy quyền cho năm người khác nhau, ở hải ngoại, để dịch và in sách của bà.

Vụ kiện vẫn còn dằng co, ở Paris.

Thế Kỷ 21 số này xin đăng lại bản Tự Bạch của Dương Thu Hương (trong đó có đoạn chỉ trích đích danh Thụy Khuê), bài "Trả lời của Thụy Khuê", (hai bài này trích từ báo Diễn Đàn ở Paris, số 6, tháng Ba, 1992), một bài "Góp Ý" dưới dạng thư, gửi Dương Thu Hương, của Bùi Bích Hà, và một bài nhận định của bổn báo chủ bút Vương Hữu Bột.

Thế Kỷ 21 mong nhận được thêm tài liệu và ý kiến của văn hữu và độc giả bốn phương về vụ này.

Số báo này là số tháng Tư, chúng ta không thể không nhắc nhớ đến ngày 30 tháng Tư -- ngày miền Nam sụp đổ. Nhớ đến không phải để than khóc cho một quá khứ, mà để cùng suy ngẫm về một biến cố lịch sử dân tộc.

Ngày 30 tháng Tư ngày mà Hà Nội vẫn tự cho là ngày "Giải phóng miền Nam" thực sự phải nói đó chính là ngày đánh dấu sự bắt đầu giải phóng trí não của đảng viên CSVN. Khi nhìn thấy đời sống dân miền Nam, đặc biệt ở Sài Gòn, họ nhận ra một chế độ không Cộng sản, không chuyên chế có thể mang lại mức sống cao hơn và cuộc sống tinh thần thoải mái, phong phú hơn.

Bây giờ, sau các biến cố ở Đông Âu và nhất là ở Đức, và ở Liên Xô, họ sẽ tự hỏi nếu năm 1975 mà hiệp định Paris được thi hành, miền Nam được phát triển theo mô thức kinh tế thị trường với sự giao lưu kinh tế, văn hóa chính trị với Hoa Kỳ và Tây phương thì chắc đến nay hai miền sẽ bắt đầu thống nhất như nước Đức đã thống nhất. Và như vậy chắc chắn phúc lợi của dân cả hai miền đã đều cao hơn hẳn tình trạng hiện nay.

Thế Kỷ 21

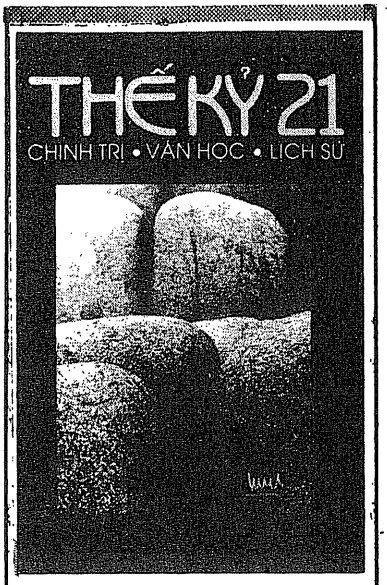

Bìa
Thiên Nhiên

Nhiếp Ảnh Gia
NGUYỄN VĂN TRUNG

Trình bày:
NGUYỄN THỊ HỢP

THƠ & HỌA

KHOA HỮU * VẸT * ĐINH CƯỜNG * CHÂN PHƯƠNG * HUỆ THU * NGỌC DŨNG * HỒ DZÊNH * TRẦN MỘNG TÚ

MỤC LỤC

7. VƯƠNG HỮU BỘT
Sự thật, khoan dung và tha thứ
13. DƯƠNG THU HƯƠNG
Tự bạch về tiểu thuyết vô đề
19. THUỴ KHUÊ
Trả lời Dương Thu Hương
21. BÙI BÍCH HÀ
Thư gửi Dương Thu Hương
26. LÊ MẠNH HÙNG
Một năm sau khi Liên Xô cắt viện trợ
29. TÔN THẤT THIỆN
Bình Gor-ba-sếp, rượu Xi-ta-lin
34. PHẠM HUY SÁNH
Ảo ảnh
36. KIỆT TẤN
Lớp lớp phù sa
41. DƯƠNG NHƯ NGUYỆN
Thành phố, mùa thu và tiếng động của lá
46. THANH NGUYỄN
Buổi sáng uống cà phê trong tiệm phở Tàu, xem video và nghe Ái Vân hát nhạc vàng
50. NGUYỄN VĂN BA
Một đoạn đời sinh viên tị nạn
58. BAN CỐ / PHẠM XUÂN HY *dịch*
Tô Vũ truyện
64. HEINRICH BOLL / VŨ THÙY HẠNH *dịch*
Bộ mặt dựa dám của tôi
68. NGUYỄN THỊ CHÂN QUỲNH
Nửa dòng máu Việt (Phần cuối)
75. LÊ PHƯỚC HÒA
Về chức năng của phê bình và lý luận Văn Học
79. RICHARD LEDERER / THẠCH ANH *chuyển ngữ*
Nói chuyện điên trong Anh ngữ
83. NGUYỄN VĂN SÁNG
Có gì thật trong những tin đồn biểu tình và đảo chính ở Việt Nam?
85. LÊ THỤY
Cuốn phim Người Tình gây sôi nổi ở Pháp
86. THẾ UYÊN
Điểm phim Ju Dou
87. TK21
*Thành lập Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt - Mỹ * Nhà văn Nguyễn Thị Vinh đến Quận Cam * Ca khúc mới và sách mới của Lê Uyên Phương * Nữ nghệ sĩ hát bội Năm Đồ không còn nữa.*

SỰ THẬT KHOAN DUNG VÀ THA THỨ

VƯƠNG HỮU BỘT

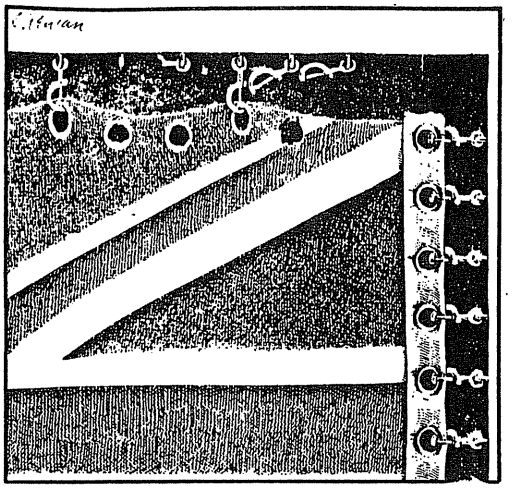

I

Ở bên Nga trước thời Gorbachev một nhà văn gởi tác phẩm ra ngoại quốc in sẽ có thể bị đày đi Tây Bá Lợi Á. Ở Hà Nội, thi sĩ Nguyễn Chí Thiện đưa tập thơ cho tòa đại sứ Anh nhờ chuyển ra nước ngoài, đã bị bắt, bị tù hơn 10 năm. Ở Sàigòn, Doãn Quốc Sỹ, Hoàng Hải Thủy bị bỏ tù năm 1984 cũng vì bị buộc tội gởi tác phẩm ra ngoại quốc. Tháng Tư năm 1991, Dương Thu Hương bị bắt vì tội chuyển tài liệu ra nước ngoài. Khi cuốn *Tiểu Thuyết Vô Đề* được in ra, nhà xuất bản nói không biết lọt ra nước ngoài bằng cách nào, để tránh cho tác giả khỏi bị kết án. Nhưng cuối năm 1991, Doãn Quốc Sỹ, Nguyễn Chí Thiện, Dương Thu Hương đã được trả tự do. Chính quyền Cộng sản ở Hà Nội muốn lờ đi, không hỏi tội nhà văn tác giả *Tiểu Thuyết Vô Đề*. Nhưng nhà văn không muốn tình trạng lờ mờ đó. Trong bài *Tự Bạch* mà báo *Diễn Đàn* ở Paris đăng, tháng Ba, 1992, Dương Thu Hương nói chính bà đã gởi bản thảo ra ngoại quốc.

Tình trạng đó có thể gọi là "cây muốn lặng mà gió chẳng muốn ngừng". Dương Thu Hương viết: "*Bản thảo đã được đưa đến nhà xuất bản tại Hà Nội và đã bị từ chối. Chính tôi, tự tay tôi đã gửi nó sang Pháp. Tôi dụng tâm viết cuốn sách này cho tất cả những ai thuộc nòi giống Việt. Nếu trong nước tôi bị treo bút thì tôi sẽ in cho người Việt ở hải ngoại đọc*". Nói như vậy là công khai nhận mình vi phạm luật lệ của chế độ Cộng sản. Dương Thu Hương đã viết bài *Tự Bạch* vào tháng Tám, 1991, lúc bà còn bị giam. Nếu chính quyền Cộng sản muốn đưa bà ra tòa lúc đó thì đây là lời nhận tội. Nhưng Dương Thu Hương còn đi xa hơn nữa. Không những nhận mình đã có hành động vi phạm luật lệ Cộng sản, bà còn nói: "*Tôi chủ trương vi phạm pháp luật*" của nhà nước, vì "*vòng phấn của thứ luật pháp đó quá hẹp. Tôi không thể thích ứng. Tôi dành quyền tự do cho mình bằng bất cứ giá nào...*"

Hành động của Dương Thu Hương có thể so sánh với hành động của các người da đen ở miền Nam nước Mỹ vào những năm 1960 bước lên xe buýt ngồi vào chỗ giành cho người da trắng; hay người da đen và da nâu ở Nam Phi bây giờ sử dụng các bãi biển dành cho người da trắng. Đó là hành động cố ý công khai phạm luật để phản đối những luật lệ phản dân chủ và vi phạm các quyền tự do căn bản. Khi bài *Tự Bạch* trên được vọng về Việt Nam chắc nhiều người khác sẽ tự hỏi: nhà văn

dám "giành quyền tự do cho mình", dám "chủ trương vi phạm pháp luật", thì các giới khác, trí thức, nông dân, công nhân, bộ đội... có dám giành lấy các quyền tự do khác hay không? Chính quyền Hà Nội sẽ bối rối, vì họ đã thả Dương Thu Hương, không truy tố, sau khi bà công khai nói "chủ trương" phạm luật. Bản tự bạch trên được viết và trao cho công an vào tháng Tám, tới tháng Mười Một Dương Thu Hương lại tự do. Bây giờ dân chúng trong nước sẽ được nghe nói về bản văn này. Không bắt lại Dương Thu Hương thì đảng Cộng sản sẽ mất uy tín; mà bắt lại thì có vẻ bất nhất, và gây phản ứng ở trong nước lẫn ngoài nước, điều màhọ đã cố tránh.

Nhà văn chuyên thách thức chế độ từ ba năm qua, nhưng đây là lối thách thức mạnh bạo nhất. Nếu người dân trong nước biết chuyện này, Cộng Sản Việt Nam sẽ ăn nói làm sao?

II

Nhưng việc dân chúng trong nước biết đến bài báo của Dương Thu Hương in ở Pháp cũng là chuyện khó xảy ra, trừ khi có các đài BBC và VOA tường thuật đầy đủ.

Khi đọc bản *Tự Bạch*, chúng ta thấy cả những người như Dương Thu Hương, có nhiều dịp tiếp xúc với người Việt ở ngoại quốc về, mà số lượng thông tin của họ rất ít. Sách báo ở hải ngoại tất nhiên bị cấm đọc, cấm lưu hành ở Việt Nam. Không những thế, nhà nước Cộng sản thường trích đăng lại những thứ sách, báo tệ nhất ở hải ngoại để gây một ấn tượng xấu xa về cộng đồng người Việt ở nước ngoài, hoặc để gây chia rẽ trong nước, ngoài nước.

Cùng một mục tiêu chia rẽ đó, trong khi Dương Thu Hương ở nhà giam, công an đã cho bà đọc bài tựa cuốn *Tiểu Thuyết Vô Đề* do Thụy Khuê viết, in trong cuốn sách xuất bản ở Mỹ. Việc tác phẩm xuất bản ở Mỹ đã là một điều ngạc nhiên đối với tác giả, vì bà nói "*Tôi chọn đất Pháp, nơi cộng đồng người Việt ít thành kiến, tư tưởng phóng khoáng và tự do hơn... Hoàn toàn không theo ý muốn của tôi -- sách in ở Mỹ, rất vội vàng, không được những người bạn tôi biên tập và sửa chữa. Vì đã vào tù tôi không còn điều kiện để liên lạc với gia đình ở Pháp*".

Không đủ tin tức nên Dương Thu Hướng không biết rằng nhà xuất bản Văn Nghệ có uy tín bậc nhất ở hải ngoại, đủ các điều kiện "một nhà xuất bản thuần túy văn hóa, phi chính trị" mà bà đã chủ ý lựa chọn. Việc ấn hành cuốn sách dưới tên NXB Văn Nghệ thực sự làm tăng uy tín của tác phẩm. Nhưng người ở trong nước không biết điều đó. Vì khi nói đến "Mỹ" thì rất nhiều thành kiến về Mỹ và người Việt ở Mỹ đã làm họ có phản ứng thiếu thiện cảm, dễ gây hiểu lầm.

Vì vậy, Dương Thu Hương đọc bài tựa của Thụy Khuê với thái độ "đề phòng". Một câu của Thụy Khuê gây phản ứng mạnh nhất là: "*Tiểu Thuyết Vô Đề* nhắm vào cốt tủy của cái huyền thoại *Chống Mỹ Cứu Nước*", vạch trần mặt trái của những lý tưởng "cao đẹp", mặt sau của những khải hoàn môn, mặt nạ của những nữ tù đã trở thành những khẩu hiệu trống rỗng: Tổ Quốc, Nhân Dân, Chính Nghĩa, Tự Do, Quốc Gia, Dân Tộc... Vì người ta đã lạm dụng và dầy xéo quá nhiều".

Đọc câu trên, không biết bà Thụy Khuê là "ông" nào, chỉ thấy "ông ta" viết một câu văn có "trạng thái lập lờ", Dương Thu Hương nghĩ người đề tựa và nhà xuất bản đã dùng bà làm một lá bài để chống Cộng. Vì vậy bà phân trần: "*Việc lạm dụng các mỹ từ đã xảy ra cùng một lúc ở hai nơi. Nếu ở miền Bắc là* **"Vì Tổ Quốc Xã Hội Chủ Nghĩa"** *thì ở miền Nam là* **"vì lý tưởng quốc gia"**. *Nếu ở miền Bắc là "đánh* **cho Mỹ cút ngụy nhào"** *thì ở miền Nam là* **"Bảo vệ tự do, vì chính nghĩa chận đứng làn sóng đỏ"**. Nhà văn muốn nói: "*tôi công bằng với cả hai bên*".

Phản ứng của Dương Thu Hương chỉ có thể hiểu trong khung cảnh chung của tất cả các người đã từng vào đảng Cộng sản, đã chiến đấu trong cuộc chiến vừa qua vì tin vào chủ nghĩa Cộng sản. Nay họ đã dứt khoát với cả chủ nghĩa và đảng, nhưng *họ không muốn bị hiểu lầm là đã từ bỏ Cộng sản "để chạy sang theo những người chống Cộng"*. Nói cách khác, nếu họ bắt đầu "chống Cộng", nghĩa là tìm cách thay thế chế độ Cộng sản bằng một thể chế dân chủ, thì đó là vì dân tộc Việt Nam mà họ đang cùng chịu chung nỗi khổ cực, chứ không phải vì phe chống Cộng ở miền Nam cũ, hay ở hải ngoại bây giờ, đã thuyết phục họ.

Vì vậy trong bài *Tự Bạch*, Dương Thu Hương bỏ công kể tội các "lãnh tụ Cộng Hòa" ở miền Nam (tổng cộng hơn một phần tám cả bài) trong thời chiến tranh: lính Mỹ, lính đồng minh, thuốc khai quang, vi trùng bịnh, v.v... Chúng ta có thể hiểu là Dương Thu Hương viết các lời kể tội đó là để cho Công an ở Hà Nội vui lòng, hay là để cho những người chống Cộng chớ "lợi dụng"!? Bà tự hỏi: "*Có đúng* **Tiểu Thuyết Vô Đề** *là lời sám hối của một* **tên Việt Cộng**, *của một* **Con Việt Cộng?**" (Tác giả nhấn mạnh). Lối tự gọi mình là "*tên Việt Cộng, Con Việt Cộng*" nghe rất đanh đá và rất tiêu biểu cho tình trạng nóng giận. Đặt câu hỏi xong bà đã phân trần: "... *Tình cảm nào đã thôi thúc tôi viết cuốn* **Tiểu Thuyết Vô Đề?**... *Đó là nỗi đau khổ... khi viết cuốn sách này tôi không còn là người của bất kỳ đảng phái hay phe nhóm nào... Tôi kêu tiếng kêu đau đớn, tôi nói lời sám hối chung cho một nòi giống*".

Để chứng tỏ mình không thuộc phe nhóm nào (Cộng hay

chống Cộng) Dương Thu Hương đã phản đối chuyện *"Tiểu Thuyết Vô Đề* bị những người chống Cộng cực đoan lợi dụng một cách triệt để nhằm chống lại kẻ thù cũ của họ tức chính quyền Hà Nội".

Một lần nữa, Dương Thu Hương sau khi ra khỏi tù vẫn chưa có tin tức đầy đủ. Sự thật thì Thụy Khuê không thể coi là "chống Cộng cực đoan" mà còn hay bị chỉ trích là chống Cộng ít quá, có khi bị coi là "thân Cộng". Ngược lại những người "chống Cộng triệt để" nhất ở hải ngoại thì lại coi các tác phẩm của Dương Thu Hương là đặc sản của Cộng sản, chỉ giả bộ chống lấy lệ theo sự sắp xếp của đảng. Hình như ở Hà Nội, Dương Thu Hương là người có dịp tiếp xúc với người Việt ở nước ngoài về rất nhiều. Đã đành không ai dám mang sách báo ở ngoài về. Nhưng không biết khi gặp nhà văn nữ này thì các du khách đó làm gì, nói gì mà để bà vẫn hiểu lầm về tình trạng đồng bào hải ngoại như vậy?

Cũng vậy, Dương Thu Hương nhắc đến: *Những ai ngoan ngoãn nhất, trung thành nhất với* "**mẫu quốc Hoa Kỳ**" (tác giả đóng ngoặc kép). Ở hải ngoại, cũng như ở miền Nam trước đây, thử tìm xem có ai coi Hoa Kỳ là mẫu quốc, và ngoan ngoãn trung thành? Việc Dương Thu Hương dùng các từ ngữ mà chính quyền Hà Nội vẫn dùng để miệt thị đối phương một cách dễ dãi thật là một điều lầm lẫn, khi chính bà mong muốn *"những ai đã thua trận không còn thù hận"*. Nếu có những thái độ chống Cộng cực đoan, rất giống Cộng sản bảo thủ như bà nói, thì một điều họ giống nhau là cách sử dụng các ngôn từ còn lại từ thời chiến để miệt thị lẫn nhau. Tôi tin rằng khi bình tĩnh chúng ta sẽ không ai muốn lập lại các ngôn từ đó, nếu cùng nghĩ đến tương lai dân tộc, khi mọi người phải *khoan dung* và *tha thứ*, hai chữ mà Dương Thu Hương đề cao.

Cũng vì không có tin tức lưu thông hai chiều, đồng bào ở trong nước chỉ biết đồng bào hải ngoại qua các thành kiến. Đầu năm 1990, sau khi Đông Âu lật đổ chế độ Cộng sản, một phái viên nhật báo *Người Việt* đã đi thăm Tiệp Khắc và Đông Đức, gặp các đồng bào "ở phía bên kia bức tường." Trở về, anh lắc đầu cho biết các bạn trẻ ở đó rất nghi ngờ những người tị nạn. Trong đầu họ, họ chỉ biết có hai loại người, một là những người giỏi ăn chơi sa đọa, hai là những người quyết tâm trả thù đồng bào miền Bắc. Có thanh niên hỏi phái viên *Người Việt:* "Các anh còn thù ghét chúng tôi hay không?" Phải sống với nhau nhiều ngày, nói với nhau nhiều chuyện, họ mới biết đồng bào hải ngoại không giống những bài báo tuyên truyền ở Hà Nội. Sau khi đã hiểu nhau, tình máu mủ ruột thịt đã hàn gắn tất cả các hiểu lầm trong quá khứ.

Cho nên một điều rút ra được trong chuyện này là cần thông tin hai chiều để làm rõ sự thật. Các vị cầm quyền ở các hội Trí thức, hội Nhà văn, hội Khoa học ở Hà Nội, Sài Gòn, v.v... có đủ can đảm như Dương Thu Hương mà đòi hỏi quyền tự do đọc, tự do phổ biến các văn hóa phẩm ở hải ngoại hay không? Quý vị có can đảm tự giành quyền tự do cho mình, vi phạm ngay các luật lệ phản lại quyền tự do ghi trong hiến pháp hay không? Hay cứ để Công an của chế độ lén lút chuyển về và cho thuê toàn sách báo lá cải khiêu dâm, rồi cứ tưởng đó là tiếng nói ở hải ngoại?

III

Nhưng khi vượt lên trên các hiểu lầm, và nóng giận gây ra vì hiểu lầm, người đọc có thể thấy rất nhiều điểm tương đồng giữa Dương Thu Hương trong bài *Tự Bạch,* và đa số đồng bào ở hải ngoại.

Đối với hiện tại, Dương Thu Hương thách thức, không chấp nhận luật pháp của nhà nước Cộng sản, gọi đích danh họ là *"độc đoán, tham nhũng và ngu dốt"*. Đối với quá khứ, bà xác nhận cuộc chiến Nam - Bắc là *"một cuộc chiến tranh huynh đệ tương tàn"*. Và đối với tương lai đó là ước muốn *"để những ai thắng không thể còn tiếp tục vui sướng, những ai thua không thể còn tiếp tục thù hận"*.

Đối với quá khứ, Dương Thu Hương đã giải thích việc thế hệ của bà hăng hái đi vào đánh miền Nam vì nghĩ rằng họ "đánh Mỹ cứu nước", một khẩu hiệu bây giờ chính bà viết trong ngoặc kép. Nếu lúc đó họ tin chỉ có chủ nghĩa Cộng sản mới giúp giành độc lập cho đất nước, thì họ làm như vậy là vì truyền thống chống ngoại xâm. Nhưng bây giờ, gọi nó là cuộc chiến huynh đệ tương tàn, thì cách đặt vấn đề lại khác. *"... một nửa quê hương Việt Nam ăn gạo Nga cầm súng Nga... nửa kia ăn gạo Mỹ cầm súng Mỹ quyết tử với nhau..."* và *"Cuộc nội chiến, dù với bất cứ lý do nào, cũng là chất cường toan làm ruỗng nát cả sinh lực lẫn tâm hồn dân tộc"*.

Người đọc ở hải ngoại có thể không nhận thấy thái độ "xét lại" trên đáng quan tâm. Nhưng ở trong nước, lập trường chính thức của Cộng sản Việt Nam vẫn tự coi việc họ mang quân vào Nam là để chống Mỹ, để giải phóng. Khi một người ở trong nước gọi đó là "nội chiến, huynh đệ tương tàn" đó là một hành động can đảm về trí thức. Một hệ quả là người ta sẽ thay đổi thái độ và cách xưng hô. Bao năm qua Cộng sản Việt Nam dùng mọi cách miệt thị quân đội miền Nam, gọi là "lính ngụy", "tay sai đế quốc Mỹ". Gần đây, ngay trong báo chí của họ, họ dùng chữ "quân đội miền Nam". Nhưng ở trong văn chương, các nhà văn trẻ đã có lúc dùng các chữ Quân lực Việt Nam Cộng Hòa, thí dụ trong tiểu thuyết của Phạm Thị Hoài, truyện ngắn của Dương Thành Vũ. Nhưng chỉ trong bản *Tự Bạch* của Dương Thu Hương,

các chữ "Quân đội Cộng Hòa" được nhắc lại nhiều lần. Cách gọi tên có thể là chuyện nhỏ, nhưng biểu lộ một thái độ đứng đắn, giải được nhiều nỗi hờn oán.

Trong *Tiểu Thuyết Vô Đề* phần chính là để mô tả tâm trạng một chiến binh miền Bắc, với các thực trạng buồn thảm và đau đớn của chiến tranh. Chính vì thế Thụy Khuê đã đọc thấy nó "*vạch trần mặt trái của những lý tưởng...*" và "*nhắm vào phần cốt tủy của huyền thoại "chống Mỹ cứu nước"*."

Cũng vì Thụy Khuê khen ngợi điều đó mà Dương Thu Hương phải tự bạch rằng cả hai miền đều có cái xấu: "*Trong bất kỳ cuộc chiến nào, chết chóc, đau đớn và sự hủy diệt nhân tính cũng được chia đều cho cả hai bên*". Cảm tưởng khi đọc bài *Tự Bạch* là Dương Thu Hương đã nói thêm đến cái xấu ở miền Nam, cho đủ cân bằng với những cái xấu của đạo quân miền Bắc mà bà mô tả trong *Tiểu Thuyết Vô Đề*.

Nhưng điều ước muốn của Dương Thu Hương lại là "*giã từ quá khứ*", để thoát khỏi cảnh "*những người Việt vẫn không nguôi thù hận, quyết tát cạn bắt lấy, quyết phân định tao đúng, mày sai*". Ước muốn đó quả thật ở hải ngoại rất nhiều người chia sẻ. Chuyện phân định "*tao đúng, mày sai*" nên để cho lịch sử sau này phán xét. Bây giờ chúng ta nên lo chuyện hiện tại và tương lai. Muốn vậy thì việc nhắc lại quá khứ, dùng các thậm từ có tính lăng mạ vẫn quen dùng trong quá khứ, là một hành động thiếu khôn ngoan. Ngay khi Dương Thu Hương dùng chữ "*con Việt Cộng*" để nói về mình, chúng tôi thấy mình cũng bị xúc phạm. Đó không phải là ngôn ngữ mà những người chống Cộng đứng đắn dùng để gọi một nhà văn. Nếu bà nghĩ mọi người chống Cộng đều dùng tiếng đó thì bà đã vơ đũa cả nắm. Đó chính là điều mà bà chỉ trích: "*những người chống Cộng có thể vì thiên kiến mà chỉ chú tâm nhìn vào những người Cộng sản nắm quyền lực*". Ở trong nước cũng có lối nhìn thiên kiến như vậy đối với người ở ngoài nước. Đồng bào hải ngoại may mắn không có ai nắm quyền, không phải coi ai là lãnh tụ. Phải chăng các người ở ngoại quốc về tiếp xúc với bà chính họ đã nuôi dưỡng thiên kiến đó? Hay họ biết có các thiên kiến nhưng không đủ tư cách hoặc thiếu can đảm để cởi bỏ đi?

Dương Thu Hương can đảm nói: "*Tôi từ chối cái cuộc nội chiến mà trong đó một nửa quê hương Việt Nam... cầm súng Nga,... nửa kia... cầm súng Mỹ...*". Ở hải ngoại rất nhiều người cũng từ chối như vậy. Nhưng sau khi từ chối cái quá khứ đau khổ đó, người hải ngoại không có cơ hội để trực tiếp làm gì cả, chỉ người ở trong nước mới có dịp trực tiếp hành động để đẩy đất nước tiến tới tương lai. Chính vì thế mà ở hải ngoại việc "giã từ quá khứ" khó hơn người ở trong nước. Ngay việc người ta sống lưu lạc nơi đất khách quê người đã là một vết thương của quá khứ, hàng ngày đau nhức. Cho nên người ta còn bén nhậy hơn, dễ xúc động hơn khi nghe những người như Dương Thu Hương nói về quá khứ bằng các ngôn ngữ của quá khứ.

Nói như vậy không phải là một lời trách móc đối với một nhà văn phải sống giữa bốn bức tường nhà giam, tin tức không có để tham khảo. Trong cảnh đó, Dương Thu Hương đã giận dữ khi nghe Thụy Khuê khen mình: "*Dương Thu Hương là một hiện tượng hiếm có, một viên ngọc trong đám sình lầy đang ô nhiễm quê hương*". Nghe một "ông chống Cộng cực đoan" viết như vậy, dám ví cả quê hương như bãi sình lầy thì kể cũng đáng giận thật! Dương Thu Hương mắng rằng: "*Không thể nhìn vào một số người Cộng sản cầm quyền* **tham nhũng, độc đoán, ngu dốt** *mà cho rằng những người Việt sống nơi quê hương là một đám sình lầy... Không thể vì cái hiện thực buồn thảm ấy mà bất kỳ ai được quyền nhục mạ đồng bào mình*". (Chúng tôi in đậm các tiếng trong câu). Trong lời gán tội "nhục mạ đồng bào mình", chúng tôi tin Dương Thu Hương không có ý "xuyên tạc", như Thụy Khuê buộc tội ngược lại. Chúng tôi tin rằng một người ở trong nước, đinh ninh mình đang bị một "ông chống Cộng cực đoan" lợi dụng, sẽ ở trong trạng thái nghe câu nào cũng có thể hiểu lầm vì cũng thấy đáng ghét cả. Khi nói đến đám sình lầy ô nhiễm, Thụy Khuê cũng chỉ nghĩ đến nhóm "*Cộng sản cầm quyền tham nhũng, độc đoán, ngu dốt*", với những xiềng xích "*không ngừng cùm trói và đầy đọa con người, không cho họ có cơ hội sống một cuộc đời xứng đáng*", như Dương Thu Hương mô tả.

Những người chia sẻ các ý nghĩ giống nhau nhưng vẫn có thể hiểu lầm nhau, vì thông tin bị bưng bít. Như báo Diễn Đàn ở Paris nói: "Khoảng cách còn xa, không phải chỉ làm bằng cự ly 10,000 km giữa Hà Nội và Paris". Cũng như khi Nguyễn Huy Thiệp, Nguyễn Duy nói văn chương ở hải ngoại không có gì cả, thì không biết họ đã có dịp đọc những gì ở hải ngoại?

Những người chia sẻ các ý nghĩ giống nhau nhưng vẫn có thể hiểu lầm nhau, vì thông tin bị bưng bít. Như báo *Diễn Đàn* ở Paris nói: "Khoảng cách còn xa, không phải chỉ làm bằng cự ly 10,000 km giữa Hà Nội và Paris". Cũng như khi Nguyễn Huy Thiệp, Nguyễn Duy nói văn chương ở hải ngoại không có gì cả, thì không biết họ đã có dịp đọc những gì ở hải ngoại? Có thể kết tội là họ bất công, hồ đồ,

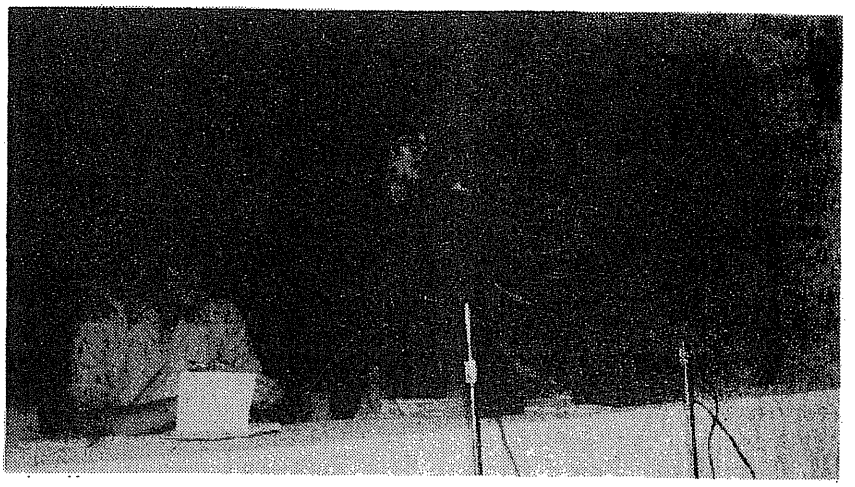

Nhà văn Dương Thu Hương trong buổi nói chuyện về cuốn tiểu thuyết Những Thiên Đàng Mù tại Câu Lạc Bộ Trí Thức ở Saigon tháng 4-1990. Người ngồi cạnh là ông Lý Chánh Trung (Ảnh của Ngày Nay)

hay chỉ có thể kết luận rằng họ cũng ở trong "bốn bức tường bưng bít?" Nói như vậy cũng không phải để tranh hơn, thua, "*tao đúng, mày sai*". Nói để nhắc nhở anh chị em ở hải ngoại khi nghe các lời nói từ trong nước thì phải tìm hiểu ai đã nói, trong hoàn cảnh nào. Và các anh chị em ở trong nước thì xin can đảm đòi quyền thông tin đầy đủ, quyền đọc sách báo ở hải ngoại gởi về. Rất nhiều đồng bào sẵn sàng tặng sách báo cho các hội Trí thức, hội Khoa học, hội Nhà văn, trường học, khi quí vị yêu cầu!

IV

Ở trong bốn bức tường của nhà giam ở Hà Nội, Dương Thu Hương tự bạch, cuối cùng chúng ta có thể thấy hai điểm chính yếu bà tự bạch như sau:

Thứ nhất, bà không bỏ đảng Cộng sản để đi theo những người chống Cộng. Các tác phẩm của bà, nhất là cuốn *Tiểu Thuyết Vô Đề* chỉ là tiếng nói của lương tâm, một lương tâm muốn sám hối chung cho cả dân tộc khổ đau. Vậy, yêu cầu các người chống Cộng đừng lợi dụng nó, chiếm nó làm vũ khí của mình.

Thứ hai, những người Việt Nam ở miền Bắc đã vào đảng, đã tin ở đảng, hy sinh trong cuộc chiến vừa qua, họ đều có những lý do lịch sử. Một là "ảo lý tưởng" Cộng sản đã thu hút bao nhiêu người trên thế giới, họ dấn vào vết chân đó là chuyện dễ hiểu. Hai là tình yêu nước, khi đã tin Tổ quốc và Xã hội Chủ nghĩa là một, khi tin vào đánh miền Nam là chống Mỹ, thì họ đã sẵn sàng hy sinh.

Cả hai điều biện bạch trên, tôi thiết tưởng các người chống Cộng ở hải ngoại đều thông cảm và kính trọng. Chúng ta kính trọng những Yeltsin và 20 triệu đảng viên Cộng sản Nga bỏ đảng; không lẽ người Việt Nam không thương yêu và tôn kính nhau hơn? Hiện nay cả nước Việt Nam đều muốn lật bỏ những người cầm quyền "*tham nhũng, độc đoán, ngu dốt*", kể cả các đảng viên đảng Cộng sản, tất cả những người đó đâu có cần chạy theo ai, hay theo "mẫu quốc" nào đâu? Họ đã theo lương tâm, chạy về phía nhân dân.

Nhưng cũng phải "tự bạch" một vài điều về "anh em quốc gia". Anh em quốc gia chúng tôi nó kỳ lắm. Khi nó sống ở miền Nam, nó chê chế độ đó dân chủ giả hiệu, nhưng ngay dưới chế độ đó nó cũng có khá nhiều tự do để không thần phục, không tôn thờ một thứ lãnh tụ nào cả. Nó nhận viện trợ Mỹ mà suốt ngày chửi Mỹ; không những Mỹ ngu, Mỹ dốt, mà còn Mỹ có dã tâm lũng đoạn đồng minh và... bắt tay Cộng sản. Sự thật phe quốc gia là như vậy.

Hiện nay ở hải ngoại thì tự do thật chứ không còn giả hiệu nữa, nên khả năng trên còn vượt mọi chỉ tiêu. Và một đề tài đang tranh cãi sôi nổi nhất chính là đề tài Dương Thu Hương. Một phe hoan nghênh ở trong nước có các tác phẩm phê phán, chỉ trích và bài bác chế độ Cộng sản, Chủ nghĩa Cộng sản. Gọi đó là "nền văn học phản kháng ở trong nước". Phe chống lại, coi hành động hoan nghênh đó là dại dột, ngây thơ, mắc lừa Cộng sản. Nếu muốn dùng chữ "chống Cộng cực đoan" thì chắc phải gán cho phe thứ hai này; dù sự thật không ai có *chủ trương* cực đoan cả. Họ có thể có *phản ứng* cực đoan trước một

việc, một biến cố nào đó, và hay dùng *lời lẽ* cực đoan, mang *thái độ* cực đoan, như nghi ngờ tất cả, canh chừng tất cả. Thái độ đó là: Dương Thu Hương à? phải coi chừng cũng Cộng sản đấy, đừng tin. Đừng đọc Dương Thu Hương, đừng in Trần Mạnh Hảo, v.v... Ngược lại, những người hoan nghênh văn chương phản kháng ở trong nước mới là người muốn in, muốn phổ biến Dương Thu Hương, đọc Trần Mạnh Hảo, v.v... Cái khác nhau là một bên tin, một bên nghi. Bên tin thì cũng chính là những người muốn xóa bỏ quá khứ, quên hận thù, đâu có tính chuyện lợi dụng? Bên nghi thì còn lo chính bản thân họ bị đánh lừa, bị lợi dụng, cũng không tính chuyện lợi dụng? Họ đang cảm ơn Dương Thu Hương viết bản tự bạch, nhờ thế họ có thể nói: "đã bảo mà!". Nhờ bản tự bạch đó, cuộc tranh luận sẽ hào hứng thêm nhiều lắm! Những người đã quen sống trong nền nếp dân chủ thì sẽ coi các vụ tranh cãi đó là bình thường. Người chưa quen sẽ lo lắng: sao mà chia rẽ thế? Người nghe họ cãi cọ sẽ hỏi: Thế tôi biết nghe ai? Thật sự không nên nhắm mắt nghe ai cả. Một nỗi mệt mỏi của cuộc sống tự do là *mỗi người phải suy nghĩ, quyết định lấy cho mình*. Vậy khi nghe họ cãi nhau xin chớ coi ai là đại diện "quần chúng đông đảo"! Phải tìm sự thật, mà sự thật thì rất phức tạp!

Một điều biện bạch thứ hai là mối tâm sự thiết tha của Dương Thu Hương: "*dù thắng hay thua, hai đội quân cũng chỉ là những đứa con chung một giống nòi*". Bà đã nói đến những đứa trẻ vì số mệnh sinh ra ở Hà Nội, Sài Gòn mà "*đứa bé miền Bắc đã đi theo lời kêu gọi "chống Mỹ cứu nước", "Vì tổ quốc xã hội chủ nghĩa*". Đứa bé miền Nam bị lôi cuốn bởi "*lý tưởng Quốc gia*", bởi "*Chiến dịch chặn đứng làn sóng đỏ*"... *cùng tàn phế, chết chui chết lủi trong rừng*". Điều Dương Thu Hương nói rất cảm động. "*Máu chúng chảy ra là máu của tôi. Và trong bàn thờ tâm linh mình, tôi thắp hai nén nhang như nhau mà vọng tưởng*". Bây giờ Dương Thu Hương nên biết thêm "tin tức" này: Những lời tâm sự trên đã được nói công khai ở miền Nam Việt Nam từ năm 1964, 1965. Khắp nơi người ta hát "Kẻ thù ta đâu có phải là người! Giết người đi thì ta ở với ai?" (Phạm Duy phổ thơ Nhất Hạnh). Phạm Duy (ông này chống Cộng đấy) làm bài ca "Có hai người lính... cùng yêu tổ quốc Việt Nam". Đó là hai người lính ở hai phía. Cũng năm 1964, đăng trên báo Sài Gòn, một ông tướng ở miền Nam nói trước quân lính của ông ấy: "Chúng ta bắn chết kẻ địch, nhưng lật xác kẻ địch lên thì thấy cũng là người Việt Nam". Dương Thu Hương biết rằng Nhất Hạnh, Phạm Duy đều bị những người thắng trận mạt sát là CIA, là "biệt kích cầm bút", và đến giờ này những người mạt sát họ vẫn sống ở chung quanh bà đấy. Nói như vậy không phải để bênh vực "phe quốc gia toàn những người tốt đẹp". Thông báo tin tức đó để nói rằng khi có chút tự do suy nghĩ là lương tâm và lương tri con người đã thức tỉnh rất sớm, nhìn sự thật rất kỹ, dù tiếng nói của lương tri đã bị súng đạn át đi.

Đúng như Dương Thu Hương nói: "... *sẽ khổ đau truyền đời mãn kiếp nếu những đứa con của Hùng Vương không nhảy qua được vòng phấn của quá vãng*". Nhiều người ở hải ngoại sẽ hỏi tại sao Dương Thu Hương biết vậy mà trong bài tự bạch bà lại quẩn quanh với dĩ vãng nhiều thế? Nhưng riêng tôi thì tôi hiểu, bà nói đến chuyện cũ vì cần tự bạch. Nhiều người sẽ trách bà có giọng dậy đời như một vị tu sĩ đăng đàn thuyết pháp. Nhưng tôi hiểu một nhà văn khi có những điều thiết tha thì thường có giọng nói như vậy, nhất là khi tự coi mình có một trách nhiệm lớn lao với cả lịch sử giống nòi. Chúng ta ai cũng cảm thấy trách nhiệm đó.

Muốn khoan dung, tha thứ thì cần biết sự thật. Nhưng nếu xót thương đồng bào thì không nên mang tất cả những sự thật đau thương của quá khứ mà phô bày ra.

Dương Thu Hương đã nhận xét những người chống Cộng cực đoan và Cộng sản bảo thủ giống nhau như hai bản sao, hai giọt nước. "Đều là những người khăng khăng ôm chặt lấy định kiến và mặc cảm cũ, không mảy may khoan dung, không mảy may đoái thương đồng bào, đồng loại. Tất cả đều không muốn đi đến cội nguồn của **SỰ THẬT.** Tất cả đều không muốn nói đến hai chữ **THA THỨ**". (Tác giả nhấn mạnh).

Muốn khoan dung, tha thứ thì cần biết sự thật. Nhưng nếu xót thương đồng bào thì không nên mang tất cả những sự thật đau thương của quá khứ mà phô bày ra. Khả năng con người để đối diện với các sự thật phũ phàng đau đớn vốn có giới hạn. Qua khỏi giới hạn đó thì sân si sẽ nổi lên, người ta sẽ quên mất khoan dung và tha thứ. Vì nói đến những sự thật đau lòng thì sẽ có người cho là kể tội lẫn nhau. Không cần mang tất cả những gì mình nghĩ là sự thật phô bày ra cả. Đó cũng là một kinh nghiệm xót xa của dân tộc Việt Nam ở thế kỷ này.

Sám hối không nhất thiết là "*phanh phui ra đến thẩm cùng sự tàn khốc lẫn niềm ai oán*". Mọi sinh vật đều có bản năng tự hàn gắn các vết thương trên cơ thể. Dân tộc ta, như một sinh vật, cần được tẩm bổ bằng đức khoan dung, để các vết thương sẽ tự lành lại và lên da non. Sám hối là giải oan cho các sự tàn khốc và niềm ai oán, cho tất cả siêu thoát, nhờ thế mà chúng ta có thể tự giải thoát mình và cùng nhau hướng về tương lai. ●

yêu cầu cuốn *Tiểu Thuyết Vô Đề* không được tái bản hay dịch ra bất cứ thứ tiếng nào nếu không có sự chấp thuận của chính tôi.

Bây giờ tới phần chính yếu của bản tự bạch. Tôi muốn nói với bạn đọc bốn phương về lập trường khởi điểm khi tôi viết cuốn sách này. Có đúng *Tiểu Thuyết Vô Đề* là "*lời sám hối của một tên Việt Cộng*" hay "*con Việt Cộng*", của "*một kẻ đã từng là đảng viên Cộng sản*" hay không?

Thưa vâng, có thể, nếu lịch sử đặt tôi vào vị trí trọng đại nào đó mà ở vị trí ấy, do mù quáng hay do dục vọng cá nhân lấn át lương tri, tôi đã gây ra những hậu quả nghiêm trọng cho đồng bào của mình. Nếu như vậy, tôi sẽ sẵn lòng sám hối vì sám hối, theo tôi, là một tình cảm tự nhiên và thuần nhân tính, cần thiết cho tất cả những ai tồn tại dưới danh hiệu Con Người.

Nhưng đáng tiếc thay tôi chỉ là một người đàn bà bình thường, một phó thường dân, chịu đủ thứ đầy ải của đói khát, bệnh tật, bom đạn vì tham gia cuộc chiến "*chống Mỹ cứu nước*" theo truyền thống của người Việt.

Ngoái nhìn lại cuộc chiến đã qua, có lẽ những ai đã treo đèn kết hoa, dàn kèn đồng ra các hải cảng và phi trường chào đón những binh đoàn lính Mỹ, lính Úc, lính Đại Hàn vào xứ sở cần *biết đến hai từ sám hối hơn là tôi*. Những ai ngoan ngoãn nhất, trung thành nhất với "*Mẫu quốc Hoa Kỳ*" dù ở nơi đâu cũng nên biết vào giờ này, khi những đội quân "quốc ngoại" đã quay gót viễn chinh từ lâu nhưng dấu vết vẫn còn lưu trong đời sống của dân tộc Việt. Đó là chứng ung thư máu, chứng vô sinh, chứng đẻ quái thai do nhiễm chất độc da cam. Đó là thứ vi trùng giang mai, vi trùng lậu Đại Hàn -- thứ vi trùng không hiệu ứng với nhiều loại kháng sinh và khiến các thày thuốc Việt Nam đau đầu nhức óc.

Chính những người ấy, họ cần phải sám hối nhiều hơn cả các đội quân thám báo đã tàn sát những nữ chiến binh, những cô thanh niên xung phong miền Bắc mà tôi từng chứng kiến. Vì lẽ, những kẻ sát nhân thực thụ, những kẻ có đôi bàn tay đẫm máu, thường khi lại là phó sản của một chương trình được quyết định sau các bàn giấy bóng nhoáng, bởi những con người có đôi tay sạch sẽ và mặc áo trắng tinh...

Vậy tình cảm nào đã thôi thúc tôi viết cuốn *Tiểu Thuyết Vô Đề?*

Nói một cách xác thực, đó là nỗi đau khổ. Chính nỗi đau khổ đã dẫn dắt tôi đi qua mấy trăm trang giấy. Nỗi đau khổ đã khiến tôi lọc bỏ mọi định kiến, mọi hận thù. Cho nên, dẫu rằng trong thực tế, các đội quân thám báo Cộng Hòa miền Nam không chỉ hiếp, xẻo vú và cửa mình những người con gái miền Bắc mà còn đóng cọc vào miệng và cửa mình họ. Nhưng khi viết, tôi đã tước bỏ chi tiết ấy đi. Vì tôi e rằng, người nước ngoài (nếu đọc) sẽ phải kêu lên: "*Sao lại có một giống người dã man đến thế? Sao lại có một dân tộc ác đến thế?...*" Họ sẽ không phân biệt đấy là người Việt chống cộng hay người Việt cộng sản. Họ chỉ xác định đó là một giống người. Và như vậy, những ai thuộc về nòi giống ấy sẽ phải cúi đầu tủi hổ.

Đơn cử một chi tiết đó, tôi muốn chứng minh rằng khi viết cuốn sách này tôi không còn là người của bất kỳ đảng phái hay phe nhóm nào. Tôi là người Việt theo nghĩa thuần túy. Tôi kêu tiếng kêu đau đớn, tôi nói lời sám hối chung cho một nòi giống, một cộng đồng.

Người ta, nói chung, không ai có thể khôn ngoan từ thuở lên ba. Con người bị nhào nặn giữa các tập quán, các hệ tư tưởng hiện tồn, các nguyên tắc luân lý truyền thống. Phải tới một lúc nào đó, và với những điều kiện nào đó, một cá nhân mới có thể bứt khỏi lực hướng tâm của quần thể để xác định những tư tưởng đích thực của mình.

Cách đây ngót một thế kỷ, André Gide, Arthur Koestler và nhiều trí thức lớn đã tìm đến với chủ nghĩa cộng sản vì lý tưởng cao quý của nó và đã giã biệt chủ nghĩa cộng sản vì sự thực tàn khốc của nó. Việc tôi hay nhiều người nữa dấn vào vết chân của họ cũng là lẽ thường tình. Với một thời gian chậm hơn, một không gian xa hơn. Nơi xứ sở biệt lập bị bưng bít thông tin và chậm tiến. Cũng cần nói thêm rằng, ở cái xứ sở biệt lập và xa cách các trung tâm văn minh của nhân loại ấy có tới 90% dân số là nông dân, phần đông chưa thoát nạn mù chữ. Mà chủ nghĩa cộng sản lại là một thứ tân tôn giáo được lôgic hóa bằng những lý lẽ khoa học thô sơ, hình thức và phiến diện. Thứ lý lẽ rất tương hợp với tâm thức và mặc cảm cố hữu của người nô lệ. Làm sao họ có được sức đề kháng với loại lý thuyết như vậy? Trong tâm hồn chất phác và tủi nhục của họ, chưa có nỗi an ủi nào lấp đầy. Và trong trí não, họ không có lấy một vi lượng kiến thức để gợi nên sự cân nhắc hay nỗi hoài nghi.

André Gide, Arthur Koestler và các bậc tiền bối khác đã nói rất đúng: *cái quyến rũ của chủ nghĩa cộng sản là ở chỗ nó không cho người ta gì cả mà nó đòi hỏi người ta phải hy sinh.* Trong thực tế, do vậy mà chủ nghĩa cộng sản đã thu hút số đông những con người lý tưởng chủ nghĩa là những người từ chối khoái lạc hay tiện nghi, sẵn sàng hy sinh lợi ích của bản thân hay gia đình mình để chiến đấu "*vì một ngày mai tươi sáng cho toàn thể dân tộc và nhân loại.*" Những người chống cộng có thể vì thiên kiến mà chỉ chú tâm nhìn vào những người cộng sản nắm quyền lực. Đúng là những người cầm quyền, do một cơ chế độc tài không ai kiểm soát, do một cấu trúc nhà nước không đối trọng tự hành,

TỰ BẠCH VỀ TIỂU THUYẾT VÔ ĐỀ

DƯƠNG THU HƯƠNG

Dương Thu Hương:
tác giả những bài "tự bạch"

Mùa thu năm Canh Ngọ tôi viết *Tiểu Thuyết Vô Đề* tức *Khải Hoàn Môn*. Bản thảo đã được đưa đến nhà xuất bản tại Hà Nội và đã bị từ chối. Chính tôi, tự tay tôi đã gửi nó sang Pháp. Tôi chủ trương vi phạm pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đối với tôi, vòng phấn của thứ luật pháp đó quá hẹp. Tôi không thể thích ứng. Tôi giành quyền tự do cho mình bằng bất cứ giá nào. *Tiểu Thuyết Vô Đề* được gửi đi với hai lý do:

-- Lý do thứ nhất, nó là quà tặng cho bố mẹ nuôi của tôi.

-- Lý do thứ hai, tôi dụng tâm viết cuốn sách này cho tất cả những ai thuộc nòi giống Việt. Nếu trong nước tôi bị treo bút thì tôi sẽ in cho người Việt ở hải ngoại đọc. Thà ít còn hơn không.

Tuy nhiên, tôi không từ bỏ đội ngũ những người cộng sản để chạy sang hàng ngũ những người chống cộng. Vì lẽ, khác với nhiều quốc gia trên hoàn cầu, trong cảnh huống đặc biệt của Việt Nam, những người cộng sản và những người chống cộng không chỉ mâu thuẫn nhau bởi một ý thức hệ trái chiều mà họ đã bị đặt vào tình thế thù nghịch trong một cuộc chiến lâu dài, đau thương và khốc liệt:

-- Một cuộc chiến tranh huynh đệ tương tàn. Tôi biết rõ rằng cả hai thứ người này (ở đầu mút của nó) đều không thể đem lại một tương lai khả quan nào cho đất nước. Vì những lý do ấy, tôi chọn đất Pháp, nơi cộng đồng người Việt ít thành kiến, tư tưởng phóng khoáng và tự do hơn, và tôi cũng chọn một nhà xuất bản thuần túy văn hóa, phi chính trị để in ấn phẩm này.

Dầu vậy, phải thừa nhận rằng một khi cuốn sách đã in ra (hoàn toàn không theo ý muốn của tôi -- sách in ở Mỹ, rất vội vàng, không được những người bạn tôi biên tập và sửa chữa. Vì đã vào tù tôi không còn điều kiện để liên lạc với gia đình ở Pháp). *Tiểu Thuyết Vô Đề* đã bị những người chống cộng cực đoan lợi dụng một cách triệt để nhằm chống lại kẻ thù của họ tức chính quyền Hà Nội. Đó là một cơ may để những người chống cộng cực đoan bộc lộ những hiểm thù chưa phỉ, cũng như mối căm uất của kẻ thua trận chưa có cơ hội giải tỏa và chiến dịch này đã gây ra những thất thiệt cho nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Tôi là con người tự do. Tôi chỉ trung thành với những tư tưởng của chính mình. Tôi bất chấp sự khủng bố của phía bên này cũng như tôi phản đối sự lợi dụng, xuyên tạc của phía bên kia. Do lẽ ấy để tránh mọi sự bất như ý còn có thể xảy ra, tôi

nên họ có thể tham nhũng vô độ, cường quyền vô độ. Nhưng, đại đa số những đảng viên cộng sản bình thường là những con người nhẫn nại hy sinh và khổ ải. Cả cuộc đời họ không được hưởng một chút tiện nghi nào ngoài công việc và sự tồn tại khốn cùng.

Thời chiến tranh, chính quân đội Cộng Hòa miền Nam đã vẽ nên hình ảnh *"ba thằng Việt Cộng đu không gẫy một cọng đu đủ."* Hình ảnh ấy đúng về thực chất. Những người lính miền Bắc được hưởng một mức đãi ngộ không bằng một phần ba mức đãi ngộ của người lính miền Nam. Những sĩ quan miền Bắc không bao giờ dám mơ tưởng tới những câu lạc bộ dành cho các sĩ quan quân đội Cộng hòa. Có lẽ chính tính lý tưởng đã huy động đến cùng tinh thần khắc kỷ và đã trở thành một yếu tố tạo nên chiến thắng.

Vào năm tôi mười lăm, thế hệ chúng tôi đã lên đường chống Mỹ theo truyền thống của người Việt. Nói đến người Việt, là nói đến một hành trình bất tận chống ngoại xâm. Tôi sẽ không bao giờ hối tiếc, tôi sẽ mãn nguyện hy sinh đến giọt máu cuối cùng nếu phía trước mũi súng của tôi chỉ là kẻ ngoại bang. Nhưng sự thể đã không diễn ra như vậy. Những tù binh chiến tranh lần đầu tiên tôi thấy lại là những người tóc đen, da vàng, cùng nòi giống và máu huyết với tôi. Dẫu rằng họ đã gắn kết với người Mỹ và đứng vào chiến tuyến bên kia, dẫu rằng lý trí tỉnh táo nhắc nhở cho tôi biết họ đã từng bắn giết bao nhiêu đồng đội của tôi bằng súng đạn Mỹ, nhưng trái tim thầm kín vẫn bảo cho tôi biết rằng họ là đồng bào của tôi và số đông trong bọn họ chỉ là nô lệ phục tòng một định mệnh tàn khốc. Chính những cảm xúc, những ý nghĩ bộc phát trong giây phút ấy đã được bồi đắp nuôi dưỡng và dẫn tới hành trình tư tưởng này.

Càng ngày, dấu ấn của cuộc chiến tranh in trong tôi càng nóng bỏng, ngược chiều với sự phai nhạt thường tình của thời gian. Tôi đã đến nhiều trại thương binh. Tôi đã gặp những phế binh nơi thôn cùng ngõ hẻm. Tôi đã qua cao nguyên miền Trung và sườn dãy Trường Sơn, nơi những cánh rừng chưa hồi sinh nguyên vẹn vì chất độc. Tôi chứng kiến nhiều cái chết ung thư do nhiễm chất da cam, trong đó có bậc đàn anh, nhà văn Nguyễn Minh Châu chết vì chứng máu trắng do nhiễm độc ở vùng Quảng Trị. Tôi đã nhìn tận mắt những quái thai do nhiễm độc ở cả hai miền...

Lãnh tụ Cộng Hòa miền Nam nào đã từng chấp thuận cho người Mỹ rải chất độc xuống các cánh rừng xứ sở, ngày hôm nay có nhìn ngó đến những tử thi máu trắng, những bào thai quái dị của đồng bào họ chăng? Và liệu có pháp đình nào dựng lên trong lương tri của họ?... Tôi biết rằng trong mọi thứ kiến trúc thì kiến trúc khó đạt được nhất là sự tự hiểu mình. Trong mọi lẽ công bằng thì lẽ công bằng cao nhất là công bằng với bản thân. Nhưng mà, đó luôn luôn là cái đích cho hành trình của một nhân loại xứng đáng.

Là một người đàn bà, tầm nhỏ, tay ngắn, tôi không thể làm gì hơn cho Tổ quốc mặc dù tình trạng buồn thảm của nó không ngừng ám ảnh tôi. Điều tôi có thể, chỉ là đau đớn đến tận cùng thân phận đau đớn của dân tộc mình. Một quốc gia chậm tiến, một dân tộc lạc hậu là mảnh đất màu mỡ cho các ảo lý tưởng thâm nhập. Trình độ dân trí thấp luôn kèm theo tố chất thơ ngây, chứng bệnh ấu nhi. Mặc cảm tự ti là bạn đồng hành của chứng cuồng tôn hiếu đại. Lòng tự hào về một khả năng ưu việt trong truyền thống nếu không khéo dẫn dắt sẽ trở thành vật chướng ngại trên hành trình hội nhập vào nền văn minh chung. Những quán tính sống, những diện mạo tư duy đã rèn tập, đã vĩnh định trong hàng nghìn năm chiến tranh liên miên rất có thể tiêu hủy sự sáng suốt, sự nhạy cảm, sự tinh tế, tinh thần năng động là những yếu tố đặc biệt cần thiết cho con người khi nó phải chấp nhận một sự lựa chọn giữa những ngã ba lịch sử, trong một thời đại nhiều biến động và bão tố. Vào những khoảnh khắc ấy, không ai có thể tiên liệu được rằng dòng chảy của lịch sử sẽ xô dạt một dân tộc đến bờ bến nào. Và một cộng đồng càng có trữ năng tinh thần, tiềm năng về đời sống tâm linh lớn bao nhiêu -- khi bị hướng vào những mục tiêu sai lạc, nó sẽ càng tự hủy khủng khiếp bấy nhiêu.

Khi chính quyền miền Bắc sao chụp mô hình cách mạng Trung Quốc, tiến hành cuộc cải cách ruộng đất tàn bạo lầm lỗi thì ở miền Nam, ông Ngô Đình Diệm khủng bố những người kháng chiến cũ, phân loại treo bảng từng gia đình cách mạng để trả thù. Khi nhà nước miền Bắc chưa kịp tuyên bố *"xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước"* thì chính quyền miền Nam đã hô hào *"Bắc tiến! Lấp sông Bến Hải"* rồi...

Tôi không muốn làm dài thêm bản liệt kê quá khứ. Đó là những trang đen tối nhất trong lịch sử chúng ta. Đã từng có sông Gianh. Đã từng có cuộc giao tranh Trịnh Nguyễn. Nhưng vết thương để lại cũng không trầm trọng đến như vậy.

Người phương Tây có lý khi họ so sánh số phận của dân Việt Nam với dân Do Thái. Những dân tộc đau khổ, bất hạnh, phân ly. Người Do Thái đã phóng rọi khát vọng của họ và tôn giáo và họ tạo nên Jesus. Dân tộc chúng ta không sáng tạo được huyền sử nhưng đã tạo nên những chiến thắng mang tính huyền thoại. Chúng ta đã chứng tỏ dân tộc Việt là dân tộc rất biết chết để bảo vệ chủ quyền và nòi giống. Giờ đây, người Do Thái đã vượt qua định mệnh khắt khe, đặt chân lên

bậc thềm thánh đường của họ. Chúng ta, những người Việt Nam, bao giờ chúng ta đến được bến bờ hạnh phúc của mình?...

Để trả lời câu hỏi này, trước hết tôi cần phải xác quyết rằng tôi không phải đứa con bội bạc với tổ tiên. Những chiến thắng ngoại xâm oanh liệt trong lịch sử đã, đang và sẽ ngự trị trong tim óc, trong xương máu tôi. Chúng cho tôi sức mạnh và niềm tự hào. Bởi vì, biết chết và dám chết cũng là một khả năng. Bởi vì, không phải bất cứ dân tộc nào cũng gây cho một ngoại bang hùng cường "*hội chứng Việt Nam*" như dân tộc Việt. Tuy nhiên, tôi mong muốn dân tộc chúng ta không chỉ biết chết mà còn biết sống. Đã đến lúc người Việt Nam phải quay ngược chiều vectơ trữ năng tinh thần, phải đi phóng những tiềm lực sống vào một thiên hướng khác. Đã đến lúc người Việt phải tỉnh táo và can đảm soi rọi quá khứ để xác quyết dòng chảy cho tương lai.

Không ai có thể đào bới mộ chí để thay đổi trang phục hay tô son trát phấn cho các tử thi. Nhưng người ta có thể đào bới các tầng nghiệm sinh trong dĩ vãng để soát xét mọi nguồn cơn, sàng lọc điều hay lẽ dở. Đối với một dân tộc có thói quen tôn trọng và suy tưởng quá khứ như dân tộc Việt, hành động như tôi là điều nguy hiểm. Nhưng tôi chấp nhận nguy hiểm vì tôi tha thiết với tương lai đất nước. Vì tôi hiểu rằng dân tộc nào chỉ đắm chìm trong quá khứ, dân tộc ấy không có tương lai.

Chúng ta không thể ngồi than khóc rằng, cớ sao cách đây 120 năm, chúng ta không có một Minh Trị thay vì cho Tự Đức. Chúng ta cũng không thể hối tiếc rằng, cách đây một phần hai thế kỷ, những lãnh tụ có đầu óc dân tộc đã không thể chiến thắng được sức mạnh can thiệp của ngoại bang để thực hiện cuộc tuyển cử thống nhất đất nước một cách êm dịu và tránh đi một cuộc chiến tranh huynh đệ tương tàn.

Lịch sử đầy rẫy những may rủi, những phi lý, những hàm hồ. Và trong vòng biến động ấy, thân phận các quốc gia chậm tiến, các dân tộc nhược tiểu thường phải lãnh phần thua thiệt.

Chúng ta không thể đòi hỏi những gì chúng ta không có. Vì rằng, không phải bất cứ lúc nào và bất cứ ở đâu nhân loại cũng sản sinh ra cỡ lãnh tụ siêu việt như Minh Trị, Pierre đại đế, Roosevelt hay Gorbachev. Dân tộc chúng ta đã mất đi những vận hội, những may mắn, đã lỡ nhiều chuyến tàu. Giờ đây, chỉ có một cách, là mỗi người dân Việt phải ý thức đầy đủ sự bất hạnh của giống nòi và đóng góp cho tương lai bằng thiện chí, tinh thần trọng lẽ phải và sự công bằng.

Đến đây, tôi trở lại cuốn *Tiểu Thuyết Vô Đề*. Tôi đã viết cuốn sách ấy khi tôi giã từ quá khứ. Tôi là một người dân Việt, chỉ thế thôi, và với tôi lợi ích dân tộc là tối thượng. Vì lợi ích dân tộc, tôi phải lật bới cuộc chiến tranh vừa qua, phanh phui ra để mọi người thấy đến thẳm cùng sự tàn khốc lẫn niềm ai oán, để những ai thắng không thể còn tiếp tục vui sướng, để những ai thua không thể còn tiếp tục thù hận. Bởi lẽ, tất cả, dù thắng dù thua, họ đều là những đứa con của cùng một quê hương, và đều là nạn nhân trong trò chơi cay nghiệt của định mệnh.

Tôi đã đọc kỹ lời đề tựa của ông Thụy Khuê. Tôi xin trân trọng cảm ơn một người đã khen ngợi tôi quá mức như vậy. Tuy nhiên, vì biết rõ tôi là người thẳng thắn, xin ông hãy vui lòng nghe những lời thẳng thắn của tôi.

"*Nhà văn có phận sự ghi lại sự thật. Không có phận sự phải chìu lòng ai.*"

Thưa ông, đúng thế. Và thưa ông, không chỉ trong văn chương mà ngay trong đời sống, tôi cũng không quen chiều lòng ai. Tôi chỉ quy phục một sức mạnh thôi, ấy là chân lý và sự công bằng.

Khi ông viết: "*Tiểu Thuyết Vô Đề nhắm vào cái phần cốt tủy của huyền thoại* "chống Mỹ cứu nước" *vạch trần mặt trái của những lý tưởng* "cao đẹp", *mặt sau của những khải hoàn môn, mặt nạ của những mỹ từ đã trở nên những khẩu hiệu trống rỗng: Tổ quốc - Nhân dân - Chính nghĩa - Tự do - Quốc gia - Dân tộc... vì người ta đã lạm dụng và dày xéo quá nhiều rồi...*" tôi thấy ngay rằng hoặc vì thiên kiến, hoặc vì lầm lẫn, hoặc vì không am hiểu thực tiễn nên ông đã tạo cho câu văn một ám bóng, một trạng thái lập lờ. Thưa ông, chính quyền miền Bắc không bao giờ sử dụng những danh từ: Quốc gia - Tự do - Dân tộc trong các khẩu hiệu được coi là tôn chỉ của cuộc chiến. Và việc lạm dụng các mỹ từ đã xảy ra cùng một lúc ở hai nơi. Nếu ở miền Bắc là "*Vì Tổ quốc xã hội chủ nghĩa*" thì ở miền Nam là "*Vì lý tưởng quốc gia*". Nếu ở miền Bắc là "*Đánh cho Mỹ cút, ngụy nhào*", thì ở miền Nam là "*Bảo vệ tự do - Vì chánh nghĩa chận đứng làn sóng đỏ*". Tuy nhiên, chắc ông cũng không phủ nhận điều này: trên mảnh đất Việt Nam mà hai hệ ý thức trái chiều đã chọn làm đấu trường không hề có bóng dáng một người lính Nga trong khi đó đầy nhóc lính Mỹ và các nước đồng minh. Sự thực ấy người nông dân mù chữ nào cũng thấy được. Cũng nhờ sự thực ấy mà quân đội miền Bắc có phần ưu thắng. Và người Mỹ có thói quen thay đổi chính phủ như lật bàn tay, thạo nghệ thuật làm đảo chính như rán trứng, người Mỹ đã thành công trong cuộc chính biến đưa chính phủ Nguyễn Khánh lên ngôi, hạ sát Ngô Đình Diệm -- kẻ bướng bỉnh vì trót có nhiều tinh thần dân tộc, rồi cuối cùng cũng đã rút quân khỏi miền Nam và phải ghi vào từ điển hai chữ Việt Nam với tư cách một

tính từ hàm chứa sự cay đắng và ngao ngán.

Thưa ông Thuỵ Khuê, cái gì là sự thật thì không ai có quyền chối bỏ, dù thích hay không thích. Dẫu vậy, tôi cũng xin nhắc lại lần thứ hai, là dù thắng hay thua, hai đội quân cũng chỉ là những đứa con chung một giống nòi. Và trên phương diện thực tiễn, người thắng đâu có sung sướng hơn kẻ bại? Xét cho cùng, họ chịu đau khổ nhiều hơn, sống một cuộc sống gian nan hơn. Để đi đến Khải hoàn môn, họ phải vắt kiệt sinh lực và từ bỏ mọi niềm vui sống.

Vì ở miền Bắc có những đội văn nghệ tuyên truyền từng ca ngợi chiến tranh là ngày hội. Vì ở miền Nam có cả một đoàn quân tâm lý chiến với các giọng oanh vàng véo von khích lệ những "anh hùng quốc gia" lên đường, nên ngày hôm nay tôi phải ngồi viết *Tiểu Thuyết Vô Đề*. Tôi muốn nói với đồng bào của mình rằng chiến tranh không giống giấc mộng vàng mà các nữ ca sĩ thêu dệt, cũng chẳng là ngày hội tưng bừng mà các bản hòa tấu kèn diễn tả. Chiến tranh có gương mặt thật của nó mà ít ai tường tận. Và trong bất kỳ cuộc chiến nào, chết chóc, đau đớn và sự hủy diệt nhân tính cũng được chia đều cho cả hai bên.

Điều nữa, thưa ông, ông có một lời khen mà tôi không thể nào chấp nhận:

"*Dương Thu Hương là một hiện tượng hiếm có, một viên ngọc trong đám sình lầy ô nhiêm quê hương.*"

Với một lời khen hết cỡ như vậy, ai đó -- khác tôi, sẽ vô cùng mãn nguyện. Bởi, phàm là người nói chung ai là chẳng thích vuốt ve. Nhưng đáng tiếc, tôi thì không. Tôi là con người mà hai câu thơ sau đây của Xuân Diệu bộc lộ trung thành:

Tôi cùng xương cùng thịt với nhân dân tôi

Cùng đổ mồ hôi cùng sôi nước mắt

Không phải tôi là viên ngọc giữa đám sình lầy mà chính dân tộc này mới là một viên ngọc bị vùi lấp trong sình lầy của nghiệp chướng. Một quốc gia có lúc thịnh lúc suy. Có lúc người trị vì là bậc tuấn kiệt như các vua Lý vua Trần. Có lúc ngự trên ngai vàng là bọn hôn quân ám chúa như Lê Ngọa Triều, Lê Chiêu Thống. Không thể nhìn vào Lê Chiêu Thống để quy kết dân tộc Việt là dân tộc bán nước. Cũng như thế, không thể nhìn vào một số người cộng sản cầm quyền tham nhũng, độc đoán, ngu dốt mà cho rằng những người Việt sống nơi quê hương là một đám sình lầy. Trong đám sình lầy ấy đã mọc lên những Tôn Thất Tùng, Đặng Thái Sơn, Lê Bá Khánh Trình... Và, ai cũng hiểu rằng, có một Đặng Thái Sơn nghĩa là còn một ngàn Đặng Thái Sơn khác mai một trong đói nghèo ràng buộc.

Tôi biết dân tộc chúng ta là một Hercule bị trói. Chiến tranh, thể chế xã hội lạc hậu, ý thức phong kiến biến tướng và được nuôi dưỡng... Những xiềng xích ấy đã không ngừng cầm trói và đầy đọa con người, không cho họ có cơ hội sống một cuộc đời xứng đáng. Nhưng không thể vì cái hiện thực buồn thảm ấy mà bất kỳ ai được quyền nhục mạ đồng bào mình. Từ những ngày đầu bị bắt, tôi đã tuyên bố với nhà cầm quyền: "*Tôi là nhà văn của dân đen. Tôi đấu tranh cho lợi ích của dân đen. Những người mà, vì lầm than, có thể không bao giờ cầm đến quyển sách và biết đến tên tôi*". Thưa ông, tiêu chí đó không thay đổi. Bởi một lẽ, tôi hiểu đồng bào mình. Những lê dân hôm nay cắm mặt xuống ruộng bùn cấy lúa, ra nước ngoài làm thuê với đôi chân không tất không giầy trước cặp mắt khinh bỉ và ghẻ lạnh của ngoại nhân, họ, chính họ, nếu được nuôi dưỡng trong một hoàn cảnh khác, sẽ có đủ khả năng đuổi theo nền văn minh và không thua kém bất kỳ dân tộc nào khác trên địa cầu.

Tại Hà Nội, khi nghe tin một thanh niên Mỹ gốc Việt đoạt giải nhất trong kỳ thi "*vẻ đẹp cơ thể đàn ông*" lòng tôi đầy vui sướng. Chẳng biết khi nghe tin Đặng Thái Sơn thắng lợi trong concours diễn tấu Chopin ông có cảm giác ấy không? Hay vì người nghệ sĩ kia xuất thân từ đám sình lầy ô nhiễm nên ông quay mặt đi?... Tôi rất lấy làm tiếc, thưa ông. Nhưng quả tình, một cách nhìn như vậy về đồng bào mình sẽ chỉ khơi sâu thêm mối hằn thù trong quá vãng và không đem lại điều gì tốt lành cho tương lai.

Tôi cũng phải nói thêm rằng quan điểm của những người chống cộng cực đoan sao mà giống quan điểm của lớp cộng sản bảo thủ ở đây đến thế!... (Tất nhiên, theo chiều ngược lại). Hệt như hai bản sao, hai giọt nước. Đều là những người khăng khăng ôm chặt lấy định kiến và mặc cảm cũ, không mảy may khoan dung, không mảy may đoái thương tới đồng bào, đồng loại. Tất cả đều không muốn đi đến cội nguồn của SỰ THẬT. Tất cả đều không muốn nói đến hai chữ THA THỨ.

Thưa các ông, tại sao các ông lại không thể hình dung rằng: vào cùng một thời khắc, có hai đứa bé chào đời. Một đứa ở Hà Nội, đứa kia ở Sài Gòn. Mười tám năm sau, đứa bé ở miền Bắc đi theo lời kêu gọi "*chống Mỹ cứu nước*", "*Vì Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.*"

Đứa bé ở miền Nam bị lôi cuốn bởi "*Lý tưởng quốc gia*", bởi "*Chiến dịch chặn đứng làn sóng đỏ*", bởi những câu thơ kiểu như "*Thành ngăn sóng đỏ mây sừng sững*"... Và hai đứa bé hăm hở ra đi, rắp ranh lập công với Quốc gia Cộng hòa hay Tổ quốc Xã hội chủ nghĩa. Rồi chúng bắn giết. Rồi chúng trúng thương, cùng tàn phế, cùng chết chui chết lủi trong rừng, cùng rữa nát giữa bùn chiến địa. Dù cậu thiếu niên phía Nam được ăn ngon hơn, mặc đẹp hơn vì tựa lưng vào một "mẫu quốc", giàu có hùng cường hơn, thì khi thối rữa, da

thịt chúng cũng đều bốc lên một thứ mùi khủng khiếp như nhau.

Hai đứa bé ấy liệu có tội gì trong trò chơi oan nghiệt của số phận? Liệu còn có ai muốn tiếp tục khơi gợi oán thù để hai hồn ma trong trắng ấy tiếp tục bắn giết nhau ở thế giới bên kia?

Với tôi, hai chàng thiếu niên ấy đều là con tôi cả. Máu chúng chảy ra là máu của tôi. Và trong bàn thờ tâm linh mình, tôi thắp hai nén nhang như nhau mà vọng tưởng.

Sẽ mãi mãi là bất hạnh, sẽ khổ đau truyền đời mãn kiếp nếu những đứa con của Hùng Vương không nhảy qua được vòng phấn của quá vãng.

Sẽ có một sông Gianh lần thứ ba nếu những người Việt còn nuôi dưỡng hằn thù và khôn nguôi khát vọng tàn diệt nhau.

Đất nước sẽ mãi mãi là một bãi tha ma mênh mông, chất chồng nhiều tầng hài cốt nếu mỗi người Việt không thấy rõ rằng một cuộc nội chiến, dù với bất cứ lý do nào, cũng là chất cường toan làm ruỗng nát cả sinh lực lẫn tâm hồn dân tộc.

Trước tôi, về cuộc chiến tranh Trịnh Nguyễn, đã có người làm bài hát *Hờn sông Gianh*. Giờ đây, để từ chối cuộc chiến vừa qua, tôi viết *Tiểu Thuyết Vô Đề*. Tôi từ chối cái cuộc chiến mà trong đó nửa quê hương Việt Nam ăn gạo Nga cầm súng Nga cùng các nước theo lý thuyết mác xít, nửa kia ăn gạo Mỹ cầm súng Mỹ và các quốc gia đồng minh, quyết tử với nhau. Đất nước ông cha biến thành đấu trường. Những con người cùng huyết thống, cùng giống nòi, biến thành những thù địch.

Ngày hôm nay, tại điện Kremlin, người Nga và người Mỹ ngồi với nhau ký hòa ước giải trừ vũ khí nặng. Còn lại, những người Việt vẫn khôn nguôi thù hận, quyết tát cạn bắt lấy, quyết phân định tao đúng mày sai?... Nếu quả vậy, đó sẽ là trò chơi cay độc và tàn nhẫn nhất của Tạo hóa.

Là một người vào Sàigòn từ thời gian đầu tiên, sau ngày 30 tháng Tư, 1975, nhưng trong lúc mọi người xung quanh không ngớt hân hoan, tôi đã đánh mất mọi niềm vui. Nhiều tiên cảm mơ hồ, lo buồn ám ảnh tôi. Đối với tôi, mọi vinh quang đều hão huyền, chỉ hạnh phúc là có thực. Không phải vô cớ mà Bertold Brecht đã viết: "*Bất hạnh thay cho dân tộc nào sản sinh ra lắm anh hùng*".

Thời gian trôi qua, những tiên cảm mơ hồ trong tôi đã biến thành sự thực. Dân tộc chúng ta, một dân tộc đầy huyết khí và thơ ngây, đã phải chết hàng triệu lần trong cái chết, tưởng sẽ dựng nên một kỳ tích vĩnh hằng cho nhân loại, và sẽ có tất cả sau ngày chiến thắng. Dân tộc ấy giờ đây đang nhặt từng hạt lúa giữa ruộng bùn, đang xây dựng cuộc sống từ một mức bình quân mạt hạng, với khối lượng khổng lồ thương phế binh của cả hai đạo quân, với hằng hà sa số những đàn bà góa những trẻ mồ côi. Dân tộc ấy mới ngày hôm qua còn ngây ngất bởi tiếng vỗ tay cổ vũ chiến thắng, bởi quà tặng của các thứ tình hữu nghị, giờ đây đang bị xua đuổi, bị sỉ nhục, bị hành hạ ở Tiệp, ở Đức, ở Ba Lan, ở Bungari, ở Nga... Dân tộc ấy, dù đang sống ở Mỹ, Pháp hay các quốc gia phát triển nhất, an hưởng một đời sống vật chất và tinh thần hoàn hảo nhất, vẫn không ngừng bị đầy ải vì khôn nguôi nỗi sầu xa xứ. Người ta, không ai có thể từ bỏ nguồn gốc của mình. Sự từ bỏ ấy, nếu là thực trên tấm hộ chiếu thì nó sẽ là giả tạo trên phương diện giống nòi, máu huyết. Nếu nó diễn ra trong ý thức thì sẽ có một ẩn ức trái chiều lặn sâu vào vô thức và tới lúc nào đó, trồi lên cấn xé con tim.

Vì dân tộc phân ly và đau khổ ấy, tôi xin chấp nhận mọi thua thiệt về mình. Dù là sự đàn áp của nhà nước, sự tức giận và phản bác của những người cộng sản bảo thủ. Dù là sự lợi dụng, xuyên tạc và lăng nhục của những người chống cộng cực đoan. Là một kẻ bất hạnh, tôi chịu thêm một lần bất hạnh nữa, ngay cả cái chết cũng chẳng hề chi. Bởi lẽ, nỗi đau khổ của một cá nhân, dù nặng nề đến đâu cũng không thể sánh với nỗi đau khổ của 70 triệu con người. Sự bất hạnh của riêng tôi, dù khốc liệt đến đâu cũng không sánh được sự bất hạnh của toàn dân tộc.

Nhưng tôi tin rằng, người Việt nào có một lương tri mạnh mẽ và khoan dung, người Việt nào tôn trọng lẽ công bằng, can đảm vượt qua những định kiến của quá vãng, tha thiết với lợi ích chung của dân tộc, những người ấy sẽ hiểu tôi.

Vì một nước Việt trong tương lai, một nước Việt vẹn toàn không phân ly, không thù hận, một nước Việt dân chủ và phồn vinh, ngày hôm nay tôi xin chịu đi dưới hai lần đạn.

DƯƠNG THU HƯƠNG

Vì một nước Việt trong tương lai, một nước Việt vẹn toàn không phân ly không thù hận, một nước Việt dân chủ và phồn vinh, ngày hôm nay tôi xin chịu đi dưới hai lần đạn.

Vì một dân tộc Việt trong tương lai, một dân tộc không chỉ biết chết mà còn biết sống, không chỉ mài rũa nghệ thuật chết mà còn tạo dựng và trau dồi nghệ thuật sống, một dân tộc bất hạnh -- đã lặn ngụp trong mất mát và thất vọng -- sẽ tự hiểu mình -- sẽ lớn khôn -- và sẽ trồi từ đáy sâu lầm than đau khổ hận thù tới bến bờ hạnh phúc. Vì dân tộc Việt như thế trong tương lai, ngày hôm nay tôi sẵn lòng chấp nhận bị ném đá cả từ hai phía.

Những ngày lập thu Tân Mùi
12.8.1991

TRẢ LỜI DƯƠNG THU HƯƠNG

THỤY KHUÊ

Ngày 22 tháng Tư, 1991, ba ngày sau khi tin Dương Thu Hương bị bắt được các hãng thông tấn loan đi, tôi được một anh bạn, anh X, cũng là bạn Dương Thu Hương, trao cho tập bản thảo *Tiểu Thuyết Vô Đề*, nhờ tôi viết tựa và tìm cách xuất bản với lời yêu cầu: trong bất cứ hoàn cảnh nào, xin chị đừng tiết lộ vì đâu và vì ai mà chị có tập bản thảo này (1).

Cần nhắc lại rằng khi Dương Thu Hương bị bắt, không khí rất căng thẳng, những người theo dõi tình hình Việt Nam và ủng hộ việc đấu tranh dân chủ hóa đất nước của Dương Thu Hương, ai cũng muốn làm việc gì đó cho Dương Thu Hương. Mọi quyết định phải nhanh.

Tôi đã nhận lời anh X trong không khí sôi nổi và khẩn thiết -- việc mà trong trường hợp bình thường tôi từ chối -- vì tôi *không quen* Dương Thu Hương, *không đồng chính kiến với* Dương Thu Hương và Dương Thu Hương *không trực tiếp nhờ tôi in ấn gì cả* (2). Nhưng cuối cùng tôi cũng đã nhận lời anh X với nhiều do dự và trăn trở:

-- Một trong những chủ đích của việc xuất bản sách ngay là để gióng một tiếng vang trong dư luận, khiến chính quyền cộng sản phải e dè trước mọi quyết định đàn áp Dương Thu Hương. Chủ đích ấy có thể tác dụng ngược lại -- nghĩa là nhà cầm quyền căn cứ vào đó mà buộc tội Dương Thu Hương một cách gay gắt hơn.

Một mặt khác, tôi tin rằng:

-- Điều cần thiết cho văn học là tác phẩm đến tay người đọc, còn vì đâu mà đến, do ai mà đến, không quan trọng.

-- Về những tác phẩm viết ở trong nước mà tôi được đọc cho tới nay: *Tiểu Thuyết Vô Đề* có giá trị tiên phong trong việc nhìn nhận lại cuộc chiến một cách sáng suốt và mạnh dạn. Ngoài ra, *Tiểu Thuyết Vô Đề* còn có một giá trị nghệ thuật nhất định. Tuy nhiên, vì lo ngại phản ứng của chính quyền mà trong bài tựa tôi khẳng định: không biết bản thảo từ đâu tới để xác quyết việc Dương Thu Hương không nhờ tôi làm bất cứ việc gì, do đó chính quyền Việt Nam không thể căn cứ vào đó mà buộc tội Dương Thu Hương chuyển bản thảo sang Mỹ.

Tôi đã giao phó tác phẩm cho nhà xuất bản Văn Nghệ của thầy Từ Mẫn Võ Thắng Tiết vì những lý do:

-- Qua những đóng góp vào văn học nước nhà từ trên 10 năm nay, Văn Nghệ là nhà xuất bản uy tín tại hải ngoại hiện giờ.

-- Giữa thầy Từ Mẫn và tôi đã có hợp tác và tin cậy.

Mặc dù phản ứng chống đối việc in sách trong nước lúc đó còn mạnh, thầy Từ Mẫn đã nhận lời. *Đó là một cố gắng của nhà xuất bản Văn Nghệ cần được ghi nhận mà thầy Từ Mẫn, bây giờ, đã phải trả giá khá đắt.*

Về một vài điểm trong bài Tự bạch của Dương Thu Hương

Có nhiều mức độ để đọc một tác phẩm, hay một văn bản:

-- Độc giả, một số -- rất ít -- thẩm xét cái hay cái dở để đánh giá và phân định giới hạn tác phẩm và tác giả. Lớp độc giả này chắt lọc những điều hay trong tác phẩm lưu lại cho mình và sa thải hoặc quên đi những cái dở trong tác phẩm -- đó cũng là chủ đích của những bài tựa.

-- Một số đông, có nhận xét chung chung tương đối đúng.

-- Và một số khác hiểu lầm hoặc ngộ nhận, thậm chí đi đến chỗ xuyên tạc vô căn cứ.

Tự bạch, đề ngày viết ở trong tù, nhưng lời lẽ hoàn toàn tự do, đã được gửi ra ngoại quốc mới đây, vậy vẫn phù hợp với tâm trạng hiện tại của tác giả. Độc giả sẽ thẩm xét *Tự bạch*. Tôi không đi vào nội dung bài viết, vì không phải là chủ đích của bài này. Chỉ đưa ra vài nhận xét:

Sau 16 năm thống nhất đất nước, mọi định danh, phân giới *đội ngũ những người cộng sản / hàng ngũ những người chống cộng:* tôi ở bên này / anh ở bên kia -- ở thời điểm này -- dường như đã lỗi thời, lạc hậu.

Một khi thắng trận, viết về những nhầm lẫn của mình, đã là khó. Một khi thắng trận, viết về những nhầm lẫn của đối phương lại càng khó hơn. Không mấy người thành công trong cuộc phiêu lưu nguy hiểm ấy, cho dù viết với mục đích "*để những ai thua không thể còn tiếp tục thù hận*".

Ngôn ngữ văn học là một con dao hai lưỡi: nếu *Tiểu Thuyết Vô Đề* -- qua sự kiểm nghiệm lại dĩ vãng -- giải tỏa được một số vấn đề trong sự chia rẽ sâu xa của dân tộc và có một giá trị nhân bản cao, thì bài *Tự bạch* về *Tiểu Thuyết Vô Đề*, với những tố cáo "tội ác" đối phương, giới hạn mọi giải tỏa chia rẽ và triệt tiêu giá trị nhân bản.

*

Chủ đích của bài này là nhìn nhận một vài khía cạnh nhỏ liên quan đến việc in ấn *Tiểu Thuyết Vô Đề* mà tôi có phần trách nhiệm. Dương Thu Hương muốn chọn một nhà xuất bản *thuần túy văn hóa và phi chính trị* tại Pháp: khó đấy! Ở hải ngoại, kiếm một nhà xuất bản thứ nhì -- không dây dưa với chính trị -- và có uy tín hơn nhà xuất bản Văn Nghệ, không phải chuyện dễ. Xác quyết trong sự thiếu thông tin cũng là một giới hạn nữa, đáng ghi nhận của *Tự bạch*.

Trấnh dài dòng, tôi xin vắn tắt trả lời hai điểm có liên quan trực tiếp đến tội trong bài viết:

I. Về câu "*Tiểu Thuyết Vô Đề nhắm vào cốt tủy của huyền thoại 'chống Mỹ cứu nước', vạch trần mặt trái của những lý tưởng cao đẹp, mặt sau của những khải hoàn môn, mặt nạ của những mỹ từ đã trở nên những khẩu hiệu trống rỗng: Tổ quốc - Nhân dân - Chính nghĩa - Tự do - Quốc gia - Dân tộc... Vì người ta đã lạm dụng và dày xéo quá nhiều lần*" trong bài tựa *Tiểu Thuyết Vô Đề*.

Câu văn trên -- cũng như chủ ý toàn thể bài tựa của tôi -- cần được hiểu trên hai mức độ:

1) Vì viết về *Tiểu Thuyết Vô Đề* -- một cuốn tiểu thuyết chống chiến tranh, nhìn từ phía Bắc -- nên tôi đề cập đến huyền thoại "chống Mỹ cứu nước". Nếu viết về một tác phẩm chống lại cuộc "chiến tranh chống cộng sản", nhìn từ phía Nam, tất nhiên tôi sẽ đề cập đến huyền thoại "chống cộng".

2) Khi nêu lên ý tưởng: những danh từ như tổ quốc, nhân dân, chính nghĩa, tự do, quốc gia, dân tộc... đã được *người ta* lạm dụng và dày xéo quá nhiều, tôi viết với tâm cảm hòa hợp Nam - Bắc:

a) qua cách dùng chữ: *người ta* có nghĩa là một số người nào đó, không nhất thiết Nam hay Bắc (nếu không, tôi đã viết rõ: chính quyền miền Bắc).

b) qua cách pha trộn các danh từ thông dụng (tổ quốc... dân tộc) của cả hai miền, vì đối với tôi, 6 danh từ trên đều là tiếng... Việt cả. Ngoài ra, tôi không nghĩ: vì miền Nam hay dùng chữ *quốc gia*, miền Bắc hay dùng chữ *nước* hay *đất nước*, mà những từ đó trở thành độc quyền ngôn ngữ Nam hoặc Bắc, lại càng không thể là độc quyền ngôn ngữ của các chính quyền Nam - Bắc.

c) Theo Dương Thu Hương "*chính quyền miền Bắc không bao giờ sử dụng những danh từ: Quốc gia - Tự do - Dân tộc trong các khẩu hiệu được coi là tôn chỉ của cuộc chiến*". Vậy thì những khẩu hiệu "*Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một, sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý ấy không bao giờ thay đổi*", "*Không có gì quí hơn độc lập, tự do*", "*Vì độc lập, vì tự do, đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào*"... những khẩu hiệu ấy ở đâu ra? Nhắc lại những khẩu hiệu ấy ở đây không phải để phủ nhận chân lý nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một, nhưng để cùng nhau tự hỏi: có chân lý nào đáng giá 20 năm cốt nhục tương tàn, với những đau thương, chia rẽ, hận thù... mà ngày nay dân tộc vẫn còn phải trả? Kể cả chân lý nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một.

Vì viết vội (3) nên tôi viết vụng chăng? Khiến Dương Thu Hương không thấy dụng ý hòa hợp của tôi, khiến Dương Thu Hương phải vất vả, mất thì giờ giảng giải về những điều tôi muốn nói và đã viết?

II. Khi viết: "*Dương Thu Hương là một hiện tượng hiếm có, một viên ngọc trong đám sình lầy đang ô nhiễm quê hương.*"

Trong mạch văn và trong bối cảnh bài viết, thiết tưởng không một người Việt nào đọc câu trên lại có thể gán cho nó ý nghĩa mạ lỵ dân tộc. Có cần phải giải thích: viên ngọc ở đây chỉ là hình ảnh tượng trưng cho những thái độ quả cảm, đã trồi lên và sẽ còn trồi lên trên đất nước, mà Dương Thu Hương là một trường hợp, và sình lầy tượng trưng cho sự độc tài, chuyên chế, tham nhũng gian dối, đàn áp tư tưởng... hay không?

Không nhận lời khen là quyền của mọi người. Nhưng xuyên tạc lời viết lại là chuyện khác.

*

Tóm lại, việc xuất bản *Tiểu Thuyết Vô Đề* đã xảy ra là do lòng tin tưởng vào một việc chung và tốt giữa ba người: anh X, tôi và thầy Từ Mẫn.

Trách nhiệm và thương tổn. Tôi nhận. Nếu tôi có sai lầm trong sự nhiệt tình thì tôi đã được trả giá đúng mức.

Ngày nay thẩm định lại: Thử hỏi việc xuất bản ấy có hại hay có lợi cho tác phẩm?

Dù sao chăng nữa, đây cũng là một dịp đối thoại. "*Khôn không qua lẽ, khỏe không qua lời*", biết vậy mà lễ độ trí thức và cái chừng mực của con người vẫn không cho phép tôi đẩy lời lẽ đến cùng.

THUỴ KHUÊ
14.2.1992

Chú thích:

(1) Trong hoàn cảnh lúc đó, tôi chấp nhận điều kiện này.

(2) Cơ sở duy nhất mà tôi dựa vào là bản sao một lá thư Dương Thu Hương viết cho hai người bạn (anh Giao và anh Đường), nội dung ngỏ ý muốn xuất bản *Tiểu Thuyết Vô Đề* tại hải ngoại.

(3) Tôi đã đọc *Tiểu Thuyết Vô Đề* và viết Tựa trong năm (5) ngày (từ 22 đến 27 tháng Tư, 1991). Cùng trong tuần lễ đó, thực hiện một chương trình phát thanh về Dương Thu Hương trên RFI dài 24 phút và viết hai bài về đề tài Dương Thu Hương để kịp đi trên *Thông Luận* số ra ngày 1 tháng Năm, 1991.

THƯ GỬI DƯƠNG THU HƯƠNG

BÙI BÍCH HÀ

Cali ngày 8 tháng Ba, 1992

Chị Dương Thu Hương,

Cách nay dễ chừng hơn hai năm, một người bạn văn của tôi ở đây đến thăm tôi vào buổi tối, đưa tận tay tôi một tập giấy xerox lam nham dấu mực và nói với tôi, "Sách hiếm, chị đọc cho biết người cầm bút bên nhà viết cái gì và viết ra sao. Chị đọc thật nhanh vì tôi không mượn được lâu". Mặc dầu ngày đó và bây giờ, dư luận chung của những người đã từng có kinh nghiệm sống xương máu với phía Cộng sản vẫn chủ trương rằng "bất cứ gì đến từ thế giới CS đều gian tâm và trí trá" (*Phụ Nữ Diễn Đàn*, số 98, tháng Ba, 92, tr.28), một đa số người Việt thầm lặng khác, không định kiến, không mặc cảm, không tỵ hiềm, đố kỵ, dẫu rằng bản thân họ cũng trải qua hoặc gánh chịu nhiều cảnh ngộ bi thảm suốt chiều dài cuộc chiến tranh quốc cộng và cho đến hiện tại vẫn đang là nạn nhân của những hậu quả khốc liệt do cuộc chiến tranh ấy để lại, cái đa số người Việt thầm lặng này luôn luôn nhậy bén đối với mọi âm hao vọng đến từ tổ quốc đau thương và dân tộc lầm than bên kia bờ biển đông. Họ lắng nghe, họ mong đợi, trái tim họ đập những nhịp thổn thức trong lồng ngực, mắt họ mờ lệ hệt như ở bên giường bệnh của người thân yêu nhất đang thập tử nhất sinh, lắng nghe từng hơi thở, mong đợi từng dấu hiệu hồi phục dù rất mơ hồ.

Bằng cách này hay bằng cách khác, bài viết, tác phẩm của những người cầm bút bên nhà được luân chuyển trong cộng đồng người Việt hải ngoại. Có những người mỗi ngày đêm chỉ có bốn tiếng đồng hồ để ngủ giữa hai ca làm mà vẫn để ra thêm một giờ thức để đọc.

Cũng cùng cung cách này, tôi đã đọc *Những Thiên Đường Mù* của chị lần đầu. Tôi yêu nét nhìn thương cảm xuống thân phận người của chị, tôi ngậm ngùi xúc động trên những bước chân chị đi nhẹ vào nỗi đau của một xã hội nhọc nhằn. *Những Thiên Đường Mù* không có hình thức một bản cáo trạng nhưng nó là sự thất vọng ray rứt giữa thực tế và lý tưởng, là sự thất bại ê chề trong quá trình đấu tranh của những người Cộng sản muốn đạt đến điều mà họ gọi là mục tiêu của cách mạng hay tinh hoa của chủ nghĩa Mác-xít. Những cảm xúc chị sống qua và thể hiện thành tác phẩm, vượt lên trên sự hơn thua phe phái, vượt lên trên mọi ý đồ chính trị vì nó đề cập đến con người đau khổ bị vùi dập dưới những nỗi khốn cùng do hoàn cảnh xã hội nó sống. Lột trần đến tận xương tủy, tiếng khóc, tiếng cười của loài người giống nhau, không có nhãn hiệu. Chính cái giá trị nhân bản trong một tác phẩm là sự sống lâu dài của tác phẩm ấy và là sự hòa hợp lớn rộng nhất mà người ta có thể mong đợi chứ không phải sự khua động ầm ỹ của những lời khen chê có tính cách thời sự hay những khẩu hiệu hô hào.

Một thời gian sau, khi thấy chị liên tiếp xuất hiện trong một số hoạt động có tính cách chính trị, đọc những bài tham luận nẩy lửa ở nhiều cuộc họp, phê phán và đòi hỏi nhà nước Cộng sản thay đổi một số điều trên mặt hiện tượng (nhắm vào đường lối, nhân sự, không nhắm vào bản chất chế độ là nguồn gốc của đường lối ấy, nhân sự ấy), khi thấy chị lấy toàn lực lao mình vào sân khấu chính trường trong ánh sáng rực rỡ và tiếng cổ võ của những người muốn suy tôn chị là biểu tượng tự do (để cám ơn chị đã đốt lên một mồi lửa hay ít ra, đã làm giùm họ cái việc rửa mặt kể từ chiến trường Điện Biên), tôi biết ngay rằng định mệnh đã đặt chị vào một vai trò khác. Tôi tiếc sự nghiệp văn chương của chị. Tôi tiếc sự hồn nhiên và nhiệt tình trong sáng của chị lúc bắt đầu. Con đường chị đi không được xa. Chị để mình bị cuốn hút vào cơn lốc của những đẩy đưa thời sự hời hợt, của những trò ma-nớp chính trị ấu trĩ. Chị như con cá mắc lưới, càng vùng vẫy càng làm rơi rụng những cái vẩy bạc óng

ánh. Sự vùng vẫy tuyệt vọng nhất của chị mới đây là bản tự bạch về cuốn *Tiểu Thuyết Vô Đề*.

Viết đến đây, tôi muốn dừng lại, buông bút, thôi. Cảm giác ngao ngán xâm chiếm lòng tôi, khiến tôi tự dưng nhớ đến cái tựa phim trên mặt tiền một rạp chiếu bóng ở Sài Gòn khoảng năm 1980 hoặc 82, "Chuyện không có gì mà ầm ỹ". Tuy nhiên, hình ảnh một cô Dương Thu Hương năm mười tám tuổi đi "xẻ dọc Trường Sơn" (để làm gì là chuyện riêng của cô), sống hầu hết thanh xuân đời mình trong chiến hào, địa đạo hay núi sâu, rừng cao, cận kề nỗi chết, vẫn có điều gì làm cho tấm lòng người đàn bà được êm đềm sinh con, đẻ cái trong tôi cứ vừa đau đáu xót xa, vừa mến yêu trân trọng. Không nói tới mục tiêu hay lý tưởng họ theo đuổi, lòng dũng cảm và sự hy sinh của tuổi trẻ ở bên này và bên kia chiến tuyến, xét cho cùng, đâu có khác gì nhau?

Cho nên, tôi vẫn muốn nói chuyện với chị, vượt qua mọi nỗi băn khoăn, chán chường. Có thể tôi nói vào khoảng không. Có thể tôi sẽ nhận đủ loại hồi âm chua chát, như trường hợp chị Thụy Khuê. Điều tôi cần là sự thực và lẽ công bằng được tôn trọng, một cách phải chăng.

Trước hết, bản tự bạch về *Tiểu Thuyết Vô Đề* làm tôi vô cùng kinh ngạc.

Cũng là một người cầm bút, từng có lúc đau đớn ý thức về tính cách hoa mỹ và sự lừa lọc trong ngôn ngữ, tôi cố đọc bản tự bạch của chị giữa hai hàng chữ, cố tìm kiếm những lời gửi gấm khuất lấp mà lòng riêng tôi quí mến chị lúc ban đầu cứ thôi thúc tôi ngờ vực. Nhưng không, quả thật chỉ là một Dương Thu Hương ồn ào của những tranh chấp cuồng nhiệt, của những kiến thức chính trị nông cạn, hồ đồ, bó chặt trong giới hạn người cựu đảng viên CS, của những nhân danh giả trá và lạm dụng. Viết trong tù, nhưng chị viết tự do "*Tôi là con người tự do. Tôi chỉ trung thành với những tư tưởng của chính mình*". Ra khỏi tù, chị càng mãnh liệt đòi hỏi tự bạch được công bố tầm rộng. Như vậy, nói chuyện với D.T.H. trong tự bạch là nói chuyện với một D.T.H. đích thật nhất, với những biến chuyển và bộc lộ tâm lý gần kề nhất, không phải là một D.T.H nạn nhân của sự cưỡng bức chính trị *("Tôi bất chấp sự khủng bố của phía bên này...")* như vài người bạn mơ mộng và nhậy cảm của tôi đã đặt câu hỏi.

Quả thật những điều chị viện dẫn đều đúng cả: "*Tôi biết rằng trong mọi thứ kiến thức thì kiến thức khó đạt được nhất là sự tự hiểu mình*", "*con người bị nhào nặn giữa các tập quán, các hệ tư tưởng hiện tồn, các nguyên tắc luân lý truyền thống. Phải tới một lúc nào đó và với những điều kiện nào đó, một cá nhân mới có thể bứt khỏi lực hướng tâm của quần thể để xác định những tư tưởng đích thực của mình*". Nói thì dễ nhưng con đường từ nhận thức đến thực hành thường gai góc, có khi đẫm máu, chưa kể rằng "những điều kiện nào đó" cũng đòi hỏi nơi con người khả năng đáp ứng tương xứng để vận dụng và làm phát huy được chúng.

Dù muốn dù không, chị đã sinh ra và lớn lên, trải non nửa đời người trong chiếc nôi cách mạng vô sản. Nếp sống ấy tạo cho chị cung cách suy nghĩ, lý luận, hành động rập khuôn cái môi trường nuôi dưỡng chị (mà nỗ lực giằng xé mình ra khỏi nó với *Tiểu Thuyết Vô Đề*, khi nhìn lại, đã khiến chị cảm thấy bơ vơ, hoảng hốt, đã khiến chị quay về, dựa lưng vào nó như điểm tựa an toàn để chống trả sự tấn công của một kẻ thù tưởng tượng).

Chị sử dụng y chang sách lược căn bản của cách mạng vô sản Việt Nam: nhân danh tập thể nhưng suy tôn cá nhân, dùng các giá trị tốt đẹp của truyền thống dân tộc làm tấm chắn bao che những hành động phi dân tộc.

Chị trách chị Thụy Khuê xưng tụng chị là viên ngọc trong đám sình lầy, chị nói chị muốn san sẻ mỹ từ ấy với nhân dân cả nước nhưng ngay lúc đó chị lại nhận riêng chị rất khác người "*Với một lời khen hết cỡ như vậy, ai đó, khác tôi, sẽ vô cùng mãn nguyện, nhưng tôi thì không*". Ở một nơi khác, chị nói "*Trong lúc các chị em bạn gái khác chóa mắt vì son phấn, vải lụa, hàng hóa, tôi choáng váng nhận thấy lượng sách ở miền Nam quá nhiều...*" "*Tôi là con người tự do, bất chấp khủng bố, chỉ trung thành với tư tưởng của chính mình*". "*Tôi là một người dân Việt, với tôi, lợi ích dân tộc là tối thượng*". "*Vì dân tộc ấy, tôi xin chấp nhận mọi thua thiệt về mình*" *v.v...* Sơ lược ngần ấy cái tôi của chị, mỹ từ viên ngọc có lẽ chưa có trọng lượng tương xứng, đâu có hàm hồ và đâu phải lỗi ở người khen? Ai trong chúng ta lại không ao ước đất nước và dân tộc có nhiều nhiều viên ngọc như thế để sình lầy bớt tăm tối?

Đi con đường cũ của cách mạng nhưng sức chị còn non yếu, chị không có bản lãnh và tài năng của lãnh tụ, chị nhân danh nòi giống, dân tộc hơi nhiều nhưng chị không vận dụng được yếu tố tất thắng ấy, chị tự suy tôn lấy mình để biến thành trò rêu rao nông nổi thay vì làm cho người khác suy tôn mình vì lòng kính trọng và tin cậy.

Cho đến giờ phút này, khi mọi nguyên nhân thầm kín của cuộc chiến tranh "chống Mỹ cứu nước" đã phơi bày mà chị vẫn còn khăng khăng quả quyết rằng đó là cuộc chiến tranh "theo truyền thống của người Việt". Liệu cái ngụy thuyết này có chạy tội được mùa Xuân Mậu Thân đẫm máu ở Huế hay sinh mệnh lũ trẻ thơ trên công viên bến Bạch Đằng hay không? Sao chị không đủ can đảm, sự lương thiện và công bằng để nhìn nhận rằng câu chuyện "chống Mỹ cứu nước theo truyền thống

của người Việt" chỉ là chiêu bài tháu cáy nhằm du nhập cái chủ thuyết Cộng sản độc hại, vô đạo vào đất nước gấm hoa của chúng ta và làm ung thối nó?

Chị đi tham gia cuộc chiến tranh chống Mỹ cứu nước từ năm mười tám tuổi nhưng những tù binh chiến tranh đầu tiên, chị thấy lại là "những người tóc đen, da vàng, cùng nòi giống" với chị, ngày ấy "trái tim thầm kín" có bao giờ khiến chị bàng hoàng, trăn trở, có bao giờ làm những ngón tay chị ngập ngừng trên báng súng hay chị đã nhất mực hăng say lao ra tuyến đầu theo khẩu hiệu "đánh cho Mỹ cút, ngụy nhào" của Đảng? (Ngay cả khi cuộc chiến tranh ấy đã được Việt Nam hóa 100% để ra khỏi công luận bất lợi của cả thế giới đang đi vào trật tự mới và để trả lại cho người Việt phía Nam vĩ tuyến 17 chính nghĩa chống Cộng bảo vệ tự do của họ).

Nhưng thôi, không ai có thể quay ngược dòng lịch sử và sửa chữa quá khứ. Từ những lầm lỡ, sai sót đã qua, người ta chỉ có thể rút ra những bài học soi chiếu vào tương lai. Tôi và các bạn của tôi, chắc chắn cả chị Thụy Khuê, xúc động và cảm phục sự dũng cảm từ bỏ cái hào quang huyền thoại "chống Mỹ cứu nước" của chị với *Tiểu Thuyết Vô Đề*. Chúng tôi mong đợi và trân trọng những cách đánh giá lịch sử phân minh, ngay thẳng, khách quan, thành khẩn, bất cứ từ đâu tới, như là những tiền đề căn bản mở đầu việc tái tạo một nước Việt Nam hùng cường và tiến bộ. Thế nhưng sự thực *Tiểu Thuyết Vô Đề* không phải là thành quả một chuỗi suy nghiệm gạn lọc qua thực tế đau thương của cả một dân tộc, như có lúc chị nghĩ. Chị chỉ "dụng tâm" (chữ chị dùng trong bản tự bạch) viết nó như người rụt rè chìa một bàn tay thăm dò về phía đối phương mà lòng vẫn đầy hoài nghi, như người đi trong đêm tối, tin có ma nên hốt hoảng ngay trên những bước chân mình.

Không ai "lợi dụng triệt để" tác phẩm của D.T.H. vào mục tiêu chống chính quyền Hà Nội. Ở đây thiếu gì sách bêu xấu chế độ do những người đã từ bỏ chế độ viết ra mà có ai thèm đọc? Chửi bới, vu khống, mạ lỵ hay cường điệu đâu có làm cho đất nước tốt đẹp ra, nhân dân hạnh phúc hơn? Người ta cổ vũ các tác phẩm đưa ra những nhận thức đứng đắn, nghiêm chỉnh vì chúng thúc đẩy đổi mới con người, tư duy, chính trị. Chị chỉ nên tiếc nếu *Tiểu Thuyết Vô Đề* không đạt được hiệu năng cao quí ấy chứ không nên tiếc vì nó là "*một cơ may để những người chống Cộng cực đoan bộc lộ những hiềm thù chưa phỉ cũng như mối căm uất của kẻ thua trận, chưa có cơ hội giải tỏa và chiến dịch này đã gây ra những thất thiệt cho nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*".

Chị luôn luôn đòi hỏi công bằng nhưng xem ra chị sợ sự công bằng với chính mình (và đó là sự công bằng cao nhất như chị viết). Chị hốt hoảng từ chối tấm gương phản chiếu bản thân do chị làm dáng treo lên bằng cách hô hoán có người làm lem luốc hình ảnh chị trong đó. Chị lại không công bằng cả với tha nhân bằng những suy tưởng hạn chế và đầy định kiến.

Trước hết, các "nữ ca sĩ giọng oanh vàng véo von" (chữ chị viết) của chúng tôi không bao giờ thêu dệt chiến tranh thành giấc mộng vàng cả. Đối với miền Bắc, thắng trận nghĩa là "*dựng nên một kỳ tích vĩnh hằng cho nhân loại, là sẽ có tất cả sau ngày chiến thắng*". Nhưng đối với miền Nam chúng tôi chiến tranh là một bắt buộc đớn đau, là chia lìa tan tác, là không có ngày vui cho cha mẹ già cho vợ dại, con thơ, là đương đầu với bi kịch và thảm kịch để giành lấy sự sống còn, để giành lấy quyền tự chủ đời mình. Chúng tôi có những anh hùng quốc gia xứng đáng với tên gọi (chứ không ở trong những cái ngoặc kép của chị). Họ lên đường không tầm thường vì "*giọng oanh vàng khích lệ*", càng không trẻ con bằng những "*bản hòa tấu kèn ca ngợi chiến tranh*". Họ biết sống và biết chết cho ra người. Công hay tội, sau này lịch sử sẽ phê phán nhưng sinh mệnh là hiến tặng cao quí nhất của con người cho Tổ quốc và dân tộc. Nói đến các anh hùng quốc gia với những cái "ngoặc kép" là đứng bên ngoài lịch sử, bên ngoài biên cương đất nước, bên ngoài đạo đức giống nòi, là để chảy mãi một dòng Bến Hải âm u trong tâm thức người bên này và bên kia bờ. Thật là một bất công đau xót đối với Thụy Khuê; chỉ vì muốn từ chối lời khen ngợi của chị ấy (để được khen bởi nhiều người và nhiều lần hơn) mà chị buộc cho Thụy Khuê cái tội "*nhục mạ đồng bào*" bằng một lý luận vô lý đến nực cười. Vì chị không biết sự việc đơn giản nhất Thụy Khuê là một phụ nữ, chị sẽ không biết cả nhiệt tình quả cảm của chị ấy trong những nỗ lực "*nhảy qua cái vòng phấn quá vãng*" sự liều mình chấp nhận "*đi giữa hai lằn đạn*" chỉ vì ước mơ một vận hội mới cho "*những lê dân hôm nay cắm mặt xuống ruộng bùn cấy lúa, ra nước ngoài làm thuê với đôi chân không tất, không giầy trước cặp mắt khinh bỉ và ghẻ lạnh của ngoại nhân*". Trong đáy lòng chúng tôi và Thụy Khuê, những lê dân bất hạnh ấy phải "*được nuôi dưỡng trong một hoàn cảnh khác để có đủ khả năng theo đuổi nền văn minh và không thua kém bất kỳ dân tộc nào khác trên địa cầu*".

Tôi muốn chị tin như tôi rằng tình tự dân tộc là cái chung nhất trong tâm hồn và trái tim chúng ta. Thụy Khuê tích cực hơn nhiều người khác ở chỗ chị hiến tặng lòng tin không đắn đo, ở thiện chí khơi gợi dù một đốm lửa nhỏ để mong gây thành đám lửa lớn. Điều khác nhau rõ nhất giữa Thụy Khuê và chị chính là sự trân trọng đối với con người nói chung, là lòng

Mấy bài thơ làm ở Saigon

KHOA HỮU

MÂY TẦN

Anh vừa chết đắm đam mê
ơn em cứu tỉnh đưa về mai sau
cài then cấm cửa ra vào
cho riêng nghiên bút viết câu thơ tình
giấy thơm mực nét trời xanh
sông yêu núi nhớ biển thành tài hoa
tìm em đường ước -- bao xa
tu thân anh lấy lòng so mỗi ngày
đêm anh rừng ngủ chưa say
gối sương phủ mặt lá bay trăng liềm
mùa xuân cởi hết áo xiêm
gió đi quên tắt ngọn đèn phù vân.

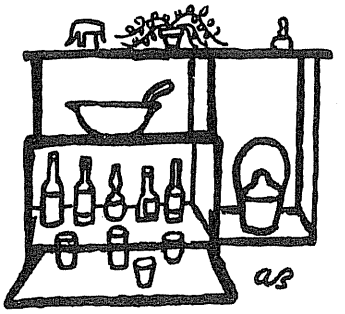

SINH NHẬT CỦA THI SĨ

Thắp lên ngọn lửa minh oan
một mai mai một rồi khan hiếm người
ngày già vuốt tóc râu tôi
sợi đen chen sợi trắng đời kẻ kia
đứng ngay lưng thẳng gối lìa
ngồi cong ngửa mặt xin chia lượng người
đi mau vẫn dưới gầm trời
sống lâu thêm cũng cạn lời giải phân
đêm dài nhắm mắt cần thân
co tay chật đất duỗi chân hụt trời
nhìn quanh mở miệng yên vui
hình ma bóng quỷ đến ngồi chờ ta.

yêu nước, yêu đồng loại không giành độc quyền, rút tỉa từ những kinh nghiệm lịch sử đau buồn của dân tộc và được tôi luyện cực kỳ mạnh mẽ trên suốt dọc hành trình đi tìm tự do của cộng đồng người Việt lưu vong.

Tôi không quen riêng Thụy Khuê, không chia sẻ chính kiến của chị ấy trong vài trường hợp, nhưng tôi quí trọng tấm chân tình chị gởi vào những việc chị làm. Ở lại với chế độ mười một năm, tôi hiểu rằng hậu quả độc hại nhất do chính sách gây ra là ý thức phòng thủ triệt để nơi mỗi cá nhân dẫn đưa tới ngờ vực và dối trá, là nhu cầu tồn tại quá cam go khiến người ta có khuynh hướng loại bỏ người khác mà quên rằng chỉ có hợp quần mới làm nên sức mạnh.

Trong sự hăng say biện bạch lấy mình, chị nói những điều rất sai lầm khác.

Đối với tài năng Đặng Thái Sơn, biết tin anh đoạt giải Chopin, người miền Nam chúng tôi không chỉ "vui sướng" mà còn cảm xúc, nghẹn ngào, còn lâng lâng hãnh diện, còn cám ơn những người đã giúp anh có cơ hội rèn luyện chuyên môn để trở thành một danh cầm ngang tầm vóc quốc tế. Ai nói với chị là chúng tôi quay mặt đi? Có phải chị đã tự vẽ "*vòng phấn định kiến*" dưới chân chị hay không? Vậy, Ái Vân hay Huyền Châu có

phải đã xuất thân từ đoàn văn công Hà Nội hay không mà nay họ đang là những con chim họa mi được cộng đồng yêu mến, ngày đêm cao giọng ca hát dưới bầu trời tự do và trong những điều kiện sinh tồn y hệt các ca sĩ của Sài Gòn cũ?

Chị còn nói tệ hại hơn nữa về những người trẻ tuổi đã tham gia cuộc chiến vừa qua dưới hai màu cờ Nam Bắc. Tôi tin chắc không có đứa bé nào "hăm hở" đi vào cuộc chiến với sự "rắp tâm lập công" như chị đã hạ bút mô tả. Chúng bắn giết nhau, chúng trúng thương, chúng tàn phế, chúng chết chui chết lủi trong rừng hay trên chiến địa, thưa chị, đó là sự bất hạnh lớn nhất của dân tộc, là sự bạc phước nằm trong số mệnh chúng để trở thành nạn nhân cho trò chơi oan nghiệt của Bắc bộ phủ. Chắc chắn không còn ai "*muốn tiếp tục khơi gợi oán thù để hai hồn ma trong trắng ấy tiếp tục bắn giết nhau ở thế giới bên kia*", nhưng chúng ta không thể kiến tạo hòa bình bằng cách qui lỗi nặng nhẹ cho nhau. Đúng như chị viết "*trong bất kỳ cuộc chiến nào, chết chóc, đau đớn, sự hủy diệt nhân tính được chia đều cho cả hai bên*", nên ra khỏi sự phân tranh với số tồn căn ký ức như nhau.

Tôi chỉ ngạc nhiên là mãi đến ngày nay chị mới nói đến khía cạnh huynh đệ tương tàn trong cuộc chiến vẫn được mệnh danh là "chống Mỹ cứu nước" vừa qua. Mãi đến bây giờ, trước viễn ảnh khả thể của một cuộc chiến sẽ dai dẳng khác và xảy ra giữa người Việt Nam với nhau, chúng tôi mới được đọc nỗi buồn trong chiến tranh, mới được nghe cảnh cáo rằng "*một cuộc nội chiến, dù với bất cứ lý do nào, cũng là chất cường toan làm ruỗng nát cả sinh lực lẫn tâm hồn dân tộc*".

Dẫu sao, muộn vẫn còn hơn không. Con đường từ nhận thức đến thực tế đòi hỏi sự hy sinh lớn lao ở cả hai phía (mà sự hy sinh quyền lợi thường khó hơn sự hy sinh nhân phẩm). Tuy nhiên, sống là hy vọng và tự cải thiện. Tôi tin cuối cùng lẽ phải sẽ tồn tại và chân lý sẽ đánh đổ ngụy tín.

Chị Dương Thu Hương,

Vừa rồi, tôi có được xem tấm hình chị chụp sau khi ra tù, với người bạn thân nhất của chị là một nữ đại úy trong quân đội nước Cộng Hòa XHCN Việt Nam. Nét nhìn mệt mỏi, lẩn tránh, hoang mang của chị trong tấm hình ấy bên cạnh khuôn mặt đẹp khỏe mạnh và trong sáng của bạn chị ám ảnh tôi. Tôi cũng nhớ lại một tấm hình khác chị mặc sơ mi đỏ, đang nói chuyện ở câu lạc bộ Hiệp hội Khoa học kỹ thuật, chụp cách đây vài ba năm. Trong tấm hình này, chị cũng có đôi mắt sáng, nụ cười tự tin như bạn chị bây giờ. Tôi biết rằng cơn bão chính trị thời sự vừa qua đã làm tổn thương tinh thần và thể chất chị nhưng chị cần sáng suốt phân biệt rõ, định danh rõ những thế lực muốn sử dụng chị như một phương tiện và những người thành tâm mong chị mãi mãi là bông hoa tự do nở trên những vòng kẽm gai ở quê hương, để báo hiệu sức sống và làm đẹp cho quê hương ấy.

.....

Ở lại với chế độ mười một năm, tôi hiểu rằng hậu quả độc hại nhất do chính sách gây ra là ý thức phòng thủ triệt để nơi mỗi cá nhân dẫn đưa tới ngờ vực và dối trá, là nhu cầu tồn tại quá cam go khiến người ta có khuynh hướng loại bỏ người khác mà quên rằng chỉ có hợp quần mới làm nên sức mạnh...

BÙI BÍCH HÀ

Những người cầm bút thường bị giày vò nhiều hơn người xung quanh do bản chất xúc động bén nhạy, khiến họ tiếp nhận và gạn lọc vi tế mọi trạng huống đời sống. Sự mâu thuẫn giữa thực tế giới hạn và tâm thức tự do, riết róng, cay nghiệt, thôi thúc đến độ có khi họ cháy bằng ngọn lửa của chính mình.

Chị Dương Thu Hương,

Phải nói với nhau những điều rốt ráo, lòng tôi thật phiền muộn, nhưng đấu tranh trực diện và triệt để trên những vấn đề chưa thông suốt chính là một cách quan tâm về nhau, một cách xây dựng tư duy trong sáng giữa những người có thiện chí cùng chung nỗi lo. Tôi cũng hiểu cảnh ngộ khó khăn sinh tử của người đi giữa hai lằn đạn. Trong hiểm nguy mà sự sống còn là điều thiết yếu căn bản, người ta có quyền và nên khôn ngoan đi dưới khiên chắn, song đừng để tấm khiên ấy đè bẹp mình, đừng dùng tấm khiên ấy đánh người đồng hành vì tưởng rằng mình sẽ được che chắn nhiều hơn.

Nghĩ rằng Dương Thu Hương đã chết thêm một lần trong nỗi chết vì cánh tay của đảng quá dài, quá tinh vi vẫn dễ chịu hơn là đồng hóa chị với bất cứ một sản phẩm nào của đảng, để phải hối tiếc về *sự nhẹ dạ và cả tin* đáng buồn nơi tất cả những ai bên này phòng tuyến đã vội vã lên đường đi tìm vận hội mới cho quê hương ngay tiếng gọi đầu tiên đến từ *Bên kia bờ ảo vọng*.

Những viên đá ném từ hai phía không chỉ chôn vùi chị, chúng chôn vùi luôn cả cơ hội tái xây dựng trong hòa bình một nước Việt Nam *toàn vẹn, không phân ly, không thù hận, dân chủ và phồn vinh*.

Đi giữa hai lằn đạn là một thách đố dũng cảm nhưng giữ thăng bằng trên đường dây lại là xảo thuật của người làm xiếc mua vui để đổi lấy cơm áo và những tràng pháo tay phù phiếm.

BÙI BÍCH HÀ
Tháng Ba, 92

KINH TẾ VIỆT NAM

MỘT NĂM SAU KHI LIÊN XÔ CẮT VIỆN TRỢ

LÊ MẠNH HÙNG

Sự sụp đổ của Liên Bang Sô Viết trong năm qua đã là một cây đinh nữa đóng thêm vào quan tài của chế độ Hà Nội. Trái với mọi năm, những cái mà Hà Nội gọi là những ngày lễ lớn -- kỷ niệm ngày sinh thứ 101 của Hồ Chí Minh, quốc khánh 2/9 -- đã không được làm rầm rộ mà trôi qua một cách tẻ nhạt. Đại hội Đảng lần thứ Bảy vừa qua là một cố gắng để thực hiện cái không thể làm nổi: làm sao có thể xây dựng lại nền kinh tế Việt Nam mà không bỏ quyền cai trị của Đảng, không bỏ cái gọi là lý tưởng Cộng sản của họ.

Điểm son duy nhất

Có lẽ điểm son duy nhất của Hà Nội trong năm qua là lại tránh thoát được một sự sụp đổ trông thấy của nền kinh tế sau khi Liên Bang Sô Viết tan rã và viện trợ Liên Xô bị cắt một cách đột ngột. Cải tổ kinh tế nông thôn đã giúp Việt Nam tự túc được lương thực mặc dầu bị thiên tai lụt lội với sản lượng thu hoạch giảm sút lên đến 1,5 triệu tấn. Để có thể có ngoại tệ trả nợ và nhập cảng những sản phẩm thiết yếu, chính quyền đã cố gắng nâng cao xuất cảng sang các nước có ngoại tệ mạnh. Trị giá xuất cảng lên đến 1,9 tỷ Mỹ kim tăng 700 triệu so với năm 1990. Tuy nhiên xuất cảng vẫn dựa trên một nền tảng rất là chật hẹp, khoảng chưa đến mười sản phẩm chủ yếu đã chiếm trên 90% kim ngạch xuất khẩu. Gần 30% tổng số thu hoạch xuất khẩu là nhờ dầu thô, 3,9 triệu tấn. Số còn lại là than tăng 50% so với năm 90 với 1,2 triệu tấn. Mặc dầu sản xuất lương thực bị trì trệ, nhưng Hà Nội cũng cố gắng xuất cảng một triệu tấn gạo trong năm 1991.

Các ngành khác suy thoái trông thấy. Xuất cảng sang phần đất thuộc Liên Bang Sô Viết cũ chỉ đạt 85 triệu Mỹ kim so với một tỷ rúp (1,8 tỷ Mỹ kim theo giá năm ngoái) của năm 1990. Điều này đã ảnh hưởng nặng đến các ngành kỹ nghệ nhẹ mà nguồn tiêu thụ chính là các nước thuộc khối xã hội chủ nghĩa nay đã chết.

Mặc dầu đã gia tăng xuất cảng như vậy, nhưng vì không có viện trợ nên tình trạng thiếu hụt ngoại tệ để nhập cảng những món hàng cần thiết càng ngày càng trở nên trầm trọng. Theo báo cáo chính thức của Hà Nội, nhập cảng bị cắt từ 3,7 tỷ Mỹ kim năm 1990 xuống còn 1,9 tỷ Mỹ kim năm 1991. Tháng Mười năm 1991 Võ Văn Kiệt đã phải ký sắc lệnh cấm nhập cảng các hàng tiêu thụ cho đến năm 1992 và kiểm soát ở cấp bộ trưởng việc nhập cảng các món hàng dầu khí, phân bón, thiết bị

và phụ tùng.

Tình hình có lẽ còn khó khăn hơn nếu không có được "viện trợ tư nhân" từ các gia đình người Việt ở hải ngoại. Tiền và hàng gửi về đã đóng góp một phần không nhỏ cho chế độ. Theo Ủ Thị Ánh, phó chủ nhiệm Ủy Ban Liên Lạc Việt kiều thành phố Hồ Chí Minh, một tổ chức được lập ra để ve văn người Việt Nam từ nước ngoài trở về, trong nửa đầu của năm 1991 riêng tại Sài Gòn, người Việt hải ngoại đã gửi về cho gia đình khoảng 150 triệu Mỹ kim bằng ngoại tệ và vàng. Theo ước tính của các chuyên viên kinh tế Hà Nội, số ngoại tệ do người Việt hải ngoại mang về hoặc gửi về cho cả năm 1990 lên đến 500 triệu Mỹ kim, bằng 40% tổng số xuất cảng của cả nước. Tuy nhiên số tiền này chỉ khoảng chừng 10% là được gửi qua lối chính thức. Phần còn lại được mang về và đóng góp một phần không nhỏ cho biệc buôn lậu đang tràn lan trên khắp nước. Theo ước tính của các chuyên viên nước ngoài, số hàng buôn lậu lên đến tối thiểu 300 triệu Mỹ kim đã ảnh hưởng mạnh đến sản xuất trong nước.

Mặc dù vậy, lạm phát tiếp tục gia tăng tuy rằng không ở tình trạng phi mã như trong các năm 86-89. Từ tháng Sáu, 1986 trở đi, giá vàng và Mỹ kim tăng vọt, kéo theo giá các món hàng khác. Chỉ số gia tăng giá cả đang từ mức trung bình 4% một tháng trong những tháng đầu năm tăng lên 5,6% trong tháng Mười Một và 6,1% trong tháng Mười Hai. Giá vàng từ 3,9 triệu đồng một lượng vào tháng Bảy, 91 tăng lên đến 5,7 triệu đồng vào đầu tháng Giêng, 92. Để bảo vệ trị giá đồng tiền, cuối năm 1991, chính quyền đã phải tung trên một tấn vàng và một số ngoại tệ ra bán trên thị trường để giữ giá. Nhờ vậy tốc độ phá giá đồng bạc đã giảm đi phần nào vào cuối năm.

Từ vấn đề đến giải pháp

Tuy nhiên, nguyên nhân căn bản của lạm phát vẫn còn. Năm 1991 thiếu hụt này lên đến 2000 tỷ đồng. Toàn bộ thiếu hụt này lại chỉ được tài trợ bằng ứng trước của Ngân Hàng Nhà Nước. Lý do chính của sự thiếu hụt này là vì trợ cấp và tài trợ các xí nghiệp quốc doanh. Theo Tổng Giám Đốc Ngân Hàng Nhà Nước, Cao Sỹ Kiêm, Ngân Hàng Nhà Nước vẫn còn phải cho các xí nghiệp quốc doanh vay với lãi suất nhẹ hơn lãi suất tiền gởi cũng như phải cho vay theo kế hoạch. Theo Bộ trưởng Tài chánh Hoàng Quy trình bày trước Quốc Hội vào tháng Mười Hai, 1991, các xí nghiệp quốc doanh còn thiếu thuế lên đến 500 tỷ đồng. Đồng thời theo báo cáo của Ban chỉ đạo thanh toán nợ Trung Ương, số tiền nợ không trả của các xí nghiệp quốc doanh với ngân hàng và với nhau lên đến con số khổng lồ cả chục ngàn tỷ đồng. Ngân sách thiếu hụt, vì vậy các khoản đầu tư của ngân sách vào hạ tầng cơ sở cũng như giáo dục y tế xã hội càng ngày càng giảm gây thêm những mâu thuẫn và tệ đoan xã hội.

Hà Nội đã cố gắng giải quyết vấn đề bằng cách kêu gọi đầu tư ngoại quốc. Năm 1991 số dự án được chấp thuận đầu tư đã lên đến 149 dự án với tổng số vốn đầu tư là 1,2 tỷ Mỹ kim, gấp đôi số lượng năm 1990. Thành công này một phần nào cũng dựa vào trong bối cảnh kinh tế thế giới. Sự phát triển mạnh gần đây của các nước Đông Nam Á đã khiến cho Việt Nam trở nên một nơi khá hấp dẫn vì giá cả và lương công nhân còn quá rẻ so với các lân bang. Chính vì vậy ngay một số những công ty tài chánh cũng muốn nhảy vào Việt Nam để kiếm lời. Cho đến nay đã có ba "Quỹ Đầu Tư" vào Việt Nam được thành lập đáng kể nhất là "Quỹ Phát Triển Việt Nam" (Vietnam Growth Fund) của Ngân Hàng Credit Lyonnais. Để tạo ra môi trường hấp dẫn cho ngoại quốc đầu tư hơn, chính quyền Hà Nội đã cố gắng cải tổ hệ thống ngân hàng, cho các ngân hàng ngoại quốc mở chi nhánh tại Việt Nam. Tuy nhiên không phải tất cả các dự án được chấp thuận đều sẽ được mang ra thực hiện. Trở ngại lớn nhất hiện nay vẫn là vấn đề ý thức hệ. Các dự án đầu tư ngoại quốc tại Việt Nam không những gặp trở ngại vì hệ thống quan liêu khổng lồ không theo một luật lệ nào cả mà còn vì chính quyền cũng còn đang tranh chấp trong vấn đề này.

Mặc dù biết phải mở cửa nếu không thì sẽ sụp đổ nhưng đảng Cộng sản Việt Nam hay ít nhất một số những người lãnh đạo trong đảng vẫn còn e ngại đầu tư ngoại quốc hoặc Việt kiều sẽ là những ung nhọt đưa đến sự sụp đổ của chế độ. Chính vì vậy những cải tổ chỉ có tính cách nửa vời. Bản cương lĩnh chính trị của Đại Hội 7 Đảng Cộng sản Việt Nam vẫn khẳng định: "Khu vực quốc doanh là khu vực chủ thể của nền kinh tế quốc dân". Sau cuộc đảo chánh hụt tại Liên Xô ngày 19 tháng Tám, 91, một tài liệu nội bộ trong đảng phổ biến cho các đảng viên đã quy việc sụp đổ của Liên Xô vào những sai lầm của Gorbachev và sự can thiệp của đế quốc bên ngoài. Tài liệu này kêu gọi phải "tăng cường vai trò của Đảng, quân đội và công an để đấu tranh không nhân nhượng chống lại các phần tử phản động". Tháng Mười, 1991, báo Quân Đội Nhân Dân cảnh cáo: "Bọn đế quốc đang dùng những tên phản động ở nước ngoài về như những tên tiên phong tìm cách liên lạc với những tên phản động ở trong nước nhằm tạo ra một liên minh gây xáo trộn hòng lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa tại Việt Nam".

Tuy nhiên, đói thì đầu gối phải bò. Trái với trường hợp của Trung Quốc, khu vực tư của Việt Nam hãy còn quá nhỏ yếu để có thể nuôi một đạo quân khổng lồ cùng với một khu vực

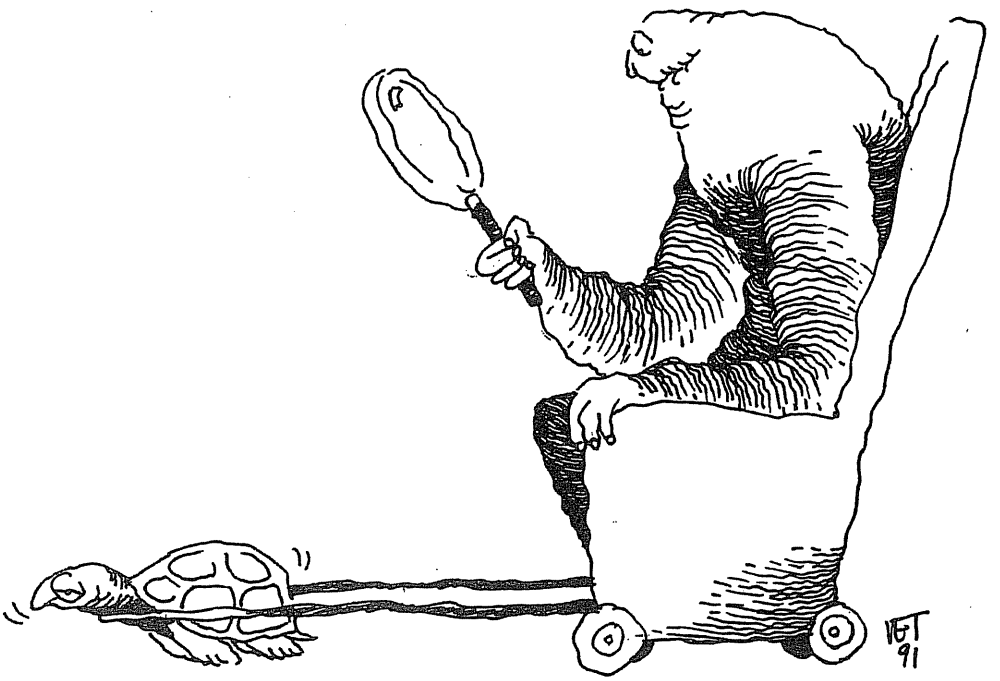

CHÂN DUNG LÃNH TỤ GIÀ

quốc doanh ăn hại quá lớn. Hà Nội vẫn bắt buộc phải tiếp tục chính sách giải phóng kinh tế. Trong năm 1992 chính quyền đã lên tiếng tuyên bố sẽ cố gắng giảm mức lạm phát xuống còn 30-40% bằng cách bãi bỏ tài trợ tín dụng cho các xí nghiệp quốc doanh và gia tăng cố gắng thâu thuế. Làm như vậy chắc chắn sẽ gây thêm nhiều xáo trộn trong đảng vì nạn thất nghiệp của các đảng viên gây ra do việc đóng cửa nhiều nhà máy và xí nghiệp.

Đầu năm nay các nhà lãnh đạo Hà Nội đã lên tiếng tự khen mình vì đã tránh được một sự sụp đổ kinh tế gần như cầm chắc sau khi Liên Xô sụp đổ. Tuy nhiên toàn thể các nhà lãnh đạo Hà Nội vẫn còn bị vướng trong cái vòng luẩn quẩn của một sự mâu thuẫn giữa chính trị và kinh tế. Đỗ Mười đã nói đúng khi tuyên bố: "Chỉ khi nào nhân dân thấy cuộc sống của họ càng ngày càng ấm no, họ mới chấp nhận vai trò lãnh đạo của Đảng". Nhưng vấn đề là lãnh đạo của Đảng có mang cho nhân dân được càng ngày càng ấm no hay không? Lại nữa khi con người được ấm no đủ rồi, liệu người ta có còn chấp nhận những ràng buộc mất tự do như bây giờ hay không?

Hiện nay Hà Nội đang đặt hết tin tưởng vào việc bình thường hóa quan hệ với Mỹ, cho rằng đó là một liều thuốc tiên có thể giải quyết được mọi vấn đề. Khi Hoa Kỳ bỏ cấm vận, Hà Nội tin tưởng sẽ nhận được một viện trợ của IMF và các tổ chức quốc tế khác cũng như được Nhật Bản đầu tư vào ào ạt. Điều đó còn có thể bàn cãi. Nhưng ngay trong trường hợp chuyện đó xảy ra, vấn đề đặt ra là: "Liệu chế độ độc tài Cộng sản có thể tồn tại trong một nền kinh tế phồn thịnh không?" Phe Võ Văn Kiệt và một số các phần tử lạc quan trong đảng nay đang đưa ra gương của Malaysia, Singapore và Indonesia, những nước đã đạt được tốc độ phát triển nhanh với một đảng cầm quyền duy nhất. Đảng Hành Động Nhân Dân (People's Action Party) của Singapore là thí dụ thường được nêu lên nhiều nhất. Nhưng không hiểu các nhà lãnh đạo Hà Nội có nghĩ đến chuyện là đảng này cầm quyền trên một chế độ kinh tế tư bản hay không, có lẽ nói cho cùng triển vọng tốt đẹp nhất mà Hà Nội có thể mơ tới là Đảng còn sống nhưng đã mất linh hồn.

LÊ MẠNH HÙNG
Melbourne tháng Hai, 1992

ĐỔI MỚI SAU ĐẠI HỘI VII

BÌNH GOR-BA-SẾP, RƯỢU XI-TA-LIN

TÔN THẤT THIỆN

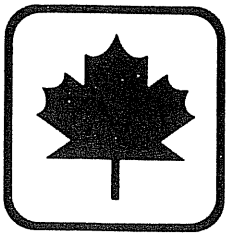

(Phần lớn bài dưới đây đăng ở tạp chí Vietnam Commentary xuất bản tại Xinh-Ga-Po, số tháng Giêng, Hai, 1992).

Dân miền Nam thường hay dùng tục ngữ "Treo đầu dê, bán thịt chó" để mô tả chuyện gian lận. Nếu nhã nhặn hơn một chút thì họ nói: "Bình mới rượu cũ". Và đây là chuyện Đảng Cộng sản Việt Nam làm khi họ rêu rao ầm ĩ rằng, từ Đại Hội VI tháng Mười Hai năm 1986, họ đã thực sự lựa chọn đường lối *đổi mới*, và tại Đại Hội VII vào tháng Sáu 1991, họ xác nhận lại và nói rõ hơn nữa quyết tâm tiếp tục theo đuổi và đi sâu thêm vào con đường đó.

Trong hai năm qua, họ đã thi hành một chiến dịch thả khói mù quy mô về điểm nói trên, và có thể nói là họ đã khá thành công trên bình diện quốc tế. Dư luận và nhiều chính khách ở Tây phương và nhất là ở Đông Nam Á đã tin rằng đương quyền cộng sản Việt Nam thực sự nhứt quyết đi con đường khai phóng hóa (liberalisation) và chuyển kinh tế của Việt Nam qua chế độ tư bản. Bằng chứng là báo chí Tây phương, và đặc biệt ở Đông Nam Á, đã tin răm rắp những gì các chính khách Hà Nội tuyên bố, và cứ nguyên văn viết lại những tuyên bố đó cho dân chúng và chức trách các xứ đó đọc. Ví dụ gần nhứt là họ lặp lại nguyên văn những tuyên bố bất chấp sự thực của bà Ngô Bá Thành về tính cách "dân chủ thực sự" của Hiến Pháp mới.

Vì lý do trên, hiện nay, tại nhiều nơi, và đặc biệt là ở các quốc gia thuộc khối ASEAN, sự nghi kỵ chống đối đương quyền Hà Nội đã giảm bớt, và có một số người tin rằng "có thể làm ăn được" với chế độ Việt Nam hiện tại, dù chế độ này là cộng sản. Những người này không ý thức được rằng đó là một ảo tưởng.

II- Thật ra thì "đổi mới" của ĐCSVN chỉ là một chiến thuật, hay nói rõ hơn, một chiến thuật *lê-ni-nít*, mà những thành phần lãnh đạo bảo thủ của ĐCSVN đã áp dụng để lường gạt dư luận, đặc biệt là dư luận quốc tế, để làm giảm bớt sự chống đối quốc tế đối với chế độ cộng sản hiện nay, và gia tăng đầu tư quốc tế vào Việt Nam. Qua sự rêu rao không dứt về "đổi mới" gây cảm tưởng là họ cũng đang đi con đường *perestroika* của Gor-ba-sếp, họ nhằm tạo một không khí lạc quan và cởi mở, giúp họ duy trì và củng cố quyền lực của họ, và tiếp tục tồn tại mà khỏi phải thực sự thay đổi gì căn bản về đường lối xi-ta-li-nít cứng rắn, lỗi thời, và phản động của họ. Như vậy, họ đã dùng chai mang nhãn Gor-ba-sếp để bán rượu Xi-ta-lin.

Phận sự dùng chai với nhãn hiệu Gor-ba-sếp để bán rượu Xi-ta-lin Đảng giao cho Võ Văn Kiệt và chính phủ ông ta cầm đầu, và những người này đã tỏ ra xuất sắc trong công tác này. Trong mấy tháng qua, ông Kiệt đã viếng thăm một số quốc gia Âu Châu và đặc biệt là Đông Nam Á. Ông ta đã áp dụng chiến dịch vuốt ve ngọt ngào, tới đâu cũng tay bắt miệng cười, nói năng êm dịu, nhằm gây cảm tưởng rằng đương quyền cộng sản hiện tại nhất quyết đi con đường *perestroika*, sẽ thi hành những biện pháp cởi mở, và mọi quốc gia và tư nhân ngoại quốc

sẽ có đủ điều kiện và nhiều cơ hội làm ăn kiểu tư bản. Vậy họ nên hảo tâm với Việt Nam và đem tiền vào đầu tư ở đó.

Ở Mã Lai và Xinh-Ga-Po, ông Kiệt hết sức nhún nhường, thỉnh giáo, và xuống chân mời ông Lý Quang Diệu -- người có tiếng là chủ trương tư bản chủ nghĩa -- làm cố vấn cho chính phủ xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Ở New York và vài nơi khác, Ngoại trưởng Nguyễn Mạnh Cầm và Thứ trưởng Lê Mai không ngớt hô hào Hoa Kỳ "quên chuyện xưa đi" và kêu gọi đại diện Hoa Kỳ bắt tay thân hữu và hợp tác với Việt Nam.

III- Trong khi đó, cán bộ cao cấp, cán bộ nghiên cứu, giảng dạy các trường Đảng trong nước và một số báo cáo viên thuộc các cơ quan công tác tư tưởng ở Trung Ương được triệu tập ở trường cao cấp của Đảng, là Học Viện Nguyễn Ái Quốc, để tham dự những "lớp nghiên cứu nội dung cơ bản" Văn kiện Đại Hội đại biểu toàn quốc lần thứ bảy.

Giảng viên chính của khóa huấn luyện đặc biệt này là Đào Duy Tùng, ủy viên Chính trị bộ phụ trách về Tuyên Huấn. Như sẽ trình bày ở đoạn dưới, những điều mà Đào Duy Tùng giảng cho đảng viên nghe về quyết định "đổi mới" của Đảng phải làm sáng mắt những chính khách và doanh gia ngoại quốc, đặc biệt là ở Đông Nam Á, vì nó ngược hẳn với những gì Võ Văn Kiệt và Nguyễn Mạnh Cầm nói với người ngoại quốc. Nhưng rủi thay, những người này sẽ không được đọc những bài giảng của Đào Duy Tùng, vì tuy in thành tập, nhưng nó không được phổ biến mà chỉ lưu hành trong nội bộ Đảng.

Người ta có thể nêu câu hỏi: Võ Văn Kiệt có cố tình thực hành một chiến dịch lường gạt chính khách và dư luận ngoại quốc hay không? Không thể trả lời dứt khoát có hay không được. Có thể là Võ Văn Kiệt lại tái diễn trò kịch mà Phạm Văn Đồng đã diễn ra ở Đông Nam Á vào mùa Thu năm 1978: ba tháng trước khi Chính trị bộ tung quân tấn công Cao-Miên, Phạm Văn Đồng đã đi thăm viếng các quốc gia ASEAN và lớn tiếng tuyên bố rằng không khi nào Việt Nam xâm lăng láng giềng, nhưng chỉ mấy tuần sau là Lê Đức Anh dẫn quân vào Nam Vang và, sau đó, đến tận biên giới Thái Lan. Nhưng cũng có thể là Võ Văn Kiệt đã bị phe bảo thủ mạnh hơn trong Chính trị bộ coi ông ta như không có và không cho ông ta hay biết gì cả: hoặc ông ta biết nhưng bất lực, chẳng làm gì được.

Tuy rằng Võ Văn Kiệt là một đảng viên có tiếng là dữ và có kỷ luật trong những năm chiến tranh, và nhờ đó ông ta mới được thăng chức mau và đạt được địa vị quan trọng trong Đảng, trong những năm sau 1975 ông ta lại được tiếng là chủ trương cải cách. Vì lý do này, ta có thể cho rằng ông ta không cố ý lường gạt những chính khách và dư luận ngoại quốc, và chỉ là một người không hay biết gì về ý đồ của phe bảo thủ trong Đảng, hoặc ông ta không có đủ thế lực để cản trở ý đồ của phe này.

IV- Nhưng nếu vậy thì rất rõ ràng rằng phe bảo thủ đang nắm thực quyền trong Đảng và quyết định về đường lối *thực sự* của Đảng, rằng *đổi mới* chỉ là một trò kịch, và chính những người như Đào Duy Tùng là người lấy quyết định về đường lối Đảng và áp đặt lên đầu Đảng đường lối xi-ta-li-nít đã quá lỗi thời. Đó là kết luận không thể tránh được khi ta đọc những bài giảng của Đào Duy Tùng ở khóa huấn luyện đặc biệt tại Học Viện Nguyễn Ái Quốc vào tháng Tám, 1991 -- tháng mà ở Nga Xô cuộc đảo chánh chống Gor-ba-sếp bị thất bại.

Đào Duy Tùng giải thích với cán bộ rằng có nhiều đảng viên đã bị những biến chuyển Đông Âu và Nga Xô làm dao động, cho nên phải tái tạo lòng tin của họ đối với chủ nghĩa xã hội và Đảng. Lại có một số đảng viên hoang mang vì những cuộc tranh luận về cương lĩnh của Đảng tại Đại hội VII, và cần có một sự chỉnh huấn để có một giải thích chính thức và chính xác về những quyết định của Đại Hội.

Sau đây là trích dẫn của những bài giảng của Đào Duy Tùng, nghĩa là của Chính trị bộ, về một số điểm then chốt.

1/ Về quyết tâm xây dựng xã hội chủ nghĩa:

"Việc lựa chọn con đường cách mạng vô sản, từ cách mạng giải phóng dân tộc, tiến tới mục tiêu xã hội chủ nghĩa đã được quyết định ngay từ cương lĩnh đầu tiên của Đảng ta mới thành lập, năm 1930".

...

"Chúng ta phải phân tích những điều kiện bảo đảm cho chúng ta trụ và nhất định xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội".

...

"Đảng ta xây dựng Cương lĩnh với nội dung chủ yếu là xác định quan niệm về chủ nghĩa xã hội, về con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ ở nước ta".

...

"Đảng ta, nhân dân ta, kiên trì coi mục tiêu xã hội chủ nghĩa là một nội dung rất quan trọng của công tác tư tưởng trong điều kiện hiện nay và sau này nữa".

2/ Về chuyên chính vô sản

"Vấn đề xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa được đặt lên hàng đầu trong những phương hướng cơ bản..."

...

"Dù rằng không mang tên nhà nước chuyên chính vô sản, nhưng nhà nước xã hội chủ nghĩa mà chúng ta xây dựng thực chất vẫn mang bản chất của chuyên chính vô sản...

Muốn như vậy, nhà nước phải thực hiện đường lối, chính sách của một giai cấp, chịu sự lãnh đạo của một giai cấp, và người đại diện cho giai cấp ấy là chính đảng của nó".

...

"Chúng ta nêu lên được quan điểm nắm vững chuyên chính vô sản... Cho nên trong quá trình bảo đảm sinh hoạt tư tưởng lý luận theo nguyên tắc của Đảng, không thể buông lỏng cuộc đấu tranh chống lại những quan điểm thù địch, cơ hội".

3/ Vấn đề pháp quyền

"Khi nói đến pháp quyền còn phải chú ý đầy đủ đến bản chất giai cấp của pháp quyền. Nhà nước pháp quyền dưới chế độ xã hội chủ nghĩa chỉ có thể hoạt động trên cơ sở pháp quyền xã hội chủ nghĩa mà nội dung là bảo vệ lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động và của dân tộc. Vì vậy nhà nước pháp quyền của chế độ ta khác về căn bản nhà nước pháp quyền tư sản".

...

"Một nước xã hội chủ nghĩa, theo đúng bản chất của nó, không thể hành động như chủ nghĩa tư bản".

...

"Chủ nghĩa tư bản là chủ nghĩa đã lỗi thời về mặt lịch sử, sớm hay muộn cũng phải được thay thế bằng hình thái mới là bước đầu của chủ nghĩa xã hội... Chủ nghĩa tư bản không phải là tương lai của loài người".

4/ Về dân chủ

"Trước những diễn biến ở các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu và ở Liên Xô, chúng ta càng thấm thía với quan điểm của chủ nghĩa Mác-lê-nin về dân chủ, cho rằng không có dân chủ siêu giai cấp, dân chủ bao giờ cũng có tính cách giai cấp, bao giờ cũng là một hình thức thống trị của giai cấp. Chỉ có dân chủ

tư sản, dân chủ vô sản, chứ không có dân chủ chung chung cho mọi người không phân biệt giai cấp".

5/ Về chế độ công hữu

"*Đặc trưng của chủ nghĩa xã hội là chế độ công hữu. Trong vấn đề này không thể có bất cứ một sự mơ hồ nào. Nếu không khẳng định dứt khoát nền tảng của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa là chế độ công hữu... thì là để mất tiêu chí quan trọng nhất, điểm đinh chốt nhất để phân biệt chế độ xã hội chủ nghĩa với chế độ tư bản chủ nghĩa. Cần hiểu câu ghi trong Cương lĩnh "chế độ công hữu phải chiếm ưu thế tuyệt đối; chứ không phải lúc đó chỉ có chế độ công hữu*".

6/ Về kinh tế nhiều thành phần

"*Chính sách kinh tế nhiều thành phần có ý nghĩa chiến lược lâu dài, có tính quy luật từ sản xuất nhỏ đi lên chủ nghĩa xã hội.*"

...

"*Phương hướng cơ bản thứ ba là... phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước. Kinh tế quốc doanh và tập thể ngày càng trở thành nền tảng của nền kinh tế quốc gia*".

V- Những đoạn trích dẫn trên đây cho ta thấy mục tiêu thực của *đổi mới* theo quan niệm của nhóm bảo thủ đang chi phối ĐCSVN. Ngày nào nhóm bảo thủ này còn cầm quyền thực sự trong Đảng, ngày đó sẽ rất ít hy vọng thấy Việt Nam *thực sự* ra khỏi con đường Xi-ta-li-nít để hướng về một chế độ tự do hơn.

Tình trạng trên cũng là tình trạng chế ngự chính sách ngoại giao. Về lãnh vực này, nhóm bảo thủ ĐCSVN vẫn tiếp tục ôm chặt thế giới quan Lê-ni-nít và Xi-ta-lin-nít của những thập niên 1920 và 1930. Trong nhãn quan của họ, chủ nghĩa đế quốc vẫn là yếu tố chính của thế giới ngày nay, và Hoa Kỳ vẫn đeo đuổi những mục tiêu mà đế quốc đeo đuổi vào những năm 1920. Có một số sự kiện sáng chói họ không thấy vì họ tự bịt kín mắt để khỏi thấy như: chiến tranh lạnh đã hoàn toàn chấm dứt; Tây Âu và Hoa Kỳ đã đổ hàng tỷ đôla *vào* Liên Xô và những nước Đông Âu, và đó là *viện trợ* cho các nước này để giúp họ qua khỏi tình trạng khủng hoảng của họ.

Trong những bài giảng ở trường Nguyễn Ái Quốc, Đào Duy Tùng không nói đến ngoại giao nhiều vì ông ta chú trọng vấn đề nội bộ hơn. Nhưng Phan Lang, bình luận viên về các vấn đề quốc tế của báo *Quân Đội Nhân Dân* đã nói lên rõ ràng lập trường của Đảng trong *Tạp Chí Cộng Sản* số 11, 1990, trong bài mang tít "Ba thế hệ chủ nghĩa thực dân". Trong một cuộc hội thảo được báo *Quân Đội Nhân Dân* tổ chức tháng Tư, 1991 để cho nhân viên học tập đường lối ngoại giao của Đảng, Phan Lang lại giải thích rộng hơn về đề tài này.

Theo Phan Lang, nghĩa là theo quan điểm của đám bảo thủ nắm thực quyền trong Đảng, chủ nghĩa đế quốc chưa chết. Trái lại nó còn sống và hoạt động mạnh hơn lúc nào hết. Đế quốc này là "đế quốc thế hệ thứ ba". Vì lý do chiến thuật, nó giấu đi một nửa mặt của nó. Những người nghĩ rằng có một sự "hội tụ" quyền lợi của các cường quốc thế giới là những nạn nhân "thô thiển" của chủ nghĩa tư bản.

Phan Lang vẫn dựa vào thuyết mà Lê-nin đã trình bày trong tác phẩm "Chủ nghĩa đế quốc" phát hành cách đây đã hơn 70 năm. Theo ông ta, Hoa Kỳ không phải là quốc gia đế quốc duy nhất, nhưng chắc chắn rằng Hoa Kỳ là đại diện "cổ điển nhất" của đế quốc thế hệ thứ ba. Trong chiến lược toàn cầu, Hoa Kỳ vẫn đeo đuổi những mục tiêu "cốt lõi" của chủ nghĩa đế quốc: tước đoạt tài nguyên và thành quả lao động của các nước khác. Phần khác, Hoa Kỳ hiểu rõ nhu cầu giấu mặt của mình đi để duy trì sự hiện diện của mình khắp nơi trên thế giới. Cuối cùng, viện trợ của Hoa Kỳ chỉ là "cái phôi" của chủ nghĩa đế quốc kinh tế, và chủ nghĩa đế quốc kinh tế sẽ dẫn đến chủ nghĩa đế quốc văn hóa. Còn sự phổ biến khoa học kỹ thuật chỉ là "chủ nghĩa đế quốc kỹ thuật"!

VI- Qua những điều trình bày ở trên, ta thấy rõ rằng ngày nào nhóm bảo thủ còn chế ngự ĐCSVN thì ngày đó Việt Nam không thể thực sự tiến bộ được, vì nếu trong Đảng có những phần tử cải cách những phần tử này chỉ có ảnh hưởng về những vấn đề phụ thuộc bên lề. Do đó, dù ta cho rằng Võ Văn Kiệt thực tình muốn cải cách với mục đích cứu nước thay vì cứu Đảng bằng những phương pháp mềm dẻo và thông minh hơn đi nữa thì ông ta cũng sẽ bị nhóm bảo thủ trong Chính trị bộ và Trung ương Đảng cản trở.

Ngày nào nhóm bảo thủ còn cầm quyền thực sự trong đảng, ngày đó sẽ rất ít hy vọng thấy Việt Nam thực sự ra khỏi con đường Xi-ta-li-nít để hướng về một chế độ tự do hơn

Không những nhóm này quyết định về ý thức hệ, họ còn nắm hoàn toàn quân đội và công an cảnh sát nữa. Do đó, cho đến khi đám Đào Duy Tùng bị loại bằng cách này hay cách khác, Võ Văn Kiệt chỉ được quyền dán nhãn hiệu Gor-ba-sếp vào chai rượu, nhưng quyền lựa rượu thuộc về Đào Duy Tùng, và thứ rượu ông này rót vào chai là rượu Xi-ta-lin!

Tháng Giêng, 1992

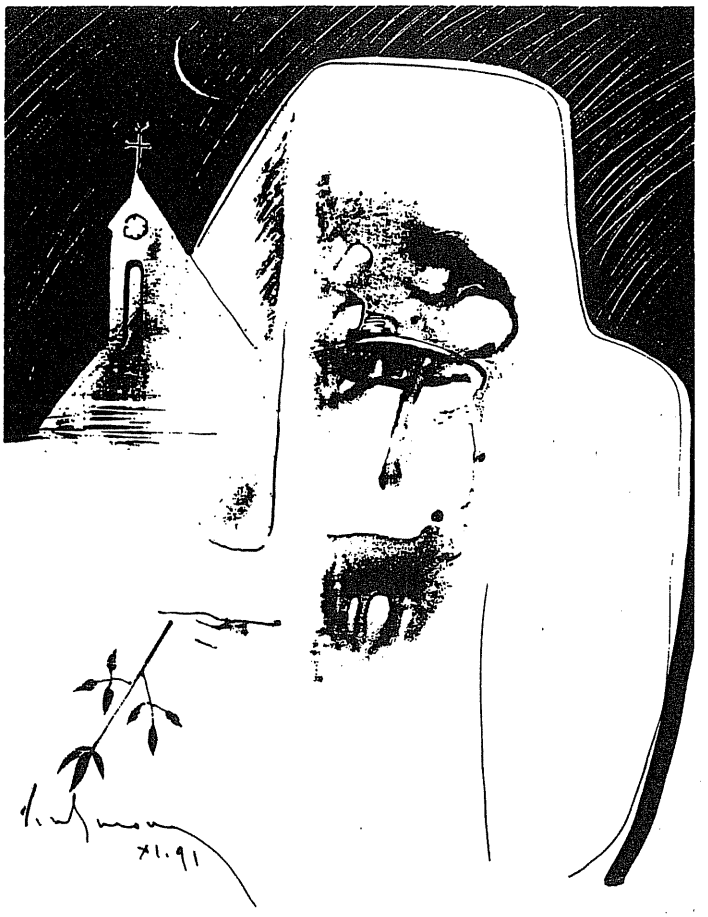

CUỐI NĂM, MÙA TUYẾT CHƯA VỀ

ĐINH CƯỜNG

Ngồi im sững
trùng trùng mây xám nghịt
và gió.
Chiều cuối năm
một mình.

tìm đâu ra một cành mai
một chậu hoa thược dược

chỉ có hàng hàng cây khô
trơ cành
mấy con sóc quen thuộc
có khi là bầy chim đen về
đậu kín sân...
tiếng quạ kêu buồn thinh không

Cuối năm,
tháng Chạp trong lòng buồn thiu
Hơn nửa tháng Giêng tây rồi
năm mới
một năm mới nữa trên cõi muôn trùng
xa lạ, trên từng khuôn mặt
tị hiềm, giả trá
tìm đâu ra một cành mai
một chậu hoa thược dược
khi những ngày lạnh căm
mùa tuyết chưa về
thắp nhang trên bàn thờ
khói tỏa trong căn phòng kín cửa
vẫn ngồi im sững
mùa này mưa bay xiên ngang dòng sông
những vài cầu sét rỉ
người cúi đầu đi qua một mình
bao giờ lại được uống ly rượu cùng bạn
ly rượu thật thà trên môi
không là sự bóng lưỡng bên ngoài
chiếc chiếu mới, trải ra ngày Tết...
tôi ở bên này địa cầu
như kẻ mộng du
vừa sực tỉnh
không thấy được điều gì
vẫn ngồi im sững
cuối năm,
giọt nước mắt đã rơi từ tượng đá.

18 tháng Giêng, 92

ẢO ẢNH

PHẠM HUY SẢNH

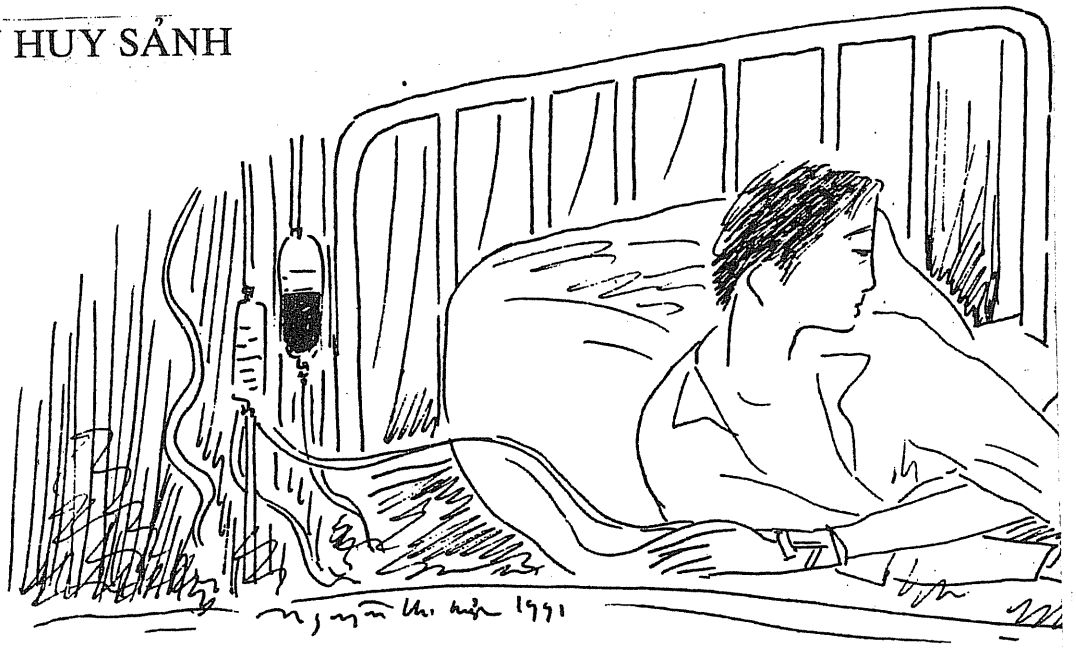

Tại một nhà thương lớn của thành phố.

Hai người đàn ông lâm trọng bệnh bởi một loại siêu vi khuẩn. Từ một nơi xa, họ được đưa đến điều trị tại đây. Họ nằm cùng một phòng, tọa lạc ở tầng thứ bẩy. Căn phòng thật nhỏ sơn màu xanh nhạt, chỉ đủ kê hai cái giường song song ngăn cách bởi một tủ áo, cửa vào thông ra hành lang lúc nào cũng đóng kín, và một cửa sổ duy nhất có thể nhìn ra bên ngoài.

Một trong hai người bệnh, người nằm gần cửa sổ bị bệnh có nước trong phổi. Do đó, mỗi ngày một tiếng đồng hồ vào buổi chiều, anh ta được bác sĩ điều trị cho phép ngồi dậy để cho chất lỏng trong phổi anh được tiêu thoát.

Người bệnh còn lại thì như con cá ươn nằm trên thớt, thiểu não, cả ngày cứ nằm dán chặt xuống giường.

Trong cảnh cô đơn, buồn thảm, cả hai sống im lặng hòa bình, ép mình trong những quy luật quái đản của nhà thương và bác sĩ điều trị, không thăm nuôi, không điện thoại, không đọc sách và không cả truyền thanh, truyền hình!

Sự tiêu khiển duy nhất của họ hàng ngày là đối thoại với nhau hết giờ này đến giờ khác. Họ nói về vợ con, nhà cửa, công ăn việc làm, về thói quen giải trí, về thời thơ ấu, về những cuộc tình dang dở, đặc biệt những kỷ niệm về cuộc chiến Việt Nam... và những dự định sau khi họ bình phục.

Cứ mỗi buổi chiều, đến giờ người đàn ông nằm gần cửa sổ được dựng dậy, thì anh thường diễn tả cho bạn anh nghe những điều anh thấy ở thế giới bên ngoài. Và đó cũng là những giây phút thần tiên của người bạn bên kia giường, thả hồn theo những cuộc phiêu lưu kỳ thú.

Từ cửa sổ nhìn xuống là công viên của thành phố, trong đó có hồ nhân tạo bát ngát với những hàng liễu rủ quanh bờ, những con thiên nga hiền lành bơi lội. Rồi... những em nhỏ chạy tung tăng, dưới những tàn cây, các cặp tình nhân trẻ tay trong tay sánh bước. Trên những thảm cỏ xanh, khách nhàn du đang nằm sưởi nắng, cạnh đó, những luống hoa đủ màu điểm tô cho công viên càng thêm rực rỡ. Xa xa, sau những rặng cây... nơi chân trời là thành phố ẩn hiện trong bối cảnh tuyệt vời.

Người bệnh nằm, say sưa nghe những mẩu chuyện đầy hoạt náo, nào chuyện đứa trẻ nghịch ngợm vừa sa chân xuống hố, nào chuyện những nàng thiếu nữ đẹp trong y phục mùa hè... hấp dẫn. Tất cả những sinh hoạt đó, thấm vào óc anh, anh nằm mà tưởng tượng như chính mình đang sống trong cái thế giới thần tiên ấy.

Rồi một buổi chiều. Anh bệnh nhân nằm xa cửa sổ chợt nghĩ. Tại sao anh bệnh nằm gần cửa sổ lại có được cái diễm phúc đó? - Tại sao không phải là chính anh, có được cái may mắn kia? Anh tự

cảm thấy tủi thân, bất lực. Anh cố xua đuổi ý nghĩ đó đừng ám ảnh anh, nhưng anh càng cố gắng đừng nghĩ tới thì nó lại càng làm cho anh tức tối. Anh đau khổ! Anh suy nghĩ anh sẽ phải làm gì?

Ít lâu sau. Sự buồn bả trở thành cay đắng, thấm thía.

- Anh chợt nghĩ anh phải được nằm gần cửa sổ -- Ý nghĩ cứ lẩn quẩn trong đầu anh mà không có đáp số. Anh suy tư mông lung, khiến anh không ngủ được. Anh mất sức và bệnh tình của anh trở nên trầm trọng. Các bác sĩ đều không tìm ra nguyên nhân.

Một đêm trong lúc anh đang chong mắt nhìn lên trần nhà suy nghĩ, thì người bệnh nằm gần cửa sổ đột nhiên ho, từ nhỏ đến lớn, rồi như bị nghẹn thở, có lẽ gì chất lỏng trong phổi anh ta đã làm trở ngại sự hô hấp. Mặt anh ta đỏ gay, đau đớn khó nhọc, tay anh ta đang quờ quạng cố tìm cái nút bấm chuông gọi y tá.

Người bệnh nằm phía bên này, thản nhiên quan sát sự việc, không một phản ứng!

Nhưng tràng ho mỗi lúc một to hơn, và cơn nấc cụt nghẹn ngào, chậm chạp, rồi tắt hẳn... Cả những tiếng thở của anh ta cũng không còn nghe thấy nữa.

Trong lúc người bệnh nằm xa cửa sổ vẫn lạnh lùng, cặp mắt lơ đãng nhìn lên phía trần nhà.

Sáng hôm sau người y tá vào làm phận sự rửa ráy cho các bệnh nhân, mới phát giác là bệnh nhân nằm gần cửa sổ đã chết. Rất tự nhiên họ đẩy xác anh ta ra khỏi phòng, không thắc mắc.

Ngay sau khi người ta đem xác người bạn ra khỏi phòng. Người bệnh còn lại yêu cầu cho anh được di chuyển lại gần cửa sổ.Chiều ý anh, nhân viên bệnh viện và bác sĩ điều trị vui vẻ chấp thuận. Họ đẩy giường anh sang vị trí mới -- nơi gần cửa sổ -- rồi trả anh lại với căn phòng vắng vẻ hơn xưa.

Chỉ một phút sau khi nhân viên bệnh viện ra khỏi phòng. Anh cố gắng ngồi dậy, đau đớn, vất vả anh chống bằng một khuỷu tay trái, rồi khó nhọc nâng cái đầu lên cao ngang cửa sổ, để cố quan sát tận mắt thế giới bên ngoài mà anh tha thiết.

Nhưng... trước mặt anh... sừng sững một bức tường chặn ngang màu trắng toát!!!

Đất trời bỗng tối sầm. Anh sụm xuống, nghẹt thở, lồng ngực nóng ran muốn bể thành từng mảnh. Tay chân anh vô dụng, trong tuyệt vọng anh co quắp, rẫy rụa, cái nút bấm khẩn cấp ngay đó mà như xa cách cả đại dương!!!

Anh thiếp đi... trong sự bình thản của mọi người.

PHẠM HUY SẢNH

LỚP LỚP PHÙ SA

KIỆT TẤN

Nội cầm ly đế đưa lên môi nốc một cái trót, khà một cái dài, để ly xuống bàn:

"Chà! Thằng Khuôn mầy mua rượu đế nầy ở đâu mà uống đặng quá!"

Chú Ba cầm xị đế rót thêm cho ông già, rượu lăm tăm nổi bọt trong ly.

"Tui dặn chỗ quen đặc biệt đem lợi đó ba. Rượu đế rót phải nổi tăm như vầy mới là rượu ngon."

Thím Ba nhắc chừng:

"Ba dùng thêm thịt gà xé phai đi ba. Uống rượu mà không ăn coi chừng mau say."

Nội xòe bàn tay úp lên miệng chén:

"Ối! Ba bây giờ ăn đâu có bao nhiêu con ơi. Thì thỉnh thoảng say sưa một chút trong gia đình đâu có sao."

Tuy nói vậy, nội cũng cầm đũa gắp miếng gan gà đút cho thằng Điền ngồi trên đùi mình.

Thím Ba lườm thằng nhỏ:

"Thằng này cũng cà rà kiếm chác y hịch như thằng Phát hồi nhỏ."

"Thì con nít đứa nào mà chẳng vậy. Con la nó làm chi. Thằng Điền năm nay được mấy tuổi rồi hả con?"

"Dạ sáu tuổi đi học rồi đó ba."

"Nó học giỏi không con?"

"Nó cứ trốn học tụm năm tụm ngũ đi phá làng phá xóm hoài hà. Học dở mà ăn thì giỏi. Bữa nào đi học về tới cửa là nghe tiếng nó: "Bới chén cơm! Bới chén cơm! Bới chén cơm!..." đòi ăn như giặc. Nó bị chị Tư nó khỏ đũa bếp lên đầu hoài mà cũng chứng nào tật nấy."

Tư Trinh đang bồng đứa nhỏ trong lòng lên tiếng:

"Nội coi tui đương đi học khá hết sức mà phải bỏ học ngang xương ở nhà lo chuyện bếp núc với lại coi chừng hai đứa nhỏ tiếp má. Uổng ghê!"

Nội tính nhẩm:

"Ờ! Hai vợ chồng tụi bây được hết thảy là năm đứa con rồi phải không?"

Chú Ba tiếp lời:

"Đáng lẽ ra là bảy đứa, nhưng bị chết hết hai đứa thành ra còn năm. Thằng Phát, thằng Sơn rồi tới con Trinh, thằng Điền, thằng Mẫn. Sau khi sanh con Trinh rồi má nó có hạ sanh thêm được hai đứa, một trai một gái nhưng nuôi không đặng."

"Hai đứa đó bị bịnh gì mà chết vậy con?"

Thím Ba trả lời:

"Dạ cũng không biết bịnh gì nữa Ba. Ban đêm tự nhiên tụi nó la lớn lên một tiếng rồi chết. Ba tụi nó nói tụi nó mắc "phong la". Bởi vậy nên khi sanh thằng Điền con sợ nó mắc phong la mà chết hết sức. Con phải đem nó cho làm con nuôi trong một gia đình theo đạo Thiên Chúa nhưng không có con. Người chồng tên là Võ Bá Đông, làm thợ may. Không biết có phải nhờ thằng Điền đem tới cái hên hay không mà sau đó bà vợ đẻ cách năm một được hai đứa con, một gái một trai, đặt tên là Bá Lạc và Bá An. Con thấy vậy nên mới xin thằng Bá Điền đem trở về mà nuôi. Kế đó con mới sanh thằng Mẫn nhỏ hơn thằng

Điền năm tuổi."

Trinh xen vào:

"Phải chi má đừng đem nó về thì tui đâu có bỏ học nửa chừng. Thằng Điền nó đã học dở mà còn ham chơi và cả gan không ai bằng. Nội nghĩ coi ở sân vận động người ta có bắc một cây đà cao bảy tám thước để treo giây hít và giây leo. Vậy mà nó dám trèo thang lên đó rồi đi qua đi lại trên cây đà, rủi ro té một cái là lọi bảng họng. Ai xúi nó chuyện gì nó cũng làm hết, ai rủ nó đi đâu nó cũng đi hết. Nó mới có sáu tuổi mà mấy đứa lớn hơn nó rủ nó đi biển nhản cách xa đây hơn cả chục cây số nó cũng đi, lội bộ xứt hết móng cẳng. Về nhà bị ba lấy dây buộc cột rút lên sà nhà vậy mà cũng không tởn, thả ra là đi nữa."

Nội đỡ lời:

"Ối, con nít nào mà hổng vậy! Lớn lên nó sẽ đằm tánh lại con ơi."

"Nội nói vậy chớ dễ dầu gì mà nó đổi tánh. Má con dắt nó đi chợ hễ gặp sạp trái cây nào là nó cũng cầm lên cắn thử làm má con phải bắt đền. Cách đây ba bốn bữa mới tảng sáng đi ra đường thấy người ta nằm ngủ trong nóp thì thây kệ người ta. Đằng này nó leo lên dậm cù bị người ta rượt chạy trối chết. Hỏi nó nó nói nó thấy cái nóp nhúc nhích nó tưởng là có con heo trong đó. Thiệt là rắng mắc hết cỡ nói."

Nội mỉm cười vuốt râu cằm đổi câu chuyện.

"Còn thằng Phát với thằng Xuân đi đâu mà tới giờ nầy chưa thấy dìa hả con?"

Chú Ba:

"Tụi nó mắc đi giao đồ cho ông đốc tưa Quế từ hồi sáng. Ổng đặt làm rất nhiều đồ mới và sơn phết lại đồ cũ ngày mơi tụi nó còn phải trở lại làm tiếp."

"Còn thằng Sơn?"

Chú Ba gắp một miếng thịt gà nhai nhồm nhoàm:

"Thằng Sơn coi vậy mà học đặng. Năm ngoái nó thi đậu đích lôm xin làm việc cho chánh phủ bảo hộ. Nó được đổi lên Nam Vang làm cho Sở Ca Đách."

"Hả? Sở Ca Đách là sở gì?"

"Tui cũng không biết là sở gì nữa. Nghe đâu nó lo việc điền địa cho nhà nước."

"Lâu lâu ở Thới Lai tao xuống chơi thấy mọi việc đã đổi khác đi nhiều quá. Tụi bây ở Bạc Liêu làm ăn phát đạt không?"

"Dạ nhờ trời cũng khá. Lúc trước tui làm thợ cho chú Sáu Huỳnh. Nhờ tốt bụng không giấu nghề, chú đem nghề ra dạy hết. Sau đó tui xin lập tiệm ra riêng chú cũng có giúp vốn cho buổi đầu. Giờ thì công việc nhiều tui phải mướn thêm bốn người thợ tiếp tay làm mới xể. Cũng bởi lẽ đó mà tui đành phải cho con Tư nghỉ học ở nhà giữ em và giúp má nó lo cơm lo nước cho thợ thiền."

Thím Ba gắp một miếng thịt gà bỏ vô chén của nội:

"Con Tư nó bỏ học tui cũng tiếc nhưng không tiếc bằng tiếc thằng Phát. Thằng Phát viết chữ hoa mỹ, học giỏi hơn thằng Sơn, vậy mà lên tới lớp nhứt nó thi rớt hai keo, đành bỏ học ở nhà tiếp tay làm nghề thợ mộc với ba nó để nuôi mấy đứa em."

Nội nhấp miếng rượu:

"Hai vợ chồng tụi bây bỏ Thới Lai ra Bạc Liêu lẩm rẩm vậy mà đã tròn trên mười lăm năm rồi! Bà con ở Thới Lai cứ nhắc nhở tụi bây hoài. Sao thỉnh thảng hai vợ chồng tụi bây không dìa thăm chốn cũ làng xưa cho có thỉ có chung?"

Chú Ba:

"Tui cũng muốn lắm chớ ba, nhưng ngặt vì công chiện cứ bề bộn quanh năm hoài nên về không đặng. Thỉnh thảng con vợ tui nó khóc vì nhớ nhà. À, mà bà con ở Thới Lai cũng được bình an chớ hả ba?"

"Ở, phía gia đình mình ai nấy cũng đặng bình an và tiếp tục cày sâu cuốc bẩm. Chỉ có gia đình thầy Bang là xảy ra nhiều chiện kỳ lạ và bí mật, cho tới giờ không ai đặng rõ."

Thím Ba tò mò:

"Chiện lạ mà là chiện gì vậy ba?"

Ông già trầm ngâm:

"Tụi bây xuống Bạc Liêu đâu đặng một năm thì thầy Bang bị cháy nhà, cô hai Ngọc Lan thiếu chút nữa bị chết cháy luôn. Lúc cháy nhà thầy Bang và thằng Út Vĩnh Đạt đương mắc kẹt ở Cần Thơ có công chiện mua bán. Ở nhà chỉ còn lại cô Hai, vú Bảy với thằng Phú. Rồi không biết tại sao mà nhà phát cháy, lửa khói tuôn rần rần. Làng xóm chạy tới tiếp tay nhau chữa lửa. Thằng Ba Song Phi nhào vô vòng lửa cứu được cô Hai Ngọc Lan bồng ra. Sau trận cháy nhà đó, gia đình thầy Bang dọn ra Cần Thơ ở. Trang trại bây giờ tiêu điều lắm."

Chú Ba vội hỏi:

"Ủa! Thằng Ba Song Phi bị kẻ bí mật lén đâm vậy mà không sao hả ba?"

"Đó cũng là nhờ thầy Bang lo cho nó được vô máu kịp thời nên nó mới không sao. Còn vết thương vài tháng sau thì lành. Cho tới bây giờ cũng không biết ai đâm lén nó nữa. Chính thằng Ba Song Phi nó xin với ông Cò bãi bỏ ăng kết, cái đó mới là kỳ lạ. Rồi vài tháng sau thì nhà thầy Bang bị cháy."

"Còn con Hường thì bây giờ ra sao rồi hả ba?"

"Khi lành mạnh rồi thằng Ba Song Phi có nhờ người quen tới hỏi con Hường về làm vợ. Nhưng chiện con Hường ăn nằm với thằng Ba dĩ lở với làng xóm làm má con Hường mắc cở nên không chịu gả. Rốt cuộc con Hường nó trốn theo thằng Ba, hai đứa đi biệt luôn cho tới bây giờ, không trở dìa Thới Lai lần nào hết."

Thím Ba thở dài:

"Tui mà ở địa vị má con Hường tui gả phứt nó cho anh Ba Song Phi cho rồi. Anh Ba cũng là người tốt bụng chớ đâu phải xấu xa gì đó. Con Hường nó dĩ lở với anh Ba như vậy rồi còn biết gả nó cho ai."

"Bà mai bả cũng cắt nghĩa thiệt hơn với má con Hường như vậy mà má con Hường

nhứt quyết không chịu nghe. Thiệt là kẹt cho hai đứa. Tụi nó trốn ra đi xứ khác làm ăn cũng phải. Đâu có cách nào khác hơn để sống đời với nhau."

Nội hớp một hớp rượu, chắc lưỡi trầm ngâm. Thằng Điền khều khều nội chỉ cái mề gà trong dĩa. Nội gắp cái mề gà cho cháu. Con Tư nguýt thằng Điền một cái dài. Từ bên ngoài thấp thoáng đi vô hai bóng người, Chín Xuân và Hai Phát. Tới gần nhận ra nội, hai người xúm xít vây lấy nội. Chín Xuân *dễu dễu dễu* một tràng dài, miệng cười toe toét, Hai Phát lên tiếng hỏi:

"Nội xuống đây hồi nào vậy nội?"

"Tao tới hồi xế trưa. Còn đương chờ tụi bây về ăn cơm luôn thể. Thôi tụi bây rửa mặt rửa tay đi rồi lên ăn cơm."

Sau khi tắm rửa qua loa, hai người trở lên quây quần với mọi người quanh mâm cơm. Hai Phát ngó nội:

"Nội lớn tuổi rồi mà coi nội còn gân cốt quá. Còn bà nội chắc cũng khỏe hả nội?"

"Bả còn khỏe hơn tao nhiều. Bả cứ nhắc nhở gia đình tụi bây hoài, nhứt là nhắc thằng Phát. Mấy bây giờ lớn rồi, có tính vợ con gì chưa?"

"Chưa nội ơi! Ba má cũng hối con lấy vợ hoài. Con nói để một vài năm nữa làm ăn vững vàng rồi hã tính."

Sực nhớ điều gì, nội hỏi:

"Ờ! Còn thằng Bảy Đãi bây giờ ra sao?"

Chú Ba đáp:

"Nó bây giờ được ba mặt con rồi, hai gái, một trai: con Đăng, con Bé với lại thằng Đực."

Thím Ba tiếp lời:

"Hồi thằng Đãi vừa mới lấy vợ, vợ nó xúi nó ra riêng như giặc. Nó nói ở chung bị tụi tui bóc lột. Con vợ nó vừa dữ vừa hỗn dàng trời."

Nội phân bua:

"Bây giờ tao mới đặng hiểu tại sao chiện con Hường với thằng Đãi không thành. Chiện yêu đương đâu thể ép buộc được. Ép buộc cưới nhau rồi hai

RETURNING FROM SUMMER

CHÂN PHƯƠNG

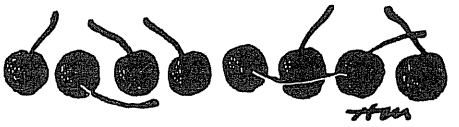

Chẳng bao giờ
tôi muốn quay lại thăm
những chốn đá từng cư ngụ trên quả đất này.

đó là một điều chắc chắn

bây giờ chỉ còn cái giường khách sạn
để tôi đổ từng đêm các loại vết thương

rồi cũng như mọi địa danh
Windsor
Saint Clair

sẽ trở thành xa lạ

bầy phi cơ bay qua
bầu trời vắng bóng tai nạn dam mê
làm sao biết rằng

các hồ lấp lánh là nước mắt
cho ngày xưa biệt dạng

lú mùa hè còn lại trong dời
sẽ biến nụ hôn kín đáo thành con sâu độc
cắn nát những nụ hồng chưa kịp thấy mặt trời

bỏ lại
hia bảy dặm
với cánh thiên thần
giữa vũng lầy ảo giác

tôi lên xe
thắt sợi nịt an toàn
phóng thẳng trên con đường

không còn dẫn đến địa ngục hoặc thiên đàng

vợ chồng sau nầy sanh ra cắn đắng. Thằng Đãi quên được con Hường lập gia đình với người khác cũng may cho nó. Nếu không nó cứ ôm mối tình cũ mà ân hận con Hường hoài. Thôi để ngày mơi tao đi thăm gia đình tụi nó. Mà tụi nó bây giờ ở đâu?"

Thím Ba:

"Gia đình tụi nó ở xóm Làng. Ba đi thăm gia đình thằng Bảy thì con không cản. Nhưng tối ba trở về đây ngủ cho khỏi lộn xộn. Đã có nhiều bà con ghé thăm tụi nó mà không thể ở lâu đặng. Qua một bữa hai bữa là con vợ nó làm mặt lớn mặt nhỏ, dằn mâm xáng chén."

Thím Ba và một miếng cơm rồi nói tiếp:

"Không phải con vợ thằng Bảy chỉ ke re cắc rắc với phía bên mình mà thôi đâu. Với phía bên nó cũng vậy. Ba nghĩ coi nó có con, em dâu mới sanh có sữa nhiều. Thấy vậy nó đi mua một con heo con còn bú đem về bắt con nhỏ em dâu nó nuôi. Con nhỏ chỉ cho con mình bú có một bên, còn vú bên kia thì để dành cho heo con bú. Ba nghĩ coi có ác đức không? Vậy mà ai nói vô nói ra nó chửi cho tắt bếp."

Nội lắc đầu:

"Thôi để ngày mơi ba đi thăm coi vợ nó dữ tới mức nào. Thằng Đãi vốn tánh tình nó đã nhu nhược sẵn rồi. Giờ nó sợ vợ đâu có gì mà lạ. Anh em chị em tụi bây sanh ra mỗi người mỗi tánh. Duy chỉ có thằng Khuôn là có óc cầu tiến, ra tỉnh làm ăn rồi kéo thằng Đãi theo. Còn mấy đứa kia thì ôm bặp dừa, cứ theo nghề cũ của ông bà cha mẹ, bám khư khư lấy ruộng rẫy, không biết chừng nào mới khá nổi."

Chú Ba:

"Chừng nào ba dìa Thới Lai cho tui nhắn với tụi nó là nếu trong đám con của tụi nó có đứa nào muốn ra tỉnh ăn học thì ở với tui tui nuôi cho. Gia đình cố tổ mình ngày xưa cũng có một thời làm quan với trào đình, không lẽ bây giờ dốt đặc cán mai hết ráo? Cứ ở lì Ông Chưởng hoài thì dẫu cho ăn bần hết cù lao nầy tới cù lao nọ thì cốt khỉ vẫn huờn cốt khỉ."

Nội gật gù:

"Mầy nói tao nghe lọt lỗ tai lắm đa. Để tao về biểu thằng Năm Dung cho con của nó là thằng Để theo tụi bây mà ăn học, học chữ không đặng thì học nghề. Chớ để nó ở Long Xuyên chăn trâu hoài thì lớn lên nó cũng đi cày thuê cấy mướn cho người ta mà thôi, không có tương lai gì hết trọi. Thằng Để tánh nó cũng hiền lành dễ thương lắm."

Chú Ba tán đồng:

"Gì chớ cái đó thì tui hoan nghinh liền. Chính tui đây cũng học chữ quốc ngữ nên bây giờ cũng biết viết quọt quẹt được chút đỉnh."

Chú Ba ngó Hai Phát đổi đề tài:

"Mầy với thằng Câm bữa nay làm cho ông đốc tưa Quế tới đâu rồi? Ổng có theo canh chừng tụi bây không?"

Hai Phát trả lời:

"Ông đốc tưa Quế buổi sáng làm việc cho nhà thương, buổi chiều ổng mới có ở nhà. Ổng muốn tui với chú Chín đánh quẹt-ni lại hết đồ đạc trong nhà, nào là đi-văng, nào là tủ búp-phê, nào là tủ đựng quần áo... Ổng coi bộ cũng vui tánh. Chú Chín thì như thiên lôi, chỉ đâu đánh đó chứ cắt nghĩa dài dòng là chú hổng có hiểu. Được cái là khiêng đồ nặng có chú cũng đỡ. Còn đồ nào khéo tay thì chú để cho tui. Tui với chú làm việc ăn ý lắm."

Chú Ba bàn vô:

"Ờ thì từ đó tới giờ chỉ có mình mầy nói là thằng Câm ổng nghe thôi chớ ai mà nói cho nổi. Nhiều lúc đổ quạu nó muốn thoi tao nữa là khác. (Ngó ông Đương). Ba đừng tưởng nó câm nên không biết mê gái là lầm chết. Tóc tai nó lúc nào cũng trét bi-dăng-tin láng lức. Chúa Nhựt nào nó cũng bận đồ tốt lên cầu Quay liếc đàn bà con gái. Xóm này có con nhỏ Lý Xích Hoài có tật ở cẳng đi cà ẹo cà ẹo hẩy tới trước. Lúc nào nó đi qua ngang cửa tui ra dấu cho thằng Câm ra đứng phía trước con nhỏ để hứng, nó ghét lắm. Có bận nó xô tui từ ghế bào té xuống đất, may có thợ thiền can ra."

Chú Ba cười. Thím Ba lắc đầu:

"Đây rồi có ngày nó đánh ông sặc máu mũi cho mà coi. Thằng Câm tại nói không được nên tánh nó cộc cằn, còn ông thì lại hay chọc ghẹo nó, biểu nó không tức sao được. (Day qua Hai Phát). À, tao nghe bà đốc tưa Quế đau bịnh gì đó mà không ai thấy bả bước ra khỏi nhà, có phải vậy hông?"

Hai Phát:

"Tui cũng không biết rõ nữa. Nghe nói bả bị bịnh lãng trí. Tui chỉ thấy bả thấp thoáng trong nhà coi bộ đẹp mã lắm. Nếu thiệt tình bả bị bịnh lãng trí thì thiệt là tội nghiệp. Ông đốc tưa Quế lúc trước ở Cần Thơ, mới dọn về Bạc Liêu được một năm nay, nên không ai hiểu rõ gia đình ổng bả ra sao hết. Hình như ổng bả không có con cái gì nên nhà cũng hiu quạnh lắm."

Thím Ba gắp cái phao câu gà bỏ vô chén của nội:

"Ba nhậu cái phao câu nầy đi ba. Nãy giờ ba ăn ít quá, tối sợ ba đói bụng."

"Nãy giờ ba cũng ăn nhiều rồi chớ con. Ba không đói đâu. Ba ăn như vậy quen rồi. Ăn nhiều trong người nó sanh ra nặng nề... À, tụi bây có nhận được tin tức gì của thằng Sơn không? Tao nghe nói coi bộ bên Cao Mên bây giờ cũng lộn xộn lắm."

Hai Phát:

"Tháng rồi gia đình có nhận được thơ nó. Nó nói bên Cao Mên tụi Thổ rục rịch nổi dậy cáp duồn người Việt Nam, nó sợ nên có làm đơn xin đổi về nước làm việc."

Chú Ba tiếp lời:

"Đâu riêng gì ở bên Cao Mên mới có cáp duồn. Ở Sóc Trăng với Trà Vinh tụi Thổ đã nổi dậy chém đầu người Việt Nam. Tui nghe nói tụi Thổ tánh tình thiệt thà và trung thành. Vậy mà

NHƯ SỰ SỐNG DƯƠNG GIAN TA ĐÃ TRẢI

KIÊM THÊM

Những nhầm lẫn như một phần oan trái
Ôi cơn đau cắt từng miếng da non
Trong giấc ngủ còn nguyên cơn mộng dữ
Ai băm vằm những nhát chém dời nhau.

Như ma quỷ hiện nguyên hình đứng đó
Người thực là kẻ dữ phản phúc thôi
Những nanh vuốt gặm từng phần sự sống
Đống xương khô còn rực rỡ hờn căm.

Hồn còn nguyên tươi xanh ngàn trắc ẩn
Vết hằn sâu mưng mủ những thương đau
Dưới địa phủ nghe bàn dàn cô quạnh
Quỷ yêu tinh thương cảm kẻ diêu tàn.

Mộ chôn kín một cõi đời u uất
Trong quan tài tẩm liệm những vàng phai
Giun dế sầu tấu nhạc khúc âm quen
Như sự sống dương gian ta đã trải.

đụng chiện tụi nó trở mặt làm phản cũng ghê lắm."

Ở Sài Ca Ná miệt Sóc Trăng có một cặp vợ chồng nuôi một thằng Thổ từ nhỏ tới lớn như con ruột. Vậy mà khi Thổ tràn tới nó mài phảng chém đầu hết hai vợ chồng. Nó nói nó không chém để người khác chém cũng uổng! Không hiểu sao mà bây giờ tự nhiên có giặc chòm như vậy.

Hai Phát cắt nghĩa:

"Tại người Việt Nam bây giờ chống Tây, thành lập phong trào Thanh niên tiền phong, mặt trận Việt Minh để đòi chánh phủ đô hộ trả lại độc lập tự do cho người Việt. Để dẹp những phong trào đó người Pháp áp dụng chính sách chia để trị. Họ xúi người Thổ nổi dậy đòi lại đất đai khi xưa chúa Nguyễn Hoàng đã chiếm của người Mên trong cuộc Nam Tiến."

Thím Ba thở dài:

"Nghe mầy nói mà tao lo cho thằng Sơn quá. Rủi có bề gì... Thời buổi gì mà thiệt là lộn xộn!"

Hai Phát:

"Đâu phải riêng gì ở Việt Nam má ơi! Ở bên Tây bên Tàu cũng có giặc. Giặc thế giới mà, chớ đâu phải riêng gì ở nước mình. Tui đọc báo thấy ở bên Âu Châu nước Pháp bị nước Đức đánh bại và chiếm đóng. Nếu biết tranh đấu nước mình cũng có thể giành được độc lập lắm đó."

Thím Ba chắc lưỡi:

"Nghe giặc giã sao tao ớn quá. Mầy với thằng Sơn đừng có gia nhập đảng nầy đảng nọ coi chừng bị Tây bắt."

Chú Ba gạt ngang:

"Bà là đàn bà mà biết gì. Không lẽ ai nấy lo chiện cứu nước mà mình khoanh tay đứng ngoài ngó. Gặp thời thế thì cũng phải biết phất cờ đứng dậy với người chớ."

Nội trầm ngâm góp ý:

"Hồi còn trai tráng tao cũng có tham dự công cuộc chống lại chánh phủ thực dân. Thời đó có nhiều bực cũng oai hùng lắm, chẳng hạn như Hoàng Hoa Thám, Phan Đình Phùng, Nguyễn Thái Học, Cao Thắng... Nhưng phe bên mình không có đủ súng ống nên công việc không thành. Thiệt là uổng hết sức. Mấy ông đó ai nấy cũng đều đã đền nợ nước."

Chín Câm khoa tay ú ớ một tràng dài không ai hiểu gì hết. Thím Ba và con Trinh bắt đầu dọn dẹp chén dĩa để cho mấy người đàn ông ngồi lại bàn quốc sự.

(Trích *Lớp Lớp Phù Sa* sắp in)

THÀNH PHỐ, MÙA THU, VÀ TIẾNG ĐỘNG CỦA LÁ

DƯƠNG NHƯ NGUYỆN

To TAL and memories unfulfilled

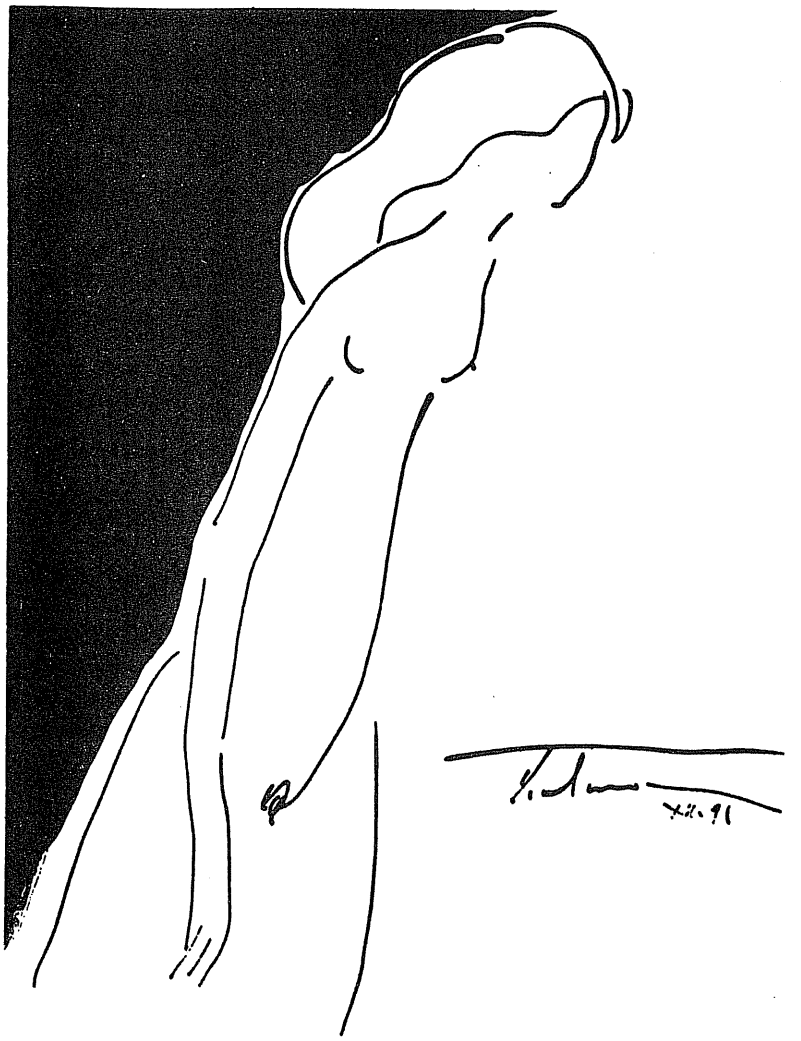

Nàng quay trở về thành phố ngày vào Thu...

Ra khỏi phi trường National, nàng bâng khuâng nhìn thành phố mở lớn trước mặt. Những năm tháng cuộc đời như một cuốn phim cũ quay chậm trước mắt nàng. Sự quen thuộc của khung cảnh làm tim nàng se lại, và cơ thể như chao đi một chút vì nỗi bàng hoàng. Ở đây, đã bao lần nàng đi đi, về về. Gót giày thoăn thoắt và cái xe kéo vali. Những chuyến bay đêm mệt mỏi. Hai bờ biển Đông Tây. Trước cổng phi trường nàng vẫn đứng đón taxi. Tất cả những động tác đó nàng đã

thuộc lòng như phản xạ.

Sự biến đổi của 16 năm qua chợt hiện rõ trước mắt nàng. Thời gian: 1975; diễn viên: một cô gái nhỏ tị nạn Việt Nam, ngơ ngác, tay cầm cái vé máy bay lạc lõng ở phi trường quốc tế. Thời gian: 1991; diễn viên: một thiếu phụ đã quen cảnh phi trường.

Em ra đi mùa thu
Mùa thu không trở lại... (2)

Nàng hát nho nhỏ trong đầu khi đứng đợi taxi. Hình như đa số những biến chuyển lớn trong đời nàng từ ngày đặt chân lên Mỹ Quốc đều xảy ra vào mùa Thu. Và hôm nay, nàng trở về thành phố, nơi mà bao lâu nay nàng gọi là nhà, cũng một ngày vào thu...

Chiếc taxi đưa nàng về cao ốc quen thuộc. Những hàng cây hai bên đường đã bắt đầu thay lá. Căn phòng rộng thênh thang trên tầng lầu cuối cùng của cao ốc mang vẻ thân yêu, chờ đón. Cái đàn dương cầm im lìm như phủ một lớp bụi mỏng. Tất cả vẫn thế, không thạy đổi.

Nàng cởi áo ngả xuống giường. Chăn đệm quen thân, nhưng ba tháng vắng nhà làm nàng hụt hẫng. Đôi tất lưới nàng quên giặt nằm trơ trên giữa thảm. Chiếc áo ngủ vắt ngang cái hòm gỗ trầm hương. Tấm hình nàng tươi cười xõa tóc ở Cape Cod vẫn lộng lẫy, mơ màng.

Nàng nhấc ống điện thoại. Giọng người đàn ông ngái ngủ, "Em ở đâu? Về từ bao giờ? Thôi để mai gặp". Hình như giờ giấc thất thường của nàng, sự có mặt, vắng mặt của nàng, và cách nàng luôn luôn nói về một chuyến đi sắp đến làm chàng đã quen đi. Ngạc nhiên không còn nữa. Nàng lắng nghe. Hình như mưa sắp rơi. Không, không phải tiếng mưa, mà là tiếng Thu. Tiếng động của lá.

Nàng hỏi người đàn ông:

"Ở đằng đó, anh có nghe tiếng động của lá không?"

Bên đầu giây kia, chàng im lặng một giây:

"Em vẫn thế, luôn luôn nói những câu perverte (chàng bắt chước nàng, chêm tiếng Pháp). Thôi đi ngủ đi cưng".

Trong giấc ngủ,
mùa Thu
rón rén đi vào

Thời gian: 1976; diễn viên: cô gái Việt Nam tỵ nạn đã hơi lớn một chút, thay vì áo dài trắng, mặc quần *jean* rách đi học, tóc dài quấn chung quanh cổ cho đỡ lạnh. Mỗi ngày nàng phải đi bộ ven rừng từ thư viện qua phân khu đại học về truyền thông.

Một hôm, nàng ngừng bên mé rừng, trố mắt mở to kinh ngạc...

Mùa Thu xứ lạnh hiện ra trước mắt nàng lần đầu, tuyệt vời, mỹ miều như một bức tranh vẽ, hoang vắng như mảnh linh hồn bỏ trống trong mộng mị. Những hàng cây thẳng tắp, im lìm, không một tiếng động, và buổi sáng như ngừng thở. Lớp sương mù như bao trùm cả vòm không gian lại.

Và mặt đất vàng ối. Chao ôi không biết bao nhiêu là lá. Vàng lắm, vàng vô cùng, đỏ lắm, đỏ dìu dịu. Yên lắm, yên như tĩnh mặc. Tất cả đã ngưng đọng. Để thu thành bất diệt.

Cô gái nhỏ Việt Nam nín thở nhìn cái đẹp của miền ôn đới. "*Ừ thu thì cũng vàng thu xứ người...*" (3). Nàng muốn đứng chôn chân, đứng mãi cho đến khi vạn vật xóa nhòa, khi sự sống và cái chết nhập một, cho nàng biến đi, tan thành hơi thu lạnh.

Nhưng ở bên kia mé rừng, trong phân khoa đại học truyền thông, bầy sinh viên đang sửa soạn tập kịch Shakespeare. Cô gái nhỏ Việt Nam mới nhập quốc sẽ phải đảm nhiệm vai Porsha, người thiếu nữ thông minh chung tình, giả trai ra tòa cứu người yêu, trong vở *Người Lái Buôn Thành Venice*.

Cho nên người con gái nhỏ Việt Nam phải băng rừng. Rón rén nàng dẫm chân trên lá. Trong không gian yên tĩnh cô đọng ấy, nàng nghe rõ mồn một tiếng kêu của lá. Như nhịp đập của trái tim...

Một trận gió thổi qua. Và hàng vạn chiếc lá bật lên khóc thành tiếng. Người con gái nhỏ da vàng ôm vai lắng nghe tiếng lá kêu than. Nàng nhấm nghiền đôi mi cho nước mắt chầm chậm trào ra. Sự xúc cảm không duyên cớ. Cái đẹp qua huyền diệu và vĩ đại sẽ trở thành bi thương. Giữa hạnh phúc và đau khổ trong linh hồn nghệ sĩ sẽ không còn ranh giới.

Và như thế, người con gái nhỏ cắm cúi băng rừng để tiến về sân khấu -- một sân khấu đối với nàng hãy còn xa lạ, xa lạ như ngôn ngữ, quốc gia đã mở vòng tay đón nàng.

Khi mùa Xuân trở về, ven rừng lại tưng bừng dấu chân đám sinh viên. Người con gái nhỏ tự hỏi lá đã về đâu? Tan vữa và ngấm vào lòng đất? Lá

"Sự ly biệt là phần hồn vô thức không chối bỏ được của kiếp di dân. Cho nên trong đời sống kẻ lưu đày, chuyến đi nào cũng chỉ là một sự bắt đầu xưa cũ..."

"Separation is the inseparable subconscious spirit of the immigrant experience. And so, for a traveller in exile, every departure is but an old, **deja vu** *endless beginning..."*

trở về với đất. Để lại nàng -- một tâm hồn ngây thơ, nhưng đã trót biết nghe tiếng động của lá...

Nàng mở cánh cửa kính cho nắng sớm mai lùa vào phòng. Nắng vẽ những vệt dài trên chăn nệm trắng. Nàng bâng khuâng nhìn những hạt bụi óng

ánh trong không khí.

Nàng xuống nhà tìm vali, và sửa soạn xếp áo quần mang đi. Nàng ngừng tay để gọi điện thoại cho người chuyên viên địa ốc, cho hãng chuyên chở. Rồi đây người ta sẽ đến, phủ những tấm khăn trắng lên đồ đạc trong nhà. Lên chiếc đàn piano đen huyền, lên những con búp bê bằng sáp, bằng sứ, bằng bông gòn đứng nhoẻn miệng cười với thiếu phụ chủ nhà.

Nàng nhìn đồ đạc trong nhà và bỗng dưng mệt mỏi. Cái mệt thấm vào lồng ngực và hai đỉnh thái dương. Sự mệt mỏi đến lúc tuổi còn ngợp sức ham hố cuộc đời. Nàng bùi ngùi dở nắp đàn ấn lên phím. Âm thanh vỡ trong căn phòng sơn trắng.

Nàng đứng tần ngần trước cửa nhà người đàn ông. Hai bên bờ tường có những nụ hoa vàng mỏng manh.

Có lần nàng đã nói:

"Em cũng như cánh hoa vàng trước cửa nhà anh, lúc nào cũng đợi anh về mà chẳng bao giờ là một phần của thế giới đằng sau cánh cửa".

Vâng, nàng chỉ là cánh hoa cỏn con mang sắc vàng của Đông phương tàn úa, lẻ loi ngoài khung cửa. Cánh hoa vàng chỉ biết nhìn vào thế giới bên trong khung cửa, chưa một lần gia nhập. Đem cánh hoa vàng vào thế giới đó, cắm trong lọ pha lê hay để hoa tàn héo trong bóng tối, thì người ta cũng vẫn phải ngắt lìa hoa ra khỏi cội nguồn. Ở trong hay ngoài nguồn cội thì cánh hoa cũng vẫn đớn đau vì mất mát. Cánh hoa sẽ mãi mãi bên ngoài khung cửa, và nếu được đem vào trong khung cửa, thì cành rễ phải đứt lìa...

Người đàn ông không để ý mấy câu nàng nói. Vô tình hay cố ý chàng vẫn hay bỏ quên sự trừu tượng và khúc mắc trong tư tưởng nàng. Sự liên lạc của họ được cột chặt qua hơi ấm vòng tay ôm và những bờ môi hôn rực lửa.

Cánh cửa mở ra, người đàn ông đứng đó, tay áo xắn cao để lộ hai cườm tay khỏe mạnh. Chàng đứng cao và thẳng như cây thông xanh ươm. Bờ vai rắn chắc quen thuộc, đón mời nàng ngả vào như một định mệnh không thể chống trả. Và đằng sau cánh cửa, thế giới không thuộc về nàng vẫn nhuộm đầy vẻ thân yêu.

Hình như những cuốn tạp chí cũ trên mặt bàn đã được thay bằng những số mới. Một tạp chí phụ nữ khỏa thân mang hình bìa một nữ ca sĩ nhạc rock nằm phơi bày. Người đàn ông vẫn thế, chàng như một con báo thích ăn thịt sống không hề giấu diếm bản năng.

Nàng quẳng chiếc ví tay xuống mặt giường. Hình như chàng đã thay chăn đệm mới. Chiếc khăn trải giường ngày xưa có một lỗ thủng vì tàn thuốc không còn ở đấy nữa. Nhưng mùi nước hoa đàn ông Hugo Boss vẫn lưu luyến trong căn phòng mờ tối. Nàng mở tủ áo, treo chiếc áo khoác mỏng. Cái tủ áo phản ảnh hình dáng người đàn ông: Những chiếc chemise trắng tinh, những bộ đồ lớn màu đen, xám, những đôi giày đen bóng. Nàng kêu lên bằng tiếng mẹ đẻ:

"Cái vẻ đàn ông lịch lãm này làm mình rơi vào lưới".

Tiếng chàng vọng vào từ bếp:

"Em lẩm bẩm cái gì đó?"

Chàng đang đứng trộn xà lách. Những miếng cải Belgium Endive trắng nõn. Mùi tỏi, dấm, tiêu, và dầu olive nồng lên quyến rũ.

Nàng lấy bộ pijama của chàng mặc vào, bộ áo rộng thùng thình quá khổ làm nàng giống con búp bê bằng vải không chân không tay. Nàng đi vào bếp, tay quấn ngang lưng chàng và nép đầu vào lồng ngực, cắn vào mạng sườn làm chàng kêu lên... "Vâng, em muốn cắn anh làm hai, để em chui vào biến thành cái xương sườn của anh... Tại sao đàn ông luôn là kẻ xâm lăng, mà đàn bà là loài bị xâm phạm... Em là feminist muốn đổi ngược sự tình. Nhưng ngay cả những người đàn bà feminist như em, đôi khi chỉ ao ước được làm cái xương sườn cho những người đàn ông như anh, có phiến ngực và bờ vai mênh mang làm ấm đôi má em, đôi má đã trót mang hơi lạnh của sương thu bên ngoài..."

Nàng đứng tần ngần nhìn người đàn ông nằm yên, thở đều say ngủ. Nàng lấy ngón tay vẽ một đường lên sóng mũi chàng, ngón tay nàng chạy lần theo bộ ria mép Clark Gable. Chàng càu nhàu gì đó, cánh tay dang ra phía trước như để kéo nàng vào lòng. Nàng bước lùi, cánh tay người đàn ông rơi xuống nệm. Chàng trở mình, con báo to lớn của nàng trở mình, nhưng rồi như một đứa trẻ, chàng nằm sấp, dấu mặt vào gối ngủ tiếp.

Nàng rón rén bước qua phòng làm việc bên cạnh. Những tia nắng đầu ngày yếu ớt len qua song cửa, vẽ những đường thanh tao lên mặt bàn gỗ đỏ. Nàng lật từng trang Rollerdex để tìm số hãng taxi, "tôi cần taxi ra phi trường trong vòng nửa tiếng..." Nửa tiếng ấy, nàng sẽ không dành làm thì giờ trang điểm, mà là để ôm cổ người đàn ông, để dấu mặt vào lồng ngực thơm quen thuộc, để sống lại những ngày đầu tiên cuộc tình mới chớm nở...

Nàng nhìn quanh, căn phòng làm việc mang đầy dấu tích của chàng. Những số báo *Wall Street Journal* nằm la liệt, chồng chất bên cạnh những tạp chí ăn chơi. Những mảnh giấy ghi "message" màu hồng, những tấm danh thiếp nằm vương vãi. Trong kia, người đàn ông thở đều, thân thể duỗi dài thẳng tắp. Hình như nàng yêu người đàn ông này một phần vì người chàng thẳng tắp như một bá tước Tây phương trong phim ảnh. Nàng nhớ lần gặp gỡ đầu tiên ở hý viện Lincohn, chàng mặc bộ tuxedo, như Clark Gable bước vào đại sảnh để hôn tay

Scarlet O'Hara. Vai chàng rộng, eo hẹp, người thẳng tắp như cây tre, cây trúc xanh mướt của xứ nàng. Kỷ niệm lần đầu gặp gỡ sống lại trong nàng cho đam mê thức giấc.

Nhưng rồi, như sự nghiệt ngã của định mệnh, mắt nàng bắt gặp một mảnh giấy nằm trộn lẫn giữa những tấm danh thiếp. Mảnh giấy mang chữ của chàng viết. Nét chữ to, cứng, rời rạc, và thẳng tắp như dáng người chàng thẳng tắp. Nàng cầm miếng giấy lên, đọc những dòng chữ quen thuộc, và con tim thót lại trước những vết đâm đau đớn...

My sweet Aimy,

Good morning, darling! It's 8 A.M. I must run to the office. Don't want to wake you. I want to take you to a very nice dinner tonight at Chez Auberge. So be prepared and wear your little black dress. Love you, baby.

T. (4)

Má nàng nóng bừng giận dữ. Mắt nàng như nhòa đi. Người con gái tên Aimy nào đó đã tỉnh giấc ở đây, cũng như nàng hôm nay. Nàng tỉnh giấc để lặng lẽ ra đi, trong bóng tối, trong khi chàng say ngủ. Còn Aimy nào đó tỉnh giấc để được chào đón bằng mảnh giấy tình tứ này. Nàng cau mày cố nhớ, hình như cả năm qua, người đàn ông chưa hề nói với nàng hai chữ, "Yêu em". Đã bao lần nàng tỉnh giấc trong căn phòng quen thuộc này, chưa một lần nhận được mảnh giấy âu yếm do chính tay chàng viết. Chưa một câu hứa, "sẽ đem em đi ăn tối nay". Với nàng, hình như chỉ là một thông lệ, "Đói bụng, đi ăn không em". Đi ăn vì chàng đói, chứ không phải vì nàng đói. Và nàng đã chấp nhận, chấp nhận vì vòng tay ôm khít khao lấp mất nỗi cô đơn, và phiến ngực mênh mang làm nàng cảm thấy được bảo bọc, và vì nàng vốn đến và đi, không hạn định. Chàng thích những thân hình đàn bà thật gầy, thật mảnh, mặc những chiếc áo đen bó sát người, những "little black dresses" tô điểm bằng những chuỗi hạt trai, những hạt bích ngọc thanh tao, những gót giày đen nhọn, nối tiếp với màu tất lưới đen huyền hoặc. Bao tháng ngày trong cuộc tình, nàng luôn luôn mặc áo đen cho chàng vừa ý. Và chàng cũng đã dặn Aimy nào đó mặc áo đen. Nàng không phải là chiếc áo đen độc nhất. Một sự thực mà nàng cố tình không nhìn thấy.

Nàng trở vào phòng ngủ, lặng lẽ nhìn người đàn ông say ngủ. Nàng thôi không muốn nằm xuống bên cạnh ôm cổ chàng, rúc đầu vào ngực, để chàng giang tay ôm nàng vào lòng vỗ về chiếc lưng mảnh mai. Chiếc taxi sắp đến trước cửa, nhưng nàng thôi không muốn hôn chàng giã biệt. Một sự lạnh lẽo ghê gớm xâm chiếm hồn nàng. Lạnh như thể đam mê thương mến đã chết cóng trong mưa tuyết, chưa một lần sống lại.

Nàng đưa bàn tay lên ngắm nhìn... Bàn tay nhỏ nhắn, gầy guộc, với những ngón thuôn dài, sơn đỏ. Nàng muốn dang tay tát mạnh vào khuôn mặt đẹp trai đang say ngủ. Môi nàng mím chặt để khỏi bật lên hai tiếng:

"Phản bội!"

Âm vang hai tiếng PHẢN BỘI bừng bừng trong đầu nàng. Nhưng rồi nàng lặng người, đau đớn. Làm gì có sự phản bội khi không có sự giao ước? Và nàng có quyền gì đòi hỏi sự giao ước khi nàng là kẻ đến, rồi đi? Thế hệ của nàng lớn lên trong đầy rẫy phản bội. Phản bội là lề lối sống: phản bội đồng minh; phản bội dân tộc; phản bội bằng hữu. Lời hứa thiêng liêng trước Thiên Chúa của sự giao kết vợ chồng, ở thế hệ nàng không có nghĩa gì cả khi lòng người thay đổi. Ở thời đại nàng, thay đổi là giá trị sống. Thì làm sao có sự "phản bội" trong những mối tình giữa những người đàn ông lịch lãm, độc lập như chàng, và những người đàn bà lịch lãm, độc lập như nàng, của những thành phố lớn, của thế kỷ này?

Nàng thở dài quay lưng, rón rén mở tủ áo lấy áo choàng, và len lén đeo ví lên vai. Bản chất Á Đông thùy mị làm nàng vẫn cố gắng tế nhị đừng gây tiếng động đánh thức người đàn ông. Nửa tiếng chưa qua hết, và chiếc taxi chưa đến, nhưng nàng vẫn lách mình ra khỏi cửa. Hơi lạnh của sáng sớm mùa Thu lùa vào làm nàng co ro, tay ôm vai. Hình như lòng nàng tê dại.

Ở phía trong tiếng cửa mở làm người đàn ông thức giấc, bật dậy. Chàng kêu lớn:

"Mimi, Mimi, em đừng đi vội, đến đây cho anh hôn giã biệt...

Mimi, Mimi, tiếng kêu vang vọng sau lưng nàng. Tiếng kêu của chàng, hay là tiếng kêu của thành phố hoa lệ? Nàng cắm cúi đi nhanh lên, nhanh hơn nữa. Tiếng kêu vẫn vang vọng trong trời thu, Mimi, Mimi, Mimi. Mỗi lần gọi điện thoại cho chàng, nàng vẫn nói, "Honey, it's just Me". Chàng vẫn nhái đùa, "Hello, Me. Me, Me, just Me, Me, Me..." Từ đó, chàng gọi nàng là Mimi, Mimi, như tên con mèo nhỏ của nàng thuở bé thơ.

Nàng cắm cúi băng qua con đường có nhà vị đại sứ Pháp. Cánh cổng to lớn kiểu Âu Châu nhạt nhòa trước mắt nàng. Ở đấy, có những tiệc tùng hoa lệ đã làm nàng chóa mắt, đã lôi kéo nàng đến và thúc đẩy nàng đi... Vì giấc mộng của nàng hình như đã tàn héo.

Nàng tiến về phía đường Connecticut. Tiếng động quen thuộc của thành phố đã bắt đầu gõ nhịp. Tay nàng lạnh cóng. Nàng ngừng ở góc đường để đón taxi, co ro trong chiếc áo choàng mỏng manh không đủ ấm. Nàng đưa tay vuốt mặt, hơi sương hay nước mắt vô tình làm má nàng ướt đẫm. Nàng quay nhìn

về phía con đường nhà người đàn ông, cánh cửa quen thuộc, với những đóa hoa vàng... Hai cánh cửa đã đóng im lìm, như một phần đời đã mất.

Và bỗng dưng nàng hiểu tất cả. Hiểu thấm thía. Hiểu tại sao nàng đến, và tại sao nàng đi. Hiểu tại sao nàng đã chọn những chuyến đi dài, để tách rời hẳn cương vị một phụ nữ Á Đông cổ truyền làm vợ, làm mẹ, sống an lành dưới áo chồng, để làm những cuộc phiêu lưu, những cơn lốc trí thức. *Sự ly biệt là phần hồn vô thức của kiếp di dân, những người di dân nhạy cảm. cho nên trong kiếp lưu đày, chuyến đi nào cũng chỉ là một sự bắt đầu cũ...*

Nàng chợt nhớ đến những câu thơ tiếng mẹ, "Có lần tôi thấy một người đi, chẳng biết về đâu, nghĩ ngợi gì, chân bước hững hờ theo bóng lẻ, một mình làm cả cuộc phân ly..." (5) Nàng đứng đây, khách lạ hay người quen của thành phố? Nàng đứng đây, sẵn sàng để kết thúc một cuộc phân ly nhỏ. Sau một lần phân ly lớn thì những cuộc phân ly nhỏ chỉ là một hình thức bắt đầu xưa cũ.

Nhưng hình như thành phố vẫn thế. Vẫn vô tình. Thành phố luôn luôn đón chào kẻ đến, và hững hờ với kẻ đi. Thành phố là nhân chứng những năm tuổi trẻ của nàng. Thành phố đã khinh bạc nhìn nàng thay đổi. Người thiếu nữ tỵ nạn hôm nào rón rén băng rừng đã biến thành người thiếu phụ tân tiến, tự tin. Người con gái đến từ tỉnh nhỏ biến thành người đàn bà của thành phố lớn. Người đàn bà đứng hát trong ban đại hợp xướng thành phố, âm thanh Haydn no đầy trên đôi môi hé tròn, âm thanh vỡ ra, xa lạ từ lồng ngực, ngân dài, không còn cô đọng trong ngôn ngữ lách cách, ríu rít như chim, như gạch vỡ đơn tiết (monosyllable) của tiếng mẹ đẻ. Người đàn bà miệt mài giữa những chồng hồ sơ giết chết tuổi trẻ, vì tuổi trẻ phải miệt mài trong tham vọng, vì thành phố là thành phố của tham vọng. Người đàn bà mặc áo triều đại Thái Lan vay mượn, đứng tiếp tân cho tòa đại sứ Thái trong viện Smithsonian, bởi vì chính bản thân nàng không còn tòa đại sứ. Và người đàn bà ôm cổ Clark Gable, rạng rỡ cười trong ảo ảnh là mình có tình yêu. Ảo ảnh tình yêu và ảo ảnh có quê hương.

Vâng thành phố là nhân chứng. Nhân chứng của sự trống rỗng này.

Nàng ngước mắt nhìn những lùm cây phong vàng ối và những mái nhà ngói đỏ tươi. Mỗi lần nhìn thấy cây phong đổi màu trên đầu mái ngói đỏ, nàng vẫn mường tượng đến âm thanh reo vui của Wolfgang Amadeus. Nhưng lần này âm thanh Wolfgang không vang vọng trong trí tưởng, mà trái lại nàng nghe thấy tiếng réo rắt, nức nở, thê lương của người ca sĩ gầy ốm, đói ăn, tóc đen, da vàng:

Nước non ngàn dặm ra đi
Nước non ngàn dặm ra đi
Dù đường thiên lý xa vời,
Dù tình cô lý chơi vơi,
Cũng không dài
Bằng lòng thương nhớ người... (6)

Một trận gió thoảng qua. Má nàng ướt đẫm, tay nàng thêm lạnh cóng. Lá bay lả tả trong không khí. Nàng khom người, nhặt một cọng lá đã vỡ vụn dưới gót chân của những người thành phố vô danh. Những mảnh lá vụn như cứa vào hồn nàng. Từ niên thiếu, nàng đã biết lắng nghe tiếng động bi thương của lá...

Nàng vùng bỏ chạy. Về phía trước mặt, về một khoảng không gian vô tận nào đó. Trước mắt là đường bay phi trường, là một *sự bắt đầu xưa cũ*. Đằng sau lưng người đàn bà là kỷ niệm, là mùa Thu, là thành phố, là tiếng động thương tâm của lá vỡ trong Thu, là hai cánh cổng nhà người đàn ông đóng im lìm, và âm vang tiếng chàng gọi, vô tình, lạc lõng:

Mimi, Mimi, Mimi...

Cuối Thu, một chín chín mốt
Kalorama, Washington, D.C.

(1) Trích từ nguyên tác, "Crying Leaves", truyện ngắn của Wendy Nicole Duong.

(2) Nhạc và lời Phạm Trọng

(3) Thơ Võ Phiến

(4) Tạm dịch:

"Aimy dịu dàng của anh, mừng cưng mới ngủ dậy. Tám giờ rồi, anh phải ra văn phòng và không muốn đánh thức em. Tối nay anh muốn dẫn em đi ăn ở Chez Auberge. Vậy em sửa soạn, và nhớ mặc cái áo đen. Yêu em. T.

(5) Thơ Tế Hanh

(6) Trích Con Đường Cái Quan, nhạc và lời Phạm Duy.

BỤI VÀ RÁC

Quyển 2 của bộ ba
Người Đi Trên Mây

NGUYỄN XUÂN HOÀNG

AN TIÊM xuất bản
1992

BUỔI SÁNG UỐNG CÀ PHÊ TRONG TIỆM PHỞ TÀU, XEM VIDEO VÀ NGHE ÁI VÂN HÁT "NHẠC VÀNG"...

THANH NGUYỄN

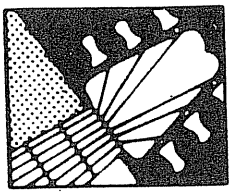

I

Buổi tối xem tin tức trên truyền hình, thấy nói đợt mưa dông thứ nhì của năm 92 sắp thổi táp từ Tây - Bắc Thái Bình Dương vào suốt dọc một bờ biển Cali, tôi nghĩ mà chột dạ cho chuyến trở về Nam vào ngày hôm sau. Nhưng rồi sáng đến, trời vẫn xanh, tuy là một màu xanh nhàn nhạt; có gợn rất nhiều mây; với những khoảng trống còn lại ở trên cao, đủ cho màu nắng yếu ớt trải trên khắp đường phố, trên những lùm cây bụi cỏ, trên những ngọn đồi từ sắc nâu nhạt sau cả một năm khô ráo chuyển sang màu phơn phớt xanh nhờ mấy đợt mưa giông cuối năm vừa qua.

Chín giờ sáng vào một ngày đi làm nên đường phố vắng vẻ. Cái khu shopping center của người Hoa ở đường Tully cũng chỉ mới thưa thớt xe và người; buổi sáng lúc ấy vẫn còn lạnh. Đi vòng vo để mua vài món trước khi lên đường xuôi Nam, xong đâu đấy tôi mới sực nhớ là chưa uống ly cà phê cũng như chưa hút điếu thuốc đầu tiên trong ngày! Có một cái tiệm cà-phê mà tôi cho là ngon ở đường Capitol Expressway, đoạn gần đường Mc Laughlin -- mà tôi quen phiên âm ra tiếng Việt là "mắt láu liên" -- nhưng lần trước ghé đến vào một buổi sớm tinh mơ (dân Việt Nam mình chịu khó mở cửa tiệm sớm) chả hiểu sao gia chủ lại cho mở nhạc giựt gân, hò hét chí chóe trong băng, hóa cho nên tôi đã mất hết thiện cảm. Nhưng dù sao thì sáng hôm nay, giờ này mà lái xe đến đấy có khi cũng xa; và lại cũng còn phải kịp lên đường trở về Santa Cruz! Rốt cuộc thì ly cà-phê với điếu thuốc đầu tiên của tôi trong buổi sáng mùa đông này lại ở trong một cái tiệm ăn rộng thênh thang; ngay giữa nhà có một cái màn ảnh TV rộng cả mấy thước vuông.

Tôi vừa nhấm nháp ly cà-phê -- không đến nỗi dở -- vừa lơ đãng nghe và nhìn người ta ca hát ở trên màn ảnh. Chốc chốc lại quay nhìn ra ngoài trời; nhìn những gợn mây trải rộng ra mãi tận ngoài xa. Tôi đã nghiệm là những ngày trời trong, cái buồn nếu có đến trong lòng thì bao giờ cũng là cái buồn hiu quạnh; còn những ngày có mây gờn gợn trải rộng xa tít tắp ra mãi tận chân trời thì cái buồn bao giờ nó cũng thật là xa vắng. Bởi thế khi một lúc bất chợt thấy Ái Vân xuất hiện trong chiếc áo dài hoa và hát một cái "liên khúc" trên màn ảnh cùng với Elvis Phương thì khoảng trời mây vần vũ của buổi sáng mùa đông này rất dễ dẫn dắt tôi về với những hình ảnh thực là cũ kỹ ở trong đời.

II

Vừa mới Chủ Nhật hôm nào; trời mưa rả rích; đi uống cà-phê với vợ chồng một người bạn cũ, xong đâu đấy lại ghé vào nhà vợ chồng một người bạn cũ khác. Ông chủ nhà, nhân câu chuyện vòng vo có đả động đến việc hát xướng thế nào đấy bèn lôi ra cuộn băng video, nhạc Văn Cao, mà khi mở máy lên xem thì đương sự cũng chỉ muốn cốt ý chứng minh tại làm sao mình lại đặc biệt có thiện cảm với Ái Vân. Không phải là có thiện cảm với giọng hát Ái Vân, mà là với chính Ái Vân.

Chủ nhà giải thích: "Tôi thấy người ta son phấn rồi ăn mặc dị hợm nhiều quá rồi; hóa cho nên khi thấy Ái Vân mặc chiếc áo dài giản dị, không hoa không gấm, mặt mũi lại chẳng tô trát đầy son phấn như hầu hết các cô ca sĩ vẫn thường làm, và hát bài Thiên Thai của Văn Cao thì là tôi "mê ngay!"

Người vợ của gia chủ hình như đã được nghe đức ông chồng của mình nhắc đến cái mê đó nhiều lần rồi nên không mấy tỏ vẻ bất bình, xúc động hay gì khác. Cũng có thể là có chồng nó "mê" người hát ở trong băng video thì không đáng ngại bằng khi nó mê người ta thật ở ngoài đời. (Thế mà thiên hạ lại hay nêu cái luận điểm cho rằng phụ nữ họ không bực mình cái gì bằng cái biết rằng chồng mình nó "ấp ủ trong tim bóng một người"; cho dù ở ngoài đời "hắn" không tơ hào gì đến người ta!)

Hôm đó thì tôi có ngỏ ý lấy

làm tiếc cho anh bạn đã không được thấy Ái Vân hát trên truyền hình Việt Nam Xã Hội Chủ Nghĩa vào thời kỳ 1976-80; cái thời mà người ca sĩ ấy còn tương đối trẻ so với bây giờ; cái thời mà Perestroika chưa được khai mào ở Liên Xô; Đông Âu chưa dám mơ tưởng đến ngày độc lập; và ở Việt Nam thì ai nấy đều vẫn còn nghĩ rằng Đảng với Nhà Nước sẽ còn cai trị nhân dân khá lâu, khá dài. Vào một đêm như thế của cái thời ấy, tôi đã thấy Ái Vân hát bài Ru Con theo thể dân ca Nam Bộ. Cô ấy mặc áo dài trắng; son phấn rất chừng mực -- chừng mực là bắt buộc rồi, bởi nếu không thì "trên" rất dễ gán cho cái tội "thoái hóa, tiểu tư sản". Vả lại có tô son trát phấn trên truyền hình đen trắng thì cũng bằng thừa; bởi hồi ấy chưa có cái vụ truyền hình màu trên đất nước anh hùng. Liên Xô họ chưa gắn cho cái hệ thống truyền hình màu! Và trong số các nữ danh ca quốc doanh của Nhà Nước và Đảng ta thời ấy thì phải kể rằng Ái Vân thuộc hàng xinh xắn vào bậc nhất! Cô ấy hát rất "lẳng" và rất duyên dáng; tuy cái "lẳng" nọ nó gần với kiểu lẳng trên sân khấu cổ truyền của ta, cái lẳng của một vai "đào thương" chứ không phải cái kiểu lẳng lơ sổ sàng học đòi theo kiểu mấy cô ca sĩ phương Tây. Một cái "lẳng" và duyên dáng rất ư là "thiếu nữ Việt Nam". Chủ quan và theo cái nhìn của tôi, một khán thính giả khi thấy và nghe Ái Vân hát ngày ấy, nó là như thế!

Thế rồi một ngày tình cờ đọc báo thấy người ta nhắc đến lai lịch của người ca sĩ nọ thì tôi một lần nữa lại để ý đến một cái sự lạ. Lạ là tuy Cộng Sản Việt Nam rất thích nói đến tính "hữu ái giai cấp", nôm na tức là giai cấp bị bóc lột phải biết gắn bó với nhau, thương yêu đoàn kết với nhau để diệt cho tiệt cái giống bóc lột; nhưng xểnh ra một chút là họ lại rất thích liên hệ gốc gác của những nhân vật "tinh hoa" của họ với nào là "dòng dõi nho học"; là "Giáo sư", là "Bác sĩ", là "Kỹ sư", là "Kiến trúc sư", là "Luật sư", v.v... mà xem lại thì hóa ra toàn là những cái gốc gác và danh xưng trực tiếp gắn liền với phong kiến, với tư sản, với thực dân, với đế quốc! Các sách sử của Cộng sản Việt Nam trước sau gì vẫn cố lôi cho bằng được cái gia phả Nho học của Nguyễn Sinh Cung, tức Nguyễn Tất Thành, tức Nguyễn Ái Quốc, tức Hồ Chí Minh! Làm gì thì làm cũng phải cố nhắc nhở cho mọi người biết rằng Võ Nguyên Giáp là nguyên Giáo sư Sử Học trường Thăng Long, Trịnh Đình Thảo là Luật sư, Huỳnh Tấn Phát là Kiến trúc sư, Nguyễn Hữu Thọ là Luật sư, v.v... chứ không phải hạng nông dân thợ thuyền thứ thường! Đọc Hồi ký của Bùi Tín, thấy có đoạn so sánh Tướng Võ Nguyên Giáp người có sách trong nhà và chịu khó đọc với một Tướng khác gốc nông dân cũng có bày biện đủ thứ sách trong nhà nhưng chỉ là cốt bày biện cho ra vẻ có chữ có nghĩa, rồi tác giả kết luận theo kiểu chép miệng rằng hai con người "xuất xứ từ hai nguồn văn hóa và xã hội khác nhau nó là như thế" thì tôi cứ thắc mắc không hiểu tác giả biết nhận xét như thế từ cả mấy mươi năm trước đây rồi, hay đợi đến về già rồi mới "phát hiện" ra cái hiện tượng phong thái giai cấp đó! Cơ khổ!

Cứ thô thiển như tôi, một người mà tổ tiên chắc chắn có vị làm nghề nông, thì xưa nay vẫn nghĩ rằng con người ta chỉ có ngu lắm thì mới không biết rằng trong một nước chỉ có người có tri thức mới có thể lãnh đạo. Mà từ thời kỳ thực dân đế quốc phong kiến tiến sang thời kỳ cộng sản hay tư bản gì nữa, không mấy đứa trí thức nó bày trò này, vẽ trò kia, thì dễ chừng một anh thợ mỏ ở Thái Nguyên hay một anh nông dân ở đồng bằng Cửu Long lại tự dưng tự lành từ hầm mỏ hay từ mảnh ruộng của mình nhảy lên mà cổ xúy học thuyết này, chủ trương nọ? Không một anh thuộc "giòng dõi nho học" đi "tìm đường cứu nước", lang thang từ Paris qua đến Mạc Tư Khoa rồi vác về cái chủ thuyết Mác-xít Lê-ni-nít, rồi bảo với dân rằng đấy là "chân lý" thì dễ chừng mấy chục triệu dân Việt Nam thời ấy tự họ họ biết ra cái món hay ho đó! Và ngược lại, cũng không có mấy anh theo Tây Học nó rao giảng cái món Dân Chủ Tự Do theo Tổng Thống Chế, theo Quân Chủ Đại Nghị, theo chế độ Đại Nghị, theo Kinh Tế Thị Trường, v.v.. và v.v... thì dễ chừng người dân tự họ họ xin xâm mà biết được!

Bởi thế khi đề cập đến lai lịch của Ái Vân thì tờ báo nọ đã không quên nhắc đến thân mẫu của cô là nữ nghệ sĩ Ái Liên của Hà Nội ngày trước; ngày trước tức là trước khi Việt Minh cướp chính quyền. Cái nòi quan lại phong kiến, trí thức tiểu tư sản xem ra nó biến chất đến là ngoạn mục! Một đám quan lại địa chủ phong kiến thì hóa ra lại đẻ được những đứa con mà cuộc đời và sự nghiệp lại gắn liền với "giai cấp vô sản" như một Đặng Xuân Khu, tức Trường Chinh; một Lê Đức Thọ. Một Phạm Tuyên, tác giả bài hát "quần chúng" mang tên "Như có Bác trong ngày vui đại thắng" để đánh dấu ngày Cộng Sản Việt Nam thôn tính nốt miền Nam, thì nghe đâu lại chẳng ai khác hơn là con trai của Phạm Quỳnh, ông Thượng Thư Bộ Lại của Nguyễn triều; người mà sử sách của Cộng Sản Việt Nam ghi rõ là bị "nhân dân trừng trị" sau khi Việt Minh cướp chính quyền vào năm 45. Diễn nôm mấy chữ "nhân dân trừng trị", như mọi người đều biết, có nghĩa là đã bị Cộng Sản thủ tiêu! Bố của Đặng Thái Sơn, người đoạt giải dương cầm Chopin vào cuối thập niên 70 thì, cũng như vợ -- người đã từng có công hướng dẫn Sơn học dương cầm từ bé -- đều là dân trí thức tiểu tư sản của Hà Nội ngày trước. Chỉ phiền có

một nỗi là Bố Sơn bị Nhà Nước và Đảng ta cho vào sổ đen đến thất điên bát đảo, hóa cho nên khi người con được báo chí tuyên truyền thành tích rầm rộ thì chỉ có tên người mẹ là được nhắc tới!

Mở gia phả của toàn bộ những "tinh hoa" từng đi theo dưới ngọn cờ quang vinh của Đảng mà không phải mười người như một đều có rau mơ rễ má với quan lại, với phong kiến, với trí thức tiểu tư sản của thời trước thì người viết mấy dòng này chỉ có đi đàng đầu! Và điều đó chỉ nhằm nói lên có mỗi điều này: là cái thuyết "phương thức sản xuất làm hạ tầng cơ sở cho mọi thứ thượng từng kiến trúc xã hội" của Marx chỉ là một cách nhìn ngớ ngẩn vì giản lược về lịch sử và con người. Bản thân của Marx, của Engels, của Lénine kia lại càng không mắc nợ gì đến cái gọi là "giai cấp vô sản"! Đến ngày nào mà "quy luật khách quan của lịch sử" nó đẻ ra giai cấp vô sản thứ thiệt, rồi từ hàng ngũ vô sản ấy nảy sinh ra những con người đứng ra cổ xúy rồi làm nên cuộc cách mạng vô sản thế giới thì chừng ấy hẳng hay. Còn ngoài ra thì, cho đến bây giờ, lịch sử nhân loại đã máu me đầm đìa không do tham vọng về quyền bính, về đất đai, thì cũng không vì cái gì khác hơn là vì tín ngưỡng, vì tôn giáo, vì những cái thuyết "siêu chủng tộc" kiểu Hitler hay những cái thuyết sa đọa kiểu như "muốn tiến đến công bằng và hòa đồng nhân loại một cách trường cửu thì trước hết phải tiến hành đấu tranh giai cấp, phải giết nhau hàng loạt cái đã!"

Cách làm của bọn Pol Pot bên Campuchia chẳng có gì mới hay đáng nói, nếu xét cho cùng. Bọn chủ trương khủng bố của cái thời "Terreur" bên Pháp sau Cách Mạng 1789 đã từng thử nghiệm cái trò đó rồi! Nhà Trần, dưới bàn tay của Trần Thủ Độ, cũng đã từng giở cái ngón đó với tôn thất nhà Lý rồi! Gương sáng của nhân loại, ở một góc độ quy mô và cho đến giờ phút này, thì họa chăng mới chỉ có từ chủ trương từ bi nhân ái của một Jésus hay một Thích Ca! Và nếu có bàn xa tán rộng ra thêm một tị nữa nhân đề cập đến việc đó thì cũng đừng có ai bảo với người viết này là "chớ nên nhìn những sự việc diễn ra trong lịch sử với con mắt và suy nghĩ của ngày hôm nay". Chẳng hạn như có muốn phán xét mấy anh ở Việt Nam mình theo Cộng Sản từ cái thời 1930 thì nên tự đặt mình vào cái thời đó! Người viết mấy dòng này quanh đi quẩn lại, về mặt đó, cũng chỉ suy nghĩ đơn giản có như thế này. Trước hết con người không phải là cái máy. Muốn biết một cái máy nó vận hành như thế nào vào năm 1930 thì người ta thừa sức làm ra một cái máy với đầy đủ những cơ phận như của thời 1930 để rồi coi xem nó vận hành ra sao. Với con người thì không được. Mấy cái anh viết sử nào rêu rao bảo rằng mình viết sử với tâm tình, với cái nhìn của một thời xa xưa quá khứ nào đấy, chẳng qua chỉ là tự lừa mình, trước khi toan tính chuyện lừa người. Bình luận về việc này thì nên để cho các nhà xã hội học, tâm lý học họ có ý kiến chuyên môn hơn. Và quan trọng hơn nữa là chẳng lẽ một anh đi theo Cộng Sản vào cái năm 30 lại không biết rằng xây dựng công bằng nhân ái cho xã hội loài người bằng cách phân định giai cấp, đấu tranh giai cấp tức là trước sau gì cũng phải sử dụng đến cái ác? Thời Thập Tự Chinh ở phương Tây thì người ta đã nhân danh Jésus và Allah để mà chém giết nhau thây cao chất núi rồi. Nhìn vào lịch sử nhân loại cho đến giờ phút này thì rõ ràng chỉ có những người Cộng Sản, hơn ai hết, là nhân danh công bằng nhân ái để mà làm điều ác hơn ai cả! Và cái câu vừa rồi thì hóa ra lại do chính những người xưa giờ sống dưới chế độ Cộng Sản Đông Âu và Liên Xô trước đây người ta nói!

III

Cái cuộn băng video có Ái Vân hát bài Thiên Thai của Văn Cao để rồi anh bạn tôi xem và mê Ái Vân thì là của cơ sở quốc doanh Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam nó sản xuất. Bởi thế mà các ca sĩ trình diễn đều phục sức chừng mực, phấn son tô điểm chừng mực. Còn cái cuộn băng video mà tôi được xem màn Ái Vân cô ấy hát một liên khúc với Elvis Phương hôm tôi uống cà-phê trong cái tiệm phở ở San José thì là do dân Việt kiều mình ở Paris họ làm. Bởi thế mà cái áo dài của Ái Vân nó mới màu mè hơn, trông đắt tiền hơn; mái tóc của cô ấy không còn là mái tóc thề thả xuống ngang lưng mà đã trở thành mái tóc uốn quăn; và phần son phấn thì tất nhiên là cũng phải đậm đà hơn trước. Nhìn và nghe Ái Vân của ngày hôm nay hát, tôi có hai nhận xét "sơ bộ", nói theo kiểu Cộng Sản! Hai nhận xét này tất nhiên là chủ quan; cần nói rõ thêm điều này! Nhận xét thứ nhất là về mặt "image", về mặt hình tượng -- nói theo kiểu Tây -- thì Ái Vân đã trút bỏ hoặc đánh mất cái hình tượng của mình trước kia. Nói "trút bỏ" là nhìn từ góc độ của chính người ca sĩ ấy; còn nói "đánh mất" là nhìn từ góc độ của người có dịp nhìn và nghe Ái Vân hát ngày xưa cũng như ngày hôm nay.

Trên sân khấu, trong nghệ thuật điện ảnh, cái "image" của một con người nó rất quan trọng. Cứ xem Sarah Bernhard, Greta Garbo, Marlene Dietrich, Humphrey Bogart, v.v... là ta thấy ngay vấn đề! Đã là tài tử xinê thì chả ai cấm Humphrey Bogart ăn mặc theo kiểu công tử con nhà lành ở thành thị, và đóng vai anh công tử con nhà lành ở thành thị; nhưng chả bao giờ người tài tử quá cố ấy đóng cái vai đó, bởi bản thân ông ta cũng như nhà đạo diễn đều biết mười mươi rằng nhập

vào cái đó thì khán giả sẽ không còn "nhận" ra cái "image" vốn đi liền với một Humphrey Bogart của "Casablanca", của "Tresor de la Sierra Madre", v.v... Nghe và xem Ái Vân ngày hôm nay hát, tôi không còn nhận ra cô ấy nữa. Và tự dưng trong lòng tôi cảm thấy tiêng tiếc. Và tưởng cũng cần mở một dấu ngoặc để nói lên cho thật rõ điều này: tôi tuyệt đối không liên hệ người ca sĩ đó với chế độ "quốc gia" hay "cộng sản" gì! Điều đó dẫn đến nhận xét thứ hai, cũng chủ quan không kém, là Ái Vân trình diễn không tự nhiên như trước kia cô ấy vẫn trình diễn.

Nhận xét như thế rồi, tôi lại đi đến một thứ nghi vấn gần như là tất yếu: những ca sĩ được Đảng và Nhà Nước chiều chuộng và ưu ái như thế, lý do gì khiến người ta bỏ nước người ta đi? Bỏ Đảng với Nhà Nước mà ra đi thì không có gì phải thắc mắc rồi; sau gần 40 năm cầm quyền thì Đảng và Nhà Nước Cộng Sản Việt Nam đã đạt được cái thành quả rõ rệt nhất là bất kỳ người dân nào không phải là Đảng viên cũng đều chỉ mong có dịp là xa lánh cái Đảng và Nhà Nước ấy như thể người ta xa lánh bệnh cùi, bệnh hủi. Nhưng còn bỏ nước mà đi, nhất là đối với một người nghệ sĩ, thì đấy không phải là chuyện dễ, kể cả khi tính mạng mình bị đe dọa. Chính quyền Liên Xô ngày trước đặt điều kiện với Boris Pasternak là "nếu anh đi nhận giải thưởng Nobel ở Thụy Điển thì tức là bước chân đi cấm kỳ trở lại, không được trở về đất Nga, anh có chịu không?" Pasternak đành không nhận giải Nobel, rồi ở lại mà sống âm thầm rồi chết già trên đất Nga. Đây đang nói về những tâm hồn nghệ sĩ.

Hay là người ca sĩ khả ái kia đã được Đảng và Nhà Nước "giao cho công tác đặc biệt?" Điều này thì vô nghĩa, bởi vì cái thời làm công tác địch vận của Cộng Sản đã qua. Cái xấu xa và thối nát của Cộng Sản Việt Nam đã rõ ràng, hiển nhiên đến độ nó chỉ còn đứng vững vì những quyền lợi riêng tư ràng buộc lẫn nhau, và căn bản quyền bính của nó trơ trụi cũng chỉ còn ở họng súng. Chứ còn cái ngón tuyên truyền, địch vận, tình báo thực tế giờ này chỉ còn là một mớ giẻ rách; làm đến đâu phản tác dụng đến đó.

Suy đi rồi nghĩ lại, tôi cho rằng rốt cuộc thì có lẽ mình nên nhìn vấn đề trên cơ sở thực sự tự do, thực sự dân chủ; tức là xét cho cùng thì đấy là cái quyền tự do dân chủ nơi mỗi con người. Ai muốn tự định nghĩa về sự yêu chuộng tự do, về mối gắn bó giữa bản thân mình với quê hương xứ sở, con người, v.v.. ra sao đó thì ấy là cái quyền của người ta. Mỗi con người là một trường hợp cá biệt; mỗi cuộc đời là một chuỗi kinh nghiệm cá biệt. Nghĩ như thế rồi, trên đoạn đường trở về Santa Cruz tôi chả còn mấy bận tâm về cái đoạn băng nhạc video mình tình cờ được xem lúc ban sáng. Duy chỉ có nghĩ rộng và tản mạn ra thêm điều này. Là nói gì thì nói, chứ hình như định mệnh của những người nghệ sĩ lớn, những văn nhân học giả cỡ lớn, những nhà chính khách cỡ lớn nó có nhiều ràng buộc với đất nước và con người hơn là so với những con người bình thường. Người ta tha hồ có thể tranh luận về cái hay cái dở nơi quy ước trong ngành hàng hải theo đó thì tàu chìm, anh thuyền trưởng phải chết theo tàu. Nhưng chả lẽ đối với những phần tử tinh hoa của một nước thì ý nghĩa của mấy chữ "lo trước cái lo của dân; vui sau cái vui của dân" lại chỉ là một công thức nói ở cửa miệng? Hoặc "khóc cười theo mệnh nước nổi trôi" -- nói như lời một bài hát nổi tiếng xứ mình -- rốt cuộc thì cũng chỉ có nghĩa ở tư thế của một quan sát viên khi chẳng may đến cái đoạn phải khóc? Những người bình thường như tôi, ăn cỗ đi trước, lội nước theo sau, thì đã đành.

PHỤC SINH Ở NỮU-ƯỚC

Blaise Cendrars

Bản dịch của Diễm Châu

Nhà xuất bản Trình bầy

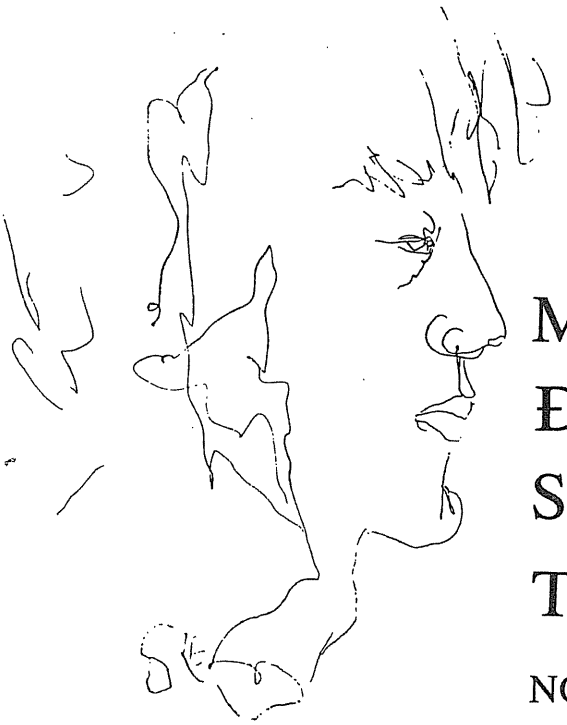

MỘT ĐOẠN ĐỜI SINH VIÊN TỊ NẠN

NGUYỄN VĂN BA

Mùa Xuân vừa qua, sau khi hoàn tất chương trình năm thứ hai đại học ngành Địa Vật Lý*, tôi được công ty SMDC** thu nhận làm sinh viên mùa hè trong ba tháng Sáu, Bảy và Tám.

Một tuần lễ trước ngày lên đường chúng tôi được lệnh tập họp tại hội trường khách sạn Holiday Inn trong thành phố để nghe thuyết trình về các vấn đề có liên quan đến công việc làm. Toán chúng tôi gồm hai chục sinh viên, mười tám nam, hai nữ, được hướng dẫn bởi ông Jim, địa vật lý gia thâm niên***, trưởng đoàn và ông Ken, địa vật lý gia, phó đoàn. Công việc: dò tìm quặng Uranium, một kim khí có phóng xạ tính, nguồn nguyên tử năng phụng sự hòa bình nhưng cũng là nguyên liệu căn bản để làm bom nguyên tử, một võ khí giết người cực mạnh, đã tiêu hủy hai thành phố Hiroshima và Nagasaki của Nhật Bản thời đệ nhị thế chiến. Địa điểm: khu vực phía nam hồ Athabasca, miền cực bắc tỉnh bang Saskatchewan, nơi có tiềm năng quặng Uranium lớn nhất Canada, ở khu vực phía bắc hồ, Uranium được tìm thấy từ thập niên 60, Uranium City đã được thành lập để phục vụ việc khai thác quặng từ ấy đến nay. Thời gian làm việc: Mười giờ một ngày, bảy ngày một tuần, làm sáu tuần liên tiếp sẽ về đây nghỉ xả hơi một tuần, sau đó trở lên miền bắc làm thêm sáu tuần nữa. Lương khoán một trăm Gia kim một ngày, kể cả những ngày nghỉ xả hơi hoặc không làm việc vì thời tiết xấu. Phương tiện di chuyển, cư trú và ăn uống, mọi thứ linh tinh được công ty đài thọ một trăm phần trăm, công ty trả bảo hiểm tai nạn trong suốt thời gian làm việc. Tiết mục hấp dẫn tôi nhất là phần lương bổng hậu hĩ, tôi lôi cái máy tính dùng năng lượng ánh sáng mặt trời từ trong túi ra, bấm lia bấm lịa, một trăm Gia kim một ngày nhơn cho bảy ngày rồi nhơn cho mười ba tuần, tổng cộng chín ngàn một trăm Gia kim, số tiền khá lớn đối với một sinh viên Việt Nam tị nạn, lại không phải chi tiêu gì cả, chả bù mùa hè năm trước tôi đứng đổ xăng cho một trạm Esso, bốn đồng hai mươi lăm xu một giờ, tám giờ một ngày, năm ngày một tuần, đồ ăn trưa phải tự sắm sửa... tôi cũng tính ngay trong đầu sẽ trả thêm tiền ăn cho gia đình ông anh mà tôi đang tá túc, gởi về Việt Nam cho má tôi một ít, chắc má tôi sẽ vui lắm khi biết rằng ở bên nầy thằng con bà đi học nhưng không đến nỗi túng thiếu.

Đầu tháng Sáu khởi hành, 22 người chất lên chiếc Grayhound, bắt đầu từ thành phố Saskatoon, phía nam tỉnh bang, cách biên giới Hoa Kỳ bốn giờ lái xe, ngay trên tiểu bang Montana, trực chỉ hướng bắc.

Lúc nầy tôi có dịp trò chuyện với những người đồng hành. Mười tám sinh viên nam đến từ khắp các miền của Canada, hầu hết là sinh viên năm thứ hai trở lên thuộc các ngành có liên quan đến khoáng sản như địa chất, địa vật lý, địa lý. Hai cô sinh viên ngành kinh tế gia đình giữ nhiệm vụ nấu ăn. Nhìn quanh chỉ mình tôi da vàng, tóc đen, mũi tẹt, tất cả lạ hoắc lạ quơ. Tôi cũng để ý quan sát phong cảnh, từ điểm khởi hành là đồng bằng phẳng phiu, ruộng lúa chạy tới chân trời, lúa cấy từ tháng năm giờ đã xanh màu mạ. Hồi ở Việt Nam, về miền Tây thấy ruộng lúa bát ngát, tưởng đã rộng lắm, nào ngờ ruộng ở đây còn rộng hơn, tỉnh nầy diện tích lớn hơn cả nước Việt Nam mình, không ngạc nhiên. Đi về phía bắc diện tích mùa màng thu hẹp lại, từng mảng rừng lác đác xuất hiện, mặt đất nhấp nhô những đồi lớn, đồi nhỏ. Trong lòng tôi lúc ấy sinh ra một nỗi bâng khuâng, quê hương Việt Nam đã xa, xa lắm, giờ lại lần nữa xa thêm, lần đầu tiên rời gia đình một mình đi xa kiếm sống, rời đồng bằng, rời thành phố về miệt rừng núi, thưa thớt dân cư.

Sau bốn giờ xe chạy, chúng tôi đến một thị trấn nhỏ bên cạnh một hồ nước bao la không thấy bờ bên kia. La Ronge, bốn trăm cây số về phía bắc, đìu hiu, thấp thoáng đây đó nhiều người da đỏ. Ông Jim cho biết tới đây là hết đường nhựa, đường trải đá cũng không đi được xa, muốn đến nơi công tác phải dùng đường hàng không. Mọi người xuống xe vào khách sạn nghỉ qua đêm.

Sáng hôm sau cả đoàn khăn gói lên chiếc thủy phi cơ, loại có chong chóng như chiếc DC3, DC4 ở Việt Nam để đến thung lũng hồ Athabasca. Lại bắc tiến thêm sáu, bảy trăm cây số nữa. Qua cửa kính phi cơ tôi thấy toàn là rừng, là hồ nước ngọt, rừng xanh mỏi mắt, hồ lớn hồ nhỏ đếm không hết, chia cắt rừng thành vô số mảnh nhỏ. Những cụm mây trắng như bông gòn, mặt nước hồ xanh phẳng lặng, rừng cây yên tĩnh, đầm lầy trống trải, lưa thưa những loài cỏ thủy sinh. Giữa trưa, tới thung lũng. Chiếc thủy phi cơ bỏ đoàn người tìm quặng lại, cất cánh rời mặt hồ trở về La Ronge. Mười lều nhỏ được dựng lên thành hình vòng tròn, mỗi lều hai sinh viên, ở giữa là lều chỉ huy của hai ông Jim và Ken, có hệ thống truyền tin để liên lạc với trạm tiếp liệu ở La Ronge, trụ sở chính của công ty ở Saskatoon và các hãng hàng không dân dụng. Hai máy phát điện chạy dầu cặn thay phiên làm việc 24/24, cung cấp điện năng cho mọi dịch vụ cần thiết, mọi người ngủ bằng túi ngủ, lều cá nhân sưởi ấm với lò sưởi chạy bằng dầu lửa.

Khoảng hai ba đêm tôi lại dùng điện thoại miễn phí ở lều chỉ huy nói chuyện với ông anh tôi ở Saskatoon. Hệ thống vô tuyến nối hệ thống điện thoại thành phố, chỉ nói hoặc nghe, không thể vừa nói vừa nghe. Tôi kể cho ông anh tôi nghe công việc tôi làm và những sinh hoạt chung của đoàn.

Sáng sớm hai cô nữ sinh dậy trước chuẩn bị bữa ăn sáng cho mọi người và cả bữa trưa để mang theo. Khi bọn nam sinh thức giấc thì mọi thứ đã sẵn sàng, thức ăn thức uống dư dả, muốn ăn bao nhiêu cứ ăn, muốn đem theo thứ gì cứ tự nhiên bỏ vào ba lô, không có bia, không có rượu, dĩ nhiên rồi, đi làm việc chớ nào phải đi ăn nhậu. Tám giờ đúng, một chiếc trực thăng đáp xuống bốc sáu mạng đi bỏ ở ba địa điểm đã được ấn định trước, hai mạng một chỗ. Chiếc trực thăng trở lại khu cắm trại tiếp tục nhiệm vụ đưa người. Cặp nào được bốc đi trước buổi chiều sẽ được đón về trước, sau mười giờ làm việc.

Tôi làm việc chung với thằng Paul đến từ thành phố Winnipeg, tỉnh Manitoba nhưng ngủ chung lều với thằng, Darren, sinh viên ngành địa lý ở Saskatoon. Tôi và Paul mỗi đứa được cấp cho một bản đồ tỉ lệ khoảng một phần năm ngàn tới mười ngàn cho khu vực khảo sát đã được đánh dấu trước đó bởi SMDC, rộng chừng một cây số vuông, và một máy Geiger counter. Máy Geiger counter được chế tạo bởi hai nhà địa vật lý Hans Geiger và W. Muller từ đầu thế kỷ thứ mười chín, nhỏ cỡ cái lunch-box, nặng chừng một kí rưỡi, có nhiệm vụ tiếp nhận các tia phóng xạ ở dạng năng lượng điện từ phát ra từ quặng Uranium rồi khuếch đại thành tiếng kêu tè tè. Tùy theo số lượng phóng xạ điện từ, nghĩa là lượng quặng Uranium có trong đá nhiều hay ít, máy sẽ phát ra tiếng kêu nhỏ rời rạc (200-300 *counts*), lớn và gần liên tục (700-800 *counts*), hoặc hú lên như còi hụ (5000-7000 *counts*). Tôi và Paul có nhiệm vụ di chuyển trong khu vực theo lộ trình ấn định, giữ cho máy Geiger counter càng gần mặt đất càng tốt, đọc và ghi lại trên bản đồ những số *counts* mà máy Geiger đếm được, những ngày trời mưa không làm việc ngoài trời được sẽ ở tại trại, nối những điểm có cùng số *counts* trên bản đồ thành những đường liên tục. Việc làm ở ngoài trời gọi là thăm dò, việc nối các điểm có cùng số *counts* lại với nhau gọi là vẽ bản đồ.

Tìm kiếm và khai thác là hai giai đoạn chính thường được nghe khi nói đến quặng mỏ, dù đó là mỏ dầu, hay mỏ kim khí như vàng, Uranium, sắt, bạch kim... Người sinh viên địa vật lý như tôi chỉ liên quan đến việc tìm kiếm, tìm được mỏ xong thì giao lại cho người có nhiệm vụ khai thác. Việc tìm mỏ tự nó cũng được chia ra làm nhiều giai đoạn nhỏ. Đối với việc tìm kiếm Uranium ở khu vực hồ Athabasca nầy thì giai đoạn thứ nhất là khảo sát bằng máy bay, bay theo hướng Đông Tây rồi Nam Bắc để xác định những ô vuông có từ tính. Chúng tôi ở

giai đoạn thứ hai, khảo sát bằng đường bộ trên những ô vuông có từ tính vừa nói. Giai đoạn thứ ba là khoan thử những chỗ có từ tính cao dựa theo bản đồ để xác định trữ lượng và phẩm chất quặng.

Hơn năm tuần lễ qua đi êm ả. Những sáng tinh sương thật lạnh, co ro trong túi ngủ, làm biếng muốn chết mà cũng phải rán ngồi dậy đi làm vì đồng tiền, vũng nước cạnh lều váng một lớp nước đá trên mặt, lá cây phủ sương trắng, tháng Bảy rồi mà ở miền cực bắc nầy vẫn còn quá lạnh, thở ra khói. Những buổi chiều nóng như thiêu như đốt, mấy lớp quần áo buổi sáng cởi ra hết, uống ba bốn lon Coke vẫn còn thấy khát, vài ba chú muỗi lạc đàn vo ve bên tai, vậy mà cũng có muỗi. Những ngày đi không rồi về không, máy Geiger counter chẳng thèm lên tiếng, tuyệt khẩu? đình công? bản đồ trắng bệch không có chấm nào, cầu cho ngày nào cũng vậy để khỏi mất công ghi chép, báo cáo, vẽ vời, vẫn lãnh lương đủ chớ có mất đồng nào, làm ở đây mà tiền chạy vô trương mục ở thành phố Saskatoon, khỏe re! Nhưng có hôm cái máy Geiger counter nó làm mình muốn điên, kêu réo om sòm từng chập, hú lên như tiếng còi xe chữa lửa, xe cứu thương, xe cảnh sát, ghi ghi, chép chép không ngừng tay, vặn bớt cái volume xuống cho đỡ nhức đầu, còn phải mở ba lô ra lấy búa địa chất đập lấy cục đá mang về làm bằng chứng, có hôm phải vác bốn năm cục nặng ơi là nặng, muốn gãy xương sống, xệ bả vai. Trong cái vất vả, buồn phiền có cái vui, chắc ông Jim và ông Ken mấy bữa nầy hài lòng lắm, đá mười ngàn *counts* được tiền thưởng năm chục đồng, đá hai chục ngàn *counts*, một trăm đồng... Tôi lại nẩy ra một ý kiến, lượm mấy cục đá theo thứ tự không có *counts* nào, rồi năm trăm, một ngàn *counts*... đếm tới, hết mùa đem về cho ông anh tôi ở Saskatoon chắc ổng thích lắm, đá càng nhiều *counts* càng trở nên đen, cục bảy ngàn *counts* đen như da mặt ổng. Tháng Bảy, hoa dại nở khắp nơi, đủ màu, vàng xanh trắng đỏ, trước khi bước lên trực thăng với tay hái mấy nhánh về tặng cô Brenda phụ bếp, cô cám ơn rối rít, cô nói dân Việt Nam mầy thiệt là ga lăng nghen, rồi cô đòi chụp hình chung, cô xin địa chỉ để tới thăm sau nầy, mà Brenda tới thăm thiệt hồi về nghỉ xả hơi một tuần, báo hại ông anh rể với bà chị hạch hỏi hoài, bộ mầy tính lấy vợ Canada sao thằng quỷ? Mầy mà cưới vợ Việt Nam thì tao còn lo đám hỏi, đám cưới, lo hột xoàn, cẩm thạch. Cưới vợ Canada thì một hai ba, a lê hấp, dọn ra khỏi nhà tao, một đồng tao cũng không cho. Cái ông anh rể và bà chị của tôi sao mà còn cổ lỗ hủ quá.

Rồi còn những buổi chiều vác cần câu ra bờ hồ câu cá, cá đâu mà nhiều quá là nhiều, bỏ xuống là cá cắn câu liền, *lake trout, northern pike, artic grayling*... con nào con nấy chín, mười *pounds*, làm như hồi nào tới giờ chưa ai đến chỗ nầy câu cá, mà mồi giả chớ phải mồi thiệt đâu, chỉ giữ lại con nào nặng trên mười *pounds* thôi, con nhỏ liệng trở lại hồ. Mà giữ để làm gì? Đồ ăn ăn chết không hết ở đó mà đi mần cá, à, hay là giữ một mớ cho ông anh bà chị ở Saskatoon, mấy trự nầy thích cá lắm, ớn heo bò gà quá rồi, mà tủ lạnh đâu để chứa cá, thôi phải rồi, bắt áp phe với con Brenda phụ bếp nhờ nó dấu cá trong ngăn lạnh. Rồi còn đám vịt trời, ngỗng trời... dạn sao hết sức là dạn, chẳng biết sợ người ta là gì...

Nhưng hai ngày trước khi nghỉ xả hơi một tuần thì có chuyện, số là hôm ấy thằng Paul phát giác ra mấy dấu chân thú, từ xa tôi nghe nó la bài hãi:

"Cọp, cọp, trời ơi, cọp."

Tôi giật mình, nhưng kịp nghĩ ra điều vô lý nên dửng dưng:

"Bộ mầy nói chơi hả? Cọp đâu ở đây mà cọp, bên xứ tao hay mấy nước Á Châu mới có cọp, xứ nầy làm gì có cọp mà tính chuyện nói gạt tao."

"Không phải cọp thì sư tử núi, không phải sư tử núi thì beo núi, mầy đến đây mà xem."

Mặt thằng Paul xanh như tàu lá, nó chỉ tôi coi mấy dấu chân dã thú còn mới nguyên trên khoảng đất ướt, cái nào cái nấy lớn hơn dấu chân người, chỉ có phần bàn chân, không có phần gót, đằng trước bàn chân là dấu năm ngón chân tròn dài có móng nhọn hằn lên mặt đất. Thứ thiệt đây rồi, tôi lẩm nhẩm một mình, tóc gáy rờn rợn. Quan sát chung quanh tôi thấy dấu chân con thú hướng về phía bắc, mấy cụm dương xỉ bị cắn đứt ngang, không thấy phần ngọn theo hướng nó đi. Vậy là nó ăn cỏ, tôi thấy yên tâm phần nào, tự trấn an có thể là nai, là hươu hổng chừng. Từ đó cho tới khi trực thăng tới rước tôi với thằng Paul không làm ăn gì được, chỉ bàn ra tán vào, thằng Paul bác bỏ lập luận của tôi cho là nai hay hươu vì con thú nầy có móng, ngược lại tôi bác bỏ lập luận của nó là sư tử núi vì thú ăn cỏ. Làm việc chung gần sáu tuần lễ, hôm ấy tôi mới khám phá ra thằng Paul lớn con nhưng nhát như thỏ đế, mấy lần nó rủ tôi trốn vô bụi, rồi leo lên cây, mắt lấm lét ngó trước dòm sau. Paul lớn như con bò mộng, tôi chắc nó nặng cỡ một trăm bảy, một trăm tám chục *pounds* chớ không ít, buổi sáng hay buổi trưa nó đều ăn gấp đôi tôi, có hôm thức dậy trễ không kịp ăn sáng nó mang theo bình sữa hai lít lên trực thăng, ngửa cổ uống một hơi hết ráo. Nó lại chơi *hockey*, một cái răng cửa mới gãy chưa kịp trồng nên cái miệng sún của nó trông thật buồn cười. Thú đâu không thấy chỉ thấy mấy cái dấu chân và bản mặt nhăn nhó của thằng Paul, ban đầu tôi cũng hơi sợ, nhưng thằng Paul lải nhải riết rồi tôi đâm ra bực mình.

Tối hôm ấy, sau khi dùng

bữa, cả toán 22 người tập họp ở lều chỉ huy để nghe tôi và Paul thuật chuyện. Ông Jim khẳng định đó là dấu chân gấu đen. Là người nhiều năm săn thú, ông Jim nói thao thao bất tuyệt về loài gấu, mặc dầu được xếp vào nhóm động vật ăn thịt, gấu thật ra là loại ăn tạp, cỏ, cá, côn trùng, rễ cây, lá cây, trái cây, hột... thứ gì gấu cũng ăn. Gấu nâu Á Châu thích ăn mật ong, gấu trắng bắc cực ăn cá, răng gấu lớn bản và bằng phẳng hơn các thú ăn thịt khác như cọp, beo, thích ứng với việc nhai nghiền nhiều loại thực phẩm khác nhau thay vì nhọn chỉ dùng để xé thịt. Ông Jim nói quê hương của sư tử núi và beo núi là Montana và Wyoming, có thể gặp một ít ở khu vực phía nam sát biên giới Hoa Kỳ. Dã thú vùng nầy chỉ có chó sói và gấu đen. Nhiều năm làm việc ở đây ông Jim đã mấy lần gặp gấu, ông Jim nhấn mạnh đó là một loại thú tương đối hiền hòa, chỉ tấn công loài người khi bị chọc giận, khi cần bảo vệ gấu con và nơi cư trú, chúng dài chừng một thước rưỡi tới hai thước, nặng trên dưới ba trăm *pounds*, dù nặng nhưng có thể di chuyển rất lẹ làng khi cần, có thể đứng thẳng và đi chỉ bằng hai chân sau, mắt kém nhưng khứu giác rất bén nhạy có thể bắt mùi thức ăn từ rất xa, ông Jim cũng căn dặn hai nữ đầu bếp chôn rác và thức ăn dư nếu không gấu đánh hơi sẽ tìm tới kiếm ăn...

Mọi việc đã rõ ràng, mọi người có thể về lều, nhưng một số thấy ông Jim tỏ ra hiểu biết về thú vật và săn thú nên ở lại hỏi thêm chuyện. Trong số những câu hỏi và trả lời tôi đặc biệt thích thú về chuyện đi săn ở Phi Châu của ông. Gần hai chục năm qua, mỗi năm hay mỗi hai ba năm ông Jim lại lấy một tháng holidays đi săn thú ở Kenya, Tanzania, Zambia, Cộng Hòa Trung Phi, Zaire... những năm đầu, thời còn trẻ, ông mướn một chiếc jeep và vài thanh niên khỏe mạnh địa

DALAT, MÙA XUÂN

HUỆ THU

Đà Lạt ơi mùa Xuân dễ thương!
cho tôi nhìn lại cảnh Thiên Đường
hai mươi năm trước thời con gái
những sáng chiều đi giữa xứ sương...

Đà Lạt ơi mùa Xuân ở đây
cũng hoa đào nở, gió thơm bay
sao tôi lạnh ngắt bàn tay níu
tia mặt trời xanh đọng nhánh cây!

Đà Lạt ơi lời gọi xót xa
núi sông kia chẳng phải quê nhà
sáng sương mù tỏa, chiều mây khói
ôi nén hương nào ấm mẹ cha?

Đà Lạt ơi trường Nữ. Nhớ. Mong!
ai trao tôi nữa đóa hoa hồng?
thuở ban đầu ấy không quên được
kỷ niệm chìm đâu những tiếng lòng?

Hai mươi năm trước, tóc cài hoa
hoa rụng giờ đây bóng nguyệt tà!
Đà Lạt ơi buồn tôi muốn khóc
quê người Xuân khiến nhớ quê xa!

Đà Lạt ơi mùa Xuân mùa Xuân!
tôi vòng tay đứng sáng bâng khuâng
tôi vòng tay đứng trưa chiều lạnh
vỡ nát đi lòng những phiến băng!

Sunnyvale, Jan 1992

phương, đi qua những trảng cỏ, rừng thưa, rừng dầy... săn đủ các loại thú từ voi tới sư tử, beo, tê giác, ngựa rằn, bò rừng... sống giữa thiên nhiên, đối mặt với dã thú, trải qua những cảnh đời thật sinh động, khó quên. Nhưng những năm gần đây săn thú ở Phi Châu đã trở thành một loại kỹ nghệ, du khách tới đó đã có những công ty chuyên môn hướng dẫn người đi săn, họ làm thủ tục, chọn địa điểm, loại thú, sắp xếp mọi thứ, du khách chỉ cần bóp cò, có người chờ sẵn để chụp hình, lột da thú, làm khô và gởi sang chánh quốc, việc tổ chức đi săn cá nhân và tự do bị hạn chế, ngày nay đi săn ở Phi Châu gần như chỉ là đi... xài tiền mà thôi.

Ông Jim cho biết dã thú ở Bắc Mỹ thật là hiền hòa nếu so với Phi Châu. Được hỏi trong các loại dã thú ở Phi Châu, loại nào nguy hiểm nhất? Ông Jim trả lời thú nào cũng nguy hiểm cả, nhất là khi chúng bị cô lập hay bị thương, rồi ông nêu ra cá tính từng loại thú lúc bình thường, khi bị thương, heo rừng, sơn dương, ngựa rằn, hoẵng... Ở đây tôi chỉ tóm lược năm loại dã thú nguy hiểm nhất ở Phi Châu mà ông Jim gọi là "top five".

Loài voi rất thông minh, tuy to xác nhưng biết không đương cự lại với loài người với khẩu súng trên tay, voi tìm mọi cách lẩn tránh người nếu có thể được, bắn con voi chót trong một đàn năm chục con đang trên đường di chuyển, bốn mươi chín con phía trước đi luôn không ngoái đầu lại. Trường hợp một đàn voi ba con mà đã giết được hai con thì phải cẩn thận, con voi còn lại biết mình bị săn đuổi thường tìm cách lẩn trốn nhưng cũng hay quay lại tấn công thợ săn. Nhìn chung voi khi nghe tiếng súng thường bỏ chạy nên có thể được xem là ít nguy hiểm nhất.

Tê giác thì hơi khác voi, tụ tập từng nhóm hai, ba con là nhiều và không hay bỏ chạy khi nghe tiếng súng như voi, chúng tấn công người một cách hung hãn, nhưng yếu điểm của tê giác là mắt nhỏ, thị giác kém, lại thường nhắm mắt và lao thẳng tới kẻ thù mà không xoay qua trở lại lẹ làng, nắm được nhược điểm nầy là có thể an toàn đến bảy tám chục phần trăm.

Trâu rừng, có người gọi bò rừng là dã thú nguy hiểm hàng thứ ba theo ông Jim, thường tấn công người nhất và tấn công bất kể có lý do hay không. Khi tấn công nó dùng đỉnh đầu ngay giữa cặp sừng để húc, phải cần một viên đạn loại thật mạnh mới chận đứng được nó. Sau khi đánh ngã người thợ săn trâu rừng thường quay lại húc lần nữa. Trâu rừng lại khôn ngoan và chiến đấu tới phút chót, nó có thể xoay tròn tìm kẻ địch, khi bị thương và biết không thể đi xa nó trụ hình và sẵn sàng tử chiến. Giác quan của trâu rừng tương đối tốt và đồng đều. Voi và tê giác bắt mùi giỏi nhưng mắt kém, dã thú thuộc nhóm mèo mắt sáng nhưng giác quan nầy không hữu dụng lắm trong môi trường thiên nhiên đầy lùm bụi và chướng ngại vật. Một con trâu rừng vừa có thể thấy, nghe và bắt mùi một cách hiệu quả, thật là một sự kết hợp giác quan đáng ngại cho người thợ săn. Tuy nhiên khuyết điểm của trâu rừng là to xác và di chuyển tương đối chậm, khoảng bốn chục cây số giờ trở lại, và không thể đạt được tốc độ tối đa tức khắc, nên nếu thợ săn dùng súng đủ mạnh thì có thể an toàn khi đối đầu với trâu rừng, to xác nên bắn không trúng chỗ nầy cũng trúng chỗ khác, di chuyển chậm chạp nên bắn trật phát đầu còn phát thứ hai.

Sư tử là dã thú nguy hiểm hàng thứ nhì ở Phi Châu, thân thấp, lông màu nâu vàng giúp sư tử dễ dàng che khuất bởi lùm cây bụi cỏ, vận tốc thật nhanh ngay từ lúc khởi hành, đó là những yếu tố làm nó trở nên nguy hiểm. Thêm nữa, sư tử là mục tiêu tương đối nhỏ so với trâu rừng hay voi, tấn công bất thình lình và nhảy chồm lên năm ba cái đã tới người đi săn rồi nên rất khó bắn trúng. Sư tử dũng mãnh và can đảm như trâu rừng, không bỏ chạy khi bị bắn, nó dốc toàn lực tấn công, giết địch thủ hay bị giết, chỉ có vậy thôi.

Bốn loại thú nguy hiểm nhất trong "top five" ở Phi Châu lần lượt là voi, tê giác, trâu rừng và sư tử. Đệ nhất anh hùng còn lại là beo gấm. Beo gấm ăn thịt gia súc như heo, bò, trừu, tấn công luôn nông gia khi các người nầy bảo vệ gia súc. Chỗ bị thương vì móng vuốt beo gấm thường bị nhiễm độc gây thương vong, do móng beo cũng như móng sư tử có mang mầm bệnh từ xác súc vật chết, con mồi của chúng trước đó. Những cư dân đầu tiên ở Kenya thường bị mất một mắt hay một phần mặt vì vuốt beo gấm, còn răng beo ngoạm lấy cổ hoặc bả vai. Khi tấn công, beo đánh bất ngờ và lanh lẹ như một tia chớp "nó là thú vật chạy nhanh nhất" -- beo lại rất quỷ quyệt, khi bị săn đuổi nó thường nằm dài trên một nhánh cây, nếu người thợ săn không thấy nó, nó thường im hơi, nếu người thợ săn ngó lên nhánh cây chỗ nó đang ẩn núp, beo chớp nhoáng phóng xuống vồ lấy đầu người thợ săn. May mắn là trời còn chừa một yếu điểm của beo gấm cho người dễ dàng nhận thấy, đó là khi ẩn núp hay rình mồi trên một cành cây, toàn thân beo được dấu kín bởi cành lá nhưng cái đuôi dài ngoằng thì thòng xuống, beo dấu đầu mình nhưng không dấu đuôi.

Mặc dù ông Jim khéo léo không đề cập chuyện gấu đả thương người, ông Ken trấn an chưa thấy ai bị gấu đen tấn công trong mười lăm năm qua đi tìm quặng Uranium ở vùng nầy và khu vực lân cận như Cree Lake, Black Lake, Davy Lake... thằng Paul vẫn còn sợ dữ lắm, tôi thấy mặt nó xanh lè xanh lét, nhứt là những lúc theo dõi ông Jim kể chuyện sư tử, beo gấm hại người.

Paul bắt điện thoại nói chuyện với má nó hồi lâu, không biết nói gì, cuối cùng trao điện thoại qua ông Jim, tôi nghe ông Jim vâng dạ một hồi rồi gác máy. Ông lôi ra từ góc lều một khẩu BRNO KK, có sức công phá tương đương với khẩu Winchester Magnum .458, hạ dễ dàng một chú gấu nặng ba trăm *pounds* ở cách xa sáu bảy chục thước, súng được trang bị thêm ống nhắm Tasco rất chính xác. Ông Jim mô tả từng cơ phận và hướng dẫn cách sử dụng, trước khi trao súng qua tay Paul, nhiều lần ông Jim nhắc lại chỉ dùng đến súng khi thật sự cần thiết và tin chắc đến chín mươi lăm phần trăm là dù có gặp gấu đen Paul cũng không phải cần đến súng.

Hôm sau, tôi và Paul lên đường trở lại địa điểm cũ để hoàn tất công việc còn dang dở. Đến khoảng ba giờ chiều thì mọi chuyện xong xuôi, tôi và Paul đang ngồi bàn chuyện trên một gộp đá bỗng nghe có tiếng sột soạt từ bụi cây đàng xa. Chuyện phải đến đã đến, một con gấu đen thong thả rảo bước hướng về phía chúng tôi, Paul hốt hoảng chụp ngay khẩu súng, nhắm ngay gấu ta chực nhả đạn. Tôi kêu Paul hãy khoan, chờ một chút xem sao. Con gấu thiệt lớn, vẻ nặng nề chậm chạp, lông đen mốc, chân ngắn, đầu lớn, mắt nhỏ, lỗ tai cũng nhỏ và tròn, khi nó xoay ngang tôi thấy cái đuôi cụt ngủn. Gấu làm ra vẻ thân thiện, đứng thẳng người lên bằng hai chân sau, hai chân trước chụm lại trong tư thế chào hỏi, lại lắc lắc cái đầu như thầm bảo phe ta, đừng bắn. Gấu xoay qua xoay lại như người mẫu trình diễn thời trang, khi khoe mông, lúc khoe ngực. Rồi gấu thả hai chân trước xuống, tiến lại gần chúng tôi hơn, bây giờ tôi thấy phần mũi gấu trắng nhưng chót mũi đen thui, gấu nghếch mõ lên, há miệng để lộ hàm răng dưới lởm chởm, trắng ởn. Con gấu bỗng xoay ngang người, cùng lúc tôi nghe tiếng súng chát chúa bên tai. Paul đã nổ súng bất kể lời dặn dò của ông Jim, con gấu còn cách xa chúng tôi ít nhất là ba bốn chục thước, tôi quay lại tính cự Paul thì thấy nét mặt nó hốt hoảng, thất thần, đủng quần jean trắng bạc đổi sang xanh đậm, thôi rồi, Paul đã tè trong quần. Nhìn theo con gấu tôi thấy dáng đi khập khiễng ngày càng xa rồi thấp thoáng bóng hai ba chú gấu con lẩm đẩm chạy theo.

Sáng hôm sau cả toán nhổ trại, lên thủy phi cơ trở về La Ronge. Lúc ấy La Ronge nhộn nhịp hơn hồi đầu tháng sáu rất nhiều. Chỉ ở khu vực chúng tôi vừa mới lên bờ đã có đến vài chục chiếc xe mang bảng số các tiểu bang của Hoa Kỳ như Texas, California, Florida, Alabama, Kansas... *motorhome* kéo theo xe du lịch, xuồng nhỏ, xe *truck* có mui, trên mui có xuồng, xe *truck* kéo *trailer* làm nơi ăn ngủ, xe van... Đám người nầy vượt ngàn dặm đến cái thị trấn bé tí teo nầy để làm gì? Khỏi cần nói, chỉ nhìn qua cách trang bị là biết ngay họ đi nghỉ hè, đi câu cá.

Còn một giờ nữa xe bus mới tới, tôi tấp vô trạm xăng vừa có nhà hàng vừa có tiệm *confectionary* mua kẹo cao su nhai cho đỡ buồn miệng, đang trả tiền thì có người vỗ vai:

"Ê, Norman, mầy làm gì lang thang ở đây?"

"Stuart! Mạnh khỏe chớ?"

Tôi nhận ra ngay thằng Stuart, học cùng lớp với tôi. Lớp chỉ có bảy đứa nên muốn lầm cũng không được. Qua vài câu xã giao, tôi hãnh diện cho nó biết tôi đang tìm kiếm Uranium cho SMDC.

"SMDC có đề nghị tao việc tìm Uranium nhưng tao từ chối."

Tôi ngạc nhiên:

"Thiệt uổng quá, công việc nhàn hạ mà lương bổng hậu hĩ lắm mầy ơi!"

"Tao biết, nhưng mà công việc đâu có nhàn hạ bằng việc tao đang làm, lương bổng càng thua xa lắc."

Tôi chắc là thằng nầy đang bịa chuyện đây:

"Vậy chớ mầy làm công chuyện gì?"

"Đi câu cá, đúng ra là hướng dẫn mấy người từ Mỹ qua đi câu cá."

Rồi Stuart lôi tôi ra đường, chỉ một chiếc *motorhome* gần đó nói là xe của thân chủ nó. Nó thao thao kể tiếp trên xe có đầy đủ tiện nghi, tủ lạnh, truyền hình, máy điều hòa không khí, bếp gas, máy dò độ sâu, dò địa hình đáy hồ, dò cá... Stuart nói thân chủ nó giàu lắm, tôi tin Stuart vì chỉ chiếc *motorhome* dài ngoẵng nầy trị giá sơ sơ cũng bảy tám chục ngàn, mắc hơn cái nhà của ông anh tôi, rồi còn chiếc xuồng kéo theo sau xe để đi câu cá kiểu Spectre STR19 RX do hãng Marineland chế tạo có trang bị ho-bors Yamaha 150 mã lực, ít nhất cũng phải mười bảy ngàn Gia kim.

Tuy nhiên tôi vẫn tin công việc tôi đang làm là béo bở hơn nên tìm cách tra hạch thằng Stuart cho ra lẽ.

"Nhưng mà công chuyện mầy làm ra sao? Lương bổng thế nào mầy nói tao nghe coi?"

"Ờ, thì tao dẫn mấy người nầy đến chỗ có nhiều cá, cá thiệt lớn, để họ câu, cá càng nhiều, càng lớn thì họ cho tao càng nhiều tiền, đa số mướn máy bay đi thẳng vô hồ câu năm ba ngày, nhưng cũng có người muốn chạy đường đá đến hồ, mà dù có cá hay không, nhiều hay ít, lớn hay nhỏ họ cũng trả tao căn bản một trăm đồng một ngày."

"Vậy thì đâu có hơn gì tao, tao cũng lãnh một trăm đồng một ngày, ngày nào cũng làm, còn mầy ngày làm ngày nghỉ."

"Đâu có ngày nào nghỉ, đắt lắm mầy ơi vì mùa hè qua mau lắm, có thân chủ phải chờ tao cả tuần lễ mới được dẫn đi. Ngoài ra bên cạnh tiền thù lao tao còn tiền thưởng nữa chi."

"Thì tao cũng có tiền thưởng vậy, đá mười ngàn *counts* năm

chục đồng, đá hai chục ngàn *counts* một trăm đồng."

"Mà tao nói mầy làm không khỏe và không nhiều tiền bằng tao đâu, đừng có cãi cho mất công, nội tiền mầy phải đóng thuế còn tiền tao không phải đóng thuế là mầy đã đủ thua tao rồi."

Tôi ấm ức và không tin Stuart, nhưng sau nầy có dịp nói chuyện với những người hiểu biết hơn, tôi mới tin đó là sự thật. Số là mấy du khách từ Mỹ lên cốt ý câu được cá lớn để chụp hình và mang về khoe với bạn bè, thân quyến. Thằng Stuart và những thằng làm cùng việc có mánh lới riêng, trước khi rời hồ nào tụi nó cũng lén cắm một bảng nhỏ, nội dung: ngày... tháng... năm... tên... đến từ... đã câu được con cá *lake trout* nặng... *pounds*, lần sau tụi nó dẫn du khách mới tới hồ phá kỷ lục (ma) của du khách cũ, khoái chí họ cho tiền thưởng rất trọng hậu, hai ba ngàn đồng là thường. Thì ra câu cá ở miền Bắc Canada hay săn thú ở Phi Châu ngày nay đều là chuyện đi... xài tiền. Tuy biết thằng Stuart làm được nhiều tiền và khỏe hơn, nhưng thâm tâm tôi không lấy làm buồn, tôi hãnh diện là khác vì tôi làm công việc đúng chuyên môn, học hỏi được nhiều kinh nghiệm bổ ích cho nghề nghiệp trong tương lai.

Ngay hôm đầu tiên về lại Saskatoon nghỉ một tuần tôi kể anh tôi nghe chuyện con gấu đen ở miền bắc, chuyện tôi kể làm ông anh tôi liên tưởng đến một câu chuyện khác ở quê nhà mà từ hồi nào tới giờ tôi chưa được nghe. Bên chung trà giọng anh tôi ra chiều xúc cảm, nhiều khi trong câu chuyện, mắt ông mơ màng như đang sống lại thời quá khứ:

"Chắc chú cũng biết lúc còn sanh tiền có một thời gian ba làm "nghề cây" còn gọi là "nghề rừng", người mình có câu "rừng vàng biển bạc" "nhứt phá sơn lâm, nhì đâm hà bá", làm nghề rừng và nghề biển mà có thời thì mau giàu lắm, ba mình phát tài nhờ khai thác gỗ, nhờ đó mà ông mới có tới ba bà vợ, anh em mình mới được ăn học. Chuyện ba làm giàu thì không có liên quan gì tới con gấu nhưng anh phải nhắc tới cho có đầu có đuôi. Số là ba khai thác gỗ ở những cánh rừng miền Đông Nam phần như Bảo Lộc, Long Khánh, La Ngà, Định Quán, Túc Trưng... ba có xưởng cưa, có xe cam nhông, có xe truck chở gỗ, mướn thợ vô rừng đốn cây. Hồi đó anh còn nhỏ lắm, nhỏ hơn chú bây giờ, có một năm anh được ba cho lên miền Đông chơi và theo đoàn thợ vô rừng. Thợ rừng hơn chục người, mang theo nào cưa máy, búa, dây thừng... rất cồng kềnh. Liên tiếp hai ngày liền toán thợ rừng đói lả, thức ăn trưa họ treo trên cành cây bằng lăng dựa bờ suối không cánh mà bay, họ tức giận, văng tục, hăm hẽ gặp kẻ cắp thì họ giết không tha, làm công việc tay chân nặng nhọc mà phải nhịn đói cả ngày thì chú biết sự bực tức lên tới độ nào. Thủ phạm là ai? Người nghi là mấy ông du kích Việt cộng, kẻ ngờ mấy thằng mọi (đồng bào thiểu số), ai thì ai mặc kệ, toán thợ rừng quyết định phục kích, bắt cho được kẻ gian để trừng trị. Hôm sau toán thợ rừng vẫn tiếp tục đi đốn cây nhưng chừa lại ba người ở khu vực con suối nơi họ treo đồ ăn trưa, có anh nữa là bốn, võ trang hai khẩu carbin, một bá liền, một bá xếp. Núp trong bụi cây từ sáng sớm, tới thiệt trưa vẫn chưa thấy động tĩnh. Buổi sáng sương mù còn đọng trên cành lá ươn ướt, vắt bò lễnh nghễnh, con nầy giống như đỉa, thân màu nâu, nhỏ bằng cây tăm xỉa răng, phăng phăng tới như sâu đo, chun vô người mình hút máu êm re, mình đâu có hay, chừng thấy máu đỏ lòm mới biết, còn bù mắt thì vô số kể, trưa một chút mồng trâu tới viếng, con nào con nấy lớn bằng ngón tay cái, chích vô mình đau muốn nhảy nhỏm mà đâu dám la, thiệt là gian nan. Nhờ khoảng thời gian phục kích mà anh có cơ hội quan sát rừng bên mình, thiệt là đẹp chú ơi, ở miền bắc nước Canada lạnh lẽo nầy chắc chú chỉ thấy toàn cây gỗ tạp có lá hình kim luôn luôn xanh như thông, sồi, dẻ... Bên mình mùa đó hoa bằng lăng đang độ nở rộ, tím rực cả một vùng trời, cây bằng lăng không cao lắm, lá to và thưa, trông xấu xí, da sần sùi nứt nẻ nhưng cho hoa đẹp, lâu tàn và gỗ rất quí, thợ mộc gọi bằng lăng là thao lao, sớ mịn màu vàng nhạt, làm đi văng, tủ thờ, giường ngủ... thì bảy tám chục năm không suy suyển, càng lâu càng lên nước bóng ngời, còn cây sao, câu dầu cao trật ót, thẳng đứng, gỗ cũng quí. Điều làm anh nhớ nhất là trái sao tròn nhỏ, đỉnh nhọn, trái dầu lớn hơn, có khía, nhưng cả trái sao lẫn dầu đều có hai cánh, anh ngắm chúng từ trên cao chầm chậm rơi xuống trong tư thế xoay tròn hoặc ngả nghiêng theo cơn gió, trái nầy nối tiếp trái kia như những cánh chim giang hồ không định hướng, ngắm hoài mà không thấy chán. Qua xứ Canada nầy thấy trái cây phong (maple) cũng có hai cánh, cũng xoay xoay trong không khí sao anh nhớ trái sao, trái dầu bên mình quá."

Ngưng một lát như để gom góp lại những hình ảnh của quá khứ đã nhạt nhòa trong trí nhớ, rồi ông anh tôi tiếp tục:

"Cả toán phục binh đang chán nản, sắp rời khỏi vị trí ẩn núp, bỗng có tiếng cành lá chuyển động trên cao, kẻ gian từ trên trời đi xuống, rõ ra là một đám khỉ, nhỏ có lớn có, chúng chuyền tay nhau, chuyền từ cành nầy sang cành khác, tiến đến mấy giỏ đồ ăn treo lơ lửng trên cành cây bằng lăng bên giòng suối. Nhóm thợ săn bước ra khỏi chỗ núp, chờ cho đám khỉ tới thật gần mục tiêu, một tay súng bắn một loạt thật sát đầu chúng, cây lá gãy đổ rào rào, tiếng loạt súng dội lại từ

rừng vắng nghe khô khan, chát chúa. Lũ khỉ thất kinh hồn vía, rối loạn, hét la chí chóe, con rơi xuống đất, con rơi xuống suối, mạnh đứa nào đứa nấy chạy, hàng ngũ rã tan, đám thợ săn chia nhau đuổi bắt chúng. Bỗng từ trên một ngọn cây bằng lăng thật cao có tiếng kêu "khẹt khẹt, khẹt khẹt, khẹt..." thật to, lũ khỉ như được chỉ dẫn, lẹ làng thoát qua bên kia bờ suối, phóng lên dãy cây bằng lăng nối đuôi nhau tẩu thoát. Toán thợ săn ngơ ngẩn, ngửa mặt nhìn lên ngọn cây bằng lăng, một con khỉ thiệt lớn lông nâu xám, chễm chệ trên một cháng ba đang cho con bú. Một tay thợ săn trong bọn hét lớn: "Con này là khỉ chúa đây, phải bắn nó mới được". Chưa ai kịp có ý kiến gì thì đã nghe một tiếng "đoành", từ rừng tiếng súng dội lại cộc lốc. Con khỉ chúa trúng đạn, rú lên một tiếng dài thảm thiết, máu nó từng giọt nhỏ xuống ngó thấy nhưng nó vẫn một tay bám chặt cành cây, tay kia ôm cứng đứa con, nó rú lên mấy tiếng dài thống thiết như kêu gọi đồng bọn. Máu con khỉ đổ ngày một nhiều, tiếng kêu của nó càng bi thương và nhỏ dần, toán thợ rừng lặng yên quan sát sự kiện, phân vân không biết con khỉ chúa đang làm gì, chuyện gì sẽ xảy đến. Cuối cùng một con khỉ lớn không kém xuất hiện, nhanh nhẹn đỡ lấy chú khỉ con trên tay con khỉ chúa, con khỉ chúa trao con rồi rời khỏi cành cây, xác nó lộn mấy vòng trước khi rơi tòm xuống suối. Con khỉ kia, có lẽ là con khỉ cha, ôm con, nhìn theo xác con khỉ chúa, có lẽ là vợ nó, thật lâu trước khi biến dạng trong khu rừng. Bác Hai Thành, trưởng toán thợ rừng, quyết định đào đất chôn xác con khỉ chúa và đắp một cái núm thấp làm gò mả. Hôm sau, rồi hôm sau nữa anh và toán thợ rừng trở lại, thấy trên núm mộ ngày nào cũng có mấy nhánh hoa bằng lăng còn tươi như vừa mới hái, màu tím thẩm. Anh về lại Cần Thơ, khoảng chừng hai tháng sau ba có về thăm nhà và đưa anh một lá thơ nói là của chú Hai Thành, trưởng toán thợ rừng gởi. Anh mở ra, nét chữ nguệch ngoạc, lời văn mộc mạc, chú hai vắn tắt: "Vài hàng cậu rõ, rừng bằng lăng giờ nầy đã thay lá, trái bằng lăng đã khô, nứt ra thành nhiều mảnh, tụi tui có trở lại khu rừng đó, thấy xác con khỉ lớn ôm con khỉ nhỏ trên nấm mộ, chết cứng. Hai Thành".

Chúng tôi trở lại miền bắc tiếp tục tìm mỏ Uranium, di chuyển và lập trại mới cách địa điểm cũ khoảng hai ba chục cây số, cách nhiều đồi, nhiều thung lũng. Công việc vẫn vậy, trực thăng đưa đón, ăn sáng, ăn trưa, ăn tối thật đầy đủ, máy Geiger counters có hôm ré lên như còi hụ, Brenda vẫn đẹp, gợi cảm và thân thiện. Cuối tháng Bảy trời mưa nhiều, lắm hôm ở trại vẽ bản đồ, hết công chuyện thì đánh bài, xem ti vi, buổi chiều nắng lên ra bờ hồ ngồi câu cá, *lake trout, northern pike, artic grayling*... mười *pounds* trở lên mới bắt. Tháng Bảy, tháng Tám ở miền cực bắc ngày thật dài, tám giờ tối mà mặt trời còn mãi rong chơi chưa chịu đi ngủ, rừng cây trầm mặc, nước hồ lặng yên, chuyện con gấu đen bị bắn đã chìm vào quên lãng.

Ngày cuối cùng, sáng ra sẽ nhổ trại, từ giã núi rừng, thiên nhiên, ao hồ, thú vật, từ giã cái máy Geiger counters, cái bản đồ chi chít những đường đồng điện từ lực của đá Uranium... trở lại với phố phường, với chữ nghĩa, với mùa tựu trường trước mặt, chắc chắn sẽ thoải mái vì túi trước túi sau rủng rỉnh hơi... tiền.

Nửa đêm bỗng có tiếng la thất thanh, giọng ai như của thằng Dave chung lều với thằng Paul:

"Cứu! Cứu! Cứu chúng tôi!"

"Gấu! Gấu! Gấu đen!"

"Cứu! Cứu! Cứu chúng tôi!"

"Cứu chúng tôi!..."

Có tiếng súng nổ, một khoảng yên lặng rồi tiếng người nói chuyện ồn ào. Tôi và Darren khoác vội chiếc áo ấm, chạy sang lều thằng Dave, nhiều người khác đã có mặt ở đó, ông Jim và ông Ken trên tay còn cầm súng.

Lều thằng Dave rách te tua, Paul nằm đó bất tỉnh mình đầy máu me, Dave lắp bắp:

"Gấu... gấu đen... sáu bảy con... nhỏ có... lớn có... một con chưn mặt đi cà... cà thọt... vồ cái chưn mặt... chưn mặt của thằng Paul."

NGUYỄN VĂN BA

Chú thích:

* (Geophysic)

** (Saskatchewan Mining Development Corporation)

*** (senior geophysicist)

hoàng khởi phong

THƯ KHÔNG NGƯỜI NHẬN

Tô Vũ (mục dương : chăn dê)(EFEO).

TÔ VŨ TRUYỆN

Tác giả BAN CỐ
Người dịch PHẠM XUÂN HY

Trước khi vào truyện

"Tô Vũ chăn dê" là một đề tài trước đây thường được các họa sĩ, thi nhân, văn gia cảm hứng tạo nên những tác phẩm, những bài thơ, những câu chuyện được người đời truyền tụng tán thưởng.

Hồi còn nhỏ, mỗi năm cứ đến ngày gần Tết, chúng tôi được gia nghiêm dẫn ra chợ xem bầy bán những tranh gà, tranh chuột, và thỉnh thoảng lại thấy một bức tranh vẽ một ông già, đầu đội nón rách mặc áo tơi, tay cầm cành trúc, đứng giữa cánh đồng tuyết với một bầy dê, trông đơn sơ nhưng rất là linh động gợi cảm.

Lúc đó tôi không biết là tranh vẽ gì.

Sau này, tôi mới hiểu là tranh vẽ truyện ông Tô Vũ chăn dê, một nhân vật lịch sử mà cuộc đời ngoại giao và lưu đầy của ông đã được nhà sử học tài danh Ban Cố thuật lại một cách rành mạch trong Hán Thư, ở phần liệt truyện, từ gần hai ngàn năm trước đây.

Cũng trong "Tô Vũ liệt truyện", Ban Cố còn kể lại cho chúng ta nghe những lời tâm sự yêu nước nghẹn ngào, uất hận của một nhân vật lịch sử khác. Đó là danh tướng Lý Lăng, người từng bị bọn lãnh đạo phong kiến hôn quân ngu muội hiểu lầm, kết tội là bất trung, rồi đem giết ba họ nhà ông, đẩy ông vào cái thế phải đầu hàng Hung Nô một cách oan uổng và bất đắc dĩ.

Hậu thế thường tán thưởng, ca tụng cái ý chí bất khuất và tiết tháo của Tô Vũ, nhưng đã mấy ai hiểu đến tấm lòng yêu nước cô đơn âm thầm của người danh tiếng họ Lý này?

Năm dê đã qua và năm khỉ đã tới, nhân lúc trà dư độc ẩm, ôn lại một câu chuyện cổ xưa có liên quan đến dê, là để tống biệt một năm đã ghi lại một biến cố đáng mừng cho lịch sử nhân loại: Đó là sự sụp đổ của chế độ Cộng Sản ngay trên chính mảnh đất đã từng khai sinh ra nó.

Nào, xin mời bạn đọc.

Tô Vũ tự là Thiếu Khanh, cùng với anh là Tô Gia và em là Tô Hiền, nhờ phụ ấm đều được bổ làm lang quan (1) ngay từ hồi còn trẻ, dần dần thăng đến chức Di Trung Cứu Giám (2).

Thời bấy giờ, Hán với Hung Nô thường xuyên chinh phạt lẫn nhau. Hai nước thường cho sứ giả sang dò thám rình rập nhau.

Sứ giả nhà Hán là Quách Cát và Lộ Quốc Lung bị Hung Nô giữ lại trước sau hơn mười người. Ngược lại, sứ giả Hung Nô cũng bị Hán câu lưu một số tương đương.

Năm Thiên Hán nguyên niên, vua Hung Nô là Thả Đế Hầu Thiền Vu mới lên ngôi, vì sợ Hán tập kích, mới nói phao lên rằng: "Vua Hán đối với ta là bậc phụ bối".

Rồi cho thả tất cả sứ giả nhà Hán là bọn Lộ Quốc Lung trở về.

Hán Võ Đế khen ngợi cái nghĩa cử của Thả Đế Hầu (3), bèn sai Tô Vũ làm Trung Lang Tướng (4), cầm cờ mao tiết đưa sứ giả Hung Nô trở về nước nhân thể, tặng cho Thiền Vu rất nhiều phẩm vật để đáp lại hảo ý của Thiền Vu.

Tô Vũ cùng với Phó Trung Lang Tướng Trương Thắng và viên quan thuộc hạ Thường Huệ chiêu mộ được hơn một trăm người làm trinh sát để cùng lên đường.

Lúc đến Hung Nô, Vũ đem lễ vật dâng cho Thiền Vu. Thiền Vu được thể, càng tỏ ra kiêu hoành, thật chẳng phải điều Võ Đế mong đợi.

Chính lúc Thiền Vu muốn sai sứ giả đưa bọn Vũ trở về nước, thì xảy ra việc mưu phản Hung Nô của Hầu Vương và Ngu Thường, người Trường Thủy.

Hầu Vương là con của người chị Côn Tà Vương, từng theo Côn Tà Vương hàng Hán triều, sau lại theo Trác Dã Hầu (5) Triệu Phá Nô xuất chinh Hung Nô, bị thua, phải luân lạc ở đất Hồ.

Lúc bấy giờ, bọn Hầu Vương, Ngu Thường, cùng những kẻ đã theo Vệ Luật đầu hàng Hung Nô ngày trước, âm mưu cướp Yên Chi, vợ của Thiền Vu, để mang về Hán, thì đúng dịp Tô Vũ đặt chân đến Hung Nô.

Khi còn ở Hán triều, Ngu Thường cùng với Phó Trung lang Tướng Trương Thắng vốn là chỗ quen biết cũ.

Thường lén đến gặp Thắng, và bảo với Thắng rằng:

-- Tôi nghe nói là Võ Đế vẫn còn oán giận Vệ Luật lắm. Nay tôi có thể vì Hán mà ám sát Vệ Luật được, chỉ mong rằng mẹ với em tôi còn đang ở trong nước sẽ được nhà vua ban thưởng mà thôi.

Thắng nhận lời Thường, lại còn đem một ít phẩm vật ra tặng cho Thường.

Sau đó hơn một tháng, gặp dịp Thiền Vu đi săn, trong cung chỉ còn hoàng hậu và các vương tôn tử đệ, bọn Ngu Thường hơn bảy chục người muốn phát động mưu phản, nhưng một người trong bọn ban đêm bỏ đi cáo giác.

Các vương tôn tử đệ Hung Nô được tin, phát binh ứng chiến.

Hầu Vương bị chết trong lúc đánh nhau, còn Ngu Thường bị bắt sống.

Thiền Vu sai Vệ Luật (6) đứng ra thẩm tra vụ mưu phản ấy. Trương Thắng biết tin, lòng lấy làm lo, chỉ sợ Vệ Luật biết được những điều Thắng và Ngu Thường đã bàn với nhau trước đây, vì thế, Thắng mới đem thực trạng thuật lại cho Tô Vũ biết.

Vũ nói:

-- Việc đến nước này, tất tôi sẽ bị liên lụy. Lúc đó, mang nhục mà chết, chỉ e làm không tròn việc nước giao phó mà thôi.

Nói xong, ý muốn tự sát.

Trương Thắng và Thường Huệ phải cùng nhau can gián, giữ Vũ lại.

Quả nhiên sau đó, Ngu Thường khai ra Trương Thắng thật. Thiền Vu lấy làm tức giận, họp hết cả quí tộc Hung Nô lại, ý muốn giết Hán sứ giả.

Tả Y Chật Tí (7) nói:

-- Mưu sát Vệ Luật mà còn bị tội tử hình, thử hỏi, nếu đây là âm mưu ám sát Thiền Vu, thì phải gia thêm tội gì nữa? Chi bằng, chiêu dụ cho họ đầu hàng là tốt hơn cả.

Thiền Vu phái Vệ Luật đến dụ Tô Vũ nhận cung.

Vũ bảo với Thường Huệ rằng:

-- Khuất tiết, làm ô nhục mệnh vua, tuy còn sống, cũng chẳng mặt mũi nào quay trở về Hán nữa.

Rồi rút bội đao đeo bên mình, đâm cổ tự sát.

Vệ Luật kinh hãi, đích thân ôm lấy Tô Vũ giữ lại, rồi vội vã cho gọi thầy thuốc đến chữa trị cho Vũ.

Thầy thuốc sai đào một cái hố, đốt một ngọn ôn hỏa ở bên dưới, đặt Tô Vũ nằm sấp bụng ở trên rồi dùng chân dẫn đi dặn lại khe khẽ trên lưng, cho máu trào ra.

Vũ bị ngất đi nửa ngày sau mới tỉnh lại.

Bọn Thường Huệ vừa khóc vừa khiêng Tô Vũ trở về doanh trại, nơi Hán sứ giả cư ngụ.

Thiền Vu, rất lấy làm khâm phục tiết tháo của Vũ, đêm ngày thường sai người trông nom săn sóc. Còn Trương Thắng thì bị giam vào ngục tối.

Vết thương của Tô Vũ dần dần lành hẳn, Thiền Vu cho sứ giả đến báo cho Vũ biết là Vũ sẽ được tham dự xét xử tội của Ngu Thường ý muốn nhân cơ hội này ép Vũ đầu hàng.

Sau khi Ngu Thường đã bị xử tội chém, Vệ Luật tuyên bố với các sứ giả Hán rằng:

-- Phó sứ Hán triều là Trương Thắng âm mưu ám sát cận thần của Thiền Vu, đáng phải tội chết, nhưng nếu ai chịu hàng phục Thiền Vu thì được tha.

Nói xong, dơ kiếm định giết Trương Thắng. Thắng vội vã xin đầu hàng.

Vệ Luật lại quay sang bảo với Tô Vũ:

-- Phó có tội, thì chủ tướng cùng chịu!

Tô Vũ đáp:

-- Tôi vốn không cùng đồng mưu, lại chẳng bà con thân thuộc gì với bọn họ, lẽ nào lại phải chịu chung tội.

Vệ Luật lại dơ kiếm, làm như có ý muốn giết Tô Vũ, nhưng Vũ chẳng hề mảy may nao núng.

Vệ Luật thấy vậy, nói:

-- Tô quân! Luật tôi ngày trước phải bỏ Hán triều đầu hàng Hung Nô, may nhờ được ơn mưa móc của Thiền Vu, ban cho Vương tước và bộ chúng cả hàng vạn người, ngựa dê đầy khắp sơn dã, phú quí vinh hoa đến như thế này. Nếu ngày nay Tô quân mà về hàng Hung Nô, thì sau này cũng nào khác chi. Chẳng hơn là chịu chết một cách vô ích nơi sa mạc hoang dã, làm mồi cho cây cỏ, thì rồi đây còn ai biết đến Tô quân nữa!

Tô Vũ vẫn không chịu hàng.

Vệ Luật lại thuyết:

-- Nếu Tô quân vì Luật tôi mà qui thuận Hung Nô, thì Luật tôi xin được cùng Tô quân kết tình huynh đệ, còn như chẳng chịu nghe lời của Luật này, thì về sau nếu muốn xin gặp, lẽ nào được ư?

Tô Vũ mắng Vệ Luật rằng:

-- Ông thân làm thần tử nhà Hán, đã chẳng nghĩ đến ân huệ của triều đình, lại không giữ lòng chung thủy, phản bội tổ quốc, đầu hàng bọn man di, thì tôi còn gặp ông để làm gì? Vả, Thiền Vu tin dùng ông, cho ông cái quyền xử quyết người ta, ông đã chẳng một lòng giữ gìn chính nghĩa, ngược lại, xí đồ cho vua hai nước đánh lẫn nhau, để đứng ngoài xem thắng bại. Tôi xin nhắc để ông biết rằng Nam Việt (8) vì giết Hán sứ giả mà nước bị diệt (9) và bị chia làm chín quận. Vua nước Đại Uyển vì giết Hán sứ mà đầu bị bêu nơi cửa khuyết. Triều tiên cũng vì giết Hán sứ giả mà sớm bị diệt vong. Nay chỉ còn có Hung Nô là chưa bị thảo phạt mà thôi. Ông biết rõ rằng tôi sẽ không chịu đầu hàng, còn nếu cứ lấy cái chết mà bức bách tôi, khiến cho hai nước phải gây chuyện can qua, cái họa vong quốc của Hung Nô bắt đầu từ cái chết của tôi mà ra vậy.

Luật biết rằng không thể uy hiếp được Tô Vũ, mới báo cho Thiền Vu hay. Thiền Vu lại càng có ý thu phục cho bằng được Tô Vũ, bèn đem giam Vũ dưới một cái huyệt ở dưới đất, không cho ăn uống gì hết.

Gặp ngày mưa tuyết, Vũ nằm ở dưới hố phải lấy răng cạp cả tuyết lẫn lông chăn mà ăn. Mấy ngày liền không chết. Người Hung Nô thấy vậy, cho Vũ là người thần, rồi đầy Vũ lên vùng Bắc Hải (10), nơi không có người cư ngụ, và bắt phải chăn dê đực chừng nào dê đực đẻ con mới thả cho về.

Còn những tùy tùng khác là bọn Thường Huệ thì bị giam cấm riêng mỗi người một chỗ.

Khi Vũ tới Bắc Hải, Hung Nô đoạn tuyệt không cung cấp lương thực cho Vũ, Vũ phải đào cả củ ấu do chuột tích trữ, để ăn cho khỏi đói.

Ngày nào Vũ đi chăn dê cũng mang theo ngọn cờ mao tiết, vì vậy mà cờ bị rách nát tả tơi. Vũ sống như thế được năm sáu năm. Một hôm, có người em của Thiền Vu là Ư Gian Vương đi săn ở Bắc Hải, thấy Vũ có tài đan lưới săn, lại sửa chữa được cả cung nỏ, nên có lòng yêu, thường ban thức ăn và quần áo cho Vũ.

Được hơn ba năm, Ư Gian Vương bị bịnh nặng, Vũ lại được Vương ban cho một số trâu bò, dê ngựa, một vài hũ rượu, dăm ba cái trướng phùng. Sau khi Ư Gian Vương mất, bọn thuộc hạ dời đi khác. Mùa Đông năm ấy, Vũ bị dân bộ lạc Đinh Linh lấy trộm hết số mục súc cùng mọi vật dụng, thế là Vũ rơi trở lại cái cảnh khốn khổ như cũ.

Trước đó, Vũ với Lý Lăng đều giữ chức Thị Trung ở trong triều. Sau ngày Vũ đi sứ được hai năm, Lý Lăng vâng mệnh cầm quân đi chinh thảo Hung Nô, bị bại trận phải đầu hàng, nên xấu hổ không dám đến gặp Tô Vũ. Mãi về sau, Lăng được Thiền Vu phái đến Bắc Hải để gặp Vũ.

Lăng mở yến tiệc, ca nhạc để khoản đãi Tô Vũ, nhân lúc ăn uống mới nói với Vũ rằng:

-- Thiền Vu biết rằng Lăng tôi với Tử khanh có mối giao tình thâm hậu cũ, nên sai Lăng tôi đến thuyết túc hạ và tỏ lòng mong mỏi được lấy lễ mà đón tiếp túc hạ. Túc hạ, trước sau gì cũng không thể quay về Hán triều được nữa, thì hà tất lại cứ khăng khăng chuốc lấy sự khổ cực một cách vô ích ở chỗ hoang vu giá lạnh này. Thử hỏi, lấy ai là người biết được tấm lòng trung tín của túc hạ? Vả, túc hạ hẳn còn nhớ, trước kia, khi người anh của túc hạ giữ chức Phụng xa Đô úy, có lần phò xa giá hoàng thượng đến Vực Dương Cung ở Ung Thành, xa giá đụng phải cây cột ở dưới giai đài bị gẫy, anh của túc hạ vì thế bị vu tội bất kính, phải dùng kiếm tự sát, mà cũng chỉ được hai trăm vạn quan tiền để làm ma chay. Lại như Nhụ Khanh, người em của túc hạ, một lần theo hoàng thượng đến tế thổ thần ở quận Hà Đông, thì xảy ra vụ viên quan Hoàng Môn phò mã tranh thuyền qua sông với một viên hoạn quan, bị viên quan nọ đẩy, té xuống sông chết đuối. Viên hoạn quan sợ tội bỏ trốn. Hoàng thượng phái Nhụ Khanh đi bắt về, nhưng không được, đành phải uống thuốc độc tự vẫn. Lúc Lăng tôi đến thăm nhà, thì lại là lúc thái phu nhân bất hạnh qua đời, tôi phải đưa linh cữu về táng ở Dương Lăng. Riêng người vợ của túc hạ, vì còn trẻ, nên đã cải giá ôm cầm thuyền khác rồi. Bây giờ, túc hạ chỉ còn có hai người con gái, một người con trai, và hai người em gái. Đến nay đã hơn mười năm, tôi không được biết sống chết lẽ nào? Đời người ngắn ngủi như móc sớm sương chiều, túc hạ hà tất cứ ôm mãi cái khổ vào người như thế này làm gì? Ngày Lăng tôi mới hàng phục Hung Nô, thì tâm thần hoảng

hốt, như điên như cuồng, lấy làm đau đớn là đã phụ Hán, thêm vào nỗi mẹ già ở nhà, vì Lăng phải giam nơi ngục tối. Cái chí quyết không hàng của túc hạ, hỏi có hơn được Lăng tôi không? Vả, hoàng thượng tuổi hạc đã cao, pháp lệnh thất thường, bất nhất. Những đại thần vô tội bị chu di tam tộc đã đến mười nhà. Làm kẻ thần tử mà sự an nguy của bản thân mình không liệu trước được. Như thế, túc hạ còn giữ lòng trung tín với ai? Xin túc hạ hãy nghe lời Lăng này, đừng nói gì nữa".

Vũ đáp:

-- Cha con Vũ tôi, chẳng có công nghiệp gì đối với quốc gia, mà đều được hoàng thượng gây dựng tài bồi. Cha thì ở hàng Tướng Quân, tước phong Thông Hầu, ba con đều là những cận thần của triều đình, nên Vũ tôi chỉ nguyện đem gan não ra trải dưới mặt đất để đền đáp ơn vua, nay được dịp đem thân cống hiến, thì dù có phải chịu búa bổ, hay bỏ vào vạc dầu, Vũ tôi cũng cam lòng nguyện ý. Làm thần tử đối với vua, cũng như con đối với cha. Con vì cha mà chết, còn ân hận lẽ gì? Xin túc hạ đừng thuyết Vũ tôi nữa.

Lý Lăng cùng Tô Vũ yến ẩm thêm mấy ngày rồi lại tiếp tục khuyên nhủ.

-- Xin Tử Khanh hãy nghe lời nói của Lăng nhé!

Tô Vũ đáp:

-- Vũ tôi tự coi như đã chết từ lâu rồi. Nếu Thiền Vu cứ nhất định muốn Vũ tôi phải hàng phục, thì Vũ tôi xin cùng túc hạ, vui cho hết hôm nay, rồi xin lấy cái chết để tạ lòng tri kỷ của túc hạ.

Lý Lăng thấy ý Tô Vũ nhất quyết không chịu hàng, đành thở dài mà than rằng:

-- Ta hồ! Nghĩa sĩ! Lăng này với Vệ Luật, tội ngút trời xanh.

Than xong thì khóc, nước mắt ướt đầm vạt áo, rồi từ giã Tô Vũ ra về.

Lăng vì tự thẹn, không dám đem đồ vật đến tặng Tô Vũ, nên chỉ sai vợ đem cho Vũ vài chục con dê.

Mãi về sau, Lăng lại đến Bắc Hải, báo cho Tô Vũ rằng:

-- Mới đây những tù binh bị bắt ở vùng biên giới Hán và Hung Nô, có khai rằng, trong triều quan từ thái thú trở xuống đến dân chúng, đều phải mặc tang phục, hẳn là hoàng thượng đã băng hà.

Vũ nghe tin ấy thì quay mặt về hướng Nam gào khóc thảm thiết, đến hộc cả máu tươi, ngày đêm liên tiếp như thế mấy tháng liền.

Sau khi Chiêu Đế tức vị được mấy năm, Hán và Hung Nô giao hảo trở lại. Hán yêu cầu trả lại Tô Vũ. Hung Nô nói dối là Vũ đã chết.

Sau này Hán lại phái sứ giả sang Hung Nô. Bọn Thường Huệ được tin, bèn xin với người

PHÙ SINH

KHOA HỮU

Sớm mai thức sẽ muộn hơn
mở toang trăm mắt cỏ hờn bên vai
nhớ em chiều ngả phương đoài
qua đêm lại hạn kỳ này phương đông
biết em thủa vẫn hoa hồng
tàn phai đến cả tấc lòng chưa phai
tóc mây em tóc trâm cài
khổ công anh kẻ ngồi mài sử kinh
trái tim đau khẽ giật mình
mỗi năm bặt tiếng tơ tình yêu em
gom hoa trái đất anh đền
gom mưa gom nắng về bên hiên nhà
khuya chờ vỡ ánh sao sa
sáng xanh ngỡ bóng em qua vòm trời
vì anh sao ấy đổi ngôi
vì em anh thứ lỗi đời phù sinh.

Sàigòn, Việt Nam

khán thủ ban đêm cùng đến gặp sứ giả nhà Hán. Nhờ vậy, Thường mới có dịp trình bầy cho sứ giả biết tình trạng của Tô Vũ, rồi lại sui Hán sứ giả về nói với Thiền Vu rằng Chiêu Đế đi săn ở trong rừng, bắn được một con chim nhạn, dưới chân có cột một bức thơ. Trong thơ cho biết là Tô Vũ hiện còn sống ở một nơi hoang trạch.

Hán sứ nghe bọn Thường Huệ nói thế thì mừng lắm, bèn y lời bọn Huệ trách vấn Thiền Vu.

Thiền Vu nhìn bọn tả hữu, lấy làm ngạc nhiên, tạ lỗi với Hán sứ giả và nói:

-- Quả thực là bọn Vũ còn sống.

Nhân thế, Lý Lăng mở yến tiệc ăn mừng và chúc Vũ rằng:

-- Nay túc hạ được qui hoàn cố hương, oai danh chấn động Phiên Quốc, công tích hiển hách trong Hán triều, cho dù những anh hùng hào kiệt từ cổ được ghi tên trong thanh sử, đã chắc gì ai hơn được túc hạ! Lăng tôi tuy tài hèn, nhu nhược, nhưng giả sử năm ấy được triều đình tha thứ, bảo toàn mẹ già, cho Lăng tôi được cơ hội chịu đựng sỉ nhục, rồi đem cái chí báo quốc tích lũy tại tâm ra thi thố, thì công của Lăng tôi đâu có kém gì công của Tào Mạt ở Kha Ấp ngày xưa. Đây chính là điều tôi hằng ủ ấp. Nhưng tiếc thay, triều đình lại đem cả ba họ tôi ra mà giết, thì Lăng tôi còn lưu luyến làm gì cái ý tưởng ấy? Tất cả đã xong rồi! Hôm nay, túc hạ đã hiểu rõ tấm lòng của Lăng tôi. Từ đây, Hán Hồ đôi ngả, xin vĩnh tuyệt.

Nói xong, Lăng đứng dậy vừa múa vừa ca rằng:

Kinh vạn lý hề độ sa mạc
Vi quân tương hề phấn hung nô
Lộ cùng tuyệt hề thỉ nhận tồi
Sĩ chúng diệt hề danh dĩ đồi
Lão mẫu dĩ tử, tuy dục báo ân tương an quí.

Hát xong thì khóc, mặt ướt đầm nước mắt, sau đó cùng Vũ quyết biệt.

Thiền Vu cho triệu tập Vũ cùng bọn tùy tùng lại. Trừ số người đã chịu hàng và người đã chết, số người được trả về Hán cùng với Vũ cộng lại tất cả còn chín người.

Mùa Xuân năm Thủy Nguyên thứ sáu, Tô Vũ về đến kinh sư. Chiêu Đế cho phép Vũ mang lễ phẩm vào bái yết lăng Võ Đế, rồi bổ nhiệm Vũ làm Điển Thuộc Quốc, hưởng lộc Trung Nhị Thiên Thạch, ban cho hai trăm vạn quan tiền, hai khoảnh công điền, và một tòa dinh cơ.

Những người cùng về với Vũ như Thường Huệ, Từ Thánh, Triệu Chung Căn, người nào cũng được bổ nhiệm làm Trung Lang, và được thưởng hai trăm xấp vải. Còn lại sáu người khác vì già lão, nên được cho về quê thưởng một trăm vạn quan tiền, và được miễn dao dịch cho đến hết đời.

Thường Huệ sau này làm đến Hữu Tướng Quân tước phong Thông Hầu.

Tô Vũ bị câu lưu ở Hung Nô tất cả là mười chín năm. Khi ra đi, người trẻ trung tráng kiện, lúc trở về thì râu tóc bạc phơ.

Sau ngày Vũ trở về nước được một năm, tại Hán triều xẩy ra vụ âm mưu phế lập do Thượng Quan Kiệt và con là Thượng Quan An cùng với Tang Hoằng Dương, Yến Vương, Cái Vương chủ xướng.

Người con Tô Vũ là Tô Nguyên vì có dự mưu với An, nên bị tội đồng lõa và bị xử tử hình.

Nguyên trước đó, cha con Thượng Quan Kiệt và Thượng Quan An tranh chấp quyền hành với Đại Tướng Quân Hoắc Quang. Kiệt và An đã nhiều lần kể lể những lỗi lầm của Hoắc Quang với Yến Vương và xui Yến Vương báo cáo với Chiêu Đế. Bọn Kiệt và An lại thường phao ngôn rằng Tô Vũ đi sứ Hung Nô bị giam cầm gần hai chục năm, vẫn giữ lòng chung thủy không chịu hàng Hung Nô, mà chỉ được bổ nhiệm làm Điển Thuộc Quốc, trong khi đó, Đại Tướng Trưởng Sử, chẳng có công tích gì thì lại được bổ nhiệm làm Trị Mễ Đô úy. Đó là do sự thao túng và chuyên quyền của Hoắc Quang.

Kịp đến lúc phe Yến Vương và cha con Kiệt An mưu phản bị giết, thẩm xét bè đảng, nhân thấy Tô Vũ với bọn Kiệt và Hoằng Dương là chỗ cố cựu lại thường được Yến Vương tiến cử nhiều lần, và con có tham dự mưu phản, nên quan Đình Lý tấu thỉnh xin bắt giam Vũ. Nhưng Hoắc Quang gác tấu chương của viên đình úy lại và chỉ bãi chức của Vũ mà thôi.

Sau đó mấy năm, Chiêu Đế băng hà. Tô Vũ nhân vì là lão thần của Chiêu Đế, lại có dự vào việc tôn lập Tuyên Đế, nên được phong tước Quan Nội Hầu, ăn lộc ba trăm hộ.

Vài năm sau, Vệ Tướng Quân Trương An Thế tiến cử Vũ với Tuyên Đế nói Vũ là người am hiểu những lề luật, điển chương của triều đình, đi sứ không làm nhục mệnh vua, có lời dặn của tiên đế trong di chiếu.

Tuyên Đế lập tức cho vời Vũ đến đợi ở nhà hoạn quan để chờ chiếu chỉ. Mấy lần Vũ được gặp vua, rồi lại được gia phong Hữu Tào Điển Thuộc Quốc.

Vì là một vị lão thần, lại là một sứ giả danh vọng của Hán triều, nên vào những ngày sóc vọng, Vũ đều được làm tế tửu, rất được Tuyên Đế ưu đãi, quý trọng.

Những gì Vũ được nhà vua ban thưởng, thường đem chia cho anh em và bằng hữu cố cựu, nên trong nhà không được dư giả.

Các đại thần như Bình Ân Hầu, cha của Hoàng hậu, Bình Xương Hầu, chú của vua, Nhạc Xương Hầu, Phiêu Kỵ Tướng Quân Hàn Tăng, Thừa Tướng Ngụy Tương, Ngự sử đại phu đều rất kính nể Vũ.

Bấy giờ tuổi Vũ đã già, người con là Tô Nguyên khi trước vì can dự vào âm mưu phế lập mà bị tử hình, Tuyên Đế thấy vậy

thương tình, hỏi các quan rằng:

-- Tô Vũ bị câu lưu ở Hung Nô lâu năm như thế, chẳng hay có con cái gì không?

Vũ bèn nhờ Bình Ân Hầu tâu lại với vua là lúc Vũ sửa soạn về nước thì người vợ Hung Nô của Vũ vừa mới sinh hạ được một đứa con trai đặt tên là Thông Quốc, cũng mới nhận được tin, mong nhà vua cho sứ giả đem tiền bạc vải vóc để chuộc về.

Tuyên Đế chấp nhận lời thỉnh cầu của Vũ.

Sau này, Thông Quốc theo sứ giả về đến Hán triều, được vua bổ nhậm làm lang quan. Con của người em Tô Vũ cũng được bổ làm Hữu Tào.

Vũ sống hơn tám chục tuổi, đến năm Thần Tước thứ hai bị bệnh mất. Tên được ghi ở Kỳ Lân Các.

Chú thích:

1/ Lang quan: túc, những quan theo hầu, bảo vệ vua và được vua sai khiến, hỏi ý kiến những lúc cần. Theo chế độ quan lại của Tây Hán, những quan lại lương bổng nhị thiên thạch trở lên, sau khi mãn nhiệm ba năm, có thể bảo cử cho con làm lang quan, vì thế, Vũ nhờ có cha là Tô Kiến từng làm thái thú quận Đại, nên được làm lang quan.

2/ Di Trung Cứu Giám: Quan danh, có nhiệm vụ chuởng quản các vật dụng dùng vào việc săn bắn.

3/ Thả Đế Hầu Thiền Vu: Thiền Vu là danh xưng của các vua Hung Nô. Thả Đế Hầu lên ngôi năm 100 trước Tây lịch.

4/ Trung Lang Tướng: Quan danh. Có nhiệm vụ thống lãnh các thị vệ, đứng sau đại tướng.

5/ Trác Dã Hầu: Tước phong của Triệu Phá Nô, người Thái Nguyên, từng đem hai vạn kỵ binh sang đánh Hung Nô bị thua trận, phải đầu hàng.

6/ Vệ Luật: Người Trường Thủy, là bạn của Lý Duyên Niên, đời Hán Võ Đế. Vệ Luật được Niên tiến cử đi sứ Hung Nô. Lúc Luật trở về thì là lúc Niên bị tội phải xử trảm, Luật sợ quá trốn sang Hung Nô, được Thiền Vu tin dùng và phong làm Đinh Linh Vương.

7/ Tả Y Chật Tí: Một chức quan của Hung Nô.

8/ Nam Việt: Nguyên là đất Âu Lạc cũ của Thục Phán bị Triệu Đà người Chân Định chiếm và xưng là Nam Việt Vương. Nay là vùng đất thuộc hai tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây và một phần đất Bắc Việt của ta ngày nay. Đừng lầm với Nam Việt, tức miền Nam Việt Nam. Sau này Đà đem nước nội phụ với nhà Hán, nên bị dân Nam Việt oán ghét và chống đối. (Coi Quảng Đông Tân Ngữ xuất bản đời Thanh, và Đại Việt Sử ký Toàn Thư).

9/ Việc Nam Việt giết Hán sứ giả, là do lỗi của Hán sứ giả An Quốc Thiếu Quí. Ông này chẳng những hống hách, lại còn thông dâm với Thái Hậu của Nam Việt là Cù Thị. Và quan trọng hơn cả, là Quí đã sai Thái Hậu và vua đem nước phụ thuộc vào Hán, khiến cho Tể Tướng Lữ Gia và dân Nam Việt bất bình, phải nổi lên giết cả Thái Hậu lẫn vua Triệu Ai Vương đi. Sau đó, Hán sai tướng sang diệt Nam Việt và chia đất làm chín quận: Nam Hải, Thương Ngô, Uất Lâm, Hợp Phố, Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam, Châu Nhai, Đạm Nhĩ.

10/ Bắc Hải: Nằm ở phía Nam Tây Bá Lợi Á tại Nga Sô, được người Nga gọi là hồ Baykal. Hồ này nổi tiếng là sâu và rộng nhất thế giới, có rất nhiều loại cá. Đời Hán, người ta gọi hồ này là Bắc Hải. Đến đời Nguyên lại gọi là Cúc Hải. Ngày nay lại gọi là Bối gia nễ hồ dịch từ tiếng Mông Cổ.

11/ Túc hạ: Cổ xưa người ta dùng chữ túc hạ để gọi người trên mình, hoặc người đồng bối với mình, nhưng với ý kính trọng. Tương truyền rằng Công Tử Trùng Nhĩ chạy ra nước ngoài tị nạn, sau 19 năm trở về làm vua nước Tấn, bèn phong thưởng cho những người cùng đào vong và chia sẻ hoạn nạn với mình, trong đó có Giới Tử Thôi. Nhưng Thôi quyết chí không nhận phong thưởng, đem mẹ trốn vào núi Tuyết Sơn ẩn cư. Trùng Nhĩ nghĩ cách lấy lửa đốt núi để bức bách Thôi phải ra. Chẳng ngờ, Thôi nhất định không ra, ôm một cây đại thụ mà chịu chết cháy.

Trùng Nhĩ rất lấy làm thương cảm đau xót, đem cây gỗ ấy về cưa ra làm guốc đi ở dưới chân, thường ngày nhìn xuống chân mình mà than rằng: "Bi hồ! Túc hạ!" để tỏ lòng kính trọng. Nhân thế, về sau người ta dùng chữ "Túc hạ" để tôn xưng người đối thoại với mình.

Trái nghĩa với chữ "Túc hạ" là chữ "Tại hạ" mà chúng ta thường bắt gặp trong các truyện chưởng của Kim Dung gần đây vẫn thường dùng.

Cổ xưa, bậc tôn trưởng được ngồi ở "chiếu trên", còn người địa vị thấp thì ngồi ở "chiếu dưới". Vì thế, người ta dùng chữ "Tại hạ" để tự khiêm xưng mình, tự hạ thấp mình, coi mình chỉ ở địa vị "chiếu dưới".

12/ Chu di tam tộc: Cũng còn gọi là "Tộc di", "Tộc chu" và "Tộc diệt". Đây là tên một trong những hình phạt tàn khốc ở thời phong kiến độc tài ngày xưa. Tức một người bị tội, thì cả ba họ bị liên đới và bị giết. Hình phạt này có từ đời Tần, hay ít ra cũng có từ trước đó. Vì trong "Tần bản kỷ" của Sử Ký Tư Mã Thiên có ghi là: "Pháp sơ hữu tam tộc chi tội".

Người ta giải thích tam tộc là: Phụ tộc, mẫu tộc, thê tộc. Tức là họ cha, họ mẹ và họ vợ.

Đến đời Tây Hán, Lã hậu phế bỏ hình phạt này.

Chùng đến đời Tùy, nhân vụ phản biến của Dương Huyền Cảm, hình phạt này được tăng lên đến chín đời, tức trên từ cao tổ xuống đến đời cuối cùng là huyền tôn, tức đời chít.

Hiện nay, hình phạt này đã biến mất.

Tìm đọc

Bụi và Rác

Truyện dài

Nguyễn Xuân Hoàng

BỘ MẶT ĐƯA ĐÁM CỦA TÔI

HEINRICH BÖLL
VŨ THÙY HẠNH *dịch*

Cái lúc mà tôi đứng ở chỗ bến tàu ngắm chim hải âu, thì cũng là lúc bộ mặt sầu thảm của tôi lọt vào mắt gã công an đang đi tới đi lui canh gác ở khu vực đó. Lúc ấy tôi hoàn toàn chìm đắm vào cảnh tượng những con chim đang trôi nổi bập bềnh trên mặt nước, vụt bay lên rồi lại nhào xuống, cố tìm tòi trong vô vọng một món gì đó có thể ăn được. Một bến tàu đã hoàn toàn bị phá hủy, một mặt nước xanh nhợn phủ quánh đặc một lớp dầu bẩn thỉu, và trên mặt nước ráng dầu loang lở là rác rến lềnh bềnh đủ loại. Không bóng dáng một con tàu, những cần trục rỉ sét, mấy dãy kho hàng đổ nát hoang tàn; những đám rác đen kịt mà ngay cả lũ chuột cống dường như cũng không muốn làm ổ. Khung cảnh yên tĩnh, như đã bao năm không hề có một giao tiếp nào với thế giới bên ngoài.

Tôi chăm chú dõi theo một cánh chim hải âu. Có lúc nó bay dợm một chỗ như đậu cao trên mặt nước, run rẩy như một con chim sẻ vừa chợt nhận ra giông bão gần kề. Lúc khác, chỉ thỉnh thoảng mới dám bay vụt lên nhập với cả bầy, buông những tiếng kêu thê thiết. Lúc này nếu có được một điều ước, tôi sẽ ước có khúc bánh mì để đãi lũ hải âu,

những vụn bánh sẽ vẽ một tâm điểm trắng cho những cánh chim vô định, sẽ là mục tiêu cho chúng biết đường bay. Chỉ một nắm vụn bánh mì sẽ phục hồi lại tình trạng rối loạn ồn ào như ong vỡ tổ của chúng, như người ta thu vén lại những mối dây của một màng lưới tan vỡ. Nhưng ngó lại thì tôi nào có khác gì chúng, cũng đói, cũng mệt. Nhưng dù vậy, trong lòng tôi vẫn có nỗi vui riêng, được đứng ở đây, thọc hai tay vào túi, ngắm hải âu nhâm nhi nỗi buồn cũng thú chứ, cái thú đau thương.

Nhưng bất ngờ, một bàn tay cứng nhắc đặt lên vai tôi, và một giọng nói: "Đi theo đây!" Cứ thế, bàn tay lắc mạnh vai tôi. Tôi vẫn đứng yên, chuồi vai để thoát khỏi bàn tay nắm, và nói giọng thản nhiên "Ông điên rồi đó, ông bạn ơi."

"Đồng chí," vẫn cái kẻ vô hình nói với tôi. "Tôi cảnh cáo đồng chí..."

"Xin thưa với ông..." tôi trả lời.

"Không có dạ thưa ông iếc gì hết." Hắn giận dữ hét, "Tất cả là đồng chí hết!" Và giờ thì hắn bước xấn đến bên tôi, ngó xéo vào mặt tôi, thế là tôi buộc phải thu tầm mắt ngoạn cảnh đầy thú vị lại, để phải quay sang nhìn vào giữa mặt hắn: trông hắn nghiêm trọng như một con trâu suốt đời không được nếm một món gì khác ngoài cái món thi hành phận sự.

"Vì có gì..." Tôi cố gắng bắt đầu...

"Cần gì nguyên với chả cớ" hắn nói. "Nội cái bản mặt đưa đám của đồng chí là quá đủ."

Tôi phá ra cười.

"Đừng có mà cười!" Hắn thực sự tức giận. Thoạt đầu tôi cứ tưởng không có việc gì làm, nhàn cư quá đâm ra chán; đi bắt bớ thì cũng chả có ai để bắt, điếm lậu không có lấy một cô, lính thủy lang thang cũng không có, kẻ cắp đã không có, mà cả lính đào ngũ cũng không nốt. Nhưng đến lúc này thì tôi thấy chuyện nghiêm trọng chứ không phải đùa: hắn muốn bắt tôi.

"Đi theo đây!"

"Mà tại sao?" tôi hỏi, bình tĩnh.

Trước khi tôi nhận ra, một cái còng mỏng đã khoá chặt lấy cổ tay trái của tôi. Tôi ngoái nhìn, một lần cuối, lũ chim đói đang xục xạo tìm mồi, và ngước nhìn lên bầu trời đầy mây xám, tuyệt đẹp. Thốt nhiên tôi cố xoay mình, muốn nhảy đại xuống giòng nước. Như thế dường như đối với tôi vẫn còn tốt hơn. Được chết chìm dưới giòng nước nhớp nhúa hôi hám này, cuối cùng, vẫn tốt hơn là lại bị vào tù lần nữa, hay sẽ bị bọn công an khốn kiếp thắt cổ cho chết, rồi quăng xác vào một xó vườn hoang. Nhưng, gã công an thình lình giật ngược tôi về phía hắn, khiến chuyện thoát thân trở thành vô phương.

"Mà tại sao?" Tôi lại hỏi.

"Có một đạo luật buộc mọi người phải hồ hởi hạnh phúc."

"Tôi có sung sướng hạnh phúc mà," tôi kêu lên.

"Cái bộ mặt đưa đám của đồng chí," hắn lắc đầu.

"Nhưng đây là luật mới," tôi cãi.

"Đã 36 tiếng đồng hồ rồi, mà đồng chí biết rõ, là tất cả các luật lệ mới ra đều có hiệu lực 24 giờ sau khi ban hành."

"Nhưng mà tôi đâu có biết."

"Không có biện minh gì hết. Luật đã được công bố ngày hôm kia. Loa phóng thanh nói oang oang, báo chí đăng tùm lum, truyền đơn rải khắp nơi khắp chốn cho cái lũ," hắn ngưng lại nhìn tôi đầy vẻ khinh bỉ, "cái quân vô phúc không có biết cả đến chuyện nghe đài hay báo chí truyền tin gì hết. Đường phố nào mà chả có rải truyền đơn. Được rồi, để rồi xem 36 giờ qua đồng chí đã làm gì ở đâu."

Gã lôi tôi đi. Cho đến giờ tôi mới cảm thấy rõ cái lạnh và trên mình tôi không có áo ấm; cái đói ngấu nghiến cồn cào trong bụng. Lại cũng chợt nhận ra tôi quá bẩn thỉu, râu tóc bờm xờm, áo quần xốc xếch tả tơi. Trong khi đó thì có luật mới ban ra bắt tất cả mọi đồng chí đều phải sạch sẽ thơm tho mày râu nhẵn nhụi, vui vẻ hồ hởi và áo ấm cơm no. Tên công an đẩy tôi chúi ra đằng trước, thảm hại như một gã bù nhìn đầu rơm bị đẩy ra khỏi mảnh quê hương đầy mộng mơ bên cánh đồng, vì bị buộc tội ăn cắp. Phố xá vắng hoe, con đường đến trại giam không xa, và dù biết trước chúng sẽ tìm ra lý do để lại bắt giữ tôi, trái tim tôi vẫn không khỏi chùng xuống nặng nề. Gã công an vừa dẫn tôi đi qua những nơi chốn thân yêu của tuổi thơ, mà lúc nãy ở bến tàu tôi đã định bụng sẽ về thăm. Khu vườn kia, nơi tôi vẫn chơi đùa, ngày xưa đẹp một vẻ hoang dã với những lối đi mòn mọc đầy cỏ dại, nay cảnh đã thay, tất cả đã được sửa lại ngay ngắn trật tự thẳng thớm, vườn được chia thành những khoảng vuông dành cho các đoàn thể ái quốc làm chỗ tập thể dục mỗi ngày thứ Hai, thứ Tư và thứ Bảy. Chỉ có bầu trời là vẫn còn nguyên hình dáng cũ, và nắng gió thì vẫn như ngày xưa khi lòng tôi còn đầy ắp mơ mộng.

Đây đó bên đường đi, tôi thấy mấy tấm bảng của nhà nước treo bên ngoài mấy cái xưởng yêu, trên đó có danh sách những người được tham dự thú vui hợp vệ sinh này vào mỗi thứ Tư; cả những quán rượu dường như cũng được phép trưng bày quảng cáo chuyện uống bia: một ly bia dán nhãn hiệu có hình

những đường sọc đầy màu sắc ái quốc: nâu nhạt, nâu đậm, nâu nhạt. Như thế thảo nào mà niềm vui lại chả tràn ngập cõi lòng của các đồng chí đã vinh dự có tên trên danh sách "quốc doanh" tham dự cái thú lưu linh vào tối thứ Tư.

Những người chúng tôi gặp trên đường, đều không thể nhầm lẫn được, là cái vẻ hăng hái nhiệt thành nhìn thấy dán lên gương mặt họ; không khí siêng năng tận tụy ngửi thấy vây quanh họ. Càng rõ ràng hơn, là khi nhìn thấy bóng gã công an, họ như rảo bước nhanh hơn, mặt mũi càng ra vẻ nghiêm trang, chăm chỉ hơn. Mấy người đàn bà từ các cửa tiệm bước ra, cũng ráng làm vẻ phấn khởi, vì lệnh đã ban. Các bà nội trợ phải tỏ ra sung sướng và hết sức hồ hởi trong nhiệm vụ chăm sóc và bồi dưỡng cho công nhân tăng gia sản xuất, bằng những bữa cơm ngon buổi chiều.

Nhưng có điều là tất cả những người này đều khéo léo né tránh để khỏi phải chạm mặt chúng tôi trên lối đi. Chúng tôi bước đến đâu, thì về phía trước khoảng 20 bước, các dấu vết sinh hoạt của đời sống ở đó biến đi. Người này thì vội vàng lẩn tránh vào mấy cái cửa tiệm, hoặc quẹo vội vào một ngõ hẻm nào đó. Kẻ khác lại tìm đường trốn hẳn vào mấy căn nhà xa lạ, núp đằng sau cánh cửa và thấp thỏm chờ cho bước chân chúng tôi xa dần.

Chỉ có mỗi một lần, khi đang băng qua đường, chúng tôi chạm mặt phải một ông già. Thoáng nhìn, tôi nhận ra ngay cái phù hiệu giáo chức trên người ông. Muốn né cũng không kịp, ông ta đành phải cố gắng làm tròn bổn phận công dân. Trước hết, là chào tên công an đúng theo nghi thức (nghĩa là, phải xòe bàn tay tự đập lên đầu mình ba lần tỏ dấu tuyệt đối khiêm cung). Sau đó, bổn phận thứ hai, cũng phải đúng nghi thức, là phải nhổ vào mặt tôi và chửi: "Đồ heo phản động." Ông ta làm tốt, nhắm rất trúng, chỉ mỗi tội hôm nay trời nóng nực, có lẽ ông bị khô cổ, cạn nước miếng sau đó kết quả chỉ có vài giọt lẻ tẻ bắn vào mặt tôi. Và tôi -- trái với lệ buộc -- lại tự động giơ cánh tay áo quẹt ngang. Thế là tên công an tặng ngay cho một cú đá thẳng vào mông và một cú đấm ngay giữa xương sống, cộng thêm một câu nói, giọng bình thường "Giai đoạn 1," có nghĩa là, đây mới chỉ là giai đoạn đầu, mà công an chỉ mới áp dụng hình thức trừng phạt còn rất nhẹ nhàng êm ái.

Ông giáo già sau đó vội vàng lỉnh mất. Những người khác thì đã thành công trong việc lẩn tránh chúng tôi. Ngoài ra, còn có một chị đàn bà, nước da bủng beo, tóc tai bù xù, đang tha thẩn nghỉ xả hơi sau "cơn mê chiều" bên cạnh một xưởng yêu, trông thấy và ném cho tôi một chiếc hôn gió. Tôi cười lại với chị, biết ơn. Trong lúc ấy thì tên công an cứ giả bộ lờ đi như không biết gì hết. Chả là vì công an được khuyến cáo phải cho phép đám phụ nữ này có một số quyền tự do làm những điều mà bất cứ một đồng chí nào khác làm thì sẽ bị trừng phạt nặng nề ngay. Chính vì sự đóng góp quan trọng của họ vào công tác bồi dưỡng tinh thần để nâng cao sản xuất, nên họ được coi như miễn nhiễm, đứng ngoài vòng pháp luật. Cái đặc quyền mà nhà nước ban cho họ rất quan trọng, chả thế mà một vị triết gia đại đại Tiến sĩ -- Dr. Dr.Dr. Bleigoeth -- của nhà nước đã phải ghi nhận chính thức trên *Tạp Chí Triết Học* (cũng của nhà nước) rằng đây là một dấu hiệu của khởi nguyên giải phóng. Tôi được đọc tờ báo này trước hôm về lại thủ đô, vớ được vài trang trong một căn nhà ngang của một cái trại. Một cậu học trò -- chắc là con ông chủ trại -- có viết thêm vào mấy câu ghi chú rất tinh nhuệ, bóng bẩy.

May quá, vừa lúc chúng tôi sắp đến cơ quan thì nghe còi hụ. Đúng lẽ ra, lúc còi hụ là lúc hàng ngàn người sẽ túa ra đầy đường, mà người nào người nấy sẽ phải mang cái vẻ mặt vui tươi vừa phải (vì vui tươi quá hóa ra là sự làm việc là khổ nhọc sao, chính phủ đã ban lệnh như vậy mà. Tuy nhiên, hát xướng và reo mừng thì được. Phải hát xướng và reo mừng để bắt đầu một ngày làm việc thì mới đúng chỉ tiêu). Và cũng theo lẽ thường thì tất cả những người này nếu gặp tôi là đều phải nhổ vào mặt tôi hết. Ấy thế mà cái tiếng còi hụ lại chỉ là còi báo 10 phút trước giờ nghỉ việc, vì mọi người còn được lệnh phải trải qua một cuộc rửa ráy thật là chu đáo mất mười phút trước khi ra về, theo đúng khẩu hiệu của đương kim Chủ Tịch Nhà Nước: Hạnh Phúc và Xà Bông.

Tại chỗ cửa dẫn tới phòng tạm giam của cơ quan, xây bằng xi măng, tôi nhận được ân huệ của hai tên lính gác, thủ tục bình thường mà chúng gọi là "Trắc lượng Thể năng": chúng dùng lưỡi lê đánh vào thái dương tôi dữ dội, dùng báng súng nện mạnh vào xương đòn gánh, thi hành đúng theo nội dung lời mở đầu trong Bộ Luật số I của nhà nước, rằng: "Mỗi công an, trừ công an hành sự bắt giữ, đều phải chứng tỏ quyền lực cá nhân trước người bị quản thúc (ý nói bắt giữ). Riêng công an có công bắt giữ có đặc quyền thi hành mọi biện pháp tay chân trong khi hỏi cung." Lời lẽ chính trong Bộ Luật Số I thì nói rằng: "Mọi công an đều *được phép* trừng phạt bất cứ

người nào. Mỗi công an đều phải trừng phạt hết thảy mọi người có tội vi phạm luật pháp. Đối với tất cả các đồng chí, không có trường hợp được giảm khinh, nhưng có trường hợp có thể được giảm khinh."

Giờ thì chúng tôi đang đi qua một hành lang trống có những cửa sổ lớn. Rồi tới một cánh cửa lớn tự động mở ra. Thì ra mấy tên lính gác đã báo trước việc chúng tôi đến. Vào lúc đó, khi mà mọi người đều phấn chấn, hồ hởi, đàng hoàng, trật tự, và ai ai cũng gắng sức xài cho hết mỗi ngày một lượng xà bông đúng theo chỉ tiêu của nhà nước; ở vào những ngày như vậy đó, thì cái chuyện dẫn giải một kẻ bị quản thúc (ý nói bị bắt giữ) hẳn nhiên phải là một biến cố lớn chứ còn gì nữa.

Chúng tôi bước vào một căn phòng gần như trống trơn. Trong phòng chỉ có mỗi cái bàn và cái điện thoại. Tôi phải tự đặt mình ngồi vào chính giữa phòng. Tên công an bỏ cái mũ ra và ngồi xuống.

Mới đầu thì không khí im lặng và không có gì xảy ra hết. Thường thì chúng hay làm như vậy. Lúc này là lúc tệ hại nhất. Tôi cảm thấy mặt tôi mỗi lúc mỗi chảy xệ xuống. Đói và mệt. Ngay cả cái cảm giác "thú đau thương" lúc đầu cũng biến đâu mất tiêu không còn vết tích. Vì, tôi biết tôi là kẻ thua đậm thật rồi.

Vài giây sau đó một thằng cao to, nước da tái nhợt bước vào. Hắn mặc bộ đồng phục màu nâu nhạt của công an sơ vấn. Không thèm nói một tiếng, hắn ngồi xuống, nhìn tôi.

"Nghề nghiệp?"

"Phó đồng chí."

"Sinh đẻ?"

"1.1. Một." Tôi nói.

"Nghề mới nhất?"

"Ở tù."

Hai thằng chúng nó ngó nhau.

"Được thả ở đâu, bao giờ?"

"Hôm qua, khu 12, phòng 13."

"Thả đi đâu?"

"Về thủ đô"

"Giấy tờ?"

Tôi moi trong túi ra tấm giấy xuất trại đưa cho hắn. Hắn cầm lấy cột vào tấm thẻ màu xanh trên đó ghi chép các lời khai của tôi.

"Tội danh hồi trước?"

"Mặt mũi hớn hở."

Hai thằng chúng nó ngó nhau.

"Giải thích coi," thằng công an sơ vấn nói.

"Hồi đó," tôi nói, "bộ mặt hớn hở của tôi đã được một đồng chí công an chiếu cố, vào một ngày mà cả nước được lệnh phải để tang. Đó là ngày kỷ niệm cái chết của chủ tịch."

"Thời gian tù?"

"Năm."

"Hạnh kiểm?"

"Xấu."

"Lý do?"

"Thiếu tự giác."

"Đủ rồi."

Sau đó thằng sơ vấn đứng dậy, tiến về phía tôi. Một cú "nốc ao," tôi văng mất đúng ba cái răng cửa: một dấu ấn xếp loại tôi vào hạng "tù có căn," điều mà tôi chẳng thể nào ước lượng được. Tên công an chấp pháp sau đó rời khỏi phòng và một thằng to mập mặc sắc phục màu nâu đậm bước vào: công an Thẩm vấn.

Tất cả bọn chúng đều đánh tôi: tên công an chấp pháp, tên công an thẩm vấn cao cấp, tên Trưởng phòng chấp pháp, hai tên Quan tòa Sơ và Phúc Thẩm, thằng công an thi hành phận sự "trắc lượng thể năng": Luật lệ bắt chúng phải làm vậy. Và chúng phạt tôi 10 năm tù, vì bộ mặt đưa dám của tôi, y hệt như cách đây năm năm chúng đã bỏ tù tôi, vì bộ mặt vui tươi hớn hở của tôi vậy.

Từ nay tôi quyết sẽ ráng không còn có một bộ mặt nào nữa hết. Ấy là, nếu như tôi còn sức dẻo dai chịu đựng cho qua hết mười năm sắp tới trong "Hạnh Phúc và Xà Bông."

Trích trong tập Continental Short Stories
do nhà W.W. Norton & Company. Inc., NY xuất bản

** Bản tiếng Anh do Rainer Schute và Sandra Smith dịch từ Wo Warst Du, Adam? Un Erizahlungen, của Heinrich Boll, nxb Friedrich Middlehause Verlag, Koln, 1967.*

Về tác giả Heinrich Boll

Sinh tại Cologne (Koln) năm 1917. Bắt đầu nổi tiếng sau khi nhận giải thưởng Prize of the Group 47, do Hội Các Nhà Văn Đức khởi xướng phong trào văn chương mới của nước Đức sau Thế Chiến thứ II. Văn chương Boll nhằm đả kích sự vô ích của chiến tranh và sự trống rỗng của đời sống tân tiến. Boll theo chân các bậc tiền bối như Charles Dickens, Wolfgang Borchert, Hemingway, và Faulkner. Ông khởi sự viết những truyện ngắn mô tả đời sống của những người lính và các cựu quân nhân. Trong hầu hết các tác phẩm, ông thường chê bai xã hội và mọi hình thức giam cầm của xã hội -- bằng một cách thế tương tự với thái độ của Camus đối với luân lý -- Tiểu thuyết sau cùng của ông, Wiews of a Clown đã gây rất nhiều tranh luận. Trong cuốn tiểu thuyết này, cái nhìn về xã hội và chính trị của ông càng thêm nghiêm khắc.

Tiểu thuyết nổi tiếng: Billard um halbzeln (1959) View of a Clown (1963).

NỬA DÒNG MÁU VIỆT

NGUYỄN THỊ CHÂN QUỲNH

III. Hồ Dzếnh (1916-1991)

Chính tên là Hà Triệu Anh, sinh và mất ở Việt Nam. Cha là người Trung Hoa lánh nạn từ Quảng Đông sang đến bờ sông Ghép thì gặp mẹ Hồ Dzếnh, một cô lái đò người làng Ngọc Giáp. Là con trai út, khi ra đời gia đình đã sung túc nên Hồ Dzếnh rất được yêu chiều. Lên chín, cha qua đời, gia cảnh dần dần sa sút, Hồ Dzếnh phải vừa đi làm vừa đi học cấp trung học ở Hà Nội.

Từ 1945, Hồ Dzếnh sống ở Thanh Hóa, sau mới ra Hà Nội.

Bắt đầu viết từ 1937. Đã xuất bản: *Dĩ Vãng* (1940), *Quê Ngoại* (1942), *Chân Trời Cũ* (1943), *Một Truyện Tình 15 Năm Về Trước* (1943), *Hai Mối Tình* (?), *Những Vành Khăn trắng (?), Hoa Xuân Đất Việt* (1945), *Cô Gái Bình Xuyên* (1946).

Việt Nam dưới ngòi bút của Hồ Dzếnh

Thẳng thắn mà nói, Hồ Dzếnh không thành công về mặt tiểu thuyết. *Một Truyện Tình 15 Năm Về Trước, Hai Mối Tình, Những Vành Khăn Trắng* nội dung đạo đức có thừa, nhưng nghệ thuật yếu kém. Bút pháp bình thường, cách dựng truyện quá đơn giản, tâm lý lại không có gì sâu sắc. Các nhân vật chỉ là những mẫu người rập khuôn hay tiêu biểu cho những mẫu người lý tưởng của Hồ. Người góa phụ trong *Lạnh Lùng* của Nhất Linh "thực" hơn là các quả phụ trong *Những Vành Khăn Trắng*. Có lẽ vì cũng nhận ra nhược điểm ấy nên Hồ Dzếnh đã chọn một bút hiệu khác -- Lưu Thị Hanh -- cho những tiểu thuyết của mình?

Truyện ngắn -- đặc biệt loại tự truyện -- của Hồ Dzếnh hay hơn. Tác giả viết với giọng thành thật, không bị gò bó trong một khuôn khổ cứng nhắc của luân thường đạo lý nên dễ đi thẳng vào lòng người. "Em Dìn" vượt ra ngoài lễ giáo nhưng lại là một nhân vật đứng vững. Thơ Hồ Dzếnh thuộc loại trữ tình, thích hợp với tâm hồn đa cảm của tác giả nên cũng khá thành công. Tập *Quê ngoại* mở đầu bằng ba chữ "Kính dâng mẹ" đã nói lên ngay vị trí của người mẹ trong tâm hồn nhà thơ: cuốn sách đầu tay trân trọng dành cho mẹ. Hồ Dzếnh yêu mẹ, Hồ Dzếnh cũng rất yêu Việt Nam:

"Tôi yêu nhưng chính là 'say'
Tình quê Nam Việt, bàn tay dịu dàng.
Thơ tôi đê thắm, bướm vàng,
Con sông be bé, cái làng xa xa..."

'Lũy tre xanh', *Quê Ngoại*

"Be bé", "dịu dàng" đó là hình ảnh Việt Nam trong tâm khảm Hồ Dzếnh. Song bảo nó là hình ảnh người mẹ mà Hồ yêu quý cũng không sai. Trong thơ Hồ, hình ảnh người mẹ và hình ảnh đất nước Việt Nam thường khi lẫn lộn, người mẹ nhỏ bé, dịu dàng, lặng lẽ cam phận, chăm chỉ làm ăn, thì hình ảnh Việt Nam cũng thế: "con sông be bé... bàn tay dịu dàng... giải đất cần lao..."

Vì yêu mẹ, không bao giờ Hồ Dzếnh nghĩ đến chuyện phủ nhận nguồn gốc Việt của mình, và điềm nhiêm công nhận: "Tôi đã từng uống nước và nói thứ tiếng Việt Nam" *(Chân Trời Cũ,* tr. 166).

Dĩ nhiên khi so sánh, Hồ thừa biết quê cha đẹp đẽ, huy hoàng hơn:

"Ôm tôi chị bảo luôn rằng:
Chấp trăm Hà Nội không bằng quê ta!"

'Giang tây', *Hoa Xuân Đất Việt*

Nhưng khi cần phải lựa chọn giữa hai tổ quốc thì chưa hẳn quê cha đã thắng vì trong lòng Hồ Dzếnh có một cuộc xung đột: trí nói quê cha hùng mạnh hơn xong tận đáy lòng Hồ cảm thấy quê mẹ gần gũi, thân thiết hơn. Cậu bé Hồ không biết phân xử ra sao đành chỉ trốn sau dòng nước mắt:

"Có ai hỏi tôi yêu nước Việt Nam hay nước Trung Hoa hơn thì tôi chỉ còn biết... khóc". (Thằng cháu đích tôn, *Chân Trời Cũ).*

Thế nhưng rồi Hồ cũng phải

dứt khoát chọn lựa. Trên tiêu chuẩn nào nếu sự huy hoàng, rực rỡ đã không cám dỗ nổi Hồ? Song thân Hồ Dzếnh đại diện cho hai tổ quốc, thì đây là hình ảnh của song thân qua mắt nhà thơ:

"Tôi không làm nũng cha tôi vì người nghiêm, ít nói... lòng mẹ tôi mới thực là địa hạt tình cảm của tôi" *(Chân Trời Cũ,* tr. 139).

Đối với cha, Hồ Dzếnh kính và úy, với mẹ Hồ mới thấy thoải mái, yên vui. Cha đã nghiêm, ít nói, quê nội lại xa vời nên chỉ gây được trong lòng Hồ một chút tình cảm không lấy gì làm thắm thiết:

"Mây ơi, nếu lạc về phương Bắc,
Chậm chậm cho ta gửi mấy lời:
Từ thuở ly hương ta vẫn nhớ,
Nhưng tình... xa lắm, gió mây ơi".

'Tư hương', *Hoa Xuân Đất Việt*

Rõ ràng cái "nhớ" ở đây chẳng có gì là sôi nổi, bồng bột, quả là thứ tình... "xa lắm". Ngược lại, hướng về quê mẹ, Hồ thường có những dòng cảm động dù chỉ là những chi tiết tầm thường. "Đê thắm, bướm vàng, con sông be bé..." thì ở đâu mà chẳng có? Song dưới ngòi bút Hồ Dzếnh, chúng có một giá trị đặc biệt vì Hồ đã trút lên cảnh vật lòng thương yêu thắm thiết của mình.

Như một người Việt Nam thuần túy, Hồ Dzếnh cũng xót xa thấy Việt Nam bị giày xéo dưới gót thực dân:

"Tám mươi năm đô hộ, tám mươi năm!"

và mơ cho Việt Nam một ngày mai tươi sáng hơn:

"Bao giờ cho sáng lều tranh nhỏ..."

'Mái lều tranh', *Hoa Xuân Đất Việt*

Trái với Samuel Baron hay Michel Đức Chaigneau, chính cái bé nhỏ, kém cỏi của Việt Nam đã khiến chàng "quân tử Tầu" này thiên hẳn về quê mẹ:

Thi sĩ Hồ Dzếnh

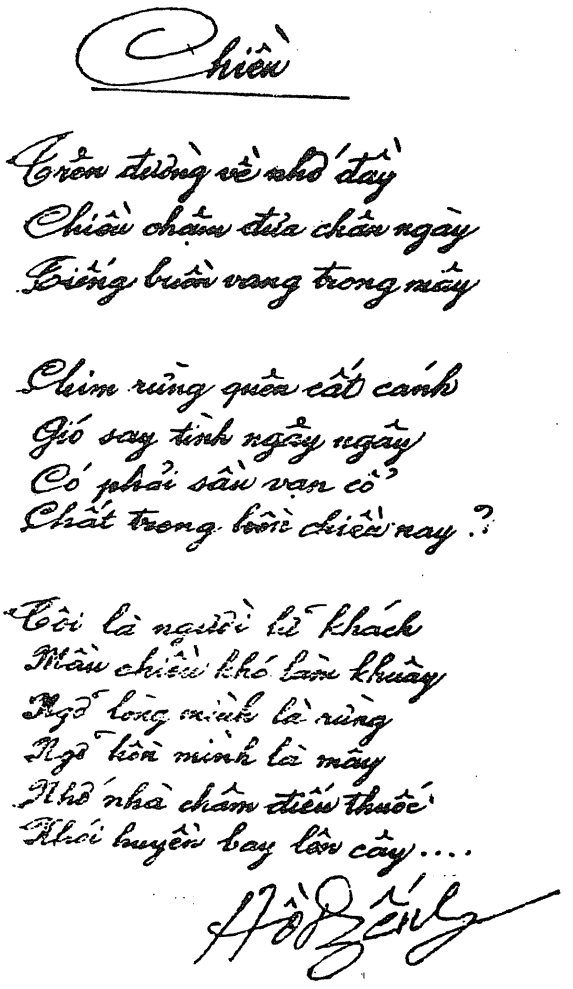

Chiều

Trên đường về nhớ đầy
Chiều chậm đưa chân ngày
Tiếng buồn vang trong mây

Chim rừng quên cất cánh
Gió say tình ngẩy ngầy
Có phải sầu vạn cổ
Chất trong bình chiều nay ?

Tôi là người lữ khách
Mầu chiều khó làm khuây
Ngỡ lòng mình là rừng
Ngỡ hồn mình là mây
Nhớ nhà châm điếu thuốc
Khói huyền bay lên cây....

Hồ Dzếnh

Thủ bút của thi sĩ Hồ Dzếnh

"Chính sự khó và chậm ấy đã khiến tôi yêu nước Nam của tôi bằng một tấm lòng trọng đại, một mối tình vô song, nhất là quê hương thứ hai của tôi lại không được huy hoàng, rực rỡ". (Em Dìn, *Chân Trời Cũ).*

"Nước Nam của tôi", đọc Hồ Dzếnh ta thấy nhan nhản những dòng bộc lộ tình yêu Việt Nam: "Hỡi vô cùng yêu dấu -- Nước ta ơi!" (Trang sách xưa, *Hoa Xuân Đất Việt).*

"Lòng tôi thương sâu xa đất nước Nam" (*Chân Trời Cũ,* tr. 142).

"Nước Nam yêu quý của tôi" (*Chân Trời Cũ,* tr. 151).

Hồ Dzếnh yêu thương Việt Nam qua hình ảnh người mẹ, nhưng lại cũng yêu Việt Nam như mẹ yêu con, con càng xấu xí càng thương nhiều hơn để bù đắp.

Hồ Dzếnh không chỉ yêu Việt Nam mà "chính là say" Việt Nam, cho nên rất chủ quan khi nhắc nhở đến quê hương của mẹ:

"Nước Nam, quê hương thứ hai của tôi còn đẹp lắm, người nước Nam rất đỗi hiền lành..." (Chị Yên, *Chân Trời Cũ).*

Dân tộc Việt Nam có thật hiền lành hơn hẳn các dân tộc khác không? Muốn tin tưởng Hồ Dzếnh, chúng ta phải quên đi những "ngoại lệ"; những bà mẹ chồng, những bà mẹ ghẻ, những cường hào, ác bá... dưới ngòi bút các nhà văn Việt Nam khác.

Hồ còn đi xa hơn nữa, không những người Việt Nam hiền lành mà đất nước Việt Nam cũng hơn đời:

"Tôi yêu vô cùng cái giải đất cằn lao này, cái giải đất thoát ra được ngoài sự lọc lừa, phản trắc, cái giải đất chỉ bị bạc đãi mà không bạc đãi ai bao giờ".

(Sáng trăng xuông, *Chân Trời Cũ).*

"Khi yêu trái ấu cũng tròn...". Hồ Dzếnh không quan sát Việt Nam bằng đôi mắt, Hồ ngắm nhìn Việt Nam bằng quả tim thiên tư.

Chúng ta đã đánh giá văn tài của Hồ Dzếnh, nhưng hình như ít quan tâm đến "công dân Hồ Dzếnh". Hồ Dzếnh không chỉ yêu Việt Nam bằng đầu lưỡi, Hồ thực sự đã "sống gửi thịt, thác gửi xương" ở Việt Nam. Đối với Hồ Dzếnh, chỉ có "tấm lòng" mới đáng kể:

"Nhưng trên cả tình và tài... đó là tấm lòng".

Hồ Dzếnh đã viết như thế và còn trích thêm một câu Kiều:

"Chữ 'tâm' kia mới bằng ba chữ 'tài'".

khi đề tựa *Chân Trời Cũ.*

Văn tài của Hồ Dzếnh khiến ta quý trọng, tấm chân tình của Hồ Dzếnh làm cho ta cảm động.

IV. Kim Lefèvre (1937? -)

Sinh tại Hà Nội, có lẽ vào năm 1937; Kim không có khai sinh thực sự. Cái tên Lam Kim Thu do cha dượng đặt và khai cho khi Kim lên 10 để có giấy tờ đi học. Cha đẻ là một quân nhân Pháp, Jean Tiffon, song hai cha con chưa bao giờ gặp nhau: Kim là con vô thừa nhận. Mẹ Kim người Bắc, có một trình độ học vấn tương đối cao so với phụ nữ thời xưa (Certificat d'études primaires) vì trót sinh con hoang nên bị gia đình hất hủi. Thời thơ ấu của Kim là một chuỗi ngày đau khổ, lọt lòng mẹ đã bị gửi đi ở vú, rồi nhờ họ hàng, hết nhà này đến nhà kia -- mẹ còn phải nhọc nhằn kiếm tiền. Đi đến đâu Kim cũng nghe toàn những lời cay đắng: "Cái giống lai nó bạc lắm". Năm lên sáu, mẹ bị gia đình ép phải bỏ Kim vào Viện mồ côi, đời sống lại còn cay cực hơn đến nỗi có lần Kim toan tự vận. Vì thời cuộc 1945, Viện phải giải tán, Kim được mẹ đón về, song vì không nhận ra mẹ, bà phước không chịu giao trả. Người mẹ buồn tủi, khóc lóc, trông cái dáng sụt sùi, thiểu não của mẹ, một hình ảnh quen thuộc chợt loé ra trong ký ức Kim, cuối cùng hai mẹ con cũng được đoàn tụ. (Nếu quả Kim sinh năm 1937, 1943 vào Viện, 1945 xuất Viện thì mới ở có một, hai năm sao Kim đã có thể quên được mẹ?) Tiếng gọi là "đoàn tụ", thực ra xuất Viện là Kim lại tiếp tục cuộc đời "ăn cơm nhà dì, uống nước nhà cô" một thời gian nữa rồi mới được mẹ đón về ở với cha dượng, một người Tầu ở Chợ Lớn, hết sức lạnh nhạt với Kim mặc dầu cô bé tìm đủ mọi cách để lấy lòng. Không thành công, Kim dám xoay ra ăn cắp tiền cốt để bị trừng phạt, ít nhất như thế người ta cũng có đếm xỉa đến Kim, nhưng Kim vẫn thất bại. Năm 12 tuổi, cha bán Kim làm con ở.

Cũng may mẹ Kim đủ sáng suốt để nhận định Kim cần phải có học vấn để tự tạo một tương lai sáng sủa. Người đàn bà vốn rất phục tòng chồng này đã không ngần ngại, lén lút xin cho con riêng đi học, và Kim đã đi học trong một tình trạng khác người: học bài vụng trộm trong bếp, cặp sách giấu trong đống củi... Mặc dầu gặp nhiều trở ngại, song nhờ trí thông minh và nhất là nhờ sự tận tình giúp đỡ của mẹ, Kim đã giành được một địa vị trong xã hội: tốt nghiệp hạng ba trường Đại học sư phạm và được bổ nhiệm ngay tại Sài Gòn. Mấy tháng sau, được học bổng sang Pháp (1960) Kim đã chọn ở lại Pháp, đi dậy học các trường trung học một thời gian rồi chuyển sang ngành ca kịch. Đã từng trình diễn ở các nước Âu, Á và Phi Châu.

Năm 1989, Kim cho ra đời cuốn *Métisse Blanche (Đứa con gái lai bạch chủng),* và được Bernard Pivot mời lên đài truyền hình phỏng vấn. Nhờ cuốn sách này Kim đã nối lại được liên lạc với Việt Nam mà Kim cố tình tránh né từ lâu: Việt Nam gợi cho Kim những ngày "thơ ấu đầy đau khổ". Ngày nay Kim đã trở về thăm gia đình và thăm Việt Nam, Kim đã giải tỏa được nỗi sợ hãi Việt Nam mà Kim vừa yêu lại vừa hận.

1990 Kim cho ra tiếp cuốn thứ hai, *Retour à la Saison des Pluies (Trở lại mùa mưa)* đồng thời cũng cho xuất bản cuốn *Un*

Général à la Retraite dịch *Tướng Về Hưu* của Nguyễn Huy Thiệp.

Hai tổ quốc mà không một chỗ đứng

Kim chưa ra đời đã bất hạnh: mẹ Kim vừa có thai thì người cha đột ngột bỏ đi không một lời từ biệt. Có lẽ ông ta cũng yêu mẹ Kim, nhưng chưa đủ để vượt qua những trở ngại của xã hội để đi đến hôn nhân.

Cha không nhận, người Pháp ở Việt Nam cũng không mấy ai muốn có liên hệ xa gần gì với giọt máu rơi này. Khi còn làm bếp cho một ông Giám đốc Viện Hải học ở Nha Trang, thấy ông có ý săn sóc dạy Kim tiếng Pháp, mẹ Kim đánh bạo xin ông giúp Kim đi học, Kim chẳng cũng thuộc nòi giống của ông đấy ư? Lập tức ngay hôm sau bức tường phân chia chủ tớ lại được vạch ra phân minh. Rồi đến khi Kim đi học ở Đà Lạt, bà Mẹ nhất cũng lộ vẻ khó chịu khi Kim tỏ lòng biết ơn theo kiểu Việt Nam mà bà cho là quỵ lụy.

Cha không ngó ngàng đến, người Pháp không nhìn nhận, thậm chí cả những người lai như Kim cũng khinh bỉ Kim là "annamite". Đối với Kim, nước Pháp đại diện cho người cha mà Kim thù hận. Kim tưởng tượng cha mình là một thực dân hống hách, thuộc "phe bên kia". Tóm lại Kim không có cảm tình với quê cha, tuy nhiên, đôi khi ngắm những tấm hình phụ nữ Pháp trẻ đẹp treo trên tường Kim cũng có lần ao ước mình là một cô gái Pháp, và cảm thấy tủi hổ vì thân phận "annamite" của mình.

Nhưng giấc mơ thành người Pháp chỉ thoảng qua vì những người thực lòng yêu thương Kim toàn là người Việt, dù đếm được trên đầu ngón tay: mẹ, bà Tư, bà Pho... cho nên Kim thường vui vẻ nhận mình là Việt Nam, thích ăn cơm ta, thích mặc áo dài hơn áo đầm, thích đi chùa hơn đi nhà thờ, và còn tự hứa lớn lên sẽ nhuộm răng thật đen... Kim mong muốn trở thành một cô gái Việt thuần túy và tự lừa dối mình bằng cách tránh soi gương để khỏi phải đối chiếu với sự thực. Có lúc Kim cũng ao ước cha mẹ mình đều là người Việt, nếu không thì cũng mong mỏi gặp một tai nạn lớn để có thể trút bỏ hết những giọt máu Pháp trong mình. Song dù Kim có tự lừa dối được mình thì bạn bè, kể cả những người thân nhất, đôi khi cũng thốt ra những lời làm Kim tủi cực: "Mày là con lai, chúng tao tin mày thế nào được?". Người lớn cũng một luận điệu: "Nuôi làm gì cái giống lai, ngày sau lớn lên, cái máu tây mạnh hơn, nó sẽ bỏ mình ngay. Giống lai là chúa bạc".

Bên cha không nhận, bên mẹ hất hủi, Kim lại mơ ước đến một giải pháp thứ ba: Tìm ra một xứ trong đó chỉ có toàn người lai ở, từ cha mẹ đến cô giáo đều lai tuốt. Ở đó Kim sẽ không thấy mình lạc loài và cô đơn.

Là một cô bé nhạy cảm, thèm khát yêu thương mà chỉ tiếp nhận những cử chỉ lạnh nhạt, những lời nói phũ phàng, Kim rất hận Việt Nam, hận đến nỗi từ khi định cư ở Pháp, trong suốt 30 năm, Kim hầu như tuyệt tình với người Việt, tránh né tất cả những gì liên quan đến Việt Nam.

Ngày nay bình tâm nghĩ lại, Kim đã thận trọng cân nhắc: "Việt Nam đã nuôi dưỡng tôi, những tình thương đầu tiên tôi tiếp nhận được là ở Việt Nam. Tôi nói tiếng Việt, thấm nhuần văn hóa Việt. Tôi thiết tha với Việt Nam, tổ quốc của tôi. Tôi đã hết lòng hòa mình vào đời sống Việt Nam, nhưng Việt Nam không yêu tôi và sẽ chẳng bao giờ chấp nhận tôi. Tuy vậy tôi không lên án Việt Nam. Việt Nam với tôi là hình ảnh người mẹ dịu hiền" *(Métisse Blanche)*. "Phụ tình án đã rõ ràng"...

Còn đối với nước Pháp đã giang tay đón tiếp cô sinh viên du học, những ác cảm và thành kiến ban đầu đã hết ngay từ ngày Kim đặt chân đến Paris. Duy đối với người cha thì Kim dứt khoát giữ vững lập trường: "Có thể sau này tôi sẽ tìm gặp đứa em cùng mẹ khác cha, nhưng bắt liên lạc với người cha ấy thì không bao giờ!"

Xã hội Việt Nam qua tác phẩm của Kim Lefèvre

Có người từng đặt câu hỏi: "Cái xã hội mà Kim Lefèvre mô tả có đúng sự thật không?".

Tôi nghĩ rằng khi viết, Kim Lefèvre đã rất chân thành và cố gắng tỏ ra khách quan, song có thể Kim còn bị giới hạn vì hai điểm:

-- "Giáo dục" gia đình.

-- Mặc cảm làm con lai.

Cái xã hội mà Kim Lefèvre mô tả có rất nhiều người lấy Pháp và rất nhiều người lai: cậu Albert, anh Yves, bốn người cô họ lai, cùng mẹ nhưng khác cha... Chính mẹ Kim không phải chỉ "xẩy chân" có một lần với cha Kim mà sau đó còn sinh thêm một đứa con trai với một quân nhân Pháp khác. Và cũng chính mẹ Kim đã từng mơ ước Kim được một người Pháp để mắt tới dù khi ấy Kim chỉ mới có hơn 10 tuổi. Lấy tây tuy chưa hẳn là một chuyện bình thường nhưng cũng là chuyện thường xảy ra trong gia đình và chung quanh Kim. Đối với ngoại quốc, người Việt thường tỏ ra rất cởi mở, riêng về vấn đề hôn nhân dị chủng thì người Việt thời xưa lại rất kỳ thị, đặc biệt với người Pháp, sự kỳ thị còn đèo thêm mặc cảm của người dân bị đô hộ. Những cuộc phối hợp dựa trên tình yêu như trường hợp mẹ Kim rất hiếm, phần đông chỉ là chuyện bị cưỡng ép, và nếu có "tự nguyện" thì cũng dựa trên căn bản lý tài, cho nên những người lấy ngoại quốc thường bị khinh bỉ; con nhà "nền nếp" đến bước đường cùng cũng không chịu làm "me tây". Gia đình Kim, cái "nền nếp" đã trở nên lỏng lẻo, do đó có nhiều điều Kim không hiểu hoặc hiểu

lầm, tỉ như chuyện bóp cổ con gái khi mới đẻ ra, Kim nhắc đi nhắc lại mấy lần trong cả hai cuốn sách. Tôi chỉ nghe người Tầu giết con gái, chưa từng nghe thấy người Việt bóp cổ con gái bao giờ, có nghèo thì cũng chỉ đến bán con là cùng. Cái xã hội Việt Nam xưa tuy có trọng nam khinh nữ thật nhưng chưa đi đến chỗ bóp cổ con gái.

Cái xã hội Việt Nam ấy cũng rất giả dối, nghĩ một đằng làm một nẻo, đặc biệt trong quan hệ nam nữ. Người con gái muốn được kính nể thì phải "treo giá ngọc", Kim là con lai lại càng phải "gìn vàng giữ ngọc" gấp bội để xóa bỏ thành kiến rằng con lai thuộc loại dễ dàng. Cho nên Kim cương quyết né tránh anh chàng phi công tài hoa khi nhận ra lòng mình "dường đã xiêu xiêu". Có lẽ mẹ Kim đã điêu đứng vì trót nhẹ dạ cho nên nhồi nhét vào đầu Kim cái thành kiến "làm thân con gái chữ trinh làm đầu" ngay từ khi Kim còn bé, và Kim đã ghi lòng tạc dạ mà chẳng hiểu gì, đến nỗi lần đầu tiếp nhận một luồng mắt đưa tình, cô bé sợ hãi bật khóc vì tưởng mình đã mất trinh!

Cái xã hội Việt Nam ấy đã kỳ thị lại bất công, trút lên đầu những người lai, những đứa trẻ vô tội, tất cả hận thù của một nước bị đô hộ. "Ở Việt Nam tôi chưa hề thấy ai lên tiếng bênh vực cho những đứa con lai như tôi bao giờ!"

Đâu là sự thực?

Viết xong *Métisse Blanche* Kim đã giải tỏa được mối hận và những mặc cảm về Việt Nam, song tận đáy lòng Kim vẫn ẩn náu một cô bé đã bị Việt Nam ngược đãi, Kim không tài nào quên được.

Thuở nhỏ Kim quả có một đời sống cay cực, nhưng nói rằng "Việt Nam không yêu và sẽ không bao giờ chấp nhận" Kim thì có phần oan cho Việt Nam. Ngay thời ấy Kim cũng vẫn có những người thành thật yêu Kim: mẹ, bà Tư, bà Pho, lũ bạn ở nhà quê đã từng mời mọc Kim về nhà... thế không là "chấp nhận" thì là gì? Dĩ nhiên người ta không thể quên đi được sự khác biệt của Kim rành rành in trên nét mặt. Sự khác biệt ấy có thể là một khuyết điểm (như Kim nghĩ), song bà Tư đã chẳng giảng cho Kim hay rằng nó có thể trở nên ưu điểm đấy ư? Quả nhiên khi Kim vừa lớn lên, biết bao nhiêu người đã cảm cái sắc đẹp của Kim, song vì có mặc cảm, Kim yên trí những người này chỉ muốn lợi dụng mình. Như vậy không đúng, cái anh chàng Hồ đã chẳng hết lòng yêu và giúp đỡ Kim ngay từ ngày Kim mới bắt đầu bước chân vào Đại học cho tới khi sang Pháp? Trường hợp này phải nói chính Kim đã phụ Hồ: tuy không yêu nhưng để mặc cho Hồ săn sóc mình như một vị hôn phu chính thức.

Việt Nam bị đô hộ, hận thù tích lũy, gặp dịp phát tiết được là trút ra, có kể gì đến phải trái hay bất công? Đành rằng hành động như thế chẳng có gì là quang minh chính đại, nhưng thử hỏi có dân tộc nào bị giẫy xéo, áp bức mà không cảm thấy nhục nhã, uất hận? Ngay như nước Pháp mà Kim đã chọn để định cư vì "người Pháp không kỳ thị" thử hỏi sau thế chiến hai, họ đã đối xử ra sao với những phụ nữ đã từng thân cận với người Đức? Họ không gọi những người này là "me Đức" nhưng họ đã gọt đầu bêu riếu những người đàn bà khốn khổ này. Lòng kỳ thị phát sinh ra từ cuộc sống bấp bênh nhiều hơn do sự khác biệt chủng tộc. Sự khác biệt chỉ gây tính hiếu kỳ nếu quyền lợi của người quan sát không bị đe dọa. Nước Pháp ngày nay không còn như nước Pháp khi Kim mới bước chân sang, hẳn Kim cũng đã nhận thấy nạn thất nghiệp ngày một gia tăng cùng với chính sách bài ngoại của Le Pen?

Kim nhận xét ở Việt Nam mình bị lạc loài, sang Pháp được đón nhận ngay. Nhưng hai trường hợp khác hẳn nhau. Nước Pháp giang tay đón tiếp một thiếu nữ trẻ đẹp, có học vấn, có nghề nghiệp, tương lai. Việt Nam, trái lại phải bắt buộc cáng đáng một đứa con rơi của kẻ thù, có thể lớn lên nó sẽ hùa theo những đứa con lai khác quay lại ức hiếp, khinh khi người nuôi dưỡng nó. "Kẻ ăn ốc, người đổ vỏ"... Đã thế Việt Nam lại nghèo khổ, "ốc đã chẳng mang nổi mình ốc", còn đèo bòng cọc rêu sao được? Kim phàn nàn ở Việt Nam không có ai bênh vực những đứa con lai, nhưng thời đô hộ, con lai thừa quyền uy và thường lợi dụng quyền uy để ức hiếp người Việt thì họ còn cần gì ai bênh vực? Tại sao kẻ bị áp chế lại phải lên tiếng bênh vực cho người ức hiếp mình? Trường hợp những người lai bị khốn khổ như Kim cũng có nhưng hiếm; số người Việt bị ngược đãi nhiều hơn.

Có lẽ Kim đã đặt sai trọng tâm của vấn đề. Thật ra Kim chỉ khổ khi còn nhỏ, từ khi bắt đầu đi học và "trổ mã" thì Việt Nam không "bạc đãi" Kim nữa, trái lại người ta ưa chuộng và quý trọng Kim. Ngay cả người cha dượng cũng thay đổi thái độ, trọng Kim hơn cả con riêng mình. Kim đã có nhiều người bạn thân, Kim đã chẳng từng thề thốt "sống chết có nhau" (à la vie, à la mort) với cô bạn Lê An là gì? Khi lĩnh bằng Đại học, chính Kim đã nhận xét rằng không còn ai, kể cả Kim, phân biệt Kim là con lai nữa.

Kim chọn ở lại Pháp vì đời sống ở Paris thích hợp với Kim hơn. Đây là vấn đề lựa chọn tự do chứ không phải vấn đề tránh né kỳ thị. Ở Sài Gòn, ai làm gì mọi người đều biết, ở Paris mạnh ai nấy sống, không ai có thì giờ dòm ngó đến ai. Lòng ưa chuộng tự do của Kim đã thể hiện ngay từ khi Kim hứa với mẹ sẽ xin đi dạy học ở tỉnh nhà (Tuy Hòa) song lại nộp đơn xin dậy ở Sài Gòn, vì tự biết ở Sài Gòn không bị gia đình kiềm thúc. Kim bỏ Việt Nam, chọn Pháp cũng cùng một lẽ ấy. Sự

QUẢ TÁO

HỒ DZẾNH

Quả táo chị cho ngày trước
Em ăn nhớ đến bây giờ
Táo của quê ta ngọt lịm
Đậm đà hương vị xa xưa.

Có phải chị người Hợp Phố
Lấy chồng quê Quảng Châu Loan
Tết bím, cài hoa thuở nhỏ
Tung tăng chạy khắp xóm làng?

Chị tả đầu vườn cây khế
Khế chua, chị cái không chua
Máu thịt quê hương là thế
Nhớ thương nói mấy cho vừa.

Rồi chị theo chồng, xa xứ
Dâu không hiểu tiếng mẹ chồng
Nước mắt thay vào ngôn ngữ
Thương quê giấu tận đáy lòng!

Đất nước Việt Nam đau khổ
Nhưng lòng dất Việt bao la,
Ngày tháng quen dần cảnh ngộ
Khuây dần nỗi nhớ Trung Hoa.

Ơi chị, hai phen kỳ diệu
Tiễn con liệt sĩ hai lần
Góp với cuộc đời xương máu
Góp phần nước mắt, gian truân.

Cứ tưởng chị nằm yên giấc
Ngàn thu. Giấc ngủ dâu yên
Đạn pháo gầm qua tuyên Bắc
Xé dời, xé triệu con tim!

Quả táo chị cho ngày trước
Em ăn nhớ đến bây giờ
Nhưng táo ngày nay hết ngọt
Máu vàng đem đổi đi mua!

Đợi đến bao giờ quả táo
Hoàn nguyên hương vị thơm tho
Em sẽ đặt lên, khấn chị:
-- Chị ơi, quả táo ngày xưa...

kỳ thị của Việt Nam đối với Kim chỉ có thực khi Kim còn nhỏ và trong ký ức Kim.

***

Bốn người con lai, bốn hoàn cảnh, bốn tâm tình. Samuel Baron chỉ nhận mình đã sinh và sống ở Đàng ngoài, đủ để gây lòng tin của độc giả, tuyệt nhiên không bao giờ đả động đến người mẹ Việt. Samuel Baron tách hẳn mình ra khỏi Việt Nam, gọi dân Việt là "dân bản xứ". Ở thế kỷ 17, Á Châu chìm đắm trong đạo Nho, lại là thứ Nho suy vi, trọng văn khinh võ, trong khi Âu Châu hùng mạnh, vũ khí tối tân, rầm rộ đi chinh phục các nước Á, Phi. Việt Nam vốn đã yếu kém về binh bị, lại đèo thêm nạn Nam Bắc phân tranh càng suy nhược. Không cần phải cân nhắc cũng thấy ngay ai mạnh ai yếu. Samuel Baron chọn Tây phương cũng dễ hiểu. Đến quê cha là Hòa Lan mà Samuel Baron cũng từ bỏ để xin gia nhập quốc tịch Anh thì nói gì đến quê mẹ hèn yếu? Chỉ đáng trách là muốn tỏ lòng sùng kính Âu Châu, Samuel Baron đã không ngần ngại bóp méo sự thật kể cả những điều rất dễ kiểm tra, khiến cho người ta đem dạ hoài nghi luôn cả những điều Samuel Baron viết đúng sự thực. Mặc dầu chúng ta cần đến *A Description of the Kingdom of Tonqueen* chúng ta chẳng thể không dè dặt, biết rằng những nhận định của tác giả đôi khi lệch lạc vì thiên kiến.

Michel Đức Chaigneau sống ở Việt Nam 16 năm, sung sướng tột bực, thế mà vừa đặt chân đến nước Pháp, quả tim Michel Đức đã bị chinh phục ngay. Dĩ nhiên sự lựa chọn này không thể dựa trên ân tình: nước Pháp chưa từng nuôi Michel Đức một ngày, bất quá "cậu Đức" choáng mắt vì đời sống xa hoa, rực rỡ ở Pháp. Có điều khác với Samuel Baron, Michel Đức không vì thế mà khinh rẻ quê mẹ, chối bỏ gốc Việt của mình. Trong gia đình, nếu người mẹ bị coi rẻ thì tất nhiên quê mẹ cũng không được trọng vọng. Rất có thể địa vị bà Benette Huề cao hơn địa vị người mẹ của Samuel Baron. Bà Huề được vua Gia Long và cả

Đạo Thiên Chúa ở đằng sau hậu thuẫn. Người cha Michel Đức, Jean-Baptiste Chaigneau, lại là con nhà thế tộc, khác với cha Samuel Baron là nhà buôn, nên cách đối đãi của Jean-Baptiste Chaigneau với vợ có thể cũng khác. Cho nên dù Michel Đức chọn ở lại Pháp nhưng đối với Việt Nam vẫn còn "vương tơ". Đôi khi tôi tự hỏi sau khi đã nếm mùi vị đời sống văn minh, có bao giờ "cậu Đức" thấy tiếc cái đời sống nơi quê mẹ hủ lậu?

Trái với Samuel Baron và Michel Đức Chaigneau, Hồ Dzếnh và Kim Lefèvre đều tỏ lòng thương yêu Việt Nam, yêu qua người mẹ. Cuốn sách đầu tay của Hồ Dzếnh mang dòng chữ "Kính dâng mẹ" thì cuốn sách đầu tay của Kim Lefèvre cũng mang hàng chữ "A ma mère".

Tuy không có một thời thơ ấu vàng son như Michel Đức, nhưng may mắn hơn Kim Lefèvre, đời sống thuở nhỏ của Hồ Dzếnh cũng tràn đầy hạnh phúc. Gia cảnh đã hơn mà về nhiều phương diện khác Hồ cũng hơn Kim: về mầu da cũng như văn hóa Hồ dễ hòa đồng với người Việt, ít khi bị phát giác, bị chỉ trỏ... dường như chỉ có một lần cậu bé Hồ đã hậm hực khi bị một thầy giáo tiểu học nhiếc là "cái đồ Tô Định" (*Chân Trời Cũ*, tr. 144) cho nên Hồ yêu thương Việt Nam cũng là tự nhiên.

Hồ là người sống hoàn toàn bằng tình cảm. Tình cảm giúp Hồ tạo nên những dòng thơ văn xúc động, nhưng cũng chính tình cảm đôi khi dẫn dắt Hồ đi quá đà:

"Tôi tự tạo ra đau khổ để sống, để sung sướng vì thấy mình đau khổ hơn người." (Chị Yên, *Chân Trời Cũ*).

Đời sống nội tâm tuy phong phú nhưng Hồ đã mon men đến bên bờ vực thẳm của não bệnh:

"Thường thường tôi chỉ sống bằng mộng. Tôi không bằng lòng ai cả. Hình như tôi cũng không bằng lòng cả tôi. Cái đau khổ được tôi tự tạo lấy, dần dần trở nên mãnh liệt. Tôi phải kiếm cớ luôn luôn cho lòng mình thắc mắc, trong cái tin tưởng quái gở là mọi người không ai yêu tôi. Đó thực là một cực hình cho kẻ nào, như tôi, chịu ảnh hưởng sự khủng hoảng tinh thần do chính mình gây ra, do chính mình ham thích." (Lòng Mẹ, *Chân Trời Cũ*).

Tuy cũng nhậy cảm, nhưng Kim Lefèvre không để cho tình cảm lấn át lý trí, trừ những lúc ôn lại quá khứ. Không phải thiếu phụ trung niên đã than trách "Việt Nam chẳng yêu tôi" mà chính là cô bé Kim đang hậm hực. Sự thật không phải Việt Nam không chấp nhận Kim mà là Kim không chấp nhận Việt Nam thì đúng hơn. Trong ký ức Kim chỉ có một nước Việt Nam đã hất hủi Kim chứ không có nước Việt Nam quý trọng Kim, yêu thương Kim.

Hồ Dzếnh chọn Việt Nam vì thương xót, Kim Lefèvre chọn Pháp vì tự do.

NGUYỄN T. CHÂN QUỲNH

Hồ Dzếnh chọn Việt Nam vì thương xót, Kim Lefèvre chọn Pháp vì tự do. Vấn đề đặt ra trong *Métisse Blanche* không phải chỉ có một mà là hai: con lai và tự do. Nhan đề "*Đứa con gái lai bạch chủng*" đánh lạc hướng người đọc, song lại hấp dẫn hơn một nhan đề loại "Tôi chọn tự do".

Viết xong *Métisse Blanche* mối hận thù Việt Nam coi như giải tỏa. Kim đã trở về thăm gia đình và Việt Nam. Kim còn dịch *Tướng Về Hưu* của Nguyễn Huy Thiệp và ký tên vào danh sách những người đòi trả lại tự do cho Dương Thu Hương. Quả nhiên Kim Lefèvre vẫn quan tâm đến quê mẹ.

Châtenay-Malabry,
Tháng Hai, 1992

Sách đọc

-- BARON Samuel, *Description du Royaume du Tonkin*. Bản dịch của H. Deseille. Không đề năm xuất bản.

-- CHAIGNEAU Michel Đức, *Souvenirs de Hué*. Paris, 1867.

-- CRAWFURD John, *Journal of an Embassy from the Governor General of India to the Courts of Siam and Cochinchina*. London: Henry Colburn, 1828.

-- Hải Thượng Lãn Ông, *Ký sự lên Kinh*, Hà Nội, 1977. Dịch giả Bùi Hạnh Cẩn.

-- Hồ Dzếnh, *Quê Ngoại* + *Hoa Xuân Đất Việt*. Saigon: Hoa Tiên tái bản 1969. Tái bản ở Mỹ.

Một Truyện Tình 15 Năm Về Trước. Saigon tái bản 1968. Tái bản ở Mỹ.

Chân Trời Cũ. Tái bản ở Mỹ.

Hai Mối Tình. Saigon tái bản 1967. Tái bản ở Mỹ.

Những Vành Khăn Trắng. Sàigòn: Hoa Tiên tái bản, 1968. Tái bản ở Mỹ.

-- Hồng Lam, "Booa Dee Yaw và Thekydaw (Vua Đi Giao và Tế kỳ dảo) là hai ngày quốc lễ long trọng của ta dưới triều Lê," *Trung Bắc Chủ Nhật* số 144.

-- Hồng Lam và Văn Hòe, "Thành Hà Nội vào thời cố A. de Rhodes", *Trung Bắc Chủ Nhật* số 64

-- LEFÈVRE KIM, *Métisse Blanche*. Paris: B. Barrault, 1989; J'ai lu, 1990.

Retour à la Saison des Pluies. Paris: B. Barrault, 1990.

-- Quán Chi, "Người ngoại quốc làm quan ở Việt Nam", *Trung Bắc Chủ Nhật*, 3-6-1945.

-- Trần Hữu Tá, "Hồ Dzếnh", *Từ Điển Văn Học*, Hà Nội: KHH, 1983.

GÓP Ý VỚI THỤY KHUÊ:

VỀ CHỨC NĂNG CỦA PHÊ BÌNH VÀ LÝ LUẬN VĂN HỌC

LÊ PHƯỚC HÒA

Bàn về sự trì trệ của nền văn học Việt ngoài nước, nhà phê bình văn học Thụy Khuê đã nhận xét những nguyên nhân và đưa ra một số phương cách để giải quyết sự bế tắc trên. Bài viết được đặt dưới tựa đề *Đập Vỡ Cái Ghetto* trên tạp chí Thế Kỷ 21, số tháng Chín, 1991. Theo lời kêu gọi đóng góp ý kiến của tạp chí này, và để vấn đề được bàn thảo một cách sâu rộng và kỹ lưỡng hơn, người viết bài này, trên cương vị là một độc giả của nền văn học Việt ngoài nước, xin được đóng góp vào một số chủ điểm trong bài viết trên.

Bài viết này có thể nêu ra một số điểm bất đồng với nhà phê bình văn học Thụy Khuê; tuy nhiên, trên tinh thần dân chủ, ước mong một cái nhìn khác biệt làm nảy bật ra những điều mới mẻ; từ đó, vấn đề bàn thảo sẽ được giải quyết rõ ràng và hiệu quả hơn. Bài viết này sẽ dựa trên hai chủ điểm chính. Một là bàn về phương pháp lý luận của tác giả Thụy Khuê khi bà dùng chúng để áp dụng vào một số lập luận của bài viết. Hai là bàn về hai trường hợp cá biệt mà Thụy Khuê đã nêu ra trong những lập luận của bà: nhạc sĩ Trịnh Công Sơn và nhà phê bình Đặng Tiến. Trong bài viết, những câu văn trong ngoặc kép, nếu người viết không ghi rõ xuất xứ, xin được hiểu là những phần trích dẫn từ bài viết trên của bà Thụy Khuê

1/ Phương pháp lý luận

Nhà phê bình văn học, trong bất cứ một nền văn học nào, đều có nhiệm vụ phê phán những hiện tượng tốt hay xấu đang, đã hoặc sẽ xảy ra trong nền văn học đó. Sự phê phán đó hoặc là khen hay chê, sẽ là một trong những động lực cần thiết để nền văn học đó thăng hoa hơn. Để chức năng phê phán có hiệu năng tốt, họ sẽ dùng những phương pháp lý luận như là một dụng cụ để thực hiện mục đích của mình.

Văn học là một bộ môn thuộc về khoa học nhân văn. Phê bình văn học, do đó, có phần chủ quan của nó. Tuy nhiên, nếu nhà phê bình áp dụng một cách nhuần nhuyễn những phương pháp phân tích định lượng của khoa học chính xác trong một số khía cạnh của luận lý, họ sẽ dễ thuyết phục được người đọc hơn. Một trong những phương pháp phân tích định lượng thường được dùng là phương pháp xác suất. Bằng cách đưa ra giả thuyết, rồi lập mẫu, xác định những biến số để đo lường trên mẫu đó, để rồi cuối cùng tìm ra được con số xác suất của giả thuyết mình đặt ra. Con số này càng gần bằng đơn vị thì mức độ khả tín trên giả thuyết càng cao.

Trang 67, bà Thụy Khuê viết "Trên thực tế, số người Việt ở nước ngoài xấp xỉ hai triệu. Số người Việt trong nước khoảng 60 triệu. Về mặt nhân tài, nếu theo tỷ số 2/60 hay 1/30 mà định, thì so với trong nước, con số nhân tài chúng ta hạn hẹp lắm". Ở đây bà dùng phương pháp lý luận đã nêu trên để lập luận giả thuyết *nhân tài ngoài nước bị hạn hẹp nếu so với trong nước*. Bà lấy mẫu là toàn thể dân số Việt trong và ngoài nước. Bà dựa trên lý thuyết mọi người Việt trong và ngoài nước *đều có cơ hội đồng đều như nhau để trở thành nhân tài*. Cuối cùng bà lấy xác suất để người Việt ngoài nước có cơ hội thành nhân tài bằng con tính chia đơn giản 2/60 bằng 1/30. Xin được góp ý ở đây là bà Thụy Khuê đã quá đơn giản hóa phương pháp lý luận. Xin đưa một phản chứng. Dân số Ấn Độ gấp nhiều lần dân số Pháp; tuy nhiên, thử hỏi nhân tài Ấn Độ có đông bằng nhân tài Pháp hay không? Chứ ai ai cũng rõ điều

này! Nếu suy luận kỹ hơn, nhân tài xuất hiện trong một tập thể tùy thuộc vào nhiều yếu tố. Như môi trường xã hội: chế độ dân chủ đại nghị dễ phát sinh nhân tài hơn chế độ độc tài cộng sản. Như kinh tế: nền kinh tế phát triển làm sinh sôi nảy nở nhân tài hơn nền kinh tế chậm tiến. Như giáo dục: giáo dục cao dễ nuôi dưỡng nhân tài hơn giáo dục yếu kém; và còn nhiều yếu tố khác nữa,... Nếu thận trọng hơn, và cân nhắc kỹ lưỡng hơn, chúng ta sẽ chọn nhiều biến số hơn là một biến số như bà Thụy Khuê đã chọn, số đông dân số, để đo lường trên mẫu đã thiết lập; từ đó sẽ tìm ra được đáp số của giả thuyết chính xác hơn.

Cũng ở trang 67, bà Thụy Khuê viết "Nhưng mới khởi sự viết, tốt hơn hết là nên viết những gì mình nhìn thấy, trải qua" bởi vì, theo ý bà, họ, những người viết mới sẽ vấp phải những khuyết điểm như "dựng truyện trên những bối cảnh chưa từng sống nên thường phải tưởng tượng ra", và do đó sẽ "phiêu lưu vào những chỗ chưa biết, sẽ va chạm với những khó khăn mới, xưng hô không đúng kiểu, nhận xét động tác sai lầm, đưa câu truyện tới những đoạn giả tạo khó tránh". Thực sự, người viết mới, cũng như những người viết cũ nếu không chịu học hỏi, đọc sách, nghiền ngẫm trong tiến trình học -- đọc -- viết của mình thì những khuyết điểm trên vẫn vướng mắc. Nhà văn Nguyễn Đình Toàn với truyện dài đầu tay *Chị Em Hải* là một truyện dựng trên những nhân vật nữ thành thị miền Nam vào cuối thập niên 1950. So sánh với *Áo Mơ Phai* có thể không hay hơn; tuy nhiên, nếu chúng ta hỏi rằng Nguyễn Đình Toàn là người viết mới (vì ông in tác phẩm đầu tay), như vậy, ông có vấp vào những khuyết điểm trên không? Truyện ngắn đầu tay *Vợ Chồng* trên tạp chí *Văn Học* số 8 & 9 của tác giả Mai Kim Ngọc là một ví dụ khác nữa về sự thành công của người viết mới thích "phiêu lưu vào những chỗ chưa biết".

Trang 68, bà Thụy Khuê viết "Nhà văn Nhật Tiến là người đi tiên phong trong chủ trương xóa bỏ hận thù, xóa ranh giới quốc - cộng, Nam - Bắc -- việc mà Đông Âu, Bá Linh đã làm sau ba năm". Chắc ai cũng đều rõ, cứu cánh của nhà văn Nhật Tiến là lật đổ chế độ Cộng sản Việt Nam, và những phương cách để đưa đến cứu cánh đó là "chủ trương xóa bỏ hận thù, xóa ranh giới quốc - cộng, Nam - Bắc". Ba năm sau khi ông Nhật Tiến nêu những phương cách trên, cộng sản Đông Âu đã sụp đổ. Cứu cánh của nhân dân Đông Âu đã hiện thực và như là cứu cánh của ông Nhật Tiến, không chấp nhận chế độ cộng sản tồn tại trên chính quê hương của họ. Tuy nhiên, ai cũng rõ, phương cách nhân dân Đông Âu lật đổ chế độ cộng sản có khác phương cách của ông Nhật Tiến. Mặc dù ta công nhận Nhật Tiến là người thiết tha với đất nước, nhìn vào lập luận của bà Thụy Khuê, ta lại thấy bà vấp phải vào những điều căn bản của lý luận thông thường. Đó là bà không xác định rõ được những tập hợp tương đồng. Dựa trên một số những phần tử trông có vẻ giống nhau của hai tập hợp hoàn toàn có tính thật khác nhau, bà so sánh chúng và đưa ra những kết luận có rất nhiều sai lạc.

2/ Trường hợp Trịnh Công Sơn và Đặng Tiến

Trường hợp cá nhân Trịnh Công Sơn và Đặng Tiến, bà Thụy Khuê bênh vực và kết án cho hành động chúng ta đối với hai "nhân tài" này là quá bất công. Bà dùng những từ như "bài trừ", "cấm cản", "phỉ báng", "hạ nhục", "dày xéo"... để mô tả thái độ của chúng ta đối với hai vị này. Trên cương vị độc giả, đã đọc tác giả Đặng Tiến từ lúc ông khởi đầu viết vào đầu 60 trên tạp chí *Bách Khoa*, và người nghe nhạc Trịnh Công Sơn từ lúc ông hát những bài "phản chiến ca" trước 75 tại miền Nam, tôi xin có ý kiến về hai vị này như sau:

Trang 68, bà Thụy Khuê viết "Vừa là nhạc sĩ, vừa là nhà thơ, vừa có giá trị nhân bản trong tác phẩm nghệ thuật, vừa có nhân cách lớn, trong lúc đất nước chiến tranh tàn khốc, cả hai đương nhiên chống lại chiến tranh: Phạm Duy với tâm ca, Trịnh Công Sơn với nhạc phản chiến". Giả sử ông Trịnh Công Sơn chọn cho mình các thứ "tự do chọn lựa" chế độ vào lúc trước 75, bằng cách bỏ miền Nam và ra miền Bắc, thử hỏi những bài "phản chiến ca" của ông có được phổ biến sâu rộng đến quần chúng không? Ai đã "khôn để tận hưởng, chăm chút, ghi âm, bằng những phương pháp tân kỳ cho đời"?. Những tập nhạc, từ ca khúc Da vàng đến kinh Việt Nam được in và phổ biến tại đâu, chắc ai cũng rõ! Những băng nhạc *Hát Cho Quê Hương Việt Nam 1, 2, 3, 4 & 5* chắc cũng nằm vào ở trường hợp nêu trên!

Bà viết, ở hải ngoại, "chúng ta bài trừ cấm cản" nhạc Trịnh Công Sơn. Nếu có thì giờ, yêu cầu bà đi một vòng Hoa Kỳ, tại những cộng đồng có người Việt Nam sinh hoạt đông đúc, thử điều tra tại chỗ những cửa hiệu bán video nhạc Việt Nam, hỏi họ cuộn video nhạc mới nhất về nhạc "phản chiến ca" của Trịnh Công Sơn, *Một Đời Việt Nam* do ca sĩ Khánh Ly trình bày, có ai cấm cản người nghe tiêu thụ không, để rõ xem quần chúng tại hải ngoại có "lại bước trên kho tàng mà chúng ta không biết".

Một người sáng tác nổi tiếng dù bất cứ bộ môn nào vẫn là người được đám đông quần chúng để ý tới. Ngoài những nghệ phẩm giá trị họ mang đến, "nhân cách lớn" của họ là một trong những yếu tố đem đến sự nể trọng của quần chúng. Theo truyền thống dân tộc, kẻ sĩ thời

BÀI THƠ VIẾT TRONG ĐÊM

TRẦN MỘNG TÚ

Anh ạ
Có những đêm
chợt thức
Em thấy anh
là một dòng sông ở quê hương
Con nước
vỗ hoài
vỗ hoài
những đợt sóng buồn
Làm sụp lở
bờ ngực em
còm cõi.

Có khi
em thấy anh
là viên sỏi nhỏ ở quê hương
nằm vướng hoài
giữa kẽ chân em
để bây giờ
trên bất cứ
một con đường bằng phẳng nào
em đi qua
vẫn chỉ là
những bước chân
khập khưỡng

Có khi
em thấy anh
là mùa mưa ở quê hương
cứ
giọt gianh hoài
trong trái tim em
làm
xoi mòn
một góc hiên hạnh phúc

Có khi
em thấy anh
Là con chim cuốc cuốc ở quê hương
hót ra rả
từng đêm
từng đêm
trong cuống họng em
Để sáng ra
em thấy
cổ mình rớm máu.

Anh thân yêu
Đêm qua thức giấc
Em bỗng hiểu ra
Anh chính là
Người tù cải tạo
Người chồng HO
là tất cả quê hương dấu yêu
mà
từ bấy lâu nay
em hằng
thiếu thốn.

Tháng Ba, 92

phong kiến, cảm thấy chuyện bất bằng, họ vẫn can đảm ngăn vua. Nếu không xong, treo ấn từ quan. Nhân cách của Chu Văn An, Nguyễn Trãi,..., cho đến Nguyễn Đình Chiểu là những nhân cách lớn. Họ được những thế hệ khác nhau nể trọng, có ai dám "xét xử"?. Ngày nay, những kẻ - sĩ - tân - thời ít ra cũng nên có "nhân cách" như trên để được quần chúng yêu quí. Ít ra cho đến hiện tại, Trịnh Công Sơn có đủ nhân cách lớn như trên không. Thưa không! Mọi công dân có quyền chọn lựa chế độ vì lý do riêng tư. Như ông Nguyễn Hiến Lê đã thực hiện quyền "tự do chọn lựa", bằng cách ở lại Việt Nam sau 1975, tuy nhiên, nhân cách sống của ông hoàn toàn khác hẳn Trịnh Công Sơn. Ai cộng tác với chế độ phi nhân, phản dân tộc tại quê nhà? Rõ ràng là Trịnh Công Sơn. Xin đừng vì vấn đề an ninh mà bênh vực. Nếu đọc hồi ký của ông Nguyễn Hiến Lê, ai cũng rõ ông được chế độ cộng sản mời gọi để hợp tác, nhưng ông đã từ chối khéo thì ai làm gì được ông?

Bà đã quá nương tay khi viết "*có thể*, Trịnh Công Sơn đã sai lầm khi anh theo nhà cầm quyền mới". Chúng tôi, những người bỏ quê hương ra đi, và những người Việt còn quẩn quại vì ách cộng sản bên nhà được quyền xóa chữ "có thể" ở trên. Điều này hoàn toàn sai lầm! Biết sai lầm và sửa chữa thì mới là người có nhân cách, và biết phục thiện để khôi phục những sai lầm thì mới là người có nhân cách lớn. Do đó, nếu ở hải ngoại, vẫn có người còn "xét xử" ông Trịnh Công Sơn là vì ông chưa phải là một người có *nhân cách lớn* như bà từng nêu ra. Boris Pasternak đã "tự do chọn lựa" ở lại quê hương, nhưng thái độ và cung cách sống ông đối với chế độ cộng sản Nga Sô lúc ấy đã được dư luận thế giới nể vì. Ngược lại, tác giả Mikhail Cholokov, trúng giải Nobel văn

học bằng tác phẩm *Sông Don Êm Đềm*, nhưng cung cách tâng bốc nịnh bợ chế độ của ông đã bị nhiều độc giả trên thế giới "xét xử". Một người được chế độ cho phép đi nhận giải và ca ngợi chế độ; một người bị bức bách và cấm đi nhận giải Nobel! Chẳng khác gì chuyện ông Trịnh Công Sơn đi Paris hát "nhạc tình ca", "nhạc quê hương", và chuyện thi sĩ Tô Thùy Yên bị tù tội bởi chế độ CSVN, vì những bài thơ đầy nhân cách!

Trường hợp ông Đặng Tiến cũng như Trịnh Công Sơn. Nếu là độc giả theo dõi khá kỹ văn học miền Nam trước 75, chắc ai cũng cổ dịp đọc những bài tiểu luận phê bình văn học của Đặng Tiến trên tạp chí *Bách Khoa* từ cuối thập niên 50, và sau đó ông là biên tập viên tạp chí *Văn* từ 63 đến 72. Tập tiểu luận *Vũ trụ thơ* của ông không ai chối cãi là không có giá trị. Cuối năm 60 ông viết thưa đi, độc giả tạp chí *Văn* thời đó còn nhớ trên mục *Tin văn vắn* đã thông báo ông nhận nhiệm sở mới tại tòa đại sứ Việt Nam Cộng Hòa tại Berne (Thụy Sĩ) với chức vụ tham vụ ngoại giao, và đang sửa soạn luận án cho cao học văn chương Pháp. Sau ngày 30 tháng Tư, 1975, ông đã nương theo đà "hồ hởi, đất nước thanh bình" viết bài ca ngợi chế độ phản dân tộc trên *Sàigòn giải phóng*, những bài viết này đã làm buồn lòng những người quá mến ông! Họ đọc mà vẫn chưa tin đây là ông Đặng Tiến đã viết những bài lý luận sắc bén trên các tạp chí văn học có uy tín tại miền Nam trước 75. Đồng ý với bà Thụy Khuê là ai cũng có thể lầm lẫn trong việc chọn lựa chế độ, hay thái độ chính trị, tuy nhiên, nếu người có "nhân cách lớn" như Jean Paul Sartre, André Gide, André Malraux, Albert Camus,... đã hơn một lần có những bài viết tố cáo sự phi nhân của chủ nghĩa cộng sản, đã hơn một lần có những hành động thực tế để chuộc lại lỗi lầm của họ. Ông Đặng Tiến đã chưa làm một điều gì, ít ra qua một bài viết hay qua một hành động cụ thể để chứng tỏ ông *dứt khoát* không là một người ủng hộ hoặc là người của cộng sản Việt Nam! Cộng sản Việt Nam có chính sách khai trừ con người vì lý lịch, ngay cả những người chấp nhận ở lại quê hương sau ngày 30 tháng Tư, 1975. Tuy nhiên, chúng ta ngược lại. Xin đan cử một trường hợp. Ai cũng rõ nhà văn Xuân Vũ đã một thời gian là nhà văn dưới chế độ cộng sản; tuy nhiên, ông đã có hành động dứt khoát và đã hành động như André Gide, như Jean - Paul Sartre,... đã từng làm đối với chế độ cộng sản. Không bàn về giá trị văn chương của các tác phẩm Xuân Vũ ở đây (vì nó không nằm trong phạm vi của bài viết này) có ai dám "khai trừ" và "xét xử" vì lý lịch ông đã từng một thời phục vụ cho chế độ cộng sản?

Ai cũng rõ thiện chí và nhiệt tâm của bà Thụy Khuê khi bà viết bài *Đập vỡ cái ghetto*. Bà, cũng như những người sáng tác, các nhà phê bình, nhận định văn học, và đám đông độc giả ngoài nước đều góp công sức để mong đưa nền văn học ngoài nước thoát khỏi sự trì trệ hiện tại. Tuy nhiên, vì nóng lòng, hoặc vì sốt ruột, vì lập luận thiếu sót, vấn đề bà đặt ra bị nhìn sai lạc và dễ đưa đẩy đến một nan đề khác. Như nhà phê bình văn học Bùi Vĩnh Phúc qua bài *nghĩ về huyền thoại ghetto và vài vấn đề liên hệ trong nền văn học ngoài nước*, đăng trên tập san *Hợp lưu* số 3, tháng Hai năm 1992 đã nêu ra. Đây là một bài viết sắc nét, công phu và cẩn trọng, có lý, có tình, nhận định khách quan sinh hoạt văn học ngoài nước và báo động cho chúng ta nguy cơ đi vào những huyền thoại có thể làm cho mờ đi cái nhìn của chúng ta về hướng đi và những vận động của dòng văn học Việt hải ngoại, một trong những di sản của dân tộc mà chúng ta vẫn đang cố gắng gìn giữ và tô bồi.

Đám đông độc giả và người sáng tác là hai thành tố có chức năng khác nhau. Nếu có sự cảm thông của độc giả đối với người viết thì điều này sẽ làm cho người sáng tạo nhiều hứng khởi, và họ sẽ sáng tác nhiều tác phẩm giá trị hơn. Độc giả tìm đọc *Ngọn cỏ bồng* để thấy mình còn hi vọng một ngày về, hơn là để thấy muốn bay bổng khỏi xã hội chung quanh đang sống. Những bài thơ, bài văn trong đó có phải là giấc mơ ngôn ngữ không? Thưa không! Vì đọc xong tập sách đó, người đọc ai cũng cảm thấy quê hương như hiển hiện đâu đây dù nó hiện thực ở nửa quả địa cầu. Từ đó, tùy từng người, họ sẽ chọn cho mình một thái độ, một cung cách sống để ngày về được ngắn hơn. Đọc *Người đi trên mây* để không phải thấy là mình xa rời và bay bổng khỏi đất nước. Thăng, nhân vật chính trong truyện, như là một người có nhân cách, bị bắn tứ phía và lăn tròn như *hòn bi* (tựa đề một tác phẩm của Đinh Phụng Tiến được nhà xuất bản Trình Bày in năm 1967 tại Saigon) trong một xã hội chiến tranh. Làm gì thực hiện được "ước mơ" trong khung cảnh rã rời như thế?

Để kết, mong rằng những người phê bình, dù là nhà *phê bình tập sự* (như bà Thụy Khuê tự nhận) đi nữa, xin quí vị nhận và nắm bắt được những cốt tủy trong các sáng tác của người viết, để thúc đẩy họ phấn chấn đi xa hơn nữa nếu họ viết hay; hoặc để khuyến cáo nếu có sự dậm chân tại chỗ hoặc lùi lại của họ. Xin đừng làm họ nản lòng. Xin đừng phê phán nặng nề vô bằng chứng. Được như thế, người đọc bình thường, với sự hướng dẫn của các nhà nhận định và phê bình, sẽ thấu đáo tường tận hơn những nghệ phẩm mà mình tìm đến để thẩm thức.

LÊ PHƯỚC HÒA

(Galveston, tháng Hai, 1992)

NÓI CHUYỆN ĐIÊN TRONG ANH NGỮ

RICHARD LEDERER
THẠCH ANH *chuyển ngữ*

Harry : *I thought food and cooking were generally bad in England.*

Anh ngữ là ngôn ngữ được nhiều dân tộc sử dụng nhất thế giới. Tính trung bình cứ bảy người thì có một người nói tiếng Anh (hoặc nói được tiếng Anh). Phân nửa số sách trên thế giới được viết bằng Anh ngữ và đa số các cuộc điện đàm quốc tế đều dùng tiếng Anh. Anh ngữ là ngôn ngữ được sử dụng trong hơn 60% các chương trình truyền thanh trên thế giới mà rất nhiều chương trình trong số đó -- điểm nầy nghe khôi hài -- lại phát đi từ nước Nga, bởi vì nhà cầm quyền Nga thừa biết rằng nếu muốn kiếm thêm bạn và gây ảnh hưởng lên các nước khác, họ phải truyền thanh bằng Anh ngữ. Hơn 70% thư từ liên lạc quốc tế được viết bằng tiếng Anh và 80% các bản văn được tồn trữ trong bộ nhớ của máy điện toán đều là những bản văn viết bằng Anh ngữ. Tiếng Anh là thứ tiếng có nhiều ngữ vựng nhất so với tất cả các ngôn ngữ khác trên thế giới -- vào khoảng hai triệu chữ -- và đã tạo được một kho tàng văn học đáng được coi là sáng giá nhất trong lịch sử của nhân loại.

Nhưng dù vậy thì nay cũng đã tới lúc chúng ta nhìn nhận rằng Anh ngữ là một ngôn ngữ "điên".

Trong thứ ngôn ngữ "điên" này con **blackbird hen** (con sáo mái) là một con chim màu nâu (brown) chớ không phải đen (black), **blackboard** (tấm bảng đen) có thể là một tấm bảng màu xanh dương hay xanh lá cây, **blackberries** (trái dâu rừng) màu xanh lá cây khi sống và màu đỏ lúc chín. Và giả sử **blackberries** có màu đen và **blueberries** màu xanh dương đi nữa thì liệu **strawberries, cranberries, elderberries, huckleberries, raspberries, boysenberries, mulberries** và **gooseberries** sẽ có màu gì?

Để làm cho người sử dụng tiếng Anh điên thêm nữa, bạn sẽ không thấy một chút bơ (butter) nào trong **buttermilk** (sữa chua, sữa đã lọc hết bơ), không có một miếng trứng (egg) nào trong **eggplant** (cà tím), không có một tí nho (grape) nào trong trái **grapefruit** (bưởi), không hề có giun (worm) hay gỗ (wood) trong cây **wormwood** (cây ngải), không hề có thông (pine) hay táo (apple) trong trái **pineapple** (thơm, dứa, khóm), chẳng có đậu ve (pea) hoặc thứ trái có hột nào (nut) trong **peanut** (đậu phọng), và rồi cũng không có thịt giăm bông (ham) trong miếng **hamburger** (bánh mì kẹp thịt). (Giả sử có người chế ra món bánh mì kẹp thịt giăm bông thì người Anh/Mỹ có lẽ sẽ chẳng biết gọi món ăn đó bằng gì nữa). Nhưng vẫn chưa hết. Thứ bánh gọi là **English muffin** (bánh nướng xốp để ăn khi uống trà) không

phải là thứ bánh được làm ra đầu tiên tại Anh (England), món khoai tây chiên (**Frenchfries**) chẳng phải do người Pháp phát minh, mà món bánh nướng tẩm đường gọi là **Danish** cũng không hề xuất phát từ Đan Mạch (Denmark). Rồi sau đó người học tiếng Anh còn khám phá ra thêm nhiều chuyện điên nữa trong các món ăn khi biết rằng **sweetmeat** là kẹo mứt thay vì là thịt (meat) trong khi **sweetbread** không ngọt (sweet) chút nào mà lại còn làm bằng lá lách trừu hoặc bê chớ không phải bằng bánh mì (bread).

Trong cái tiếng Anh khó tin cậy nầy, giống chó săn **greyhound** không phải lúc nào cũng màu xám (grey), con gấu trúc (**Panda bear**) và giống vật được gọi là gấu khuynh diệp (**Koala bear**) đều không thuộc loại gấu (Bear) mà là thuộc loài động vật có túi (Marsupial); con **woodchuck** (một loài như sóc) được gọi là con Groundhog mặc dù nó không thể nào là Hog (Heo) được; con **horned toad** không hề là Toad (cóc) mà là một loài vật như kỳ nhông; con đom đóm được gọi là **firefly** mặc dù nó là một giống bọ cánh cứng (beetle) chớ không phải là ruồi (fly); con **ladybug** và con **lightning bug** cũng đều thuộc loài bọ cánh cứng (và nếu muốn nói cho tới ngọn tới ngành thì cần chua thêm là phần đông Ladybug không hề là Lady/giống cái mà là những con đực rựa). Con **Guinea pig** (chuột vẫn được dùng làm vật thí nghiệm) không phải là Heo (Pig) mà cũng không xuất phát từ Guinea; và con **titmouse** thì không hề có vú (tit) cũng không phải là chuột nhắt (mouse) mà là một giống chim.

Ngôn ngữ cũng như không khí chúng ta thở: không ai thấy không khí nhưng chúng ta không thể sống thiếu nó và rồi dần dà coi như tự nhiên đến độ chẳng cần để ý gì tới nó. Nhưng khi có thời giờ suy ngẫm và nghe những gì thoát ra từ cửa miệng chúng ta rồi nghĩ tới những cái nghịch lý, những cái bất thường trong Anh ngữ; chúng ta mới thấy rằng **hotdog** có thể lạnh ngắt chớ không phải lúc nào cũng nóng (hot); **darkroom** (phòng tối để rửa hình) cũng có thể thắp đèn sáng; **homework** (bài tập thường được mang về làm ở nhà) có thể được làm ngay trong trường chớ không cứ phải đợi tới khi về đến nhà (home); **nightmare** (ác mộng) có thể xảy ra ngay giữa ban ngày chớ chẳng cần đợi đến đêm (night); **tomboy** là một bé gái nghịch ngợm thay vì là một bé trai (boy); **midwives** (người đỡ đẻ) có thể là đàn ông; **hour** (giờ) như trong Happy Hours (giờ ăn nhậu với giá rẻ ở các tiệm rượu) hay Rush Hours (giờ đông người đi làm) có thể dài hơn 60 phút; **quicksand** (vùng cát lún) giết người rất chậm mặc dù được gọi là nhanh (quick); võ đài để đánh bốc gọi là **boxing ring** vuông vắn thay vì tròn như chiếc nhẫn (ring); **silverware** (bộ chén dĩa) không cứ phải làm bằng bạc (silver) mà có thể bằng plastic; khăn trải bàn (**tablecloth**) thì làm bằng giấy (paper) thay vì vải (cloth); ngày nay chúng ta vẫn thường quay (dial) điện thoại bằng cách bấm nút (press) và hầu hết **bathroom** (phòng tắm) ngày nay không hề có chỗ để tắm (bath). Trên thực tế, một con chó có thể đi bathroom (đi tè) ngay gốc cây, chẳng cần tắm (bath) hay phòng (room) gì ráo. Và có phải là kỳ cục hay không khi chúng ta vào Bathroom (phòng tắm) chỉ để đi tè (go to the bathroom)?

Tại sao một **woman** (bà) có thể **man** (nắm quyền điều hành) một cơ sở trong khi **man** (ông) lại không thể **woman** một cơ sở tương tự? Nhưng rồi tại sao **man** có thể **father** (lập ra) một phong trào, mà **woman** lại không thể **mother** một phong trào khác? Tại sao **King** (ông vua) có thể cai trị **kingdom** (vương quốc) của ông ta mà **Queen** (bà hoàng) lại không có được **Queendom** của bà ấy để cai trị? Và rồi làm sao tất cả những ông sống vào thời Phục Hưng (Renaissance, nghĩa là "Sinh đẻ lại, sản xuất thêm") có thể sản xuất được gì nữa khi mà dường như chẳng hề có một bà Phục Hưng nào cả?

Một tác gia (văn sĩ, ký giả, tiểu thuyết gia) được gọi là **writer,** nghĩa là người cầm viết mà viết (write) và **stinger** là một thứ gì đó có thể chích hay đốt (sting). Nhưng **finger** thì không hề Fing, **grocer** không hề Groce, **hammer** không hề Ham và **humdinger** không hề Humding. Bây giờ, nếu số nhiều của **tooth** (một cái răng) là **teeth** (nhiều cái răng) thì liệu có nên biến một cái **booth** (phòng nhỏ) thành nhiều cái **beeth** chăng? Một con ngỗng là **goose,** hai con ngỗng là **2 geese,** vậy một con **moose** và 2 con **meese** được chăng? Một **index,** hai **indices,** vậy thì một miếng **Kleenex** và 2 miếng **Kleenices** được chăng? Nếu có người tới gọi cửa nhà bạn hôm nay bằng cách **ring** sau khi đã từng gọi cửa nhà bạn hôm qua bằng cách **rang** nó thì tại sao chúng ta lại không **flang** (ném tung) một quả bóng hồi hôm qua được? Nếu người ta đã **wrote** (viết) được một bức thư thì họ cũng có thể **bote** cái lưỡi họ được chứ. Nếu ông thầy giáo (teacher) từng **taught** (đã từng đi dạy), thì sao giáo sĩ (preacher) lại không thể **praught** được? Tại sao mặt trời **shone** (chiếu rạng) hôm qua được mà tôi lại phải **shined** đôi giày của tôi thay vì **shone** nó? Tại sao tôi **treaded** (dẫm lên) nước và rồi ngay sau đó lại phải **trod** trên mặt đất chứ không **treaded** được trên mặt đất? Và rồi tại sao tôi **flew out** (đáp máy bay) đi coi một trận bóng chày được mà cầu thủ của đoàn bóng tôi mê lại phải **flied out**

(đánh bỗng banh lên trời) chớ không **flew** quả banh đó **out** được?

Nếu chúng ta **conceive** (thai nghén) một **conception** (quan niệm) và **receive** (đón tiếp) khách khứa trong một buổi **reception** (tiếp tân) thì tại sao chúng ta lại không thể **grieve** (cảm thấy đau buồn) trong một **greption** và **believe** (tin tưởng) vào một **beleption?** Nếu một miếng **horsehair mat** (miếng thảm chà chân) được làm bằng lông ngựa (horse hair) và **camel's hair brush** là một cái bàn chải (brush) làm bằng lông lạc đà (camel's hair) thì cái áo khoác len **mohair** làm bằng lông con gì? Nếu một **vegetarian** (người chuyên ăn chay) chỉ ăn **vegetables** (rau trái) thì một **humanitarian** (người hay làm chuyện nhân đạo) ăn cái gì? Nếu một **firefighter** là người chuyên môn diệt lửa (fire) thì tại sao một **freedom fighter** lại không bao giờ diệt **freedom** (tự do)? Nếu **weighlifter** là một lực sĩ chuyên cử (lift) tạ (weighs) thì một **shoplifter** (tay trộm vặt trong tiệm) nhất định phải **lift** được cả cái **shop?** Và rồi khi **pro** và **con** là hai thứ đối nghịch nhau thì hẳn **Congress** (Quốc Hội, Nghị hội) phải nghịch với **progress** (tiến bộ)?

Đôi lúc chúng ta đã đành phải tin là lẽ ra mọi người nói tiếng Anh đều đáng bị đưa vào nhà thương điên vì đều đã nói năng lảm nhảm cả rồi. Quí vị có thấy trong ngôn ngữ nào mà người ta lại lái xe *(drive)* trên đường đậu xe *(parkway)* trong khi lại đậu xe *(park)* trên đường lái xe *(driveway)* không? Hay trong ngôn ngữ nào mà người ta lại *recite a play* (diễn kịch) trong khi lại *play in a recital* (tấu nhạc). Hay trong ngôn ngữ nào mà lại có chuyện các chàng *Privates* (lính trơn) ăn uống trong *General mess* (nhà bàn, nhà ăn tập thể) còn các *Generals* (tướng lãnh) lại ăn ở *private mess* (phòng ăn riêng)? Và rồi trong ngôn ngữ nào mà lại có chuyện người ta *ship by truck* (chở hàng bằng xe vận tải) trong khi lại *send cargo by ship* (gởi hàng bằng tàu)? Hoặc trong ngôn ngữ nào mà lại có chuyện lỗ mũi mình chạy *(Nose run* /Sổ mũi) còn đôi bàn chân của mình thì lại ngửi *(Feet smell* /Chân thối)?

Làm sao mà một **slim chance** (nghĩa từng chữ là một dịp may ốm) và một **fat chance** (một dịp may mập) lại có nghĩa như nhau? (Cả hai đều có nghĩa là chả có mấy hi vọng). Rồi **"what's going on"** và **"what's coming off"** cũng như **"bad licking"** và **"good licking"** lại chỉ cùng một chuyện? (Hai nhóm chữ trước là một câu hỏi như ta thường hỏi "Có chuyện gì vậy?", còn hai nhóm chữ sau là để mô tả một trận đánh đấm giữa hai người, anh bị ăn đòn mờ người thì cho là đã bị "bad licking" trong khi anh chàng đã đấm anh kia vỡ mặt thì có được một "good licking"). Ấy thế mà một **"wise man"** (hiền nhân) lại trái hẳn nghĩa với một **"wise guy"** (anh chàng hay lấy le nhằng). Rồi làm sao mà một **"sharp speech"** (một bài diễn văn sắc bén) và một **"blunt speech"** (một bài diễn văn cùn) lại có nghĩa y hệt nhau? (là một bài mà trong đó diễn giả đã quyết liệt nói thẳng vào vấn đề); hay tại sao **"quite a lot"** (khá nhiều) và **"quite a few"** (khá ít) lại đồng nghĩa? (Cả hai đều có nghĩa là nhiều) trong khi **"overlook"** (bỏ sót) và "oversee" (giám sát) lại trái nghĩa nhau trong khi "see" và "look" đều là lấy mắt mà nhìn? Rồi làm sao mà nhiệt độ ở **Hell** (địa ngục) lại có thể thay đổi đến mức có ngày chúng ta cảm thấy **"hot as hell"** và ngày khác

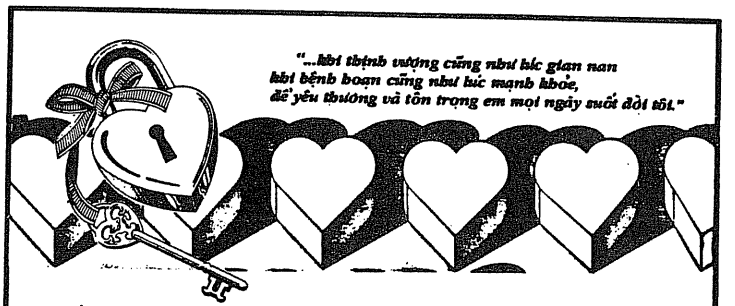

Không thể thiếu trong tủ sách của 2 người :

TÔI VỚI NGƯỜI CHUNG MỘT TRÁI TIM

TIỂU THUYẾT CỦA DU TƯ LÊ

- *Quà tặng ý nghĩa nhất cho những người sửa soạn cho cuộc tình đầu, cũng như đang yêu và đã yêu trong các dịp kỷ niệm sinh nhật và ngày cưới....(birthday, anniversary).....*
- *Một tình yêu thơ mộng như tấm gương soi, ẩn hiện bình ảnh của chính bạn hoặc người yêu của bạn.*
- *Cuốn tiểu thuyết đã làm chấn động houston và vùng phụ cận trong mùa valentine vừa qua...*

đã bày bán trên các kệ sách.
chỉ còn chờ bàn tay đón nhận của bạn

TỔNG PHÁT HÀNH BỞI

Thiên Nga
Books Musics Video

2929 A. Milam Street, Houston, Texas 77006
Tel. (713) 520-8013

lại cảm thấy "**cold as hell**"?

Nếu "**button**" và "**unbutton**" (cài/ cởi nút), cũng như "**tie**" và "**untie**" (thắt/ cởi cà vạt) trái nghĩa nhau thì tại sao "**loosen**" và "**unloosen**" (nới lỏng) và "**ravel**" và "**unravel**" (tháo ra) lại đồng nghĩa với nhau? Nếu "**bad**" (xấu) và "**good**" (tốt), "**hard**" (cứng) và "**soft**" (mềm), "**up**" (lên) và "**down**" (xuống) là những cặp chữ trái nghĩa nhau thì tại sao "**badly**" và "**goodly**", "**hardly**" và "**softly**", "**upright**" và "**downright**" lại không là những cặp chữ trái nghĩa nhau? Nếu "**harmless**" (vô hại) và "**harmful**" (tai hại) là hai hệ quả trái ngược của một hành động thì tại sao hai lối xử sự **shameless** và **shameful** lại giống hệt nhau (trơ, không biết ngượng), và những món hàng **pricey** (đắt tiền) lại rẻ hơn những món hàng **priceless** (vô giá)?. Nếu những nhận định **appropriate** (thích hợp) trái với những nhận định **inappropriate** (không thích hợp) và đoạn đường đèo **passable** (đi qua được) ngược với đoạn đường **impassable** (kẹt nghẽn), thì tại sao loại nhiên liệu **flammable** vẫn cháy dễ dàng y hệt thứ nhiên liệu **inflammable**, tài sản **heritable** cũng như tài sản **inheritable** đều là loại tài sản có thể di tặng, những người **passive** và **impassive** lại ù lì giống hệt nhau và những món **valuable** lại không quí giá và được mọi người nâng niu bằng những vật **invaluable?** Nếu **uplift** đồng nghĩa với **lift up** thì tại sao **upset** và **set up** lại trái nghĩa? Rồi tại sao **pertinent** và **impertinent**, **canny** và **uncanny**, **famous** và **infamous** chẳng những không trái nghĩa mà cũng chẳng đồng nghĩa với nhau? Rồi làm sao mà **raise** (nâng lên) và **raze** (cào sạch), **reckless** (khinh suất đưa đến chỗ hư hao) và **wreckless** (nguyên vẹn, không bị vỡ nát ra) ngược nhau trong khi lại được đọc y hệt nhau?

Tại sao khi mặt trời, mặt trăng và các ngôi sao **out** thì chúng ta đều nhìn thấy, còn khi ngọn đèn **out** thì ngọn đèn đó lại tắt ngấm, chả còn ai nhìn thấy gì ráo trọi?. Và rồi tại sao khi tôi **wind up** cái đồng hồ của tôi thì nó bắt đầu chạy, còn khi tôi **wind up** bài tiểu luận nầy thì tôi lại sắp sửa ngừng?

Tiếng Anh quả là thứ ngôn ngữ điên.

Còn tiếp

Chữ và nghĩa

LÀNH MẠNH HÓA?

Hóa là một chữ Hán - Việt. Nó có nghĩa là chuyên đổi. Dùng với một danh từ hay tính từ khác, nó làm công việc đổi danh từ hay tính từ đó thành động từ. Nhiệm vụ ngữ học của chữ Hóa rất quan trọng, vì nhờ nó mà chúng ta có nhiều từ ngữ hơn, giàu có về ngôn ngữ hơn, nhất là tăng thêm số ngôn ngữ trừu tượng.

Người ta nói: chuyên môn hóa, tư hữu hóa, Mỹ hóa v.v... Lại có người nói: lành mạnh hóa, và lập tức bà con lắc đầu không chịu. Tại sao?

Vì người ta lý luận rằng Hóa gốc Hán - Việt thì các từ ghép với nó cũng phải cùng họ hàng. Thuần hóa, nghe được vì Thuần là chữ Hán - Việt. Hữu hiệu hóa nghe cũng xuôi, vì hữu hiệu gốc Hán Việt, bà con cả. Còn Lành Mạnh là chữ nôm na, ghép với Hóa không xứng đôi vừa lứa.

Nói nghe vậy thì hay, nhưng trái với thói quen của người dùng tiếng nói thì không ai chịu theo. Người ta dùng chữ Lành Mạnh Hóa quen rồi, nói mãi thành xuôi tai, các vị học giả khó tính phải chịu. Cũng như thế kỷ trước khi môn Xã Hội Học ra đời, Durkheim đặt tên môn học là Sociologie, dân hàn lâm dậm chân phản đối. Họ bảo Socio gốc Latin, logos gốc Hi Lạp, ghép gà với vịt như vậy tỏ ra là... vô học. Họ bác bỏ cả môn Xã Hội Học, chỉ vì cái tên. Nhưng bây giờ cả thế giới chấp nhận cái tên và môn học đó rồi.

Vả lại, việc ghép các từ gốc Hán - Việt với các tiếng thuần Việt (gốc Mon - Khmer, Tày Thái, hay Nam Á) là chuyện dân mình vẫn làm từ lâu rồi. Khi nói các từ "cao cả", "thời giờ" quí vị có ai phản đối không? Không có, mà ai cũng biết *cao* là chữ Hán Việt, *cả* là gốc Nam Á, *thời* là đồng bào gốc Hoa, còn *giờ* là dân Việt ròng. *Danh tiếng* cũng vậy, Danh gốc Hán Việt, Tiếng gốc Nam Á. Không những lăng nhăng với các tiếng gốc Hán Việt, trong ngôn ngữ của ta tiếng nói còn tằng tịu với cả tiếng Thái nữa. *Tối tăm, chó má* là thí dụ. Các chữ *tăm, má* trong tiếng Thái có nghĩa là tối và con chó.

Cho nên xin cứ tự do Lành Mạnh Hóa, đừng e ngại. Càng lành mạnh càng tốt.

CÓ GÌ THẬT TRONG NHỮNG TIN ĐỒN BIỂU TÌNH VÀ ĐẢO CHÁNH Ở VIỆT NAM

NGUYỄN VĂN SÁNG

*** Biểu tình: Ai biểu tình?**
*** Đảo chánh: Ai đảo chánh và đảo chánh ai?**

Trong tháng vừa qua, nghĩa là bắt đầu vào năm mới 1992, nhiều tin đồn về tình hình Việt Nam đã được tung ra trong giới đồng bào tị nạn ở Hoa Kỳ và cả trên khắp thế giới, đặc biệt là ở Pháp, nơi đã phát sanh ra cuộc phát động phong trào biểu tình trầm lặng ở Việt Nam.

Lúc đầu khi chưa có lời kêu gọi chính thức của Phong trào Dân chủ đa nguyên, người ta tưởng rằng đó là một phong trào quần chúng trong nước, kêu gọi biểu tình để chống lại chế độ Hà Nội, nhưng khi tạp chí *Thông Luận* chính thức đăng tải lời kêu gọi đó, thì đồng bào hải ngoại mới rõ là các cuộc biểu tình được dự định ở Bến Chương Dương ở Sài Gòn, Phú Văn Lâu ở Huế và Quảng trường Ba Đình ở Hà Nội, là do ý muốn của các nhà lãnh đạo Phong trào Dân chủ Đa nguyên ở Ba Lê, kêu gọi dân chúng trong nước biểu tình để tiến tới việc lật đổ chế độ độc tài Cộng sản Hà Nội.

Kể ra thì đó là một hành động hết sức ngoạn mục để chống lại chế độ Hà Nội, nhưng vấn đề là lời kêu gọi đó có được đáp ứng hay không, hoặc đáp ứng tới mức độ nào? Cho tới nay hơn một tháng qua, từ khi có lời kêu gọi kia, người ta vẫn mong có được những cuộc biểu tình tại ba nơi chỉ định, nhưng theo các giới quan sát cũng như các du khách từ Việt Nam ra, và nhứt là theo giới báo chí quốc tế ở Sài Gòn cũng như ở Hà Nội, thì chưa có một cuộc biểu tình trầm lặng nào như thế.

Các giới chính trị tại Việt Nam hy vọng rằng tới một ngày nào đó lời kêu gọi của Phong trào Dân chủ Đa nguyên cũng sẽ có kết quả như người ta tin tưởng rằng chế độ Cộng sản ở Việt Nam rốt cuộc rồi cũng sẽ sụp đổ như các chế độ ở Đông Âu và Liên Xô. Lúc bấy giờ chắc chắn sẽ không phải chỉ ở ba nơi được chỉ định nói trên, có biểu tình mà khắp nơi trong nước cũng sẽ có biểu tình và giấc mơ của Phong trào dân chủ đa nguyên sẽ thành sự thực.

Về cuộc đảo chánh sắp tới

Song song với tin đồn về các cuộc biểu tình trầm lặng ở Việt Nam, đồng bào tị nạn ở hải ngoại cũng được nghe tin sắp có đảo chánh ở Việt Nam, làm cho nhà cửa ở Pháp và Thụy Sĩ bỗng nhiên lên giá. Người ta cho rằng các nhân vật tham nhũng ở Việt Nam sắp chạy trốn qua hai quốc gia nói trên. Trái với tin đồn về các cuộc biểu tình, các giới quan sát chính trị ở Việt Nam cho rằng những tin đồn về một cuộc đảo chánh sắp tới có căn bản hơn. Các giới quan sát ở trong nước cũng như ở hải ngoại đều có một nhận xét chung là chế độ hiện nay ở Việt Nam không thể tồn tại được. Phải có sự thay đổi, nhưng thay đổi như thế nào thì khó lòng mà biết trước được. Vì thế mà người ta chỉ có thể đưa ra các giả thuyết.

Tất cả đều nhận định rằng với một nền kinh tế suy sụp nghiêm trọng, với nạn tham nhũng và buôn lậu khắp nơi từ trung ương tới địa phương, hết thuốc chữa, trong khi đó thì các tệ trạng xã hội cùng với nạn thất nghiệp không thể nào giải quyết nổi, chế độ Hà Nội đang đứng trước một tình trạng mà Cộng sản thường cho là tiền cách mạng, nghĩa là hội đủ điều kiện cho một cuộc bùng nổ hay nổi dậy. Cuộc tổng nổi dậy nầy theo lẽ thường phải do quần chúng khởi xướng nhưng quần chúng ở Việt Nam, dù bất mãn, nhưng không được tổ chức, không thể lãnh đạo được cuộc khởi nghĩa. Một quần chúng bất mãn nhưng không được tổ chức, không phải là một sức mạnh để có thể lật đổ chế độ bằng một cuộc khởi nghĩa võ trang hay

không võ trang. Trong tình thế đó, các giới quan sát cho rằng chỉ có quân đội mới có thể làm được cuộc tổng khởi nghĩa đó mà thôi, nghĩa là quân đội sẽ đứng lên lật đổ chế độ hiện tại để thay thế nào bằng một chế độ khác.

Nhiều dấu hiệu đáng lưu ý

Dưới chế độ Cộng sản dù ở bất cứ quốc gia nào, luôn luôn Đảng nắm quyền lãnh đạo. Chính trị chỉ huy quân đội. Nhưng hiện nay ở Việt Nam chúng ta thấy Đảng không còn đủ uy tín để chỉ huy quân đội nữa. Đại tướng CS Lê Đức Anh tuy đứng vào hàng thứ hai trong hệ thống Đảng nhưng thật sự là người nắm giữ tất cả quyền hành. Đỗ Mười tuy là Tổng bí thư, nhưng chỉ có hư vị. Quyền lực thật sự hiện nay nằm trong tay Lê Đức Anh, Đoàn Khuê và Bùi Thiện Ngộ là một trung tướng được đưa vào Bộ Nội Vụ để kèm Mai Chí Thọ lúc Mai Chí Thọ là bộ trưởng Nội vụ. Trái với những tin đồn, hiện nay không có xung đột giữa Công an và quân đội mà hai tổ chức nầy đều trong tay của Bộ Ba Anh-Khuê và Ngộ.

Vấn đề mà nhiều người tự hỏi là tại sao Quân đội lại phải làm cuộc cách mạng, nhứt là khi tất cả quyền hành đều ở trong tay mình? Để trả lời câu hỏi nầy, các giới quan sát nhắc lại cuộc Cách mạng văn hoá mà Mao Trạch Đông đã thực hiện năm 1968 ở Trung Hoa, bằng cách dùng Hồng vệ Binh và quân đội của Lâm Bưu đập tan bộ máy của Đảng. Tại Việt Nam hiện nay tình hình cũng giống như tình hình Trung Quốc năm 1966 khi mà Đảng đã trở thành một bộ máy quan liêu và phản động, tham nhũng và thối nát không còn cách nào cứu chữa được. Lưu Thiếu Kỳ và một số cán bộ cao cấp ở Trung ương cũng như ở địa phương đã bị Hồng vệ binh bêu xấu rồi hạ sát với sự giúp đỡ của quân đội của Lâm Bưu... Điều này có lẽ sẽ tái diễn ở Việt Nam. Lê Đức Anh muốn cứu vản Đảng Cộng Sản Việt Nam phải làm một cuộc cách mạng văn hóa khác ở Việt Nam như Mao Trạch Đông đã làm ở Trung Quốc năm 1968. Các giới quan sát chính trị cũng lưu ý rằng cách đây không lâu, Vũ Oanh, một ủy viên của Bộ Chính Trị, đã viết một bài báo chỉ trích Đảng Cộng Sản và đang trên tờ Quân đội nhân dân. Tại sao một nhân vật trong Bộ chính trị viết bài không đăng trên tờ Nhân Dân là cơ quan chính thức của Đảng mà lại đăng trên tờ Quân Đội Nhân Dân, chỉ là cơ quan của quân đội? Điều đó cho thấy rằng giữa quân đội và Đảng đã có vấn đề với nhau rồi. Và điều chắc chắn là Đảng không còn chỉ huy quân đội nữa.

Người quốc gia nghĩ gì?

Nếu có đảo chánh theo chiều hướng vừa trình bày ở trên thì người quốc gia chúng ta nghĩ gì? Trước hết theo ý chúng tôi thì đó là chuyện nội bộ của Cộng sản với nhau, không có ý nghĩa gì nhiều đối với chúng ta. Đó chưa phải là một cuộc đảo chánh của những phần tử quốc gia hay thân quốc gia chống lại Đảng Cộng Sản.

Tuy nhiên, trên một phương diện khác, mọi sự thay đổi ở Việt Nam đều gián tiếp có lợi cho cuộc đấu tranh giành dân chủ và tự do của người quốc gia Việt Nam. Nếu quân đội thắng lợi đập tan được bộ máy của Đảng hiện nay để thay thế bằng một bộ máy khác tương đối khá hơn thì đó cũng là một điều may mắn cho đất nước. Nếu tiến thêm một bước nữa, quân đội vốn có nguồn gốc ăn sâu vào các tầng lớp nhân dân, có một chính sách phục vụ thiết thực ho nhân dân hơn thì lại là một sự may mắn khác cho dân tộc. Chúng ta chưa có lực lượng gì trong nước không nên đòi hỏi hơn nữa.

Nhưng việc làm của quân đội có thể xấu hơn: chế độ quân phiệt mà quân đội sẽ thiết lập tại Việt Nam có thể trở nên hà khắc hơn, áp bức, bốc lột hơn thì điều đó chỉ có thể thúc đẩy cho cuộc cách mạng khác xảy ra nhanh chóng hơn. Lúc bấy giờ nếu chúng ta biết lợi dụng và có lực lượng để tham gia hay khởi xướng thì thắng lợi chắc chắn sẽ về với chúng ta.

Khách quan mà nhận xét, nếu có đảo chánh ở Việt Nam thì gián tiếp hay trực tiếp, điều đó đều có lợi cho phe quốc gia. Vấn đề đối với những người quốc gia ở hải ngoại là phải làm việc tích cực để tham gia các biến cố sắp tới ở quê nhà, không phải chỉ bằng những lời kêu gọi hay tập hợp xuông mà phải có những hành động cụ thể, liên hệ với các diễn biến sắp tới trong nước với tất cả khả năng của chúng ta.

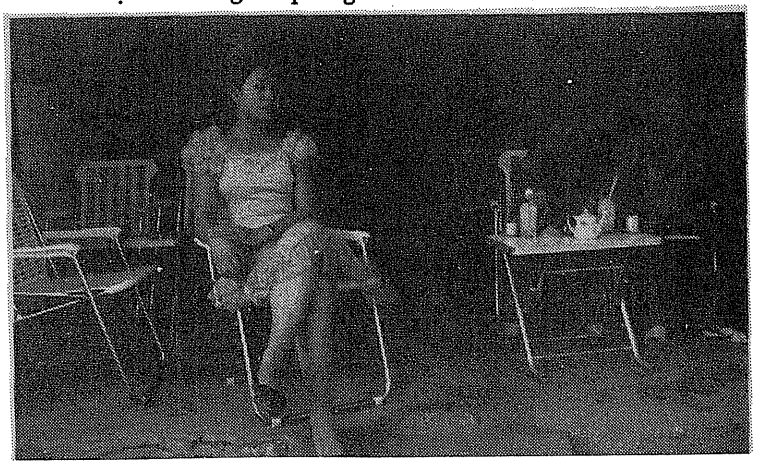

Một quán cà phê ôm Saigon hiện nay

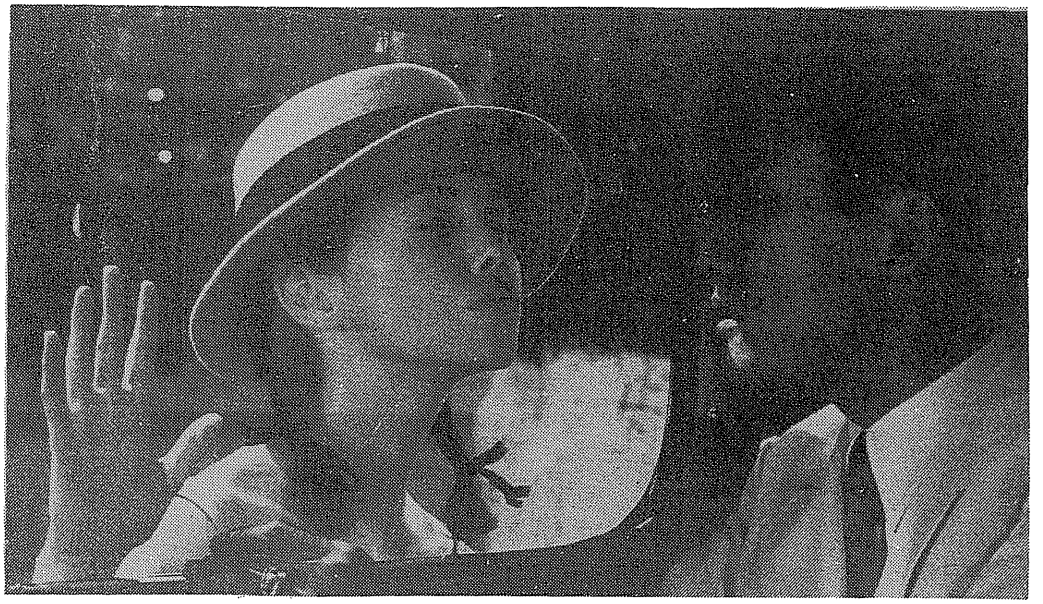

Nữ tài tử Jane March và nam tài tử Lương Gia Huy trong phim Người Tình

CUỐN PHIM GÂY SÔI NỔI Ở PHÁP

LÊ THỤY

Chuyện phim kể lại một cô gái trinh nguyên 15 tuổi, con một giáo viên người Pháp nghèo -- do cô đào mới được khám phá của Anh Quốc, Jane March, đảm trách -- và một thanh niên giầu sang quyền quý gốc Hoa -- do Lương Gia Huy, một trong những nam tài tử nổi nhất của màn bạc Hong Kong hiện nay, thủ vai.

Mối tình say đắm này đã bỗng dưng kết thúc, khi thanh niên gốc Hoa kia, phải nghe lời gia đình, lấy một cô gái gốc Hoa khác, làm vợ.

Để thực hiện cuốn phim này, đạo diễn Annaud đã phải dựng lại nhiều cảnh trí của Sài Gòn vào những năm 30, với những kiểu quần áo, xe cộ... của đúng thời kỳ này, với sự cố vấn của nhà văn kỳ cựu Sơn Nam, cũng là một nhà chuyên nghiên cứu về Sài Gòn xưa.

Trước các lời chỉ trích cho rằng cuốn phim chứa đựng nhiều hình ảnh tình ái quá táo bạo, giữa một cô bé mới 15 tuổi với một thanh niên lạ gốc Hoa, thì đạo diễn Annaud đã đáp lại như sau:

"Nhiệm vụ của tôi là thực hiện một cuốn phim với đầy đủ tình tiết, các nét hấp dẫn của một mối tình lãng mạn. Như vậy, làm sao tôi có thể ngừng, mà không được phép mô tả chứ?"

Để chọn nữ tài tử đóng vai chính, Annaud đã phải phỏng vấn đến hơn 1,000 thiếu nữ, trước khi chọn được một cô gái 17 tuổi của Anh Quốc, Jane March, đăng trên bìa một tạp chí Anh, và ông đã mời ngay cô này sang để thủ diễn.

Ông nói:

"Cô ta có một tài năng tiềm tàng của một con cọp. Cô ta diễn tả thật xuất sắc các vai cảm động, lo sợ, nói chung là cô ta có thể diễn xuất được trong mọi tình huống, kể cả giữ một thái độ im lặng của các đại diễn viên."

Quyết định nào của đạo diễn Annaud, để quay cuốn phim này bằng Anh ngữ, cũng làm bất mãn nhiều giới tại Pháp.

Anne de Gasperi viết trên tờ *Le Quotidien*, như sau:

"Thật là điên rồ. Tiếng Anh đã chỉ được biết đến tại Đông Dương khi người Mỹ mới đến trong các năm của thập niên 1960. Còn Đông Dương thuộc Pháp thì tiếng Pháp đã được coi là ngôn ngữ chính trong gần một trăm năm, và đó cũng là khoảng thời gian chuyện phim đã diễn ra."

Nữ ký giả de Gasperi đã tố cáo đạo diễn Annaud là phản bội di sản văn hóa, lịch sử của Đông Dương thuộc Pháp, "chỉ vì mối lợi thương mại trước mắt!"

Đạo diễn Annaud nói với các nhà báo rằng ông sẵn sàng quay cuốn phim bằng tiếng Pháp, nếu ông đã tìm được một thiếu nữ Pháp để đóng vai Marguerite, "nhưng làm sao buộc được Lương Gia Huy nói tiếng Pháp?"

Cuốn phim đã được thực hiện với nhiều vất vả, chẳng hạn

như đoàn làm phim đã phải vào các thư viện của các Viện Bảo Tàng Lịch Sử Sài Gòn và Paris, để tìm lại các hình ảnh của thời đó, từ cách ăn mặc, trang điểm, phương tiện di chuyển... để tái tạo lại bối cảnh của những năm 1920 cho thật chính xác.

Như chiếc tầu chở Marguerite hồi hương, sau khi mối tình đầu tan vỡ tại Sài Gòn, đã được tìm thấy rỉ sét tại một hải cảng ở đảo quốc Cyprus. Sau khi được tu sửa lại, chiếc tầu chạy bằng hơi nước này đã được kéo sang Sài Gòn, để "xuất hiện" trong phim.

Ngay chiếc xe kéo của Sài Gòn, đã không còn được tìm thấy ở bất cứ nơi nào, nên đạo diễn Annaud đã phải cho làm lại theo mẫu của các bức ảnh cũ được tìm ra.

Cuốn phim được quay dưới sự giám sát của chính nữ sĩ Marguerite Duras, nay đã 76 tuổi, để bảo đảm mọi tình tiết đều được chính xác nhất.

Chính tác phẩm của bà, "Người Tình" đã được dịch sang 43 thứ tiếng và bán đến trên 22 triệu ấn bản, kể từ sau khi được phát hành năm 1984. (ty)

LÊ THỤY

ĐIỂM PHIM JU DOU

Nơi sản xuất: Trung Hoa lục địa, Tokuma Communications, Ltd/Xi An Film Studio.

Đạo diễn: Zhang Yimou, Yang Fengliang.

Tài tử chính: Gong Li, Li Baotian, Li Wei.

Truyện phim: Liụ Heng

Phụ đề anh ngữ.

Mặc dù Ju Dou được dán nhãn PG-13, nghĩa là vừa bổ vừa lành dành cho thiếu niên, người viết vẫn thuê ngay chỉ vì ngoài bao đề phim đã đoạt giải của 26th International Film Festival ở Chicago, và đang được đề cử tranh giải Oscar dành cho phim ngoại quốc hay nhất năm nay. Đã thế nhà phát hành phim ở USA còn nhấn mạnh khi phim này được gửi đi chiếu ngoài Trung Quốc, được hoan nghênh nhiệt liệt, thì mấy ông Trung Ương Đảng giáo điều của nước này định thâu hồi. Lý do là quá *erotic*. Không hợp với khí thế cách mạng đang lên hay đạo đức cổ truyền dân tộc...

Nhà đạo diễn phim Ju Dou quả thực là một đạo diễn lớn vì truyện phim và khung cảnh khá giản dị. Truyện xảy ra tại một thị trấn nhỏ miền đồi núi Trung Quốc năm 1920, trong một xưởng nhuộm chỉ gồm có ba nhân vật. Ông chồng lớn tuổi vừa mới cưới một cô gái làm vợ thứ ba, đứa cháu trai ở chung và là công nhân thường trực, và dĩ nhiên nhân vật chính vẫn là cô vợ trẻ.

Ông chồng già này thuộc loại *sadistic*, thường thay thế giao hợp bình thường bằng cách tra tấn hàng đêm các cô vợ của mình -- hai cô trước đã chết vì vậy. Lần này cô vợ thứ ba trẻ ngang hàng anh cháu và hợp nhãn hoàn toàn anh này. Bởi thế khi đêm đến, khi ông chú trói cô vợ lại đánh đập cấu xé, tiếng kêu thảm thiết trong đêm làm anh cháu dưới nhà phải lên tiếng gián tiếp cứu gỡ. Rồi anh đục một lỗ thủng từ vách chỗ anh thường ngủ để có thể nhìn trộm bà cô trẻ *sexy* tắm táp. Một trong những cảnh hay là khi cô gái khám phá ra lỗ nhìn này, mới đầu thì ngượng lấy bó rơm che đi, nhưng sau một thời gian thì chính cô -- vì muốn mượn tay anh cháu để cứu nguy cho mình, đã bỏ bó rơm ra và khi tắm còn cố tình quay hẳn lại cho anh cháu thưởng thức toàn bộ mặt trước đầy vết cào xước và thâm tím do ông chồng già gây ra.

Coi hết phim, phải công nhận là mấy ông đảng viên già ở Thiên An Môn nhăn nhó cũng phải. Nhiều cảnh rất là *erotic*. Nhưng vẫn được cơ quan duyệt phim Mỹ (có cái tên dài dễ sợ) dán cho nhãn PG-13 vì nhà đạo diễn không vi phạm bất cứ tiêu chuẩn nào của mấy bà già đạo đức Hoa Kỳ. Không có mục hôn há miệng mút lưỡi nhau, nàng không để cho ai trông thấy hai đầu vú, cảnh tắm táp cũng chỉ cho thấy cái lưng trần. Khi đôi trẻ làm tình với nhau lần đầu, thì đạo diễn cũng chỉ thấy nét mặt của nàng biến đổi khi cuộc giao hợp tiến diễn, và những cuộn vải lụa đỏ ào xuống hồ thuốc diễn tả cơn *orgasm* của đôi trẻ.

Không khí bạo dâm và đam mê nhục dục, yêu nhau chết bỏ tràn ngập trong phim. Và kết thúc cũng tàn bạo không kém. Sau khi đứa con trai duy nhất của cặp tình nhân cô-cháu đã làm té chết ông chú lúc đó đã bán thân bất toại trong hồ nhuộm, đứa con trai mới lớn ấy còn đập chết luôn, cũng trong hồ đó, người tình của mẹ -- dù nàng gào lên cản ngăn. Toàn phim rừng rực bốc lửa đam mê và ẩn ức sinh lý, đạo diễn chưa cho là dư, nên kết liễu phim bằng cách để cho nàng tự tay cầm đuốc đốt cháy tiêu cả xưởng nhuộm.

Xem xong phim, người coi dễ có ý kiến như sau: Nếu xưa kia Rashomon của Nhật hay như vậy mà chi phí làm phim đâu có tốn kém gì thì Ju Dou cũng thế. Một xưởng nhuộm cũ kỹ, một thành phố cổ, một vùng đồi cỏ thì đâu tốn kém gì. Vấn đề là tài năng của đạo diễn và thái độ của chính quyền mà thôi.

Xem xong phim người coi cũng có thể tin rằng người Việt, dù nghèo phương tiện, cũng có thể làm phim hay nếu có đạo diễn giỏi và một dư luận ra thoát khỏi những kìm kẹp của những *ghetto* văn hóa -- dù là *ghetto* văn hóa đỏ nội địa hay ghetto văn hóa xanh ở hải ngoại.

THẾ UYÊN

GẦN 100 VĂN NGHỆ SĨ NAM CALI HỌP ĐẠI HỘI THÀNH LẬP HỘI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT VIỆT-MỸ

WESTMINSTER (NV) -- Sáng Chủ nhật 22 tháng Ba 1992, gần 100 người thuộc giới sinh hoạt văn học nghệ thuật đã tham gia Đại Hội thành lập Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt-Mỹ (Vietnamese American Arts and Letters Association viết tắt là VAALA) tại Phòng Sinh Hoạt Thế Kỷ.

Đây là một tổ chức bất vụ lợi hoạt động trên toàn nước Mỹ và có những giao dịch với các cá nhân và tổ chức khắp nơi trên thế giới. Hội đã được giấy phép chính thức của tiểu bang California.

Ông Nguyễn Đức Quang, một trong những người vận động thành lập tổ chức, nói rằng đây không phải tư tưởng hay ý hướng mới mẻ, mà là một sự mong muốn đã có từ lâu trong giới những người hoạt động thuộc đủ mọi ngành văn học nghệ thuật. Cụ thể là từ gần một năm trước, nhóm vận động đã tiến hành các thủ tục xin thành lập nhưng cho đến nay mới hội đủ các điều kiện thuận lợi để xúc tiến công tác hoạt động. Ông Quang cũng giải thích rằng Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ không có ý định bao trùm các hoạt động của hàng trăm hội đoàn tương tự đã được tổ chức, bởi vì Hội sẽ có những phương thức hoạt động mới hoặc bồi bổ cho các hình thức sinh hoạt vốn có từ trước đến nay.

Ông Lê Đình Điểu, một người trong thành phần ban vận động, nói rằng Hội chủ trương tạo sự hiểu biết cộng tác giữa những người làm văn học nghệ thuật Việt Nam và Hoa Kỳ, đặc biệt là chú trọng tới việc phát triển những tinh hoa của văn hóa Việt hội nhập với dòng văn hóa trên xứ sở mà thế hệ thứ hai những người Mỹ gốc Việt sẽ góp phần xây dựng.

Nội dung hoạt độ ng của Hội bao gồm tất cả mọi ngành văn học nghệ thuật và với những hình thức đa dạng như hội thảo, ra mắt văn hóa phẩm, xuất bản, triển lãm, trình diễn âm nhạc kịch nghệ điện ảnh, câu lạc bộ văn nghệ...

Về cơ cấu tổ chức, Đại Hội đồng các Hội viên sẽ đề cử một Hội Đồng Quản Trị, Hội Đồng Cố Vấn và một Ban Điều Hành.

Tham gia buổi Đại Hội thành lập vừa qua, người ta nhận thấy có hầu hết các khuôn mặt quen thuộc trong giới văn học nghệ thuật trong số đó có nhà báo Sơn Điền Nguyễn Viết Khánh, nguyên Tổng Thư ký VTX, vừa từ Việt Nam qua, nhạc sĩ Phạm Duy, nữ ca sĩ Thái Thanh, họa sĩ Hồ Thành Đức và Bé Ký, họa sĩ Nghiêu Đề, nữ nghệ sĩ điện ảnh Kiều Chinh, các nhà văn Hà Thúc Sinh, Trịnh Y Thư, ca sĩ Anh Ngọc, ca sĩ Quỳnh Giao, nhà giáo Lưu Trung Khảo, nhà thơ Kiêm Thêm, nhà văn Mai Kim Ngọc (BS Vũ Đình Minh), Phạm Quốc Bảo, Bùi Vĩnh Phúc, Nguyễn Huỳnh Mai, Nguyễn Duy Tưởng, Lê Chí Thiệp, Quế Chi v.v...

Cuối buổi họp một Hội Đồng Quản Trị đã được đề cử gồm có các ông Ngô Bảo, Kiêm Thêm, Nguyễn Đức Quang, Nguyễn Thượng Hiệp, Phạm Duy, Nguyễn Duy Tưởng, Chị Kiều Chinh, bà Ruth Talovitch. Thành phần Hội Đồng Quản Trị sẽ còn được mở rộng thêm, đồng thời một tiểu ban soạn thảo điều lệ - nội quy, do anh Nguyễn Thượng Hiệp phụ trách, sẽ tiến hành công tác để chuẩn bị cho một kỳ Đại Hội tới thông qua cùng với các dự án.

Nhà văn Nguyễn Thị Vinh,

NGUYỄN THỊ VINH ĐẾN QUẬN CAM

WESTMINSTER -- Chiều Chủ nhật 1 tháng Ba 1992, tại phòng Sinh Hoạt Thế Kỷ, nữ sĩ Nguyễn Thị Vinh đã tiếp xúc thân mật với một số bạn hữu tại Orange County. Buổi sinh hoạt do tạp chí Thế Kỷ và Nhật Báo Người Việt tổ chức quy tụ hơn 30 người trong không khí tràn đầy thân tình cùng kỷ niệm.

Nữ sĩ Nguyễn Thị Vinh là một trong những người cuối cùng cho đến nay thuộc Nhóm Tự Lực Văn Đoàn. Tác phẩm đầu tiên đã được xuất bản là Hai Chị Em (1952) và Thương Yêu (1953). Bà là một trong những người đầu tiên mở hướng cho dòng văn học phái nữ ở Việt Nam. Hiện nay bà định cư tại Na Uy và đang làm một chuyến du hành qua nhiều vùng Bắc Mỹ.

Na Uy là xứ sở lạnh lẽo ở cực bắc châu Âu, chỉ có chưa quá

10,000 người Việt. Trọng tâm hoạt động của bà Nguyễn Thị Vinh và chồng, thi sĩ-họa sĩ Nguyễn Hữu Nhật, theo lời bà là cố gắng tạo một luồng giao lưu giữa hai nền văn hóa Việt Nam - Na Uy.

Buổi gặp gỡ thân mật chỉ kéo dài 1 giờ này quy tụ nhiều văn nghệ sĩ danh tiếng và quen thuộc như nhạc sĩ Phạm Duy, nhà văn Mai Thảo, giáo sư Phạm Xuân Thái, cựu Tổng trưởng Thông Tin từ hơn 30 năm trước, nhà văn Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Xuân Hoàng, Phạm Quốc Bảo, Họa sĩ Hồ Thành Đức và Bé Ký, nhà thơ Ngô Xuân Hậu, nhà văn Nhật Tiến, Trịnh Y Thư, Khánh Trường, Cao Xuân Huy v.v...

Nhà văn Mai Thảo nhắc lại chuyện xưa gọi bà Nguyễn Thị Vinh như hoa hậu các nhà văn nữ, đóa hải đường trong văn giới. Ông đã kể lại một kỷ niệm từ thời tạp chí VĂN mấy chục năm trước. Nhà văn Nhật Tiến, người vẫn có những liên hệ thân thuộc từ lâu, thuật lại giai thoại sau 1975 khi phải trình diện nhà cầm quyền Cộng Sản. Một cán bộ hỏi Nhật Tiến về liên hệ với "tên văn sĩ phản động Nguyễn Thị Vinh" nhưng anh chưa kịp đáp lời thì chính bà đã lên tiếng yêu cầu "hãy hỏi chính tôi đây." Nhà văn Nhật Tiến còn nhắc lại nhiều kỷ niệm cảm động khác về giai đoạn sinh hoạt sau đó mà người người đàn bà này vẫn lạc quan và chấp nhận khó khăn không hề suy suyển những giá trị tinh thần cao quý trong cuộc sống.

Kết thúc buổi sinh hoạt ngắn, bà Nguyễn Thị Vinh nói rằng "Đây là một buổi gặp gỡ khó quên trong cuộc đời." Theo lời yêu cầu, bà hứa sẽ ghi lại những nhận xét và cảm tưởng sau khi kết thúc chuyến đi này trở về Na Uy vào tháng Tư sắp tới.

NHẠC SĨ LÊ UYÊN PHƯƠNG GIỚI THIỆU CA KHÚC MỚI, SÁCH MỚI

Từ cuối thập kỷ 60 ở miền Nam Việt Nam mọi người đều đã biết tới cặp songca Lê Uyên và Phương từ miền sương mù Đà Lạt bắt đầu ra mắt quần chúng thanh niên sinh viên ở các quán Thằng Bờm, Cây Tre hay phòng sinh hoạt Hoa Lư của Chương trình CPS. Từ nhạc điệu, nội dung lời hát đến cách trình bày với nét say sưa nhiệt tình đặc biệt đã gây sự hấp dẫn lôi cuốn khán thính giả. Hiện nay Lê Uyên không còn hát cũng như chung sống, nhưng hầu như mọi người vẫn biết đến người nhạc sĩ tài hoa này qua tên Lê Uyên Phương. Anh trình diễn cùng với một ban nhạc hoàn toàn là gia đình, em Lê Uyên Uyên vừa có khả năng viết và chơi nhạc của bố vừa có giọng ca nhắc nhở lại người mẹ.

Rõ ràng thính giả cũng như chính Lê Uyên Phương còn mang nhiều vương vấn tình cảm gần như những huyền thoại về cặp song ca này. Lê Uyên Phương đã giải thích về tựa đề của tập bài hát "Khi Loài Thú Xa Nhau." Anh cũng lập tức được toàn thể khán thính giả vỗ tay nhiệt liệt với bản "Vũng lầy của chúng ta" ngay lúc vừa nói lời giới thiệu.

Anh Nguyễn Đình Cường bằng giọng trầm ấm lôi cuốn đã đọc một truyện ngắn trong tập "Không có mây trên thành phố Los Angeles," tập sách chứng tỏ Lê Uyên Phương không chỉ diễn tả tình cảm bằng nhạc mà còn rất có khả năng trong lãnh vực viết văn.

Một trăm khán thính giả và thân hữu đều hoàn toàn hài lòng với buổi sinh hoạt, trong đó có Lê Uyên Phương ngoài phần chủ yếu giới thiệu tập nhạc "Khi Loài Thú Xa Nhau" và tập văn "Không có mưa trên thành phố Los Angeles," còn hát mấy bản trong những tập nhạc "Trái tim kẻ lạ" và "Quê hương trong lành" sẽ cho ra mắt gần đây.

NỮ NGHỆ SĨ NĂM ĐỒ ĐÃ QUA ĐỜI

SAIGON (NV) -- Nữ nghệ sĩ hát bội Năm Đồ đã qua đời hôm 24 tháng Hai 1992 tại Sài Gòn, sau một thời gian dài lâm bệnh, hưởng thọ 76 tuổi.

Nữ nghệ sĩ Năm Đồ, tên thật là Nguyễn Thị Đồ, sinh ngày 16 tháng Giêng 1916 tại Tây Ninh.

Đi hát từ năm 1930 ở đoàn hát bội **Tân Thành,** và sau đó được nổi tiếng trong các vai đào võ, của các vở như: *Hồ Nguyệt Cô hóa cáo, Thần nữ dâng Ngũ Linh Kỳ, Lưu Kim Đính giải giá Thọ Châu...*

Hôm 26 tháng Hai, nữ nghệ sĩ Năm Đồ đã được an táng tại Nghĩa trang Nghệ sĩ ở Hạnh Thông Tây, quận Gò Vấp.

Trong ban tổ chức tang lễ nữ nghệ sĩ Năm Đồ, người ta thấy có nữ nghệ sĩ Phùng Há, nghệ sĩ hát bội kỳ cựu Thành Tôn...

Cơ quan Văn Hóa, Giáo Dục và Khoa học Liên Hiệp Quốc (UNESCO) đã từng trao giải thưởng cho nữ nghệ sĩ Năm Đồ năm 1979.

NHỮNG NGÀY Ở VIRGINIA

Tác phẩm mới đầu năm 1992 của nhà thơ

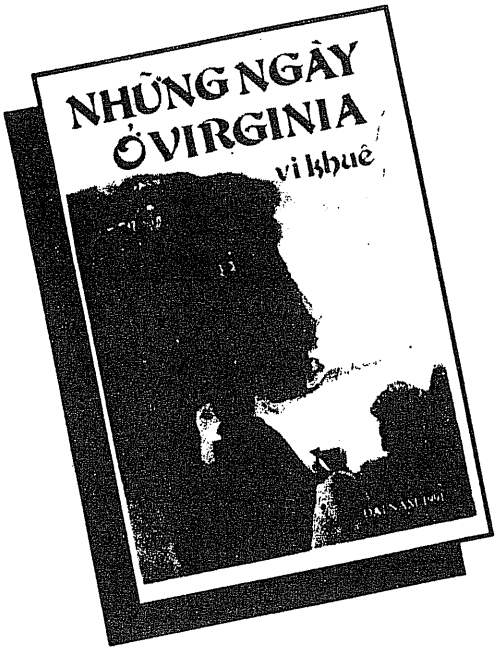

Vi Khuê

gồm 15 truyện ngắn đặc sắc

Đại Nam xuất bản
Bìa Đinh Cường
ĐÃ PHÁT HÀNH KHẮP NƠI

Ấn phí : 12 mỹ kim

14188 Brookhurst St.
Garden Grove, CA 92643
Tel: (714) 530-7033

Bác Sĩ Nha Khoa
NGUYỄN BÁ KHUÊ
HẬU ĐẠI HỌC U.C.L.A. TẠI HOA KỲ

- Nha Khoa Tổng Quát Người Lớn và Trẻ Em
- Nha Khoa Phòng Ngừa và Thẩm Mỹ
- Niềng Răng (Braces) do Bác Sĩ Chuyên Môn phụ trách
- Tẩy Răng Trắng (Bleaching)
- Giải Phẫu: Bệnh Nướu, Lợi
- Răng Giả đủ loại: Đẹp, Bền

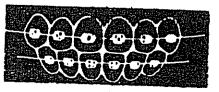

GIỜ LÀM VIỆC: Thứ Hai - Thứ Bảy từ 10AM - 7PM
Chủ Nhật: Theo Hẹn

- *Nguyên Chánh Chủ Khảo Nha Khoa Trường Quân Y (73-75)*
- *Nguyên Nha Sĩ Trưởng/Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam Đà Lạt (62-72)*
- *Hội Viên thực thụ/Hiệp Hội Bác Sĩ Nha Khoa*
- *Uỷ Viên Hội Đồng Chỉ Đạo/Hội Đoàn Nha Sĩ Quốc Tế tại California (Member Board of Director California Association of International Dental Graduates)*
- *Hơn 25 năm hành nghề tại Việt Nam và Hoa Kỳ*

DO IT YOURSELF STORE AT EACH LOCATION — WE DISCOUNT ALL LABOR AND MATERIALS

PLUMBING T.D

State License # 363503

Cơ sở đầu tiên của người Việt Nam do một nhóm thợ nhiều năm kinh nghiệm đảm nhận

VIỆC LÀM BẢO ĐẢM

Tel: (714) 546-8409

CHUYÊN MÔN

SỬA CHỮA, THAY THẾ Ống Nước, Ống Gas, Cầu Tiêu, Bồn Tắm, Nhà Bếp, Máy Sưởi, Water Heater, Khai Thông Ống Cống.

GIÁM ĐỊNH HỆ THỐNG
NƯỚC, GAS, ỐNG CỐNG
trước khi MUA NHÀ
ĐỂ TIẾT KIỆM VÌ SỬA CHỮA

T.D. PLUMBING

DO IT YOURSELF STORE AT EACH LOCATION — WE DISCOUNT ALL LABOR AND MATERIALS

AQUALITYBUILDINGCO

(714) 532-4236

Remodel Specialist
RESIDENTIAL & COMMERCIAL

General Contractor: **ĐOÀN THANH VŨ** - Contractor Lic # 49990

312 Earlham • Orange, CA 92669

Công ty xây cất nhận vẽ họa đồ, xin giấy phép, thiết kế cho những dịch vụ thương mại hay tư gia.

ĐẶC BIỆT:

- Audio / Video Store
- Restaurant
- Hair / Nail Shop
- Medical, Dentist, Pharmacy Offices
- Kitchen / Bathroom Remodeling
- Room Addition
- Electrical / Plumbing

- Bảo đảm đúng hẹn, công việc hoàn tất mỹ mãn như ý khách hàng
- Giá cả đặc biệt, bảo đảm rẻ hơn những nơi khác từ 5% - 15%
- Xin liên lạc để được hướng dẫn tận tình
- Chủ nhân với nhiều năm kinh nghiệm trực tiếp điều hành công việc
- Đã được sự tín nhiệm của khách hàng trong nhiều năm qua (Có giấy tờ chứng nhận để quý khách xem)

Xin cắt ra cất giữ

Kết Bạn Tâm Tình ngay đêm nay!!!

Xin gọi DUYÊN CALI

1-900-737-2446

TỪ 6 ĐẾN 10 GIỜ MỖI TỐI (GIỜ CALI)

• LÀM QUEN • KẾT BẠN • TÂM SỰ BẰNG ĐIỆN THOẠI

Một phương cách tao nhã và lịch sự để nối nhịp cầu tri âm, để chia xẻ những vui buồn trong cuộc sống

- ♥ Kín đáo nhất
- ♥ Hữu hiệu nhất
- ♥ Nhanh nhất
- ♥ Ít tốn kém nhất

BẠN TRAI GỌI

1-900-737-2446

hoặc 1-900-737-AI GOI

99¢ mỗi 1/2 phút

BẠN GÁI GỌI MIỄN PHÍ: (213) 625-1661

Xin cắt ra cất giữ

Xin cắt ra cất giữ

Xin cắt ra cất giữ

ĐANG PHÁT HÀNH TOÀN BỘ

CÂY CỎ VIỆT NAM

Một công trình 30 năm nghiên cứu của
Giáo sư Thạc sĩ **PHẠM HOÀNG HỘ**, Tiến sĩ Vạn Vật

Quyển I (gồm 2 tập) dày 1263 trang, sẽ mô tả 3570 loài của toàn cõi Việt Nam, từ các loài Khuyết-thực-vật (Ô-rồng, Ráng-đại), Lõa-tử (Thông Đà Lạt), các loài Song-tử-diệp cánh-rời, từ Ngọc-lan, Măng-cầu, qua các loài Xa-cô-chê, Bụp, Ké...đến họ Đậu (Mắc-cỡ, So-đũa). Mỗi loài đều được minh họa bằng nét đen trắng và mô tả đặc-tính chính và công-dụng nếu có, từ các loài ở vùng xa-xôi hẻo lánh như Thông-nước, đến các loài sống quanh ta như Sứ, cổ đại như Bái, trồng như Trà, Bố, Kênáp, nên tránh như Mắt-mèo, nguy-hiểm như Á-phiện, quý chuộng như Răm, Quế, Măng-cầu, Cẩm-lai, ngon bổ như Đậu, So-đũa, thuốc quý như Hòe, Bình-vôi v.v...

Sẽ bán tại các nhà sách lớn và tại Làng-văn, Ottawa.

Tại Hoa Kỳ sẽ bán tại:

Bác Sĩ Phạm Văn Hoàng
9625 Bolsa Avenue, Westminster, CA 92683
ĐT.: (714) 531-8711

Quí vị đại lý sẽ liên lạc về:

Phạm Thị Bạch Nga
29 Palmerston Mont-Royal, Que. H3P 1V1 Canada
ĐT. và Fax: (514) 737-2142

Giá $35/một tập

Cuốn sách đã được độc giả chờ đợi từ lâu.
Tuyển tập truyện ngắn:

NGÀY QUANH QUẨN

của **Trần Long Hồ**

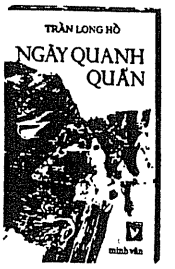

Do nhà xuất bản Minh Văn ấn hành.
Sách in đẹp, trang nhã, với bìa 4 màu của Đinh Cường, tựa của Hồ Trường An, phụ bản của Đinh Cường và Ngọc Dũng, Nguyễn Đình Hùng trình bày.
Quí vị có thể tìm mua sách tại các nhà sách trong vùng hay liên lạc thẳng về:

Nhà xuất bản Minh Văn
P.O. Box 221076
Chantilly, VA 22022
ĐT/FAX: (703) 204-9239

Giá mỗi cuốn là $10.00 US tại Hoa Kỳ, ngoài Hoa Kỳ là $12.00 US. Chi phiếu xin đề MINH VĂN.

Tìm đọc:

SỬ XANH LƯU TRUYỀN

của Quý Linh

"Một cuốn sách hay. Một tuyển tập những mẩu chuyện rút từ lịch sử dân tộc, từ kho tàng văn hóa Đông phương, từ túi khôn của loài người — ngắn gọn, dễ hiểu."

ĐÃ CÓ BÁN TẠI CÁC TIỆM SÁCH KHẮP NƠI

$24.00 MỘT CUỐN

TỔNG PHÁT HÀNH: NGƯỜI VIỆT (714) 892-9414

Bộ Chữ Việt Nam

©Viet Nguyen 1984 ©VN Labs 1991

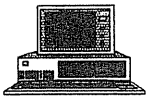

Trên IBM PC & PS/1 & PS/2

Do VN Labs, nơi đầu tiên chế tạo Bộ Chữ Quốc Tế.

Corel Draw
Excel
Dbase III&IV
Foxbase
Micrôsoft Word
PageMaker
PC-Write
Professional Write
Quattro & Quattro Pro
Volkswriter
Wordstar
WordPerfect
Works
Ventura Publisher
vv..

Windows

DOS

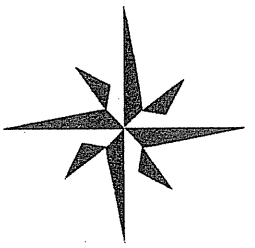

VN Labs
3700 Campus Drive, Suite 202
Newport Beach, CA 92660
Phone (714) 474-6968
FAX (714) 250-8117

Computer tiếng Việt tối tân nhất thị trường

- ☐ **Dùng tiếng Việt với các áp dụng trên DOS V5 và Windows V3:** Corel Draw, Excel, Microsoft Word , PageMaker, Volkswriter, PC-Write, WordPerfect, Ventura Publisher, Dbase, Spreadsheets, vv.. trên mọi loại IBM PC/XT/AT và PS/2, in trên hầu hết các loại dot matrix và laser printers cùng Postscript printers. Chạy với mọi loại display adapters: EGA, CGA, MCGA, VGA, Hercules, Genius, Taxan, WYSE, vv.. Cách xử dụng vô cùng dễ dàng và tiện lợi.
- ☐ **Bộ Chữ Việt Nam do VN Labs** hiện đang được xử dụng tại nhiều cơ sở báo chí và các tổ chức Quốc Tế: Người Việt, SàiGòn Nhỏ, Thế Kỷ 21, Ngày Nay, Lý Tưởng, Liên Hiệp Quốc, Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế, World Vision International, vv..

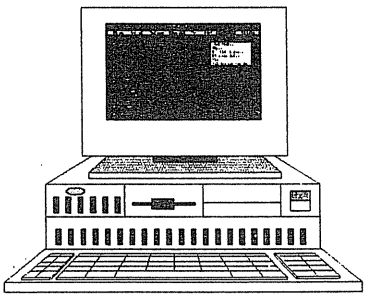

Bộ Chữ VN căn bản DOS	**$125**
Bộ Chữ VN WordPerfect	**$195**
Bộ Chữ VN Ventura	**$195**
Bộ Chữ VN Windows	**$195**

عربي
Ελληνικά
עִבְרִית
Русский

International Desktop

Shipping & Handling : $5 tại Mỹ, $20 Ngoại Quốc

Software lấy bản An Sao $25
(dùng code Bộ Chữ VN Labs)

Nhìn, đánh, in tiếng Việt cho tên tuổi vào Computer và in ra Bản An Sao trong hạn lịch sách 1901 - 2000. In trên dot matrix hoặc Laserjet printer. Vui lòng liên lạc:

Thày Bói tại gia

Lá Số Tử Vi Computer $15

Do Cosmos Systems. Lời giải vô cùng tinh tường. Vui lòng gửi $15 cùng tên, tuổi, địa chỉ, nam hoặc nữ, về Cosmos Systems.

COSMOS SYSTEMS
P.O.Box 2482
Mission Viejo, CA 92690-0482
(714) 582-8233

VN FontsCD 27 kiểu chữ Việt tuyệt vời $159

Dùng với Corel Draw và Windows. Fonts lớn, nhỏ, đủ kiểu, đủ cỡ, tiện cho việc làm tựa đề, ấn loát, bích chương, vv.. có thể chuyển vào Ventura Publisher để layout.

Luật Sư

VŨ QUANG LÂM

ATTORNEY AT LAW

Với Sự Cộng Tác Của Luật Sư

JOSEPH P. DOWNS

Luật Sư tại các Tòa Án Liên Bang Hoa Kỳ,
Tòa Án Tiểu Bang California và Indiana

Phụ Trách:

- **LUẬT DI TRÚ:**
  Đoàn Tụ O.D.P., Di Dân, Nhập Quốc Tịch
- **LUẬT THƯƠNG MẠI:**
  Lập Công Ty, Tổ Hợp, Khế Ước, Thương Vụ, Xuất Nhập Cảng...
- **LUẬT ĐỊA ỐC:**
  Sang, Thuê Nhà Cửa, Cơ Sở Thương Mại
- **HOẠCH ĐỊNH TÀI SẢN:**
  Di Chúc, Thừa Kế, v.v...
- **LUẬT GIA ĐÌNH:**
  Ly Dị, Cấp Dưỡng, Phân Chia Tài Sản
- **HÌNH LUẬT:**
  Say Rượu, Lừa Gạt, Trộm Cắp, v.v...
- **KHAI KHÁNH TẬN TÀI SẢN**
- **LUẬT THUẾ VỤ:**
  Thuế Cá Nhân, Thuế Thương Mại

TAI NẠN XE CỘ

TAI NẠN NGHỀ NGHIỆP

TAI NẠN SIÊU THỊ

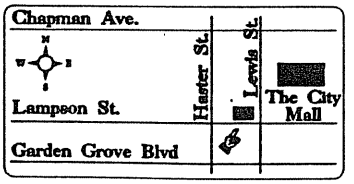

Tham Khảo Miễn Phí

QUÍ VỊ CÓ THỂ THAM KHẢO TRỰC TIẾP VỚI LUẬT SƯ

12431 LEWIS ST., SUITE 102
GARDEN GROVE, CA 92640
(Trong khu Cityview Office Plaza)

Tel: (714) 748-4634

Fax: (714) 748-4637

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Hai - Thứ Bảy: *10 AM - 7 PM*
Chúa Nhật: *Làm việc theo hẹn*

PHÒNG MẠCH BÁC SĨ

VƯƠNG ĐỨC HẬU M.D., F.A.C.O.G., INC.

DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF OB & GYN

* *Bác Sĩ Chuyên Môn Sản Phụ Khoa Việt Nam Board Certified và hành nghề đầu tiên tại California*
* *Giáo sư Đại Học U.C. Irvine, OB-GYN Department*
* *Assistant Clinical Professor tại U.C.I. Medical Center, Khu Sản Phụ Khoa*

14536 BROOKHURST ST., PHÒNG 101 (GÓC HAZARD) WESTMINSTER, CA 92683

CHUYÊN MÔN CHỮA TRỊ

PHỤ KHOA

* Bệnh Đàn Bà - Huyết trắng - Khám bệnh tổng quát phụ nữ
* Kế hoạch hóa gia đình, cột hoặc đốt ống dẫn trứng.
* Sexual Dysfunction. Nhiễm trùng đường tiểu, đau khi có kinh nguyệt
* Kinh nguyệt bất thường, Chảy máu bất thường.
* Bệnh hiếm muộn và giải phẫu bằng tia Laser tối tân
* Giải phẫu bướu tử cung; Sa tử cung; Tử cung và buồng trứng
* Truy tầm ung thư vú
* Giải phẫu sửa nhỏ âm đạo theo ý muốn

SẢN KHOA

* Đỡ đẻ và giải phẫu sanh đẻ
* Giải phẫu cột ống dẫn trứng sau khi sanh
* Văn phòng có trang bị máy Fetal Monitor Ultrasound tối tân để theo dõi thai nhi.

Điện Thoại
(714) 531-5505
XIN VUI LÒNG LẤY HẸN

Bác Sĩ

Đoàn Đức Ban, M.D.

TRUNG TÂM CHUYÊN KHOA BỆNH PHỤ NỮ
WOMEN'S HEALTH CENTER
15663 BROOKHURST STREET
WESTMINSTER, CA 92683
Đ.T.: (714) 839-4988

Tốt nghiệp Y Khoa tại Louisiana State University School of Medicine
Tốt nghiệp Chuyên khoa Sản **Phụ Khoa và Hiếm Muộn** tại Charity Hospital, New Orleans,LSU Medical Center
Hội Viên Y Sĩ Đoàn Hoa Kỳ (A.M.A.)
Hội Viên Hội Chuyên Khoa Sản Phụ Khoa Hoa Kỳ (A.C.O.G)
Hội Viên Hội Sản Phụ Khoa Orange County (OC Society of OB-Gyn)

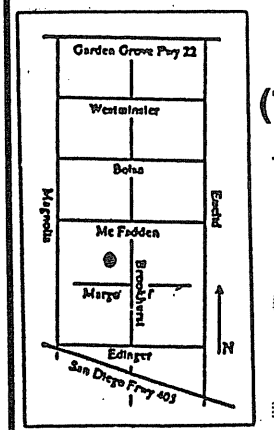

Xin khám bệnh theo hẹn
Điện thoại:
(714) 839-4988

Thứ Hai tới thứ Sáu:
9:30AM - 6:00PM
Thứ Bảy:
9:30AM - 2:30PM

Nhận Medical và Bảo Hiểm

Hướng Dẫn:

* Phòng ngừa và truy tầm các bệnh ung thư của phụ nữ
* Các phương pháp ngừa thai
* Dinh dưỡng

Chuyên Trị:

* Các bệnh phụ nữ, sinh lý, Premenstrual Syndrome (PMS), Hiếm muộn
* Săn sóc Thai kỳ, Đỡ đẻ, Giải phẫu sanh sản (Obstetrical Surgery)
* Chuyên giải phẫu các bệnh Phụ Nữ và Hiếm Muộn (Gynecological Surgery)

Viễn đông
RESTAURANT

Do LÂM QUANG điều hành
Được nổi tiếng trong cộng đồng người Việt khắp năm châu với các món ăn thuần tuý miền Bắc:

1. *Bún chả "Chợ Đồng Xuân"*
2. *Chả cá Thăng Long*
3. *Bún vịt xáo măng*
4. *Bánh Tôm "Cổ Ngư"*
5. *Bún Bung*
6. *Bún Riêu*
7. *Bún giả cầy*
8. *Bún Thang*
9. *Bún Mộc*
10. *Bánh cuốn "Thanh Trì"*
11. *Bún ốc*
13. *Bánh đúc đậu rán*
14. *Đu đủ bò khô "Viễn Đông"*
15. *Miến gà*
16. *Miến lươn*
17. *Chả giò*

ĐẶC BIỆT: CHẢ CÁ THĂNG LONG
BÚN CHẢ ĐỒNG XUÂN
BÁNH TÔM CỔ NGƯ

VIỄN ĐÔNG I
9684 Westminster
Garden Grove, CA 92644
(714) 539-4614
8:30 AM 8:30 PM

VIỄN ĐÔNG II
8966 E. Garvey #C-D
Rosemead, CA 91770
(818) 571-6807
9 AM - 9 PM

NHẬN ĐẶT TIỆC TRÀ
Nghỉ ngày Thứ Ba

MISSION GRAPHICS

Quality Commercial Printers

11562 Trask Avenue • Garden Grove, • California 92643

IN NHANH
GIÁ HẠ
PHẨM CHẤT TỐT

Nhận in
Kinh Sách - Quảng Cáo
Menu - Giấy Tờ Văn Phòng
Bìa Băng Nhạc
Poster - Video

President:
HOÀI BẢO
(714) 534-0253

VĂN PHÒNG LUẬT SƯ VỚI TẦM VÓC QUỐC TẾ

PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG VIỆT NAM

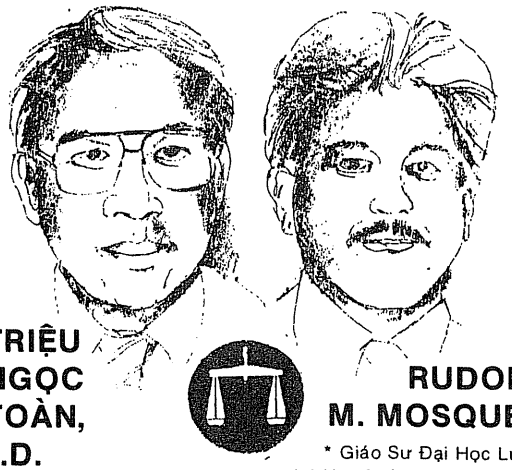

TRIỆU NGỌC TOÀN, J.D.

* Tốt nghiệp Tiến Sĩ Luật Khoa Hoa Kỳ (W.S.U.)
* Giáo Sư 11 Năm Hành Chánh Hoa Kỳ
* Điều Hành Văn Phòng

L.S. RUDOLPH M. MOSQUEDA

* Giáo Sư Đại Học Luật Khoa W.S.U.
* 6 Văn Phòng Đại Diện tại Đông Nam Á
* 5 Văn Phòng tại Orange County, Los Angeles
* Một tổ hợp Luật Sư Chuyên Nghiệp Tai Nạn (P.I.
* Uy Tín Nhiều Năm Với Các Cộng Đồng Á Châu

- **ĐỀN BỒI THƯỜNG TAI NẠN, THƯƠNG TÍCH**
  - * **Vì Xe Cộ:**
    - Văn phòng đảm nhận kéo xe, thuê xe, báo cáo DMV
    - Đòi bồi thường tối đa, nhanh chóng
    - Tham khảo miễn phí
  - * **Trượt Ngã Siêu Thị**
  - * **Sơ Xuất Y Tế**
- **HÌNH LUẬT**
  - Lái xe say rượu, Trộm cắp siêu thị
  - Các tội Tiểu hình, Đại hình
  - Thiếu nhi phạm pháp
- **LUẬT ĐỊA ỐC:**
- **DI TRÚ, ĐOÀN TỤ:**
- **LUẬT THƯƠNG MẠI:**
- **KHAI KHÁNH TẬN, PHÁ SẢN:**
- **LUẬT GIA ĐÌNH:**
  - Ly dị, cấp dưỡng, chia tài sản
- **DI CHÚC THỪA KẾ**

(714) 892-2154
Giờ làm việc
Thứ **2-7: 10AM-7PM**
Chủ Nhật: Theo hẹn.

XIN GỌI ĐỂ QUYỀN LỢI PHÁP LY CỦA QUÝ ĐỘC GIẢ ĐƯỢC BẢO VỆ TỐI ĐA

- **Los Angeles Office**
  3807 Wilshire Blvd., Suite 500
  Los Angeles, CA 90010
  Toll Free: **1-800-331-4725**

- **Westminster Office:**
  9211 Bolsa Ave., suite 222
  Westminster, CA 92683
  (Cạnh Siêu Thị 99)

Phòng Mạch đầu tiên về **NHI KHOA tại VAN NUYS**
6900 Van Nuys Blvd. Suite # 7 - Van Nuys - CA 91405
Tel: (818) 989-2406 - (818) 989-2407
(Cạnh Pharmacy of Phan's - Cạnh nhà sĩ Phan Mỹ Hạnh)

B.S. LÊ PHƯỚC LỘC
Richard Le, M.D.

- *American Board of Pediatrics.*
- *Bác sĩ thường trú Bệnh Viện Valley Presbyterian.*
- *Bác sĩ thường trú Bệnh Viện Valley Medical Center.*

NHI KHOA & Y KHOA TỔNG QUÁT

- *Tốt nghiệp Michael Reese Hosp. Med. Center, Univ. of Chicago, Illinois.*
- *Nguyên nội trú Tulane Med. Center, Univ. of Tulane, New Orleans.*
- *Nguyên thường trú White Memorial Med. Center, Univ. of Loma Linda, Los Angeles.*
- *Hội viên Y Sĩ Đoàn Hoa Kỳ từ 1985.*
- *Hội viên trung cấp Hàn Lâm Viện Nhi Khoa Hoa Kỳ.*
- *Từng hành nghề tại New Orleans từ 1984-1985.*

Chuyên trị:

- **Các bệnh trẻ em liên quan đến tăng trưởng - tiêu hoá - hô hấp - xương khớp - biến dưỡng nội tiết - thận - gan - thiếu máu.**
- **Các bệnh người lớn - đau nhức - đau đầu - đau ngực - phong thấp - ho - suyễn - táo bón - hô hấp - các bệnh người già.**
- **Các bệnh dinh dưỡng - các bệnh phụ khoa - các bệnh thanh thiếu niên.**
- **Các thương tích tai nạn nghề nghiệp.**

Đặc Điểm: Phòng mạch có máy điều hoà không khí, trang bị dụng cụ tối tân. Điện tâm đồ.
- Đo thính lực, phân tích máu - nước tiểu. Đo nhãn lực.
- Bần đảm không chờ lâu & có thể tham khảo trực tiếp bất cứ lúc nào bằng điện thoại. Bãi đậu xe rộng rãi.

Đặc Biệt:

- Khám và trị bệnh trẻ sơ sanh Việt/Mên/Lào/Hoa.
- Chích ngừa và khám nhập học FREE.
- Khám sức khoẻ định kỳ (CHDP) nếu lợi tức thấp FREE.
- Lập giấy sức khoẻ tiền hôn nhân.
- Nhận làm bác sĩ gia đình.
- Hợp tác với chương trình bổng sữa WIC.
- Trực tiếp điều trị liên tục nếu nhập viện tại vùng Van Nuys.
- Giới thiệu chuyên khoa nếu cần

Nhận **MEDICAL** và **BẢO HIỂM**

Giờ Làm Việc:
Thứ Hai đến Thứ Sáu:
9AM-7PM
Thứ Bẩy: 9AM-5PM
Chủ Nhật: nghỉ

Bác Sĩ
NGUYỄN DUY CUNG
Giải Phẫu Thẩm Mỹ

PHÒNG MẠCH:
14441 Brookhurst St. #2
Garden Grove, CA 92643
(góc đường Hazard)
Liên lạc cô Xuân Uyên (714) 775-3718

Nữ Bác Sĩ Nha Khoa
Nguyễn Thị Ngọc Sương
14265 Brookhurst Street
Garden Grove, CA 92643
Tel: (714) 531-2773

Thế Kỷ 21
14841 Moran Street
Westminster, CA 92683, U.S.A.
(714) 892-9414

Ngày _____

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

Họ Tên: _____

Địa Chỉ: _____

City: _____ State _____ Zip _____

Country: _____ Số bưu chính: _____

Xin đặt mua dài hạn báo **Thế Kỷ 21:** Điện thoại: _____

☐ 6 số báo ☐ 12 số báo ☐ 24 số báo Kể từ tháng _____ năm _____

Kèm theo đây là check/money order

mang số tiền: $US _____ Ký tên: _____

Giá mua dài hạn:	Bulk Rate (Mỹ)	First Class (Mỹ)	Canada	Âu Châu	Á/Phi/Úc Châu
6 số báo	$ 15	$ 22	US$ 23	US$ 32	US$ 37
12 số báo	$ 28	$ 42	US$ 44	US$ 62	US$ 72
24 số báo	$ 54	$ 82	US$ 86	US$ 122	US$ 142

Thanh Lịch! Tao Nhã!

Quà Xuân tặng người thân, bạn bè:
Không gì bằng những tác phẩm văn chương và âm nhạc!
Nhà xuất bản Người Việt đã dành sẵn quý bạn 6 tác phẩm mới nhất.
Giảm giá 50% và sẽ gửi đi khắp thế giới theo yêu cầu của các bạn.
(Ngoài Hoa Kỳ thêm 1 đô la)

Xin gọi Bà **LOAN ĐỖ (714) 892-9414**

Giá: $10.00

Giá: $12.00

Giá: $12.00

Giá: $14.00

Giá: $11.00

Giá: $10.00

BULK RATE
US POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT No 23

TRUNG TÂM QUANG TUYẾN
WESTMINSTER
Bác Sĩ LÊ VĂN GIAO,M.D.
ABR - FACR - FACNM

**CHUYÊN KHOA QUANG TUYẾN
ĐỒNG VỊ PHÓNG XẠ
VÀ TRUY TẦM UNG THƯ NGỰC**

10051 Bolsa Avenue, # A-2
Westminster, CA 92683
(Góc Bolsa và Brookhurst)

(714) 839-4311 / 839-4321

- **Tốt nghiệp Y Khoa Bác Sĩ tại Đại Học Y Khoa Utah**
- **Cựu Nội Trú Nội thương và Ngoại thương Đại Học Y Khoa USC**
- **Tốt nghiệp chuyên khoa Quang Tuyến Đại Học Y Khoa USC**
- **Nguyên Giảng Viên và Bác Sĩ Trưởng các Bác Sĩ thường trú Đại Học Y Khoa USC**
- **Hậu Đại Học Đồng Vị Phóng Xạ (Nuclear Medicine) tại Đại Học Y Khoa USC.**
- **Chuyên khoa đặc biệt về Truy Tầm và Trị Liệu Ung Thư Ngực tại UCLA**
- **Nguyên Bác Sĩ Trưởng Khu Quang Tuyến cho CIGNA HEALTH PLAN**
- **Hiện là Bác Sĩ Quang Tuyến tại nhà thương FHP và Fountain Valley**

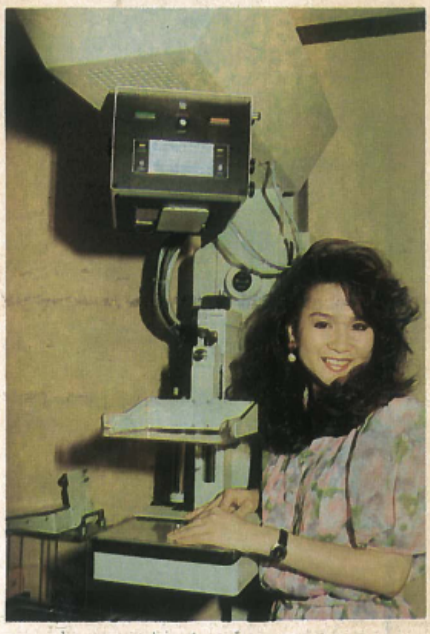

Những máy móc tối tân định các bệnh: Sản Phụ Khoa, Trẻ Em, Chứng bệnh Cấp Tính và Kinh Niên, Người Lớn.

- **TRUY TẦM VÀ HỢP TÁC VỚI CÁC BÁC SĨ CHUYÊN MÔN ĐỂ TRỊ LIỆU CÁC BỆNH UNG THƯ NGỰC, CỔ, TỬ CUNG, BAO TỬ, RUỘT, PHỔI, v.v...**

Dùng máy Quang Tuyến tối tân bậc nhất, chuyên chỉ để chụp hình Ngực vô cùng chính xác, và giảm thiểu độ phóng xạ trên cơ thể bệnh nhân đến mức tối thiểu hầu như không đáng kể

Giá **3.00 Mỹ Kim**. Ngoài Hoa Kỳ , thêm **1.00 MK**.